

THIÊN NHIÊN HUYỀN BÍ

Tác giả:

H.P. BLAVATSKY

Nguyên tác:

ISIS UNVEILED

NGUYỄN HỮU KIẾT lược dịch

“Người không thể cho là điên khùng, những điều mà người tỏ ra không biết gì cả.”

(TERTULLIAN)

“Đây không phải là vấn đề của ngày hôm nay,
Hay của ngày hôm qua, mà nó đã có tự muôn đời;
Và không ai đã từng nói cho chúng ta biết,
Nó đến từ đâu, hay bằng cách nào”

(SOPHOCLES)

“Đức tin nơi siêu nhiên là một sự kiện tự nhiên, cổ sơ, đại đồng và diễn ra trong đời sống và lịch sử loài người. Không tin nơi siêu nhiên phát sinh ra chủ nghĩa duy vật; óc duy vật sinh ra lòng tham dục; lòng tham dục sinh ra những cơn biến loạn xã hội; và giữa những cơn thảm họa tai ương, con người lại bắt đầu tin tưởng và cầu nguyện.”

(GUIZOT)

“Nếu có ai cho rằng những điều này thể tin được, y hãy giữ lấy quan niệm riêng của mình và đừng chống báng những người nhờ đó mà được thúc đẩy bước vào con đường đạo hạnh.”

(JOSEPHUS)

LỜI NÓI ĐẦU



Bộ sách này mà hôm nay chúng tôi đưa ra cho công chúng thẩm xét là kết quả công trình học Đạo của chúng tôi với các Đấng Chân Sư của Phương Đông. Nó được đưa ra cho những người sẵn sàng chấp nhận sự thật bất cứ ở đâu và sẵn sàng bênh vực chân lý, dù cho phải đương đầu với thành kiến của người đời. Nó có mục đích giúp người học Đạo tìm ra những nguyên tắc căn bản nòng cốt của những triết hệ cổ xưa.

Sách này được viết ra với một sự thành thật hoàn toàn để chứng minh và nói lên sự thật mà không có ác ý hay thành kiến. Nhưng nó không tha thứ cho sự lầm lạc ngoan cố, cũng không kiêng nể mọi thế lực uy tín giả tạo. Nó chỉ mong ước làm sáng tỏ và bênh vực giá trị của những chân lý cổ truyền từ lâu đã bị mai một và đắm chìm trong quên lãng. Nếu đôi khi nó có lên giọng chỉ trích một vài hình thức tôn sùng, tín ngưỡng hay giả thuyết khoa học thì cũng không ngoài cái tinh thần bênh vực chân lý nói trên. Những cá nhân, hội đảng, chi phái hay triết hệ nọ kia chỉ là những hiện tượng phù du, giả tạm trong từng giai đoạn của lịch trình tiến hóa. Chỉ có **CHÂN LÝ** độc nhất vô nhị, lâu lâu chói rạng trên đỉnh cao bất khả xâm phạm mới là tối thượng, bất dịch và trường cửu muôn đời.

Chúng tôi không tin nơi một huyền thuật nào vượt ngoài khả năng và tầm mức của trí tuệ con người, hoặc một “phép mầu” nào, dù là thiêng liêng hay tà mị nếu đó là những gì vi phạm những

định luật Thiên nhiên bất biến trải qua giòng thời gian vô tận. Nhưng chúng tôi chấp nhận quan niệm cho rằng con người chưa biểu lộ hết tất cả mọi khả năng của mình, và chúng ta chưa đạt tới, thậm chí cũng chưa hiểu biết tầm mức phát triển của những quyền năng của con người tới giới hạn nào. Có phải chăng là một điều quá đáng nếu tin rằng con người còn phải phát triển những khả năng xúc cảm mới nữa và một mối liên quan chặt chẽ hơn với thiên nhiên ? Thuyết tiến hóa, nếu hiểu tới chỗ rốt ráo cùng tột, phải đưa chúng ta tới kết luận đó.

Trong thời gian qua, khi chúng tôi đi du hành lần đầu tiên sang phương Đông và có dịp thám hiểm những nơi đền miếu cổ xưa hoang phế, điêu tàn nay không còn chân người bước đến, chúng tôi bị dày vò bởi những tư tưởng luôn luôn lẩn vẩn trong tâm trí: “Thượng Đế là ai, là gì, và ở đâu ? Có ai đã từng chứng nghiệm cái Tinh thần bất diệt trong con người để có thể chắc rằng linh hồn con người là bất tử?”

Chính trong khi chúng tôi đang tự cố gắng giải đáp những vấn đề khó khăn đó thì chúng tôi được tiếp xúc với những vị Toàn giác, Toàn thông và có những quyền năng thần bí mà người ta gọi là những bậc Chân Sư, Hiền triết của phương Đông. Chúng tôi sẵn sàng thụ huấn với các Ngài. Các Ngài dạy rằng bằng cách phối hợp khoa học với tôn giáo, sự hiện hữu của Thượng Đế và tính chất bất tử của linh hồn có thể được chứng minh rõ ràng như một bài toán Số học của Euclide. Lần đầu tiên, chúng tôi được dạy rằng, triết học Đạo lý Đông Phương muốn được hiểu rõ, chỉ cần có một đức tin vững chắc nơi sự Toàn năng của Chơn Ngã bất diệt trong con người. Chúng tôi được dạy rằng, sự Toàn năng đó là do bởi tính chất đồng thể của linh hồn con người với Đại hồn của Vũ trụ, tức là Thượng Đế. Các Ngài dạy rằng Đại hồn hay Đại Ngã chỉ có thể được chứng minh bằng linh hồn hay Tiểu Ngã của con người. Tiểu Ngã của con người chứng minh cho Đại Ngã của Thượng Đế, cũng ví như một giọt nước là bằng chứng xác nhận

rằng có cái nguồn gốc sinh ra giọt nước ấy. Ta hãy nói với một người chưa hề thấy nước rằng vốn có một biển đại dương chứa nước, thì hoặc là y chấp nhận điều đó do đức tin, hoặc y sẽ bác bỏ hoàn toàn như một điều bịa đặt. Nhưng nếu ta nhều một giọt nước trên bàn tay của y thì chừng đó y đã có một sự kiện cụ thể để truy nguyên ra nơi xuất xứ của nó. Sau đó, y sẽ có thể lần hồi từng giai đoạn hiểu rằng tất phải có một đại dương vô biên và sâu thẳm chứa đầy nước, là cái nguồn sinh ra giọt nước kia. Một đức tin mù quáng không còn cần thiết nữa; y sẽ thay thế nó bằng sự hiểu biết. Khi người ta thấy một người phàm có khả năng siêu việt, chế ngự được những sức mạnh thiên nhiên và khai mở trước tâm hồn quang của mình cả một thế giới huyền bí, vô hình, họ sẽ quả quyết rằng nếu Chơn Ngã tâm linh của một người có thể làm được như vậy thì Đại Ngã vô biên của Thượng Đế còn là Toàn năng đến đâu, cũng ví như cái tiềm lực bao la vĩ đại của biển đại dương so với giọt nước nhỏ bé đọng trên lòng bàn tay. Chúng nghiệm những quyền năng siêu việt của linh hồn con người tức là chứng minh được Thượng Đế.

Trên đường học Đạo, chúng tôi nhận thức rằng những điều huyền bí trước kia nay không còn là huyền bí nữa. Những điều mà người Âu Tây vẫn cho là huyền thoại hoang đường được chứng minh như những sự kiện có thật. Trên phương diện tinh thần, chúng tôi đã kính cẩn bước vào đền ISIS để vén bức màn bí mật phủ kín gương mặt vị Nữ thần Ai Cập tượng trưng cho Minh triết thiêng liêng, gìn giữ kho tàng hiểu biết thâm sâu về Thiên Cơ huyền bí. Nhờ đó, trước mắt chúng tôi, tính chất uy quyền, độc đoán của khoa học, thần học, của tất cả mọi giả thuyết, mọi quan niệm xuất xứ từ sự hiểu biết thiếu sót, bất toàn của con người đều vĩnh viễn tiêu tan như mây khói. Sự hiểu biết đó quý vô giá, nó chỉ ẩn giấu đối với những người tai phàm mắt thịt, chỉ nhìn nó với thái độ thờ ơ, nhạo báng hay phủ nhận.

Quyển sách này được công bố với mục đích dẹp tan mọi sự lầm lạc, mọi thành kiến chật hẹp, mọi tín điều độc đoán, vô minh và nêu cao ngọn đuốc của Chân Lý.



ĐỊNH NGHĨA DANH TỪ



Để tránh sự lầm lẫn có thể xảy ra do việc sử dụng những danh từ chuyên môn về Triết học và Đạo học với những ý nghĩa mà độc giả chưa quen thuộc, hoặc quen hiểu theo một ý nghĩa khác hẳn, chúng tôi có vài lời giải thích về một số từ ngữ thường dùng trong bộ sách này. Chúng tôi ước mong không bỏ sót một điều gì có thể là một duyên cớ cho sự hiểu lầm hay quan niệm sai. Thí dụ như từ ngữ “Phương thuật” (Magic) có thể được một hạng độc giả hiểu theo một cách và một hạng độc giả khác hiểu với một ý nghĩa khác. Chúng tôi sẽ quy định cho nó cái ý nghĩa theo quan niệm của những Đạo gia và Thuật sĩ thực hành khoa ấy ở Phương Đông. Điều ấy cũng áp dụng cho những từ ngữ khác như: Huyền học, Huyền môn, Chân Sư, Đạo trưởng, Đạo đồ, Thuật sĩ, Phù thủy vv... Tuy rằng giữa những từ ngữ ấy thường chỉ có một sự sai biệt rất nhỏ, không đáng kể, nhưng dù sao, đó cũng là một điều hữu ích để cho quý độc giả có một ý kiến đúng đắn và chính xác. Chúng tôi xin nêu ra dưới đây vài từ ngữ chuyên môn theo thứ tự nguyên âm chữ cái.

Althrobscy = KHINH THÂN. Chữ Hy lạp, có nghĩa là thuật nâng nhẹ thân mình hay đi trên không khí (Anh ngữ là Levitation). Thuật khinh thân có thể hữu thức hay vô thức. Nếu hữu thức, đó là một quyền năng của phương thuật; nếu vô thức, đó có thể là do bệnh tật, hoặc là do một loại quyền năng khác cần được giải thích thêm.

Quả Địa cầu là một vật thể chứa từ điện; thật vậy, vài nhà bác học đã phát hiện rằng Trái Đất là một khối từ thạch khổng lồ, đúng như Paracelse đã khẳng định từ 300 năm về trước. Nói chung, Trái đất chứa điện dương còn thể xác của con người, cũng như mọi vật thể khác, chứa điện âm. Trọng lượng của mọi vật thể chỉ là do sức thu hút của Trái Đất. Theo định luật điện khí, hai vật thể có điện cực giống nhau sẽ xô đẩy nhau, còn những vật thể có điện cực khác nhau sẽ thu hút lẫn nhau. Do định luật đó mà có sự thu hút giữa Trái Đất và những vật thể hữu cơ cũng như vô cơ, nó khiến cho mọi vật đều ở trên mặt đất. Nhưng trong nhiều trường hợp, luật hấp dẫn đã bị đảo lộn bởi hiện tượng khinh thân của người và vật; đó là lý do tại sao các triết gia của phái Thông Thần nói rằng tình trạng thể chất của con người phần lớn tùy thuộc nơi tác động của ý chí. Nếu biết điều chỉnh đúng cách, nó sẽ có thể làm những phép lạ, trong đó có việc thay đổi điện cực từ âm sang dương. Chẳng đó, mối quan hệ giữa con người với Trái Đất sẽ trở thành động tác xô đẩy nhau và sức “thu hút” của Trái Đất đối với y sẽ không còn nữa. Chẳng đó, lẽ tự nhiên, người ấy sẽ thăng lên không khí cho đến khi nào sức mạnh xô đẩy kia tàn lụi dần và y lại từ từ hạ xuống mặt đất. Chiều cao khỏi mặt đất trong lúc khinh thân cao hay thấp sẽ tùy nơi khả năng hấp thu điện dương nhiều hay ít vào cơ thể của y. Một khi con người đã có khả năng kiểm chế được những sức mạnh vật chất thì y có thể thay đổi mức độ khinh thân của y cho lên cao, xuống thấp, hoặc di chuyển trong không gian một cách dễ dàng tùy ý muốn.

- **Alchemists = PHÁI LUYỆN KIM** - Do chữ gốc “KHEM” là Lửa. Một phái huyền môn thời Trung cổ gồm những đạo gia danh tiếng như Robert Fludd, Paracelse, Thomas Vaughan (Philalethes), Van Helmont và nhiều vị khác, tìm cách phát hiện cái tinh thần ẩn tàng trong mọi vật chất vô cơ. Nguồn gốc môn phái này có thể truy nguyên đến tận những thời kỳ cổ xưa nhất. Vài nhà luyện kim khác như Roger Bacon, Agrippa Cornélius,

Henry Kunrath và Geber là những nhà phương sĩ đầu tiên đã du nhập vào Âu châu vài bí quyết của ngành Hóa học. Những nhà bác học cận đại đang cải tổ lại khoa vật lý trên căn bản lý thuyết nguyên tử của Demokrite, quên rằng triết gia Hy Lạp này vốn là một học giả của phái Luyện Kim, và một trí óc có khả năng đi sâu vào những tác động bí ẩn của thiên nhiên như ông hẳn là phải có lý do vững chắc để tìm tòi khảo cứu về khoa Huyền môn Ai Cập của Hermès.

- **Astral light = TINH QUANG**. Trên khía cạnh vật chất, đó là chất Dĩ thái (Ether) của khoa học hiện đại. Về phương diện siêu hình và theo ý nghĩa huyền học tâm linh, chất dĩ thái này còn có ý nghĩa bao la, huyền diệu hơn nhiều. Các đạo gia phái Luyện Kim và Huyền môn Ai Cập cho rằng đó là cái khí lực sáng tạo của Thiên nhiên và toàn thể vũ trụ trên phương diện tâm linh cũng như vật chất. Khí lực huyền diệu đó tác động trong những hiện tượng chữa bệnh, truyền nhân điện, khinh thân của người và vật; và có thể gọi là dĩ thái trên khía cạnh tinh thần. Tinh quang cũng đồng nghĩa với Akâsha, một danh từ Phạn ngữ Ấn Độ mà chúng tôi sẽ giải thích dưới đây.

- **Akâsha = TIÊN THIÊN KHÍ**. Theo kinh Vệ Đà, cách đây 5.000 năm, người Ấn Độ đã từng biết rõ về chất tinh quang và những đặc tính của nó. Họ coi tinh quang như nguồn gốc của sự sống, kho dự trữ của mọi năng lực và động cơ tạo nên mọi sự biến đổi của vật chất. Trong trạng thái tiềm ẩn, nó thật đúng khớp với quan niệm của chúng ta về chất dĩ thái của vũ trụ; trong trạng thái hoạt động, nó trở nên chất Akâsha, mà người Ấn Độ quan niệm như một khí lực toàn năng điều khiển tất cả mọi động tác trong thiên nhiên.

- **Akâshic Records = TIÊN THIÊN KHÍ ẢNH**. Chất Akâsha có tác dụng như một cuộn phim điện ảnh, trên đó được ghi nhận một cách rõ ràng không bao giờ mất những âm thanh, ánh

sáng cùng mọi hành vi, tư tưởng của con người và tất cả mọi sự gì xảy ra trong vũ trụ từ thuở Vô cực. Chính nhờ có sự ghi nhận huyền diệu đó, gọi là Tiên thiên khí ảnh hay ký ức của Thiên nhiên (Pháp ngữ: Clichés Akashiques hay Mémoire de la Nature) mà những vị có Thần nhãn có thể nhìn thấy dĩ vãng như xem một cuốn phim chiếu bóng dẫu cho những sự việc đã xảy ra cách bao lâu trong quá khứ.

- **Chaldéa** - Tên một xứ vùng Trung Đông, cũng gọi là Babylonia, trung tâm một nền văn minh cổ rất nổi tiếng về ngành phương thuật, khoa huyền môn Kabala và khoa thiên văn bí truyền. Thủ đô Babylone đã lừng danh trong lịch sử như trung tâm của một thời đại văn minh vĩ đại huy hoàng. Quyển Sấm Ngôn Chaldée (Chaldean Oracles) xuất xứ tại nơi này.

- **Daemons** = **VONG LINH, ÂM HỒN**. Danh từ thông dụng của các dân tộc cổ xưa, nhất là các triết gia môn phái Alexandrie để chỉ tất cả mọi loại vong linh, tốt lành hay bất hảo, của thế giới loài người hay thuộc các cõi khác.

- **Elementals** = **TINH LINH NGŨ HÀNH**. Những sinh vật xuất xứ từ Tứ Đại hay bốn loại nguyên tố Đất, Nước, Lửa, Gió trong thiên nhiên mà huyền môn Kabala gọi là Thổ tinh (Gnomes), Thủy tinh (Undines), Hỏa tinh (Salamanders) và Không tinh (Sylphs). Chúng có thể được coi như những sức mạnh thiên nhiên tác động như những khí cụ thừa hành của định luật vũ trụ, hoặc được sử dụng bởi những vong linh người chết - thanh khiết hay nặng trọc - và bởi những vị pháp sư, phù thủy (Bạch phái hay Hắc phái), để tạo nên những hiện tượng nhiệm mầu tùy theo ý muốn. Những loại tinh linh này không bao giờ trở thành người.

- **Elementaries** = **VONG LINH ĐẠO LẠC**. Đó là những linh hồn thoát xác của những người sa đọa, trụy lạc. Những linh hồn này hồi thuở sinh tiền vì quá nặng trọc và thuần vật chất, đã tự tách rời khỏi phần tinh thần thiêng liêng của họ và đã mất

triển vọng trở nên bất tử. Sau khi từ trần, những thể cảm dục của họ bị thu hút mãnh liệt xuống gần quả Địa cầu và tạm thời sống vất vưởng một đời sống hạn hẹp giữa những cảnh giới nặng nề, hắc ám nhất của cõi cảm dục, phù hợp với tính chất ô trược, xấu xa của họ. Vì hồi thuở sinh tiền, họ không hề vun trồng sự sống tâm linh mà bị lệ thuộc vật chất nặng trịch nên bây giờ họ không thích hợp với đời sống trên các cảnh giới thanh cao, thoát tục của những người tốt lành, thánh thiện, mà đối với những người này, bầu không khí của cõi giới hồng trần thật là nặng nề, khó thở và không thể chịu nổi. Sau một thời gian dài ngắn không chừng, tùy nơi mức độ sa đọa của họ nhiều hay ít, những thể cảm dục của họ bắt đầu tan rã và sau cùng biến tan và hoà lẫn với chất khí của cõi cảm dục.

- **Essènes** - Một chi phái Do Thái mà sử gia Plin cho rằng đã từng sống trên vùng Cận Đông gần Biển Chết (Dead Sea) trong nhiều ngàn năm. Vài học giả cho rằng họ là dòng dõi của Benim nabim trong Kinh Thánh. Eusèbe và De Quincey nói rằng họ chính là những người Do Thái đầu tiên.

- **Evolution = TIẾN HÓA**. Sự phát triển của những loài sinh vật từ trình độ thấp kém lên những trình độ cao hơn. Khoa học hiện đại chỉ giải thích có một khía cạnh tiến hóa vật chất và dè dặt tránh né khía cạnh tiến hóa tâm linh vì nếu bàn về điều này, họ sẽ bắt buộc phải tự thú nhận là kém xa trí thức uyên thâm của các triết gia và đạo gia thời cổ. Các bậc hiền triết cổ xưa nâng cao tâm thức lên cái **Bất Khả Tri**, đặt khởi điểm từ sự biểu lộ đầu tiên của Vô cực và do một sự lý luận chính xác, chặt chẽ, bắt đầu từ cái **Đệ Nhất Nguyên Nhân** tuyệt đối cần thiết là một **Đấng Sáng tạo** nên **Càn khôn Vũ trụ**. Đối với các bậc ấy, sự Tiến hóa bắt đầu từ tinh thần thuần túy từ trên cao lần lần càng giáng xuống thấp hơn, sau cùng, khoắc lấy một hình thể nhất định có thể cảm xúc và hiểu biết được và trở nên vật chất. Đạt tới điểm đó, họ mới lý luận

theo phương pháp của Darwin nhưng trên một nền tảng rộng rãi, bao quát hơn nhiều...

- **Hermès** - Nhân vật huyền sử Ai cập, cũng được biết dưới danh hiệu THOTH, được coi như vị thần Minh triết, Thánh Su, Giáo chủ xứ cổ Ai Cập.

- **Hierophant** = **ĐẠO TRƯỞNG**. Vị truyền thụ bí pháp thiêng liêng. Trong những cuộc lễ Điểm đạo huyền môn, Ngài là vị Trưởng thượng của các bậc Đạo đồ, giải thích mật pháp bí truyền cho các vị đệ tử mới được điểm đạo. Thời cổ, mỗi quốc gia phương Đông đều có những tổ chức huyền môn và những vị Đạo trưởng của họ. Ở Ấn Độ có nhiều vị Đạo trưởng ở rải rác khắp nơi trong xứ, có nhiệm vụ thiêng liêng nơi các đền thờ và được biết dưới danh hiệu Brahma-Atmas (Đại diện tâm linh của Brahma). Ở Tây Tạng, vị Đạo trưởng chính là Đức Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama), nhà lãnh đạo tinh thần tối cao của dân tộc Tây Tạng.

- **Initiates** = **ĐẠO ĐỒ**. Thời cổ xưa, những vị đệ tử Huyền môn được truyền thụ mật pháp bí truyền trong những cuộc lễ Điểm đạo do những bậc Đạo Trưởng chủ tọa. Thời nay, cổ tục này vẫn còn áp dụng tuy có ít nhiều sự khác biệt về phần hình thức.

- **KABALA** - Danh từ Hi Bá Lai (Do thái) có nghĩa là truyền thống Huyền môn được giảng dạy bằng lối truyền khẩu. Người môn đồ giáo phái này được truyền thụ bí pháp để diễn đạt ý nghĩa ẩn dấu của các Thánh Kinh bằng giáo lý biểu tượng của huyền môn Kabala. Những môn đồ đầu tiên của huyền môn Kabala là những vị Tanaim của dân tộc Do Thái, xuất hiện ở Jerusalem vào đầu thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Những Thánh thư Ezekiel, Daniel, Henoch và Khải thị của Thánh John đều là giáo lý Kabala thuần túy. Giáo lý bí truyền Kabala cũng giống như giáo lý huyền môn Chaldée, đồng thời cũng gồm một phần lớn nền phương thuật xứ Ba Tư.

- **Magician** = **PHƯƠNG SĨ, THUẬT SĨ**. Do chữ gốc Magh, hay Phạm ngữ Ấn Độ Maha: lớn; một người sở đắc các pháp bí truyền, người thực hành khoa Phương thuật. Thời xưa, danh từ này được dùng với ý nghĩa trọng vọng, kính nể những bậc thức giả đạo hạnh tinh thâm, nhưng về sau, do sự truyền giảng của các giáo chức và sự hiểu lầm của đám quần chúng đại dốt, mê tín, ý nghĩa ấy đã bị hạ thấp để chỉ những người làm trò ảo thuật, những kẻ lường gạt, bịp đời, hay những người hành nghề phù thủy.

- **Materialization** = **HIỆN HÌNH**. Một danh từ do các nhà thần linh học tạm dùng để chỉ hiện tượng “một vong linh khoác lấy một hình thể vật chất”. Khi nào tính chất thật sự của những hiện tượng đó được hiểu rõ hơn thì một danh từ thích nghi hơn chắc sẽ được áp dụng. Gọi đó là những vong linh hiện hình là điều không thể chấp nhận vì đó không phải là những vong linh thật sự mà chỉ là những hình nộm giả tạo được làm cho cử động bằng quyền năng phương thuật.

- **Mysteries** = **HUYỀN MÔN**. Pháp môn bí truyền được giảng dạy cho các môn đồ ưu tú và chọn lọc về nguồn gốc của muôn loài vạn vật, tính chất của linh hồn, mối tương quan giữa linh hồn và thể xác, phương pháp tinh luyện để đưa linh hồn trở về trạng thái tâm linh cao cả, siêu việt. Vấn đề này sẽ được trình bày đầy đủ trong những chương sau.

- **Mystics** = Những vị chân tu đắc pháp, đã thấu triệt chân lý. Cũng áp dụng cho những người tin tưởng nơi một sự cảm thông trực tiếp với Thượng Đế từ bên trong nội tâm, giống như nguồn cảm hứng thiêng liêng huyền diệu của các nhà tiên tri.

- **Occultism** = **HUYỀN HỌC**. Nhà Huyền học (Occultist) là người khảo cứu các ngành khoa học huyền bí. Huyền học bao gồm việc nghiên cứu toàn thể các hiện tượng huyền bí thuộc mọi lĩnh vực tâm lý, sinh lý, vũ trụ, thể chất và tâm linh. Do chữ gốc “Occult” là bí mật, ẩn dấu, danh từ huyền học được áp dụng cho sự

học hỏi, sâu tầm về các khoa huyền môn Kabala, chiêm tinh, luyện kim và tất cả mọi ngành học thuật bí truyền.

- **Pagan Gods** = **THẦN LINH**. Một danh từ bao hàm nhiều ý nghĩa rất co dãn, có khi dùng để chỉ các Đấng Tinh quân, Thiên thần, hay vong linh đã thoát xác của các bậc vĩ nhân, anh hùng, liệt sĩ. Theo quan niệm thông thường của những vị tư tế các đền thờ, giáo sĩ Bà la môn, Phương sĩ đạo Hỏa giáo, đạo trưởng Huyền môn Ai cập, triết gia Hy Lạp, danh từ Thần linh chỉ có ý nghĩa là sự biểu lộ hữu hình hay có thể cảm xúc được qua một tiềm năng thiên nhiên. Những tiềm năng bí ẩn đó được kêu gọi, thỉnh cầu dưới danh hiệu của những vị thần, nói cách khác, là dưới hình thức nhân cách hóa bởi các vị thần linh. Như vậy, mỗi vị thần trong vô số chư thiên của Ấn giáo, và những tôn giáo phiếm thần Hy Lạp và Ai Cập chỉ là những tiềm năng bí ẩn của Vũ trụ Vô hình. Những vị thần linh đó, dưới hình thức biểu tượng, được coi như những vị đại diện thiêng liêng của Đấng Tối Cao, còn vị Tư tế (Bà la Môn) là người tiêu biểu cho quyền năng của Brahma (Phạm thiên) ở dưới thế gian. Với tư cách đại diện của cái quyền năng đó, y trở nên một vị sứ giả nắm giữ quyền pháp thiêng liêng trong khi hành lễ tôn giáo.

- **SOMA** - Một loại “thánh thủy” dùng trong nghi lễ tôn giáo của Ấn Độ, có tác dụng huyền diệu giống như nước cam lồ, tinh thủy (nectar, ambrosia) của Hy Lạp mà các vị thần trên núi Olympe thường dùng. Trong cuộc lễ điểm đạo của tôn giáo Vệ Đà thời cổ, người đạo đồ được cho uống nước thánh Soma và trở nên một người mới. Y được biến đổi hoàn toàn, cũng như được tái sinh trở lại, tính chất tâm linh của y thăng đoạt được phần thể chất. Nước thánh Soma ban cho y nguồn cảm hứng thiêng liêng, phát triển tối đa khả năng linh thị và giúp cho y cảm nhận được niềm phúc lạc vô biên của Trời ngay trong đời sống hiện tại. Theo sự giải thích của người Ấn Độ, Soma là một loại cây cỏ, nhưng cái bí quyết chế ra loại “thánh thủy” Soma ấy ngày nay đã mất. Trong những cuộc

hành lễ tôn giáo ngày nay, các vị tư tế Bà La Môn dùng một thứ ruợu lễ để thay thế vào, và bằng cách niệm chân ngôn, thần chú, ruợu lễ ấy được coi như có tác dụng giống như của nước thánh Soma chính hiệu.

- **Theurgy = THUẬT THÔNG THẦN.** Phái Thông thần đầu tiên của thời đại này là do đạo sư Jamblique sáng lập trong môn phái Tân Bá Lạp Đồ (Neo-Platonism) ở thành Alexandrie (Ai cập) hồi thế kỷ thứ 3 C.N. Trước đó, từ những thời đại cổ xưa nhất, thuật Thông Thần đã từng được thực hành trong những đền thờ cổ Ai cập, Assyrie và Ba Ty luân (Babylonie), nơi đó, các vị tư tế đóng một vai trò tích cực và biết phép niệm chú hô thần trong những nghi lễ Điểm đạo Huyền môn. Mục đích là để kêu gọi thần linh xuất hiện trước mắt người phàm. Nhà Thông Thần phải là một người lão luyện, tinh thông về những pháp môn bí truyền trong các đền thờ cổ của những xứ phương Đông. Những môn sinh của phái Tân Bá Lạp Đồ của đạo sư Jamblique cũng đã thực hành thuật Thông thần, hay “huyền thuật tế lễ” (Ceremonial magic), họ biết cách kêu gọi hình ảnh vong linh các bậc vĩ nhân, anh hùng, liệt sĩ và các Đấng Thần linh xuất hiện. Trong những trường hợp rất hiếm cần đến sự xuất hiện rõ ràng và cụ thể của một vong linh, nhà Thông thần phải cung hiến cho vong linh ấy một phần máu huyết của mình. Y phải thực hiện phép “sáng tạo thần linh” (theopoea) bằng một phương pháp bí mật mà các nhà thuật sĩ phái Tântra và các vị Bà La Môn đặc truyền của Ấn Độ vẫn từng biết rõ. Phương pháp này cũng được nêu ra trong bộ sách Thông Thần áp dụng trong các đền thờ. Điều ấy chứng tỏ tính cách đồng nhất giữa những nghi thức tế lễ của thuật Thông Thần Bà la Môn cổ xưa và của môn phái Tân Bá Lạp Đồ thành Alexandrie.



CHƯƠNG

NHỮNG HIỆN TƯỢNG THẦN LINH MỘT



Con người biết rằng mình đang sống, như thế có đủ không? Có hình hài thể chất không thôi, có đủ chẳng để xứng đáng với danh nghĩa là một NGƯỜI ? Chúng tôi quả quyết rằng, để trở nên một thực thể tâm linh thật sự, trước hết con người phải **tự tái tạo** lấy mình, nghĩa là tuyệt đối loại trừ ra khỏi tinh thần, trí não của mình, không những mọi sự ích kỷ, dục vọng xấu xa, ô trược, mà còn phải diệt trừ mọi sự ô nhiễm của lòng mê tín dị đoan và thành kiến. Thành kiến khác xa với những gì thường được gọi là **thiện cảm** hay **ác cảm**. Trước tiên, người ta bị lôi cuốn vào vòng thành kiến đen tối bởi một thứ ảnh hưởng lạ lùng, một dòng từ điển mãnh liệt, nó toát ra từ những ý tưởng cũng như thể xác vật chất. Người ta bị bao vây bởi mãnh lực từ điển này và sau cùng, do sự hèn nhát tinh thần, tức là lòng e sợ dư luận, người ta không thể nào vượt thoát ra. Ít khi nào người ta nhận xét một việc gì dưới khía cạnh đúng hay sai, thật hay giả của nó để đi đến kết luận bằng sự tự do phân biện, cân nhắc và óc xét đoán riêng của mình. Trái lại, người ta thường đi đến kết luận bằng cách chấp nhận mù quáng cái dư luận chung của người đương thời. Có người chịu mua vé giá cao ở một rạp hát nọ, hoặc bỏ thời giờ đi đến một giảng đường kia không phải vì họ muốn xem một vở tuồng hay, hoặc muốn nghe một đề tài diễn thuyết mới lạ mà bởi vì họ thấy ông

nọ bà kia đi đến những nơi này, và đó là những nhân vật tai mắt, thượng lưu trong xã hội.

Điều này cũng đúng ở mọi trường hợp khác.

Khoa học đang tiến bộ mau chóng đến những phát minh lớn lao về các ngành khoa học vật lý, cơ thể và nhân chủng học. Các nhà thông thái phải làm sao thoát khỏi mọi sự tiên niệm và thành kiến cố chấp đủ mọi loại, Tuy nhiên, mặc dù ngày nay đã có tự do tư tưởng và tự do ngôn luận, các nhà bác học vẫn giống như ngày xưa.

Cách đây không lâu, người nào đặt nghi vấn về một vài tín điều thần học nào đó liền bị lên án ngay là phản đạo và báng bổ tôn giáo. Ngày nay, khoa học đã thắng thế. Nhưng lại đến phiên kẻ thắng thế tự cho là mình không thể lầm lỗi, tuy rằng họ cũng không chứng minh được cái quyền tự tôn này. Tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy dường như mình có ít nhiều tư cách để thẩm vấn các vị “đầu não thượng tọa” của khoa học.

Từ nhiều năm nay, chúng tôi đã theo dõi sự diễn tiến và phát triển của vấn đề Thần Linh học cận đại. Đã từng quen thuộc với những sách vở nói về khoa Thần Linh học tại Âu Mỹ, chúng tôi đã chứng kiến và theo sát chặt chẽ những cuộc tranh luận đằng dai vô tận về vấn đề này và có dịp so sánh những giả thuyết tương phản, đối nghịch nhau. Nhiều nhà Thần linh học ưu tú của mọi học phái, nam cũng như nữ, đã thử thăm dò, khảo sát những hiện tượng thần linh đa hình đa dạng. Họ đã đạt một kết quả duy nhất là đi tới kết luận này: những thất bại liên miên của họ, dù là do bởi bất cứ lý do nào, hoặc do chính nơi họ, hoặc do sự tác động của một mãnh lực huyền bí, vô hình, ít nhất đã có bằng chứng rằng theo tỷ lệ ngày càng tăng của các hiện tượng thần linh, sự bí mật bao trùm cái nguyên nhân của những hiện tượng ấy càng trở nên đầy đặc.

Những hiện tượng thần linh đã được chứng kiến thật sự và vốn mang tính chất huyền bí, đó là điều không thể phủ nhận.

Hãy chấp nhận một số lớn là những trò giả mạo, khôn khéo, bịp đời, kỳ du là những sự việc khá nghiêm chỉnh để đòi hỏi một sự khảo sát tỉ mỉ của khoa học. Sự cam đảm của Galilée ngày nay không còn là cần thiết để đưa vấn đề ra trước Hàn Lâm Viện. Những hiện tượng thần linh đã đứng trên tư thế chủ động để thách thức khoa học.

Các nhà bác học cận đại thì giữ lập trường là dấu rằng một vài hiện tượng huyền linh đã xảy ra với sự hiện diện của các đồng tử là một sự kiện có thật, nhưng không có bằng chứng chỉ rằng đó không phải là do bối trạng thái thần kinh bất thường của những đồng tử gây nên. Lý luận cho rằng những hiện tượng đó có thể gây nên bởi vong hồn người chết trở về không cần nêu ra cho đến khi nào vấn đề trên đã được giải đáp. Lẽ đương nhiên, việc đòi hỏi bằng chứng đè nặng lên vai những người chủ trương thuyết vai trò của các vong linh.

Nếu các nhà bác học sẵn sàng đảm đương lấy vấn đề một cách thẳng thắn với ý định thành thật muốn giải quyết tính chất bí hiểm của nó thay vì nhìn vào vấn đề với thái độ khinh bỉ, vô trách nhiệm và không xứng đáng, thì họ không có gì đáng chê trách cả. Thật ra thì phần nhiều những lời giáng ngôn, giáng bút trong những buổi cầu cơ đều có tính cách làm thất vọng những kẻ sâu tầm dấu rằng chỉ có một trí khôn bình thường. Dấu rằng đó là lời giáng ngôn thật sự đi nữa, phần nhiều đều tầm thường, thấp kém và thường là dung tục.

Trong vòng hai mươi năm qua, chúng tôi đã nhận được xuyên qua nhiều đồng tử những thông điệp cơ bút mệnh danh là của văn hào Shakespeare, Byron, Franklin, Nga hoàng Pierre Le Grand, Nã Phá Luân và Hoàng Hậu Joséphine, và chí đến của nhà văn Voltaire. Những cơ bút đó gây cho chúng tôi cái cảm tưởng là người

hùng nước Pháp và bà vợ dường như đã quên cả mẹo luật văn phạm; các văn hào Shakespeare và Byron đã trở nên những tay bợm rượu kinh niên, và nhà văn Voltaire đã trở thành một thằng ngốc. Không trách được những người đã có những thói quen chính xác đúng đắn, hay chí đến những người có học thức, khi họ kết luận vội vàng rằng với bấy nhiêu trò dối trá trắng trợn như vậy ở bên ngoài thì không thể nào có sự thật được nếu họ đi sâu vào bên trong. Việc gán cho những danh nhân lỗi lạc những lời giáng ngôn ngu xuẩn, vô lý đã làm cho giới khoa học bị dội ngược đến mức họ không còn hứng thú để tiếp nhận thêm những sự thật chính đại ẩn tàng đằng sau những hiện tượng thần linh. Họ chỉ xét đoán qua bề ngoài và chỉ thấy những rác rến cặn bã của vấn đề, cũng ví như họ phủ nhận có nước trong ở dưới đáy biển sâu khi nhìn thấy một lớp dầu cặn, mỡ màng trôi lều bều trên mặt biển. Như vậy, nếu một mặt chúng ta không thể chê trách họ đã thối lui khi nhìn thấy khía cạnh giả trá, bất hảo của vấn đề thì một mặt khác, chúng ta cũng có quyền phê phán họ đã thiếu thiện chí để thám hiểm vấn đề một cách sâu xa hơn. Không ai có thể tìm thấy trân châu và ngọc quý rơi vãi trên mặt đất. Với thái độ đó, họ chẳng khác nào như một người thợ lặn chuyên môn vội vứt bỏ một con sò vì cái lớp vỏ bùn lầy nhớp nhúa bên ngoài, nếu họ chịu khó mở nó ra, biết đâu họ chẳng tìm thấy một hột châu quý giá ở bên trong.

Thậm chí những lời khiển trách đúng đắn và nghiêm khắc của vài bậc lão thành trong giới khoa học cũng không có kết quả và sự e dè, sợ sệt của các nhà bác học trong việc nghiên cứu một vấn đề bạc bẽo và gai góc như thế dường như đã trở nên một cơn dịch sợ hãi lan truyền. “Những hiện tượng thần linh rượt đuổi các nhà bác học và các nhà bác học chạy trốn các hiện tượng thần linh”, đó là lời bình phẩm xác đáng của ông A.N. Aksakof, chủ tịch Ủy ban Khoa học thành phố St. Petersburg trong một bài báo về

hiện tượng thần linh và các đồng tử nhân dịp Ủy ban đi khảo sát về các hiện tượng này.

Những quan điểm chứa đựng trong quyển sách này vốn căn cứ trên nhiều năm nghiên cứu về nền Phương thuật cổ xưa và hình thức cận đại của nó là khoa Thần linh học. Nói về Phương thuật hay Huyền thuật thì dấu cho đến bây giờ, khi mà những hiện tượng nhiệm mầu đã trở nên quen thuộc đối với tất cả mọi người, nó vẫn thường bị coi như một trò ảo thuật khéo léo. Còn khoa Thần linh học, khi mà mọi bằng chứng hiển nhiên không thể cho phép người ta gọi nó là một trò giả dối bịp đời thì nó lại bị coi như một ảo giác tập thể.

Nhiều năm lưu lạc giang hồ, tiếp xúc với các nhà thuật sĩ, phương sĩ, huyền học, thời miên thuộc đủ mọi thành phần, các giới đạo sĩ bạch phái cũng như hắc phái ở khắp bốn phương hắc cũng là khá đủ để cho chúng tôi có quyền nghĩ rằng mình có tư cách đưa ra một quan điểm thực tế về vấn đề khả nghi và rất ư phức tạp này. Chúng tôi đã tiếp xúc với các nhà thuật sĩ Ấn Độ và đã nhìn thấy tận mắt khi họ giao tiếp với các Thần linh. Chúng tôi đã theo dõi những tác động của các nhà phương sĩ dùng thuật chiêu hồn, giao tiếp thân mật với các đạo sĩ Thổ Nhĩ Kỳ cả Âu lẫn Á; và tìm hiểu bí quyết của những nhà thuật sĩ luyện rắn của thành Damas và Bénarès. Có thể nói rằng ít có những điểm bí mật nào của họ mà chúng tôi không có dịp khảo sát và nghiên cứu. Bởi vậy, các nhà bác học vốn chưa từng bao giờ có dịp sống chung với những nhà thuật sĩ phương Đông, giỏi lắm cũng chỉ có thể xét đoán một cách hời hợt, nông cạn, và khi họ nói rằng trong những việc làm kỳ bí, lạ lùng của các nhà thuật sĩ, không có gì khác hơn là những trò ảo thuật thì chúng tôi không khỏi lấy làm ngậm ngùi tiếc thay cho những lời kết luận nông nổi, vội vàng như thế.

Có một thái độ cao ngạo và tặc trách như vậy đối với những vấn đề phân tích, tìm hiểu những sức mạnh của thiên nhiên và

bác bỏ những hiện tượng lạ lùng mà không xem xét hay lưu ý, đó là một việc làm cẩu thả, vô trách nhiệm và không thể tha thứ được.

NHỮNG KHÁM PHÁ CỦA NHÀ BÁC HỌC WILLIAM CROOKES

Những nhà đại diện của khoa học cận đại ở cả hai vùng bán cầu dường như chưa bao giờ tỏ ra khó chịu hơn hay cảm thấy cay đắng hơn đối với vấn đề bí hiểm này, kể từ khi nhà bác học W. Crookes bắt đầu khảo sát các hiện tượng thần linh ở tại Luân Đôn. Nhà học giả can đảm này là người đầu tiên giới thiệu với công chúng một trong những vong linh hiện hình canh gác những cửa bí mật đưa vào cõi giới bên kia. Nói gót ông, nhiều nhà thông thái khác nữa trong giới khoa học đã có lòng chính trực và can đảm cần thiết để bắt tay vào việc sưu tầm, mà vì tính chất hiểm hóc, ít được hoan nghênh của vấn đề nên hành động của họ có thể được coi như táo bạo, có tính chất anh hùng.

Nhưng hỡi ôi ! Thật ra, tuy tinh thần thì muốn tiến tới nhưng xác phàm vốn yếu đuối, cái viễn tưởng lố bịch, làm trò cười cho mọi người đối với họ là điều quá sức chịu đựng nên phần nhiều đã rút lui, và bởi vậy, cái gánh nặng nhất lại đặt lên vai ông Crookes.

Một thời gian sau, khi ông Crookes và những nhân viên trong ủy ban Khảo cứu đã đặt những đồng tử dưới những cuộc thí nghiệm và thử thách gắt gao nhất, họ đã phải nhìn nhận những sự kiện sau đây:

1. Những hiện tượng mà ít nhất họ đã nhìn thấy vốn có thật và không thể giả mạo; điều đó chỉ rằng những hiện tượng gây nên bởi một mãnh lực vô hình huyền bí, có thể và đã xảy ra.

2. Họ không thể nói chắc rằng những hiện tượng đó là gây ra bởi những vong linh người chết hay những thực thể tương tự những hiện tượng đó hoàn toàn làm đảo lộn nhiều lý thuyết cổ

hữu về những định luật thiên nhiên, thật sự đã xảy ra và không thể chối cãi. Nhiều hiện tượng này đã xảy ra ngay trong gia đình của họ.

3. Mặc dù tất cả những cố gắng phối hợp của họ để khảo sát vấn đề, ngoài ra sự kiện hiển nhiên không thể tranh cãi của các hiện tượng xảy ra, cho thấy có một tác động tự nhiên chưa được đặt thành định luật, họ vẫn không thể xác định đầu đuôi, manh mối của sự việc.

Đó chính là điều mà một công chúng hoài nghi không ngờ trước được. Sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng của những người tin tưởng khoa Thần linh học đã được tiên liệu trước khi những kết luận của các nhà bác học và Ủy ban Khảo cứu được công bố. Một sự thú nhận như thế của các nhà khoa học thật là một vết đau cho lòng kiêu hãnh của những bạn đồng nghiệp của các ông, chí đến cho những người đã rụt rè rút lui từ trước.

Một cơn giông tố bất bình đã nổi lên sau sự thú nhận. Ông Crookes có tường thuật việc này trong bản văn tập của ông nhan đề: **“Những cuộc thí nghiệm về sức mạnh thông linh”**, trong đó, ông mở đầu bằng câu: “Tôi đã bị tấn công bởi hai mũi dùi đối nghịch nhau: các nhà khoa học và những kẻ ‘không biết gì’. Tuy nhiên, tôi biết rằng tôi đã phát hiện được một trong những sức mạnh lớn nhất trong thiên nhiên...” Trong quyển **“Khảo về các hiện tượng Thần linh”**, ông Crookes có đưa ra tám giả thuyết về những hiện tượng mà ông đã quan sát để cho độc giả tùy ý chọn lọc và nhận xét. Những giả thuyết đó được kể ra như dưới đây:

Giả thuyết thứ 1 :

Những hiện tượng đó, tất cả đều là kết quả của những mảnh khoé gian manh, những sự vận dụng khéo léo của máy móc, hay những trò ảo thuật. Những đồng tử là những kẻ bịp bợm và những người trong đám cử tọa đều là những kẻ khờ dại.

Những người tham dự trong một buổi hầu đàn đều là nạn nhân của ảo ảnh, ảo giác và tưởng tượng những sự việc xảy ra chứ thật sự vốn không có gì xảy ra cả.

Giả thuyết thứ 2 :

Toàn thể sự việc đều là kết quả của tác động hữu thức hay vô thức của bộ óc.

Giả thuyết thứ 3 :

Kết quả tác động tâm linh của người đồng tử có thể cùng phối hợp với phần tâm linh của vài người hay tất cả những người hiện diện.

Giả thuyết thứ 4 :

Do tác động của ma quỷ vô cùng biến hóa và trá hình làm một người hay vật gì tùy ý muốn để khuynh đảo Thiên Chúa Giáo và phá hoại linh hồn con người (đó là thuyết của các nhà thần học Gia Tô.

Giả thuyết thứ 5 :

Do tác động của một chủng loại sinh vật cá biệt sống trên trái đất nhưng vô hình vô ảnh đối với mắt phàm của chúng ta. Tuy nhiên, đôi khi chúng có thể hiện hình và được biết hầu hết khắp mọi nơi và khắp các thời đại như những Thổ tinh, Thủy tinh, Mộc tinh, Sơn tinh, Tiên nữ vv..., gọi chung dưới danh từ Tinh linh ngũ hành (một trong những giả thuyết của các nhà huyền học Kabala).

Giả thuyết thứ 6 :

Do tác động của vong hồn người đã quá vãng (đây là thuyết của Thần linh học)

Giả thuyết thứ 7 :

Do tác động của Sức Mạnh thông linh... (một phụ đề thêm vào giả thuyết thứ 4, 5, 6 và 7.

Giả thuyết thứ I chỉ đúng trong những trường hợp ngoại lệ tuy rằng vẫn còn rất nhiều nhưng phải được loại ra không kể đến vì không có quan hệ thật sự với những hiện tượng thần linh. Những giả thuyết thứ 2 và 3 là những hăm trú ẩn sụp đổ cuối cùng của những tàn quân du kích hoài nghi và duy vật. Như vậy, chúng ta chỉ có thể xét bốn giả thuyết còn lại mà giả thuyết thứ 8 theo ý kiến ông Crookes chỉ là một “phụ đề thiết yếu” của những giả thuyết kia.

Do ngòi bút của ông Crookes đã viết hồi năm 1875, chúng ta đọc được những bài mô tả tỉ mỉ và thú vị nhất về một vong linh hiện hình mệnh danh là cô Katie King. Người ta không thể nào cho rằng ông Crookes đã bị đặt dưới ảnh hưởng của ảo ảnh hay ảo giác suốt hai hay ba năm liền. “Vong linh” ấy đã xuất hiện ngay trong nhà ông, tại thư phòng của ông dưới những cuộc thử thách gắt gao nhất và đã được nhìn thấy, cảm giác và nghe tiếng nói bởi hàng trăm người trong số quan khách đến viếng.

Nhưng ông Crookes tuyên bố rằng ông không hề bao giờ coi Katie King như một linh hồn người chết. Vậy đó là cái gì ? Nếu đó không phải là đồng tử Florence và lời nói của ông có đủ sự đảm bảo cho chúng tôi thì đó là vong hồn của một người đã từng sống trên mặt đất, hoặc là một trong những tinh linh ngũ hành được nêu ra dưới giả thuyết thứ 5 kể trên, tức là một trong số các loại Thổ tinh, Thủy tinh, Mộc tinh, Sơn tinh, Tiên nữ (Fairies) vv...

Phải, Katie hẳn phải là một “Tiên nữ”. Vì chỉ có một “Tiên nữ” mới có thể được ông Crookes diễn tả bằng những lời lẽ tràn đầy thi vị như sau:

“Chung quanh nàng toát ra một bầu hào quang đầy sinh khí
Dưới mắt nàng, không khí dường như thanh nhẹ hơn
Đôi mắt đẹp như mơ, dịu hiền và phưởng phất
Tất cả những gì huyền ảo ở cõi thần tiên
Sự hiện diện huy hoàng cao cả của nàng

Khiến cho ta khỏi lòng tôn sùng và chiêm ngưỡng”

Câu nói ấy còn chứng tỏ một cách dứt khoát sự việc này:

* Mặc dù ông Crookes hoàn toàn tin chắc rằng nhân vật mệnh danh là Katie King không phải là người đồng tử hay một kẻ đồng lõa nào đó mà trái lại, là một mãnh lực huyền bí trong thiên nhiên.

* Ông vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ thái độ hoài nghi về vấn đề này. Nói tóm lại, ông tin tưởng chắc chắn nơi hiện tượng xảy ra nhưng ông không thể chấp nhận rằng đó là vong hồn của một người đã quá vãng.

CÁC HIỆN TƯỢNG THẬT VÀ GIẢ

Chúng tôi sẵn sàng đồng ý với những kẻ hoài nghi rằng có đến trên một nửa những cái gọi là hiện tượng thần linh chỉ là những trò giả dối bịp đời. Sự phát hiện những trò giả mạo gần đây, nhất là về những đồng tử “hiện hình” đã chứng tỏ việc ấy. Lẽ tất nhiên sẽ còn những trò giả mạo khác trong tương lai và chúng sẽ còn tiếp tục cho đến khi nào những cuộc thí nghiệm đã trở nên hoàn hảo và các nhà thần linh học đã trở nên khôn khéo và hợp lý đến mức không còn tạo cơ hội gian manh cho những đồng tử giả mạo hay tạo khí giới đả kích cho những kẻ địch thủ.

Trong số những hiện tượng thần linh diễn ra ở khắp nơi trên thế giới, tuy có đến hai phần ba là trò giả mạo nhưng người ta nghĩ sao về những hiện tượng được chứng minh là chân thật, không thể nghi ngờ và không thể chối cãi ? Trong số đó, người ta thấy có những lời giảng ngôn rất cao siêu và huyền diệu, được chuyển tiếp xuyên qua những đồng tử chuyên nghiệp hay tài tử. Xuyên qua những trẻ ấu nhi và những người đơn sơ, thất học, người ta thường nhận được những giáo lý triết học, đạo học hoặc thi ca văn nghệ thuộc loại siêu việt, thượng đẳng, hoàn toàn xứng đáng với danh tiếng của những bậc vĩ nhân mệnh danh là tác giả. Những lời tiên tri của họ thường được chứng thực là linh nghiệm. Vậy những vong

linh đó là ai, những quyền năng hay trí lực đó là gì, mà hiển nhiên là đã tác động thông minh sáng suốt xuyên qua các đồng tử ấu thơ non nớt hoặc dốt nát, thật thà, không biết gì ? Những “trí lực thông minh” đó rất xứng đáng với danh hiệu này và khác biệt rất xa với phần đông những hạng vong linh thấp kém thường lớn vồn chung quanh những phòng xoay cơ. Sự khác biệt đó thật rõ rệt, tương phản nhau như ngày với đêm.

Chúng tôi phải thú nhận rằng tình trạng này thật rất nghiêm trọng. Việc kiểm chế đồng tử bởi những vong linh đối trá và bất hảo đó càng ngày càng trở nên thông thường và mỗi lúc càng tăng gia những hậu quả tai hại của ma thuật. Một số những đồng tử ưu tú nhất đã rời bỏ những nơi hầu đàn công cộng và rút lui ra khỏi ảnh hưởng đó. Chúng tôi tiên liệu rằng, trừ phi các nhà thần linh học bắt tay vào việc khảo cứu đạo lý cổ truyền để biết cách phân biệt các loại vong linh và biết cách đề phòng để giữ gìn, chống lại những hạng vong linh thấp thỏi, thì trong vòng 25 năm nữa có lẽ họ sẽ phải tìm chỗ trú ẩn trong tôn giáo để thoát khỏi ảnh hưởng kiểm chế của những vong linh bất hảo mà họ vẫn giao tiếp thân mật từ bao lâu nay.

Tuy phần đông các nhà bác học tin tưởng chắc chắn nơi những hiện tượng này, nhưng có nhiều vị bác bỏ giả thuyết cho rằng đó là do những vong hồn người đã từ trần. Bởi vậy, nếu vong linh cô Katie King hiện hình ở thành phố Luân Đôn không phải là một linh hồn người chết thì đó phải là cái thể cảm dục đông đặc lại của một bóng ma theo quan niệm huyền môn Rosecroix, hay sự thể hiện của một thứ mãnh lực thiên nhiên nào đó chưa được giải thích. Tuy nhiên, dù đó là bóng ma hay là vật gì, điều đó không quan trọng bao nhiêu vì một khi đã chứng minh rằng nó không có một cơ thể bằng vật chất đông đặc thì nó phải là một “vong linh”, một sự hiện hình, hay một luồng khí lực. Đó là một trí khôn tác động ngoài cơ thể của chúng ta và bởi đó, nó phải thuộc về một chủng loại sinh vật nào đó dẫu rằng vô hình vô ảnh. Nhưng đó là

cái gì ? Một cái gì biết suy nghĩ và chí đến cũng biết nói nhưng lại không phải là người; một cái gì không xúc cảm hay sờ mó được nhưng lại không phải là một vong linh người chết; một cái gì giả bộ như có tình thương, đam mê, hối hận, sợ hãi, vui mừng nhưng thật ra không hề xúc cảm xúc gì hết? Đó là sinh vật gì, lấy làm vui thú mà đánh lừa con người, tò mò tìm hiểu và chế diễu lòng sùng tín của người đời ? Nếu không phải cô Katie King của nhà bác học Crookes thì những vong linh khác tương tự cũng đã làm như vậy. Ai có thể giải đáp điều bí hiểm này ? Chỉ có nhà Tâm linh học chân chính. Và để có tài liệu tham khảo rõ ràng chính xác, y phải tìm kiếm ở đâu nếu không tìm đọc những loại cổ thư về các khoa huyền thuật, thông thần từ lâu đã bị bỏ phế và lãng quên trong một góc hầm tối tăm nào đó của các thư viện ?

Những nhà sưu tầm uyên bác, tất cả đều rất hoài nghi sự thật về những vong linh nói chung và những “vong hồn người chết” nói riêng, trong vòng 20 năm qua đã cố nặn óc để đặt ra những tên mới cho một vật đã cũ. Ông Crookes gọi đó là “sức mạnh thông linh” (Psychic force) và những vị khác cũng đưa ra những tên mới, nghe rất lạ tai. Có bao nhiêu nhà bác học là có bấy nhiêu tên mới.

QUAN NIỆM CỦA SCHOPENHAUER

Tất cả những quan điểm trên đều có một phản ảnh trong triết học của Schopenhauer. Các nhà bác học có thể tham khảo những tác phẩm của triết gia này một cách hữu ích. Họ sẽ tìm thấy trong đó nhiều giả thuyết lạ lùng căn cứ trên những quan niệm cổ xưa, và những phiếm luận về các hiện tượng “mới”, những luận cứ này có thể tỏ ra cũng hợp lý như bất cứ quan điểm nào, và họ sẽ khỏi phải mất công vô ích để đặt ra những tên mới. Những thuyết mới này, với những tên đặt lạ tai như đã nói ở trên có thể đúc kết trong hai chữ TINH QUANG (Astral light) của huyền môn Kabala.

Những quan điểm trên phù hợp với những gì chúng tôi đã trình bày về những tên mới đặt cho một vật đã cũ. Những nhà

tranh luận chỉ xung đột nhau về vấn đề danh từ. Dù người ta gọi các hiện tượng đó là mãnh lực, năng lực, điện khí hay từ điện, ý chí hay sức mạnh tinh thần, bao giờ nó cũng vẫn là sự biểu lộ một phần của linh hồn, dù đã thoát xác hay còn bị giam hãm ít lâu trong một xác thân. Một phần của cái Ý chí thông minh, toàn năng, cá biệt, thấm nhuần mọi vật trong thiên nhiên, và do bởi sự thiếu sót về ngôn ngữ văn tự của con người, nó được gọi bằng danh từ: THƯỢNG ĐẾ.

Không một tác giả nào luận giải về vấn đề này một cách tường tận như Schopenhauer trong tác phẩm **Parerga** của ông. Trong quyển sách này, ông diễn giải rất tỉ mỉ về các vấn đề nhân điện, thần nhãn, linh thị, chữa bệnh bằng tâm linh, phương thuật, những điềm báo trước, hồn ma bóng quế và những vấn đề tâm linh khác. Ông nói: “Tất cả những hiện tượng đó đều là những nhánh nhóc của một cái cây duy nhất, và đưa đến cho chúng ta những bằng chứng không thể chối cãi về sự hiện hữu của một chủng loại sinh vật thuộc về một trật tự sinh hóa hoàn toàn khác hẳn với cõi thiên nhiên đặt dưới sự chi phối của những định luật không gian và thời gian thông thường. Trật tự sinh hóa này ¹ còn thâm sâu hơn rất nhiều vì nó là cái trật tự nguyên ủy và trực tiếp. Đối với cái trật tự đó, những định luật thiên nhiên thông thường trở nên vô hiệu lực. Bởi vậy, dưới tác động tiếp cận của nó, thời gian và không gian đều không còn có thể phân cách những con người cá biệt, và sự cách biệt giữa những hình thể cá nhân này không còn là một chướng ngại không thể vượt qua cho sự liên giao tư tưởng và tác động của Ý chí. Tác động cách khoảng trong không gian đó chính là đặc tính căn bản của mọi sự gọi là “nhiệm mầu”, vì đó là tác động cấp thời của ý chí, một hành động không bị tùy thuộc những điều kiện nhân quả” (Parerga)

¹ gồm các chủng loại vô hình như Tinh linh ngũ hành, cõi giới chư thiên, vv...

Có một Thực Thể vô biên và vô cùng làm chủ động cho cái Ý chí vô hình toàn năng mà vì thiếu một danh từ chính xác hơn, chúng ta gọi là Thượng Đế. Chính vì sự phủ nhận cái Thực thể đó mà mọi ngành khoa học duy vật đã tỏ ra bất lực, không thể giải thích nổi các hiện tượng huyền linh. Họ đương nhiên bác bỏ tất cả những gì có thể bắt buộc họ phải vượt qua lần mức giới hạn của khoa học chính xác và bước vào lãnh vực tâm linh trừu tượng siêu hình. Chính đó là cái nguyên nhân thâm kín làm cho họ bị ngỡ ngàng, hoang mang trước những hiện tượng thần linh, rồi nặn óc đặt ra những thuyết vô lý để giải thích những hiện tượng này.

MỘT GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Ông A.R. Wallace, tác giả quyển **“Thần linh học hiện đại”** viết: *“Những sự kiện xảy ra là những bằng chứng cụ thể nhất”*. Bởi vậy, vì những sự kiện phải là những bằng chứng hùng biện nhất của chúng tôi nên chúng tôi sẽ đưa ra đến mức tối đa những sự kiện xảy ra về những “phép lạ” của thời xưa và thời nay. Tác giả quyển **“Vũ trụ vô hình”** đã chứng minh một cách khoa học rằng vài hiện tượng tâm linh đã có thể xảy ra qua tác động trung gian của chất dĩ thái vũ trụ. Ông Wallace cũng đã chứng minh một cách khoa học rằng tất cả những giả thuyết trái ngược lại đều không đứng vững nếu đem phân tích bằng phép lý luận chặt chẽ. Nhà bác học Crookes đã công bố trước thế giới hoài nghi những cuộc thí nghiệm riêng của ông mà ông đã theo dõi suốt trên ba năm trước khi ông bị thuyết phục bởi cái bằng chứng không thể chối cãi nhất là sự nhận xét bằng chính những giác quan của ông. Người ta có thể lập một bản kê khai những nhà bác học đã ghi nhận những kinh nghiệm xác thực của họ về việc này. Ông Camille Flammarion, nhà thiên văn học Pháp nổi tiếng, và là tác giả của nhiều quyển sách về thần linh học cũng đã xác nhận quan điểm của chúng tôi bằng những lời dưới đây:

“Tôi không do dự mà khẳng định sự tin tưởng chắc chắn của tôi, căn cứ trên một sự quan sát cá nhân về vấn đề này rằng bất cứ nhà khoa học nào cho rằng những hiện tượng gọi là “từ điện”, “mộng du”, “đồng tử” và những hiện tượng khác nữa chưa được giải thích bằng khoa học là không thể có, là người ấy không biết gì cả. Bất cứ người nào vì hoạt động nghề nghiệp đã từng quen thuộc với những cuộc quan sát khoa học, miễn là tâm trí của y không bị thành kiến che lấp, hoặc bị mù quáng bởi loại ảo giác đối nghịch rất thông thường trong giới các nhà bác học thông thái, cho rằng chúng ta **đã biết tất cả những định luật thiên nhiên**, và mọi sự gì có vẻ vượt qua ngoài phạm vi những công thức hiện tại của chúng ta đều là không thể có, những người ấy cần có sự hiểu biết tuyệt đối chắc chắn và hợp lý về sự thật của những sự kiện đã nêu ở trên.”

Nhà bác học Crookes, trong những bản văn tập nhan đề **“Khảo sát về những hiện tượng thần linh”** có viết về cái sức mạnh huyền bí đó mà ông Sergeant Cox gọi là **sức mạnh thông linh**. Ông này giải thích như sau: “Vì lẽ những sự vận động các cơ năng và bộ phận được chỉ huy từ bên trong con người bởi một sức mạnh dù có được kiểm soát hay không bởi linh hồn, tinh thần hay trí tuệ... là những thành phần cấu tạo nên sinh vật có thể gọi là “con người” thì người ta có thể kết luận một cách hữu lý cũng như trên, rằng cái sức mạnh gây nên những sự vận chuyển bên ngoài phạm vi thể xác con người **cũng chính là cái sức mạnh gây nên sự vận động từ bên trong**. Và vì lẽ sức mạnh bên ngoài thường do trí khôn điều khiển nên có thể kết luận một cách cũng hợp lý như trên, rằng trí lực điều khiển sức mạnh bên ngoài cũng chính là trí lực điều khiển sức mạnh từ bên trong.”

Để hiểu lý thuyết này cho được rõ ràng hơn, chúng ta cũng có thể chia nó ra làm 4 luận đề và chỉ cho thấy ông Sergeant Cox tin rằng:

1. Sức mạnh tạo nên những hiện tượng vật chất vốn xuất phát từ người đồng tử (đương nhiên ngụ ý rằng nó được hàm dưỡng từ bên trong thể xác của người này).

2. a/ Trí lực chỉ huy cái sức mạnh ấy để tạo nên những hiện tượng đôi khi *có thể* khác hơn là trí lực của người đồng tử, nhưng điều này *không đủ bằng chứng*, bởi vậy nên:

b/ Cái trí lực chỉ huy đó có lẽ là trí lực của chính người đồng tử. Điều này, ông Cox gọi là “một kết luận hợp lý”

3. Ông cho rằng sức mạnh làm xoay bàn cũng là một với cái sức mạnh vận động cơ thể của chính người đồng tử.

4. Ông cực lực chống lại thuyết của thần linh học cho rằng “tất cả” những hiện tượng đều được tạo nên bởi những động lực duy nhất là những linh hồn người chết”.

Trước khi chúng tôi phân tích những quan điểm đó, quý độc giả hãy nhớ rằng chúng tôi ở vào vị trí trung gian giữa 2 quan niệm cực đoan được tiêu biểu bởi 2 phái đối lập là những người tin và những người không tin nơi vai trò tác động của những linh hồn người chết. Dường như không một phái nào có thể quyết định dứt khoát về điểm của ông Cox nêu ra; vì trong khi phái thần linh học tuyệt đối tin rằng mỗi cử động và âm thanh xuất hiện trong một buổi hầu đàn đều do tác động của những linh hồn người quá cố thì phái đối lập lại độc đoán phủ nhận mọi tác động của “vong linh” người chết vì những vong linh này không bao giờ có. Bởi vậy, không một phái nào có thể khảo sát vấn đề một cách vô tư.

Nếu họ cho rằng cái sức mạnh làm “vận động ngũ tạng bên trong cơ thể” và cái sức mạnh làm vận chuyển sự vật bên ngoài thể xác vốn *cùng đồng một tình hoa bản thể* thì họ có thể có lý. Nhưng sự đồng tính của hai loại sức mạnh đó chấm dứt ngay tại đây. Cái sinh khí làm vận chuyển thể xác của ông Cox cùng đồng tính chất với sinh khí vận chuyển thể xác của người đồng tử; tuy

nhiên, ông Cox không phải là người đồng tử cũng như người đồng tử không phải là ông Cox.

Cái sức mạnh đó, mà để làm vui lòng hai nhà bác học trên đây, chúng tôi sẵn sàng gọi là sức mạnh thông linh cũng như bất cứ danh từ nào khác tác động **xuyên qua** chứ không phải **xuất xứ từ** người đồng tử. Trong trường hợp sau này, sức mạnh đó có lẽ đã được tạo ra trong cơ thể người đồng tử nhưng chúng tôi sẵn sàng chứng minh rằng không phải như vậy, dù trong những trường hợp khinh thân, di chuyển bàn ghế, đồ vật mà không có sự đụng chạm bởi bàn tay người, hay trong những trường hợp mà sức mạnh đó tỏ ra có trí giác và trí khôn. Một sự kiện rất quen thuộc mà các nhà thần linh học và đồng tử đều biết rõ là người đồng tử càng tiêu cực, thụ động thì những hiện tượng xảy ra càng rõ rệt hơn. Nhưng trái lại, tất cả mọi hiện tượng kể trên lại phải cần có sự tác động của một ý **chí hữu thức** và có dụng tâm hẳn hoi.

Nếu nói theo giả thuyết trên thì trong trường hợp khinh thân, nó làm cho người ta nghĩ rằng cái sức mạnh tự tạo đó nâng cái xác thân bất động của người đồng tử lên khỏi mặt đất, lái nó đi xuyên qua không khí và đặt nó xuống đất trở lại, trong khi đó nó vẫn tránh né các chướng ngại vật, và do đó, tỏ ra có trí khôn tuy vẫn tác động một cách tự nhiên dù trong thời gian đó, người đồng tử lại vẫn ở trong trạng thái **tiêu cực, thụ động** hoàn toàn. Nếu sự kiện xảy ra đúng như vậy thì người đồng tử quả là một nhà thuật sĩ hoạt động hữu thức và y không cần phải giả vờ là một khí cụ tiêu cực, thụ động trong bàn tay của những trí lực vô hình. Theo thuyết trên, mọi sự dường như chỉ rằng, cái sức mạnh tác động trước sự có mặt của người đồng tử, trên những vật thể bên ngoài vốn xuất xứ từ một nguồn gốc hậu thuẫn của chính người đồng tử.

Chúng ta có thể so sánh nó với chất khinh khí làm vận chuyển một khinh khí cầu. Chất khinh khí, dưới sự điều khiển của một trí óc thông minh được chứa đựng trong chiếc khinh khí cầu

với một dung lượng khá đủ để đỡ hổng nó lên khỏi mặt đất. Cũng trên nguyên tắc đó, cái sức mạnh ấy làm di chuyển những bàn ghế, đồ vật trong nhà và gây nên những hiện tượng khác, và tuy rằng cùng đồng một tính chất với tinh thần của người đồng tử, nó không thể chỉ là cái tinh thần của y mà thôi, vì người đồng tử từ đầu chí cuối vẫn ở trong trạng thái hôn mê, xuất thần nếu y là đồng tử thật. Bởi vậy, điểm thứ nhất mà ông Cox nêu ra không đúng vì nó căn cứ trên một giả thuyết không đúng vưng trên phương diện kỹ thuật. Lẽ tất nhiên, lý luận của chúng tôi dựa trên sự giả định rằng hiện tượng khinh thân là một sự kiện có thật, đã được quan sát đúng đắn. Lý thuyết về sức mạnh thông linh muốn được toàn vẹn phải giải thích tất cả “những sự vận động hữu hình... trong những vật thể đông đặc”, và sự khinh thân là một trong những hiện tượng này.

Còn về điểm thứ hai, chúng tôi phủ nhận câu nói “không đủ bằng chứng” chỉ rằng cái sức mạnh tạo nên những hiện tượng đôi khi được điều khiển bởi những trí lực khác hơn là của người đồng tử. Trái lại, có rất nhiều bằng chứng chỉ rằng trí lực của người đồng tử trong phần nhiều trường hợp không có liên hệ gì đến những hiện tượng: những bằng chứng đó nhiều đến nỗi chúng tôi không thể nào để cho lời tuyên bố tào bạo của ông Cox được nằm yên mà không bị thách thức.

Còn về điểm thứ ba, chúng tôi cũng thấy là vô lý, vì nếu thể xác của người đồng tử không phải là nguồn gốc sản xuất mà chỉ là đường vận hà cho cái sức mạnh tạo nên hiện tượng đi xuyên qua - (vấn đề này, ông Cox với những sự sâu tầm của ông không làm sáng tỏ được chút nào) - thì chừng đó, không phải vì lý do “tinh thần, linh hồn, trí não” của người đồng tử điều khiển sự vận động trong cơ thể của y mà đương nhiên, cái “tinh thần, linh hồn, và trí não” đó cũng phải đỡ hổng một cái bàn, hoặc gõ nhịp để chỉ những nguyên âm trong 25 chữ cái.

Về điểm thứ tư nói rằng “những linh hồn người chết là những động lực duy nhất tạo nên tất cả các hiện tượng”, chúng tôi

thiết tưởng không cần biện luận ngay bây giờ vì lẽ tính chất của những thực thể tạo nên các hiện tượng thần linh sẽ được giải bày đầy đủ hơn trong những chương sau.

TÁC DỤNG CỦA THỂ CẢM DỤC

Những triết gia cổ, nhất là những vị đã bước vào cửa huyền môn cho rằng thể cảm dục con người là một phó bản vô hình của cái thể nặng trọc, thô kệch bên ngoài mà ta gọi là cái xác phàm. Bên trên cái phó bản nội tại đó, và soi sáng nó cũng như ánh nắng mặt trời soi sáng mặt đất là cái tinh thần thiêng liêng có tác dụng làm nẩy mầm và khích động những khả năng tiềm tàng trong đó để chuyển hóa thành những đức tính tâm linh. Thể cảm dục được chứa đựng và giới hạn trong xác phàm cũng như chất dĩ thái đựng trong một cái ve chai hay tù điển trong một thỏi sắt đã có truyền từ lực. Thể cảm dục là một trung tâm và động cơ của sức mạnh, được hàm dưỡng từ cái kho sinh lực của vũ trụ, được vận chuyển bởi cùng những định luật chung ngự trị khắp cõi thiên nhiên và tạo nên tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ. Sự sinh hoạt nội tại của thể cảm dục gây nên những sự vận động thường xuyên trong cơ thể vật chất, sau cùng đưa đến sự già cỗi, hủy diệt của xác phàm và sự thoát ly của nó ra khỏi thể xác. Thể cảm dục ví như người bị cầm tù chứ không phải người chủ có quyền chiếm hữu của cái xác phàm. Nó chịu sức thu hút rất mạnh của vũ trụ lực bên ngoài đến nỗi sau khi xác phàm đã bị già cỗi và hủy diệt, nó liền thoát ly ra ngoài và trở về hòa hợp với khí lực của vũ trụ. Cái xác phàm càng cường tráng, thô kệch và nặng trọc thì sự giam hãm, cầm tù của nó càng lâu hơn. Vài người bẩm sinh ra với một cơ cấu thể chất đặc biệt khác thường đến nỗi cánh cửa ngăn chặn sự tiếp xúc giữa mọi người khác với thế giới vô hình có thể mở ra dễ dàng đối với họ, và linh hồn họ có thể nhìn vào hoặc chí đến bước vào cõi giới đó rồi lại quay trở về. Những người có thể làm như vậy một cách hữu

thức và tùy ý muốn được coi là những nhà thuật sĩ, phương sĩ, đạo sĩ hay những bậc đạo đồ Huyền môn; còn những người được điều khiển để bước vào cõi giới đó do mãnh lực từ điển của nhà thôi miên hay của những “vong linh” khuất mặt là những người “đồng tử”. Một khi bức rào ngăn cách đã mở rộng, thể cảm dục bị thu hút mãnh liệt bởi mãnh lực vũ trụ hay chất khí cõi cảm dục vốn tác động như khối nam châm hút sắt, đến nỗi, đôi khi nó đỡ hổng thể xác lên cùng một lượt với nó và giữ thể xác treo lơ lửng trên không khí cho đến khi trọng lượng của xác phàm vật chất lại tác động ngược chiều trở lại, và thể xác lại từ từ rơi xuống đất.

TRÍ LỰC ĐIỀU KHIỂN

Như chúng tôi đã nói trước đây, cái “sức mạnh thông linh” của thời hiện đại hay khí lực huyền nhiệm của cổ nhân vốn là một và chỉ là một sức mạnh mù quáng. Nó cũng giống như không khí. Trong một cuộc đối thoại, những làn sóng âm thanh do những người trong cuộc phát ra cùng ảnh hưởng đến một phần không khí nhưng không thể có sự nghi ngờ gì về sự kiện có hai người đối đáp, nói chuyện với nhau. Cũng y như vậy, khi một chất liệu trung gian cùng được sử dụng bởi người đồng tử và “vong linh” khuất mặt để giao tiếp với nhau, thì có hợp lý chẳng mà nói rằng chỉ có một trí khôn tự biểu lộ mà thôi? Cũng như không khí là cần thiết cho sự trao đổi hỗ tương giữa những giọng nói, âm thanh, thì những triều lưu của chất tinh quang hay dĩ thái, dưới sự điều khiển của một Trí lực thông minh là cần thiết để tạo nên những hiện tượng gọi là thần linh. Hãy thử để hai người đối thoại trong một gian phòng đã bị bơm hết không khí ra ngoài, và nếu họ có thể sống được, những lời nói của họ chỉ còn là những tư tưởng vô âm thanh vì không có không khí rung động và do đó không có một âm ba nào chạm đến tai họ. Hãy đặt một đồng tử xuất sắc nhất vào một bầu không khí cô lập mà một nhà truyền nhân điện tài ba, quen thuộc với những đặc tính của chất tinh quang linh diệu có thể tạo ra chung quanh y.

Khi đó, không một hiện tượng nào có thể xảy ra cho đến khi một Trí lực thông minh đối lập, mạnh mẽ hơn sức mạnh ý chí của nhà truyền từ điển, áp đảo ý chí của người này và đưa người đồng tử thoát ra khỏi trạng thái hôn trầm, bất động.

Các đạo gia thời cổ luôn luôn biết phân biệt giữa một sức mạnh mù quáng tác động tự nhiên với cũng cái sức mạnh ấy khi nó được sự điều khiển của một trí lực thông minh. Plutarque, vị tư tế của đền thờ Apollon nói về những luồng khí lực có đặc tính tiên tri mà thật ra đó chỉ là một chất hơi bốc lên từ dưới lòng đất, có những đặc tính từ điển làm cho hôn mê, đã chỉ cho thấy tính chất lưỡng cực của nó. Ông đã thốt ra những lời này: “Người là gì ? Nếu không có một Thượng Đế tạo ra người và giúp người được trở nên trưởng thành; nếu không có một thần linh thừa lệnh Thượng Đế để điều khiển và cai quản người; người sẽ không làm được gì cả, người chỉ là một hơi thở vô vị”. (Pharsalia, q. V). Như vậy, nếu không có linh hồn nội tạng hay trí lực điều khiển thì “sức mạnh thông linh” ấy cũng chỉ là một “hơi thở vô vị” mà thôi.

Người ta nói rằng tất cả những nhà tiên tri của thời cổ xưa, những người nhạy cảm tiếp nhận được nguồn cảm hứng thiêng liêng đều đã nói lên những lời tiên tri dưới những điều kiện tương tự, hoặc do sự phóng phát chất khí trung giới thẳng ra bên ngoài, hoặc do sự thấm nhập luồng khí lực ảm thấp từ dưới đất xông lên. Chính cái chất khí cõi trung giới này có tác dụng như một cái thể tạm thời cho những vong linh xuất hiện.

Những lời tiên tri được thốt ra bằng hai cách: trong trạng thái hữu thức do những đạo sĩ, phương sĩ có khả năng nhìn vào chất tinh quang của vũ trụ; và trong trạng thái vô thức bởi những người tiếp nhận được nguồn cảm hứng thiêng liêng. Hạng người sau này gồm những nhà tiên tri được đề cập đến trong kinh Gia Tô và những người nói tiên tri trong trạng thái xuất thần trong thời buổi hiện đại. Triết gia Platon đã từng quen thuộc với sự kiện này khi

ông nói:”Trong trạng thái bình thường, không ai đạt tới khả năng tiên tri và cảm hứng linh diệu... mà chỉ có trong trạng thái hôn mê của người đồng tử xuất thần...” Ông nói thêm: “Có những người tự cho mình là nhà tiên tri; nhưng họ không biết rằng họ chỉ là những kẻ **nói lặp lại**... Họ không được gọi là nhà tiên tri mà chỉ là những người **chuyển đạt** những hình ảnh và sấm ngôn,”

NHỮNG BẰNG CHỨNG CỤ THỂ

Vẫn tiếp tục luận đề của mình, ông Cox nói: “Những nhà thần linh học hăng say nhất đã nhìn nhận trên thực tế sự hiện diện của sức mạnh thông linh dưới cái tên gọi rất sai lầm là từ điển (mà nó không có chút nào đồng tính chất). Đó là bởi vì họ cho rằng linh hồn người chết chỉ có thể làm những việc mà người ta gán cho họ bằng cách sử dụng từ điển của người đồng tử (“Khảo sát về những hiện tượng thần linh”).

Ở đây, một lần nữa lại có một sự hiểu lầm do bởi có nhiều tên gọi áp dụng cho một vật duy nhất. Bởi vì điện khí chưa trở thành một khoa học cho đến thế kỷ 18, không ai lại dám nói rằng nó không hề có kể từ lúc bắt đầu khai thiên lập địa. Hơn nữa, chúng tôi sẵn sàng chứng minh rằng chí đến người cổ Do Thái cũng đã biết rõ về mãnh lực của điện khí. Nhưng chỉ vì trước năm 1819, khoa học chính xác chưa từng khám phá được một sự kiện chỉ sự liên hệ mật thiết giữa từ điển và điện khí, điều đó cũng không ngăn cản được sự thật là hai sức mạnh này vốn đồng tính chất với nhau.

Nếu một thỏi sắt có thể được truyền những đặc tính từ lực bằng cách cho một luồng điện khí chạy vào một chất kim loại có tính chất dẫn điện đặt gần bên thì tại sao ta không chấp nhận như một thuyết tạm thời rằng người đồng tử cũng có thể là một **vật dẫn điện** trong một buổi họp đàn chứ không là gì hơn ? Trên căn bản đó, phải chăng chúng ta có thể nói rằng cái trí lực điều khiển “sức mạnh thông linh” rút những luồng điện khí từ những làn sóng dĩ

thái và sử dụng người đồng tử như một vật dẫn điện, phát triển và kích động chất từ khí tiềm tàng súc tích trong bầu không khí của buổi họp đàn để tạo nên những hiện tượng mong muốn ? Danh từ “từ khí” hay “từ điển” cũng thích hợp như bất cứ một danh từ nào khác cho đến khi nào khoa học đem đến cho chúng ta một cái gì cụ thể hơn là một vật giả tưởng với những đặc tính mơ hồ còn trong vòng tranh luận.

Trong kho tài liệu xác thật và bằng chứng của ông Crookes nêu ra về một trí lực điều khiển có vài sự kiện như dưới đây:

1. Sự di chuyển của những vật thể nặng có sự đụng chạm của bàn tay người nhưng không có sự dùng sức cố gắng.
2. Hiện tượng những âm thanh vang dội và những âm thanh khác.
3. Sự thay đổi trọng lượng của các vật thể.
4. Sự chuyển động của những vật thể nặng ở cách xa người đồng tử.
5. Bàn ghế bị dờ hổng lên khỏi mặt đất mà không ai đụng chạm đến,
6. Sự khinh thân của vài người có mặt tại chỗ.
7. Những vật thể sáng chói xuất hiện.

Về hiện tượng này, ông Crookes nói: “Dưới những điều kiện quan sát chặt chẽ nhất, tôi đã thấy một vật thể đồng đặc chói sáng, hình dáng, kích thước giống như một quả trứng gà, lướt nhẹ không một tiếng động trong gian phòng, có khi cao hơn khỏi đầu, đứng với tay lên không tới, và kế đó nó hạ thấp xuống mặt đất. Vật thể ấy xuất hiện độ trên mười phút và trước khi biến mất dạng, nó đập vào bàn ba lần với một tiếng động mạnh giống như của một vật chắc và cứng.”

8. Sự xuất hiện của những bàn tay ma, hoặc dạ quang, hoặc nhìn thấy được dưới ánh sáng thường.

9. “Giáng bút trực tiếp” bởi những bàn tay dạ quang đó và hiển nhiên là điều khiển bởi một trí lực thông minh sáng suốt.

10. Những hình bóng và gương mặt ẩn hiện chập chờn như bóng ma.

Trong trường hợp này, cái “sức mạnh thông linh” đến từ một góc phòng như một bóng ma, cầm một cây đờn xếp trong tay và vừa lướt nhẹ trong phòng vừa kéo đờn; trong khi đó, người đồng tử vẫn ngồi yên tại chỗ, rõ ràng trước mắt mọi người. (“Khảo cứu về các hiện tượng thần linh”).

Tất cả những hiện tượng này, ông Crookes đã chứng kiến và thí nghiệm ngay tại nhà ông, và sau khi đã nhận xét một cách khoa học về sự thật của các hiện tượng bèn tường trình lên Hội Khảo cứu Khoa học Hoàng gia. Ông có được hoan nghênh như một nhà khám phá những hiện tượng tự nhiên có một tính chất mới lạ và quan trọng chẳng ? Độc giả hãy đọc những tác phẩm của ông để tìm câu trả lời !

Ngoài ra những hiện tượng lạ lùng kể trên, ông Crookes còn đưa ra một loại hiện tượng khác mà ông gọi là “những trường hợp đặc biệt”, dường như cho thấy sự tác động của một trí khôn ngoại tại.

Ông Crookes nói: “Tôi đã chứng kiến tại chỗ khi cô Fox (đồng tử) ngồi viết một thông điệp tự động cho một người trong cử tọa, trong khi đó, một thông điệp cho một người khác về một vấn đề khác được đưa ra bằng cách gõ nhịp để chỉ những vần trong chữ cái, và đồng thời cô ấy lại tự do nói chuyện với một người thứ ba về một vấn đề hoàn toàn khác hẳn với hai vấn đề kia...”

“Trong một buổi hầu đàn với đồng tử Home, một tấm thẻ gỗ tự động di chuyển qua mặt bàn đến chỗ tôi ngồi, dưới ánh sáng rõ ràng và chuyển một thông điệp cho tôi bằng cách gõ nhịp vào bàn tay tôi, trong khi đó, tôi viết lại những nguyên âm chữ cái theo

nhịp gỗ... ở cách xa một khoảng với đồng tử Home...” Theo lời yêu cầu của ông Crookes, tấm thẻ gỗ ấy chuyển cho ông “một thông điệp điện tín bằng cách gõ nhịp theo tín hiệu Morse trên bàn tay của ông” (không một người nào trong cử tọa biết đánh tín hiệu Morse, còn ông chỉ biết sơ sài). Ông nói thêm rằng: “Bức thông điệp đó được chuyển đến bởi một điện tín viên rất giỏi, **dù rằng y xuất xứ từ đâu**”.

Trong tất cả những hiện tượng này, có bằng chứng nào chỉ rằng động lực điều khiển ấy là “trí khôn của người đồng tử” hay không ? Hay trái lại, đó là do sự điều khiển của những vong linh người chết hay ít nhất, những vong linh của những thực thể có óc khôn ngoan nào đó trong cõi vô hình ?

Trong trường hợp đó, danh từ “tử điển” cũng như “sức mạnh thông linh” đều không giải thích được gì nhiều; tuy vậy, danh từ “tử điển” vẫn có lý hơn nếu chỉ vì sự kiện giản dị là tử điển hay nhân điện tạo nên những hiện tượng với những ảnh hưởng giống như các hiện tượng thần linh. Hiện tượng cái vòng tròn “mẫu nhiệm” của Bá tước Du Potet và Regazzoni thật tương phản với những định luật sinh lý học đã được chấp nhận, cũng như hiện tượng cái bàn bị đỡ hổng lên khỏi mặt đất mà không có sự đụng chạm của bàn tay người là trái ngược với những định luật của khoa học tự nhiên. Cũng như những người khỏe mạnh thường nhận thấy không thể đỡ nổi một cái bàn nhỏ chỉ nặng có vài cân, và vì cố gắng hết sức đã làm cho nó gãy tan từng mảnh thì trong khi đó, có hàng chục nhà thí nghiệm, đôi khi gồm cả những nhà bác học trong Hàn Lâm Viện cũng đã hoàn toàn bất lực không thể vượt qua một lần mức do ông Du Potet gạch bằng phấn trên mặt đất.

Có một lần, ông tướng Nga nổi tiếng là có óc hoài nghi, nhất định dùng toàn lực phóng tới để vượt qua lần mức ấy nhưng đã bị té ngã xuống đất và toàn thân run bắn lên cầm cập. Trong trường hợp này, sức mạnh tử điện dựng nên bức rào chướng ngại đó, tức là

“sức mạnh thông linh” của nhà bác học Sargeante Cox, nó cũng đã làm cho những cái bàn trở nên có một sức nặng phi thường. Nếu những sức mạnh này đã gây nên cùng một loại ảnh hưởng tâm lý và sinh lý giống như nhau thì người ta có lý do mà tin rằng cái sức mạnh đó chỉ là một. Chúng tôi nghĩ rằng không ai có thể phủ nhận sự diễn dịch đó với một lý do chính đáng. Vả lại, dẫu cho sự kiện ấy có thể bị phủ nhận đi nữa thì đó cũng là một sự tự nhiên. Trước đây, đã có lúc tất cả các Hàn Lâm Viện của các xứ Tây phương đều đồng thanh phủ nhận sự kiện có những dãy núi trên Mặt Trăng, và có một thời kỳ mà nếu có ai dám bạo gan quả quyết rằng có những loài sinh vật sống trên thượng tầng không khí cũng như ở dưới đáy đại dương thì người ấy sẽ bị coi như một thằng điên hay một kẻ dốt nát.

Linh mục ngoan đạo Almiguan, trong một cuộc tranh luận về hiện tượng “xoay bàn” thường nói: “Khi ma quỷ nói khẳng định điều gì thì đó là một điều dối trá !” Không bao lâu, chúng tôi cũng sẽ có lý do đối lại câu nói đó bằng câu sau này: “Khi các nhà bác học phủ nhận điều gì thì điều đó chắc có lẽ đúng !”



CHƯƠNG HAI

MỘT NĂNG LỰC DIỆU HUYỀN



Chúng tôi tin rằng trong số những hiện tượng thần linh thật ra ít có hiện tượng nào là do những vong linh người chết gây nên. Tuy vậy, chí đến những hiện tượng gây nên bởi những năng lực huyền bí trong thiên nhiên như vẫn thường xảy ra xuyên qua vài người đồng tử chân chính, và được các thuật sĩ Ấn Độ và Ai cập sử dụng một cách có ý thức cũng đáng được một sự khảo cứu tỉ mỉ và nghiêm chỉnh của khoa học, nhất là trong giai đoạn này, khi mà một số khoa học gia có uy tín đã chứng minh rằng trong nhiều trường hợp, giả thuyết về sự đối trá, lừa bịp không còn đứng vững.

Lẽ tất nhiên, có những nhà ảo thuật chuyên nghiệp có thể làm những trò giả mạo còn khôn khéo hơn tất cả những đồng tử bịp bợm Âu Mỹ. Ảo thuật gia thượng thặng Robert Houdin đương nhiên là có thể nhưng điều này cũng không ngăn cản ông ta cười thảng vào mặt các nhà bác học trong Hàn Lâm Viện Pháp khi họ yêu cầu ông ta tuyên bố trên báo chí rằng ông ta có thể làm xoay bàn hay gõ nhịp để trả lời những câu hỏi mà **không sử dụng đến hai bàn tay**, trừ phi cái bàn đã được chuẩn bị sẵn. Một ảo thuật gia danh tiếng của thành phố Luân Đôn đã từ chối giải thưởng 1.000 Anh kim của Hội Thần linh học Quốc gia Luân Đôn thách đố y hãy tạo nên những hiện tượng thường xảy ra với các đồng tử trừ phi y được tự do hành động và không chịu sự kiểm soát trói buộc nào của ban tổ chức. Chỉ nội một việc đó cũng đủ chứng minh rằng sự thách thức này vượt ngoài khả năng của y.

Dù cho các nhà ảo thuật có khôn khéo đến đâu, chúng tôi thách thức họ hãy bắt chước, dưới những điều kiện tương tự, làm giống những "trò" biểu diễn của một ảo thuật gia Ấn Độ, dù chỉ thuộc vào hạng thông thường. Thí dụ, nơi biểu diễn sẽ do ban tổ chức chọn lựa mà nhà ảo thuật không hề biết trước; cuộc thí nghiệm sẽ diễn ra giữa chỗ thanh thiên bạch nhật, không hề có chuẩn bị trước; không có một người phụ tá nào ngoài ra một đứa trẻ trần truồng để sai vặt và nhà ảo thuật cũng chỉ mặc một cái quần đùi. Sau đó, trong một loạt những trò biểu diễn, hãy chọn lấy ba trò vào loại thông thường nhất mà những nhà thuật sĩ lưu động ấy vẫn thường biểu diễn ở những nơi công cộng, chẳng hạn như:

1.- Biến một đồng tiền do một người trong cử tọa nắm chặt trong lòng bàn tay thành một con rắn hổ mang có đủ bộ nanh còn nguyên vẹn có thể cắn chết người.

2.- Làm cho một hột giống do một người trong cử tọa chọn lựa và trồng trong một cái chậu bông cũng do người ấy đem đến hãy mọc lên thành cây và đơm bông trở trái nội trong một khắc đồng hồ.

3.- Nằm dài trên ba ngọn gươm bén, cán gươm cắm xuống đất, chĩa mũi nhọn lên trên. Sau đó, có người đến rút một ngọn gươm đầu tiên ra ngoài, kế đến ngọn gươm thứ hai và sau vài giây đồng hồ, lấy ngọn gươm thứ ba. Sau cùng, chỉ còn lại người thuật sĩ nằm lơ lửng giữa khoảng không, treo lơ lửng trong không khí. cách mặt đất độ năm sáu tấc tay.

Bất cứ nhà ảo thuật nào, kể từ Robert Houdin dẫn xuống đến những kẻ làm trò xiếc đã từng tự quảng cáo khỏi tốn tiền bằng cách đả kích Thần linh học, nếu họ có thể làm được như vậy thì chừng đó, chúng tôi sẽ dọn mình để tập tin nơi thuyết của nhà bác học Huxley, cho rằng nhân loại đã sinh ra từ ngón chân sau của con quái vật Orohippus thời tiền sử.

Chúng tôi quả quyết lại một lần nữa rằng không có một ảo thuật gia chuyên nghiệp nào, dù ở từ phương trời nào, có thể thi đua tài nghệ với những nhà thuật sĩ ta bà của phương Đông. Những người này không cần có những nơi hội trường để biểu diễn, cũng không cần chuẩn bị hay tập dượt mà luôn luôn sẵn sàng, khi được báo trước, kêu gọi đến sự trợ giúp của những quyền năng ẩn tàng trong thiên nhiên, mà những điều này, các nhà ảo thuật và khoa học gia Âu Mỹ đều hoàn toàn mù tịt.

Thật vậy, như lời của Elihu đã nói: “Những bậc vĩ nhân không luôn luôn khôn ngoan sáng suốt; cũng như những bậc cao niên lão thành không phải luôn luôn hiểu biết mọi sự”. Lặp lại lời thuyết giáo của nhà thần học Anh Henry More, chúng ta có thể nói: “... Thật vậy, nếu có còn sót lại một chút khiếm tốn nào trong loài người thì những câu chuyện trong Kinh Thánh có thể đảm bảo một cách dồi dào cho con người biết rằng có các đấng Thiên thần và những Đấng Thần linh khuất mặt”. Nhà thần học ấy nói thêm: “Tôi coi như một ân huệ đặc biệt của Thiên liêng khi thấy rằng những hiện tượng các vong linh hiện hồn về gần đây có thể làm thức tỉnh trí óc mê muội, hôn trầm của chúng ta và làm cho chúng ta nhận định rằng có những chủng loại sinh vật khôn ngoan khác nữa ngoài những chủng loại mang xác phàm nặng trĩu làm bằng cát bụi và đất sét... Bởi vì những bằng chứng ấy thoạt tiên chỉ rằng có những vong linh bất hảo, đương nhiên sẽ dọn đường cho sự tin tưởng rằng có những thần minh cao cả tốt lành, và sau cùng là có một Thượng Đế”.

Trường hợp nêu trên có hàm súc một bài học luân lý không những cho các nhà khoa học mà cũng cho các nhà thần học. Những nhân vật đã từng nổi tiếng trong các giảng đường tôn giáo và trong lớp giảng ở các trường Đại học vẫn luôn luôn tỏ ra cho công chúng thấy rằng họ thật sự chỉ biết rất ít về khoa học tâm linh. Dư luận công chúng về vấn đề Thần linh học đã được ngụy tạo, nhiễu nấn bởi những người làm trò ảo thuật và những kẻ tự

xung là nhà thông thái, không xứng đáng được sự quý mến tôn trọng của người đời.

Sự phát triển của khoa học tâm linh đã bị đình trệ do bởi thái độ chế nhạo của hạng người trên đây nhiều hơn là do bởi những sự khô khan cố hữu của môn học này. Sự cười đùa, nhạo báng vô vị của giới khoa học ấu trĩ hay của những kẻ chạy theo dư luận đã tác động rất hữu hiệu để duy trì sự dốt nát, u tối của con người về những khả năng tâm linh bí nhiệm của mình hơn là những chướng ngại, khó khăn và nguy hiểm của vấn đề. Đó đặc biệt là trường hợp của các hiện tượng thần linh.

DĨ THÁI - TINH QUANG - AKÂSHA (TIÊN THIÊN KHÍ)

Có nhiều tên gọi khác nhau để chỉ một vật duy nhất.

Đó là cái “Hỗn mang” của các nhà triết gia cổ xưa; ngọn lửa Thiêng của Hỏa giáo; Lửa Hermès; ngọn Đuốc cháy của thần Apollon; Sấm chớp của Cybèle; ngọn lửa trên bàn thờ thần Pan; ngọn lửa không thể tắt trong đền Acropole và đền Vesta; ngọn lửa trên chiếc mào của Diêm Vương (Pluton); những đóm sáng trên mào của Dioscuri, trên đầu của Gorgon, trên mào của Pallas và cây gậy phép của thần Thủy Tinh (Mercure); thần Phtah hay Râ của người Ai Cập; khu rừng cháy của Moise; cây cột lửa của kinh Di Trú (Exodus); hơi khói tiên tri của đền thờ Delphes; Linh khí của phái Rosecroix; chất Akâsha của huyền học Ấn Độ; Tinh Quang của huyền môn Kabala; hào quang và từ điển của phái Nhân Điện Học; khí lực tâm linh của ông Crookes, từ điển không khí của vài nhà Tự nhiên học và sau cùng là điện khí hay điện lực. Đó chỉ là những tên gọi khác nhau của nhiều hình thức biểu lộ hay hậu quả khác biệt của một nguyên nhân duy nhất, thấm nhuần tất cả vạn vật, tức Archeus của người Hy Lạp.

Sir Bulwer-Lytton trong quyển “Giống dân tương lai” viết như sau:

“Từ lâu, tôi đã có cái quan niệm, hầu như một sự tin tưởng chắc chắn, cũng như nhiều học giả khác về khoa học tự nhiên, rằng những hình thức biểu lộ khác nhau của những năng lực vật chất đều có MỘT NGUỒN GỐC CHUNG, hoặc nói khác đi, đều có quan hệ trực tiếp và tùy thuộc lẫn nhau một cách tự nhiên, đến mức có thể chuyển hóa lẫn nhau từ trạng thái này sang trạng thái khác và tác động với những khả năng tương đương.”

Những khám phá mới của khoa học vẫn luôn luôn được thực hiện để xác nhận lời tuyên bố táo bạo đó. Trong thời gian mới đây, nhà điện học Edison vừa khám phá được một năng lực mới, không giống tính chất như điện lực, trừ ra nguyên tắc dẫn điện. Nếu được chứng minh, nó có thể được gọi bằng một danh từ khoa học mới, nhưng nó cũng chỉ là một trong vô số những hình thức biểu lộ khác nhau của cái khí lực nguyên thủy đã có tự muôn đời, là chất Tinh Quang Đồng trình Vô nhiễm của huyền môn Kabala. Thật vậy, nhà phát minh ấy nói rằng “Cái năng lực mới này khác hẳn và cũng tác động theo những định luật nhất định như nhiệt lực, từ điện hay điện khí”. Tờ báo đăng bài tường thuật đầu tiên về vụ này nói thêm: “Ông Edison nghĩ rằng, năng lực ấy có liên quan với nhiệt lực và nó cũng có thể được tạo ra bởi những **phương tiện biệt lập và chưa được khám phá**”.

Một trong những sự phát hiện kỳ diệu nhất trong thời gian qua là việc phá hủy sự cách khoảng không gian giữa những giọng nói con người bằng ống điện thoại, một khí cụ do Giáo sư Graham Bell phát minh. Sự phát minh này căn cứ trên việc sử dụng **một thổi nam châm để giữ giọng nói và luồng sóng âm thanh được truyền đi bằng điện khí chuyển động hòa nhịp và cùng hợp tác với thổi nam châm**.

Do sự tác động của một nguyên lý nào đó chưa được hoàn toàn hiểu rõ, dòng điện chuyển đi làn sóng âm thanh khi giọng nói phát ra từ ống nói ở một đầu dây và người cầm ống nghe ở đầu dây

kia có thể nghe rõ từng tiếng và phân biệt được mỗi sự đổi giọng do sự cảm xúc của người nói.

Như vậy, trước những phát minh kỳ diệu của thế hệ ta và trước những khả năng huyền diệu khác nữa hãy còn tiềm ẩn và chưa khám phá trong cõi thiên nhiên vô tận, và hơn nữa, vì lẽ những phát minh về năng lực mới của Edison và điện thoại của Graham Bell rất có thể làm lung lay nếu không làm hoàn toàn đảo lộn tất cả những quan niệm của chúng ta về những luồng khí lực vô hình, thì những ai có ý nghĩ đối nghịch phải chăng tốt hơn hãy chờ xem những lời tuyên bố của chúng tôi có được xác nhận hay không bởi những phát minh mới nữa trong tương lai.

Nói về những phát minh đó, có lẽ người ta còn nhớ những truyện cổ xưa, trong đó có ngụ ý về một vài điều bí mật nào đó của các giáo sĩ thời cổ Ai cập nắm giữ. Nhờ nắm giữ những bí quyết đó mà họ có thể tức khắc truyền tin, trong những cuộc lễ điểm đạo huyền bí, từ ngôi đền này đến ngôi đền thờ khác dẫu cho cách biệt nhau đến bao xa trong không gian. Huyền thoại trong dân gian cho rằng đó là do những “chủng loại vô hình” trong không khí làm giao liên chuyển đưa thông điệp cho người trần gian. Ông P.B. Randolph, tác giả quyển “Con người tiền sử” cho biết trong thời gian du lịch ở Ai cập, ông đã tìm thấy bằng chứng rằng “Hoàng hậu Cléopâtre đã từng dùng một sợi dây để truyền tin tức đi khắp tất cả các thành phố, từ Heliopolis đến Eléphantine, trên vùng thượng lưu sông Nil”.

Những người chưa từng lưu ý đến vấn đề này có thể lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng, thời xưa, cổ nhân đã biết nhiều về cái khí lực huyền diệu thấm nhuần khắp chốn ấy mà gần đây, người ta đặt tên là Dĩ Thái Vũ trụ (The Universal - Ether).

Trước khi nói rõ hơn, chúng tôi muốn lặp lại một lần nữa trong hai chủ đề dứt khoát, những gì đã ngụ ý trước đây. Những

chủ đề này là những định luật đã chứng minh đối với các nhà thông thái thời cổ:

I. Những hiện tượng nhiệm mầu mệnh danh là những “phép lạ” bắt đầu từ thời Moise dẫn xuống đến Cagliostro, đã được nhà bác học Pháp De Gasparin giải thích rất đúng trong quyển sách của ông viết về các hiện tượng huyền linh là “hoàn toàn phù hợp với định luật tự nhiên”, tức là không còn là phép lạ nữa. Điện khí và từ điển chắc chắn đã được sử dụng trong việc thực hiện vài loại hiện tượng; nhưng ngày nay cũng như thời xưa, những mảnh lực ấy vẫn thường được vận dụng bởi những người nhay cảm. Họ sử dụng những sức mạnh ấy một cách **vô ý thức** do bởi cách thức cấu tạo lạ lùng của thể xác họ, nó tác động như một cơ quan dẫn điện đối với vài loại khí lực tinh vi mà khoa học chỉ biết một cách thiếu sót, mập mờ. Cái khí lực này vốn là nguồn gốc của vô số những đặc tính và hiệu năng mà phần nhiều khoa học vật lý ngày nay chưa biết gì cả.

II. Các hiện tượng về huyền thuật tự nhiên mà người ta thường thấy ở Ấn Độ, Ai cập và nhiều nước khác ở phương Đông không có liên hệ gì đến những trò biểu diễn ảo thuật, một đằng là hậu quả thể hiện tuyệt đối, do tác động của những mảnh lực huyền bí trong thiên nhiên, một đằng là kết quả giả tạo, dối trá của những trò xảo thuật, khéo tay, với sự trợ giúp của những người đồng lõa.

Các nhà thuật sĩ của tất cả mọi thời đại, môn phái và quốc gia đã làm được những hiện tượng lạ lùng bởi vì họ đã hoàn toàn quen thuộc với việc điều khiển, sử dụng những luồng sóng tinh quang của vũ trụ. Họ kiểm soát và hướng dẫn được những luồng khí lực này bằng sức mạnh của ý chí. Những hiện tượng nhiệm mầu ấy có hai loại: vật chất và tinh thần; loại trước gồm có những ảnh hưởng tác động trên những đối tượng vật chất, còn loại sau gồm những hiện tượng tâm linh của Mesmer và môn phái của ông.

LUỒNG KHÍ LỰC VÔ HÌNH

Môn phái Nhân điện học của **Mesmer** được tiêu biểu trong thời đại này bởi hai nhân vật lỗi lạc là **Du Potet** và **Regazzoni** mà những quyền năng nhiệm mầu đã được chứng minh ở Pháp và ở những nước khác. Khoa Nhân Điện học (Mesméisme) là ngành quan trọng nhất của nền Phương thuật (Magie). Những hiện tượng của nó là những hậu quả tác động của cái khí lực vũ trụ làm hậu thuẫn đằng sau một hiện tượng huyền linh, và trải qua mọi thời đại, đã tạo nên những sự việc diệu huyền mệnh danh là “phép lạ”.

Cổ nhân gọi đó là **Hồn Mang**, môn phái của Pythagore và Platon gọi là **Linh hồn của Thế giới**. Người Ấn Độ quan niệm đó là Thượng Đế dưới hình thức Dĩ Thái thẩm nhuần vạn vật. Nó là một khí lực vô hình nhưng có thể cảm xúc được. Cái khí lực huyền diệu, đa năng, đa diện đó được gọi bằng nhiều tên khác nhau như đã nói ở trên.

Khoa học cận đại, sau khi đã thất bại trong việc phủ nhận **từ điển động vật** đã bị bắt buộc phải chấp nhận nó như một sự kiện có thật. Ngày nay, từ điển được nhìn nhận như một đặc tính của thể chất con người và loài động vật; còn về ảnh hưởng tâm linh và huyền bí của nó thì các Hàn Lâm Viện khoa học của thế kỷ 19 hầy còn đang tranh chấp dữ dội hơn bất cứ lúc nào. Thật là một điều đáng tiếc khi những nhà đại diện của khoa học lại không thể giải thích hoặc đưa ra một giả thuyết hợp lý về tiềm năng huyền bí được chứa đựng trong một cục đá nam châm.

Chúng tôi bắt đầu có những bằng chứng rằng những tiềm năng đó vốn là yếu tố căn bản của những hiện tượng nhiệm mầu và bởi đó có thể giải thích những khả năng huyền bí của những nhà thuật sĩ cổ kim cùng những thành tích lạ lùng, kỳ diệu nhất của họ. Đó là những quyền năng mà Đức Jésus đã truyền đạt lại cho vài vị tông đồ của Ngài. Trong những lần chữa bệnh một cách

mâu nhiệm, Ngài đã cảm thấy một quyền năng từ thân mình Ngài toát ra.

Đó cũng là từ điển và nhân diện của Du Potet và những vị Minh sư khác, những vị này, khi đã đặt một người dưới ảnh hưởng từ điển của mình, có thể truyền cho họ tất cả những tư tưởng của mình dẫu rằng ở cách biệt một khoảng xa nhau, và với một quyền năng khó cưỡng lại, bắt buộc người thụ cảm tuân theo các mệnh lệnh bằng tư tưởng của mình. Nhưng các đạo gia cổ xưa còn biết hơn rất nhiều về sức mạnh tâm linh này. Chúng ta có thể lược lật vài kiến thức về vấn đề này từ nhiều nguồn tài liệu cổ. Pythagore đã dạy các môn đồ rằng Thượng Đế là trí khôn của vũ trụ ẩn tàng trong tất cả vạn vật và vì bởi tính chất đại đồng của nó, cái trí khôn ấy có thể được chuyển đạt từ một vật này sang một vật khác và làm cho nó sáng tạo mọi vật chỉ bằng sức mạnh ý chí của con người.

Vậy cái chất liệu nguyên thủy thần diệu đó là gì ? Lời ngụ ngôn ẩn dụ trong Kinh Sáng Thế (**Genèse**) gọi nó là **“mặt nước”**, hấp thụ **“Tinh thần của Thượng Đế”** xạ vào, làm cho nó có khả năng sinh hóa. Trong thần thoại Ai cập, Kneph, Thượng Đế trường cửu không biểu lộ được tượng trưng bằng hình biểu tượng một con rắn khoanh tròn chung quanh một vò nước, ngóc đầu trên **mặt nước** và áp nó bằng hơi thở của mình. Chất liệu nguyên thủy đó được diễn tả như có chứa đựng, hàm súc cái tinh hoa của tất cả những gì sẽ cấu tạo nên con người, mà còn chứa đựng **“Sinh khí”** trong trạng thái tiềm ẩn, sẵn sàng được kích động. Nó có được luồng sinh khí này do **Tinh thần của Thượng Đế lướt trên Mặt Nước** tức là xạ vào khối Hỗn mang; thật ra, chất liệu ấy chính là **Hỗn Mang** vậy.

Vậy thì cái **“Hỗn Mang sơ khai”** đó là gì, nếu không phải là Dĩ Thái ? Dĩ Thái này không phải là chất Dĩ Thái như các nhà bác học nhìn nhận mà như các triết gia cổ xưa đã biết từ lâu, trước

cả thời đại của ông Moise. Đó là chất Dĩ Thái với tất cả những tính chất huyền bí và thâm diệu của nó, vốn chứa đựng tiềm tàng những mầm giống của cơ sáng tạo vũ trụ. Dĩ Thái được quan niệm dưới biểu tượng Thánh Nữ Đồng Trinh vô nhiễm, Đức Mẹ tâm linh của mọi chúng sinh và mọi hình thức sinh hoạt, khi vừa hấp thu Tinh thần của Thượng Đế xạ vào trong lòng sâu thẳm của khối Hỗn Mang, liền phát sinh ra Tinh thần và Vật chất, Sức mạnh và Tác động. Thậm chí đến ngày nay, thực chất của điện lực, từ điện, nhiệt lực, ánh sáng và tác động hóa chất vẫn chưa được hiểu rõ và những sự kiện mới vẫn luôn luôn xuất hiện để nói rộng tầm hiểu biết của con người. Có ai biết rõ được tiềm năng của Dĩ Thái bao la, rộng lớn đến đâu và đâu là cái nguồn gốc bí nhiệm của nó ? Ai dám phủ nhận cái tinh thần tác động bên trong Dĩ Thái để từ đó sinh hóa mọi vật hữu hình ?

BRAHMA VÀ CƠ SÁNG TẠO

Trước hết, Vũ trụ quan của Bà la Môn giáo vạch rõ quan niệm sai lầm trong các nước văn minh, cho rằng người Ấn Độ vẫn coi Brahma (Phạm Thiên) như Đấng Thượng Đế tối cao. Thật ra Brahma là một vị thần ở vào hạng thứ yếu, và cũng như Jehovah, là một vị **“làm chuyển động mặt nước”**. Ngài là **Thần Sáng Tạo**, được hình dung bằng biểu tượng vị Thần có bốn đầu nhìn về bốn phương hướng của vũ trụ. Ngài là Đấng Kiến Trúc sáng tạo nên càn khôn thế giới. trong quyển **“Thần thoại Ấn Độ”**, tác giả Polier viết: “Trong trạng thái nguyên thủy của cơ sáng tạo, vũ trụ sơ khai tiềm ẩn dưới **đáy nước**, yên nghỉ trong lòng của Vô Cực. Xuất hiện ra từ chỗ hỗn mang tăm tối đó, Brahma, Đấng sáng tạo của thế giới nằm nghỉ trên một lá sen thả trên **mặt nước**, không thể phân biệt được gì khác hơn là nước và bóng tối”.

Nhìn thấy trạng thái hỗn mang khủng khiếp đó, Brahma hoang mang tự hỏi: “Ta là ai ? Ta từ đâu đến đây ?” Khi đó, Ngài nghe một tiếng nói: “Hãy hướng lời cầu nguyện lên Thượng Đế,

túc Đấng Vô Cùng, cũng gọi là **Parabrahma** (Đại Phạm Thiên)". Brahma bèn cất mình ngồi dậy trong tư thế thiền định và hướng tư tưởng về Đấng Vô Cùng. Hải lòng về sự biểu lộ sùng kính ấy, Thượng Đế bèn dẹp tan bóng tối nguyên thủy và khai mở sự thông suốt cho Brahma." Sau đó, Brahma mới thoát ra khỏi bóng tối hỗn mang như một tia sáng vì sự thông suốt của Ngài đã được khai mở và bắt tay vào việc: Ngài chuyển động **trên mặt nước** trường cửu với tinh thần của Thượng Đế ngự bên trong, với tư cách làm **chuyển động mặt nước** ấy, Ngài là **Narayana**".

Hoa sen, được người Ai cập cũng như người Ấn Độ coi như loại hoa thiêng liêng, là biểu tượng của Horus cũng như của Brahma. Với người Ấn Độ, hoa sen là biểu tượng của khả năng sinh hóa trong thiên nhiên xuyên qua tác động của lửa và nước (tinh thần và vật chất).

Với tín đồ Phật giáo, hoa sen cũng có ý nghĩa tương tự. Bà Hoàng hậu Maya, trước khi sinh ra Thái tử Gautama, đã được báo mộng do Đức Bồ tát (hóa thân của Phật) hiện ra bên cạnh giường nằm của bà, tay cầm một cánh hoa sen.

Tất cả những sự kiện ấy đều chứng tỏ có sự đồng nhất về nguồn gốc của quan niệm trên trong ba hệ thống tôn giáo Ấn Độ, Ai cập và Do thái. Trong mọi trường hợp mà cánh hoa sen được dùng làm biểu tượng, nó ngụ ý sự phóng phát tư tưởng vĩnh cửu của Thượng Đế từ trạng thái vô vi, trừu tượng trở thành cụ thể, hữu hình; sự chuyển hóa từ trạng thái chủ thể ẩn tàng sang trạng thái khách thể và biểu lộ ngoại tại. Đó là bởi vì khi bóng tối được dẹp tan và ánh sáng xuất hiện, sự thông tuệ của Brahma được khai mở và Ngài nhìn thấy trong cái thế giới lý tưởng (trước đó vẫn còn tiềm ẩn trong Tư tưởng Thiêng liêng) những hình thể kiểu mẫu của tất cả muôn loài sẽ được sáng tạo và biểu lộ sắc tướng hữu hình. Trong giai đoạn hành động đầu tiên này, Brahma vẫn chưa trở nên Đấng tạo tác vũ trụ càn khôn, vì cũng như nhà kiến trúc,

trước hết, Ngài phải phác họa kế hoạch và nhận thức những hình thể lý tưởng hãy còn tiềm ẩn trong lòng của Đấng Vô cùng, cũng như những cánh hoa sen tương lai hãy còn ẩn dấu bên trong hột giống của nó.

MÃNH LỰC TỪ ĐIỂN

Học giả Orioli, nhân viên Viện Cao học nước Pháp có đưa ra nhiều trường hợp cho thấy những ảnh hưởng mẫu nhiệm của ý chí, tác động trên cái khí lực vô hình đa năng đa hiệu của cõi thiên nhiên. Ông nói: "Tôi đã thấy những người chỉ thốt lên vài từ ngữ bí mật đã chặn đứng những con bò rừng và ngựa đang chạy hết tốc lực và làm cho một mũi tên bắn ra đứng sững lại trên không trung." Ông Thomas Bartholini cũng quả quyết y như thế.

Du Potet nói: "Khi tôi vẽ một đạo bùa X... bằng phấn hay than trên mặt đất, nó có tác dụng thu hút người nào bước lại gần, giữ chân y lại và y không thể nào vượt qua lần mức đã vạch. Một mãnh lực vô hình bắt buộc y đứng yên một chỗ. Một lúc sau, y không tự chủ được nữa và bật lên tiếng khóc nức nở... Nguyên nhân không phải do nơi tôi mà hoàn toàn do nơi mãnh lực của đạo linh phù".

Trong một loạt những cuộc thí nghiệm kỳ thú do ông Regazzoni thực hiện trước một số các vị bác sĩ Pháp nổi tiếng tại Paris, có lần ông dùng ngón tay vẽ một lần mức tưởng tượng trên mặt đất, trên đó ông đưa tay khoát vài cái để truyền điện. Trước đó, đã có sự thỏa thuận rằng những người thụ cảm do Ủy ban thí nghiệm chọn lựa và hoàn toàn xa lạ với ông sẽ được đưa vào phòng với đôi mắt bịt kín và để cho họ bước tới chỗ lần mức đã vạch mà không ai nói gì để cho họ biết việc gì sắp xảy ra. Những người ấy thân nhiên bước tới, lòng không nghi ngờ cho đến khi họ đến chỗ bức rào vô hình. Đến lúc đó, hai chân của họ bị dính chặt trên mặt đất, dường như thành linh bị giữ lại bởi một sức mạnh vô hình, trong khi thân mình họ còn đang có trớn do sức vận động đẩy tới,

bền té ngã sấp xuống đất. Hai chân họ thành linh cứng đờ như xác chết và những gót chân họ bị trồng dính ngay tại chỗ bức rào vô hình.

Trong một cuộc thí nghiệm khác, có sự sắp đặt trước rằng khi một trong những vị bác sĩ đưa mắt ra hiệu, một cô thiếu nữ bị mất được đặt dưới luồng từ điển do ý chí của ông Regazzoni phóng ra sẽ ngã xuống đất dường như bị sét đánh. Cô ấy đứng cách nhà phóng xạ điển độ một khoảng, vị bác sĩ ra hiệu và ngay khi đó, cô thiếu nữ bị làm cho té xuống đất mà không ai thốt lên một lời hay làm một cử động nào. Một người trong cử tọa do phản ứng tự nhiên, đưa tay ra đỡ cô gái nhưng ông Regazzoni bèn quát to lên: "Đừng đụng vào mình cô, hãy để cô ấy té, người được truyền điện bị té ngã không bao giờ bị đau". Một nhân chứng là ông Des Mousseaux thuật lại chuyện này nói rằng: "Thân mình cô cứng như đá cẩm thạch, đầu cô không chấm đất, một tay cô duỗi thẳng trên không, một chân cũng đưa thẳng lên còn chân kia nằm sát mặt đất. Cô ta vẫn giữ nguyên tư thế lạ lùng đó trong một thời gian rất lâu, toàn thân đều cứng đờ như một pho tượng đồng".

Tất cả những hiện tượng được chứng kiến trong những cuộc thí nghiệm của các diễn giả khác về vấn đề nhân điện học đều được ông Regazzoni thực hiện đến mức hoàn hảo và không một lời thốt ra để người thụ cảm biết y phải làm gì. Thậm chí, chỉ bằng sức mạnh ý chí thầm lặng, ông đã gây nên những ảnh hưởng lạ lùng nhất trên cơ cấu thể chất của những người hoàn toàn xa lạ. Những chỉ thị do Ủy ban thì thầm vào lỗ tai ông Regazzoni liền được những thụ nhân tuân theo ngay tức khắc, những người này trước đó đã được bịt kín hai lỗ tai bằng bông gòn và bịt kín hai mắt bằng những cuộn băng. Hơn nữa, trong vài trường hợp, Ủy ban cũng không cần nói cho nhà truyền từ điển biết họ muốn gì và những ước muốn thầm lặng của họ cũng được tuân theo một cách hoàn toàn chính xác.

Những cuộc thí nghiệm tương tự đã được ông Regazzoni thực hiện tại Anh quốc, khi đó, ông đứng cách xa người thụ cảm một khoảng đến ba trăm bộ. Điều gọi là “con mắt độc” (*jettatura*) chỉ là sự điều khiển luồng từ điển vô hình đó kèm theo với một ý chí độc ác và thù hận từ một người này phóng ra với ý đồ muốn làm hại một người khác. Sức mạnh đó có thể được dùng vào một mục đích tốt lành cũng với hiệu quả tương đương như khi dùng vào một mục đích bất hảo. **Trong trường hợp dùng làm điều thiện, đó là phương thuật, trong trường hợp làm điều ác, đó là ma thuật hay phù thủy.**

Ánh sáng thiêng liêng xuyên qua đó linh hồn nhận thức mọi việc của quá khứ, hiện tại và tương lai dường như những hình ảnh rơi vào một tấm kính; luồng tư tưởng độc ác giết người do một cơn nóng giận trong chốc lát phóng ra hay vào lúc cực điểm của một sự thù hận lâu dài; ân huệ tốt lành xuất phát từ một tấm lòng từ ái hoặc đầy ân nghĩa và sự trù ẻo nhắm vào một đối tượng, tất cả đều phải đi xuyên qua chất Tinh quang, dĩ thái hay Akasha, bằng bạc khắp nơi khắp chốn trong vũ trụ càn khôn. Tùy nơi cái động lực tốt lành hay bất hảo vận chuyển mà nó làm cho khí lực trung gian ấy tác động như một luồng khí vận thiêng liêng của Thượng Đế hay như một luồng ác xạ của loài quỷ dữ.

Chắc hẳn độc giả sẽ hỏi: vậy chớ cái khí lực vô hình mà toàn diện đó là gì ? Tại sao những phương pháp khoa học của chúng ta đều có hoàn bị đến đâu lại không bao giờ khám phá được một đặc tính mầu nhiệm nào chứa đựng trong đó ? Chúng tôi có thể trả lời rằng không phải vì lý do các nhà bác học cận đại không biết gì mà nó lại không có tất cả những đặc tính mà các triết gia cổ xưa đã gán cho nó. Khoa học bác bỏ một việc ngày hôm nay mà ngày mai nó có thể bị bắt buộc phải chấp nhận. Không đây một thế kỷ trước đây, Hàn Lâm Viện phủ nhận thuyết điện khí của Franklin và ngày nay không có một nhà nào mà không cắm một ống thu lôi

trên óc. Các nhà bác học cận đại, do óc hoài nghi cố chấp và thiếu sáng suốt, thông minh thường vẫn tái diễn cái trò như vậy.

CHƯƠNG BA

TỪ KHÍ VÀ NHÂN ĐIỆN



Trong quyển “Hóa học mới”, giáo sư Cooke viết:”Lịch sử Khoa học cho thấy rằng thế hệ loài người phải được chuẩn bị trước khi những sự thật của khoa học có thể đứng vững và phát triển. Những mầm giống tốt của khoa học không nảy nở được vì bị gieo trên một mảnh đất cằn cỗi, và khi thời giờ đã điểm, hạt giống ấy mới đâm chồi nảy lộc... Mọi người sinh viên đều ngạc nhiên mà thấy rằng một chân lý mới rất ít được ai biết đến đến nỗi do bậc thiên tài lỗi lạc nhất phát minh ra để bổ túc thêm vào cái kho tàng kiến thức của nhân loại.”

Đó là một trong những nhận xét đúng đắn nhất mà một nhà khoa học đã từng phát biểu. Sự biến chuyển lớn lao mà ngành hóa học đã trải qua trong thời gian gần đây đã đến rất đúng lúc để kêu gọi sự chú ý của các nhà hóa học đến sự kiện này; và sẽ không phải là một điều lạ lùng nếu những lý thuyết của các nhà Luyện kim học của thời xưa được đem ra xem xét một cách vô tư, và nghiên cứu theo quan điểm hợp lý. Có lẽ một ngày kia, người ta sẽ nhận thấy rằng vài nhà hóa học cận đại, với những khám phá mới của họ, đã dọn đường cho việc nhận xét đúng mức giá trị của Paracelse.

Những nguyên nhân các chứng bệnh tật thống khổ của nhân loại, những tương quan bí nhiệm giữa thể chất và tâm linh mà các nhà khoa học cận đại vẫn khổ công tìm kiếm vài manh mối để

làm nền tảng cho những sưu tầm của họ, những phương thuốc và phép trị liệu cho mọi bệnh tật của thể xác con người, tất cả đều được diễn giải đầy đủ trong những tác phẩm đồ sộ của Paracelse. Khoa điện từ học, mà người ta cho là một phát minh của giáo sư Oersted đã từng được Paracelse áp dụng từ ba thế kỷ trước. Điều này có thể được chứng thực bằng cách xem xét và phân tích phương pháp chữa bệnh của ông, Không cần nói nhiều về những công trình của ông về ngành hóa học vì những tác giả vô tư và không thành kiến đều nhìn nhận rằng ông là một trong những nhà hóa học ưu tú nhất đương thời. Những học giả khác như Brierre de Boismont coi ông như một thiên tài và đồng ý với Deleuze rằng ông đã tạo một kỷ nguyên mới trong lịch sử Y khoa. Bí quyết chữa khỏi bệnh của Paracelse mà người đời coi như những phép chữa nhiệm mầu là do sự khinh thường của ông đối với những “thế lực uy tín” về Y khoa đương thời. Paracelse nói: “Trong khi học hỏi, tìm biết sự thật, tôi tự nhủ rằng nếu trên đời này không có những vị Y sư, tôi sẽ học nghề y được bằng cách nào ? Không bằng cách nào khác hơn là học trong quyển sách lớn và mở rộng của thiên nhiên được viết bằng bàn tay của Thượng Đế... Tôi bị tố giác và lên án vì đã không bước vào nghề bằng cửa chính. Nhưng cửa nào là cửa chính ? Các y sư Galien, Avicenne, Mesue, Rhasis chẳng ? Hay là cõi thiên nhiên chân thật ? Tôi tin nơi cái cửa sau cùng này ! Tôi đã bước qua cái cửa đó và ánh sáng của thiên nhiên chứ không phải ngọn đuốc của một y sư nào, đã soi đường cho tôi”.

Sự khinh bỉ những luật lệ và công thức khoa học cố định, nguyện vọng hòa hợp với thiên nhiên để tìm sức khỏe, ân sủng và ánh sáng chân lý là nguyên nhân sự thù ghét của người đương thời đối với nhà phương sĩ luyện kim và triết gia này. Paracelse còn là nhà sáng lập nên môn phái Nhân Điện Học và đã khám phá những đặc tính bí nhiệm của từ thạch (đá nam châm). Ông bị người đương thời lên án là một nhà phù thủy vì ông đã chữa khỏi

bệnh một cách nhiệm mầu. Ba trăm năm sau, bá tước Du Potet cũng bị Hội Thánh La Mã tố giác là thực hành khoa phù thủy và bị các Hàn Lâm Viện Âu Châu tố giác là “lang băm” lừa bịp.

Chúng tôi sẽ nói vắn tắt về sự xuất hiện của ngành Nhân Điện học ở Paris khi nó được Ông Anton Mesmer du nhập vào từ nước Đức. Nếu có dịp xem xét những tài liệu cũ trong văn khố lưu trữ của Hàn Lâm Viện tại Paris, người ta sẽ thấy rằng sau khi đã luân phiên bác bỏ tất cả mọi phát minh khoa học kể từ thời Galilée, các nhà Hàn Lâm nay lại quay lưng đối với vấn đề từ khí và nhân điện. Họ cố tình khép chặt mọi cánh cửa trước mặt họ, những cánh cửa đưa vào những bí mật lớn nhất của thiên nhiên vốn ẩn tàng trong những khu vực tối tăm của thế giới tâm linh cũng như của thế giới vật chất. Bây giờ, sau gần một thế kỷ, chúng ta đọc được của họ lời thú nhận sau đây:

“Thật ra thì, ngoài vòng quan sát trực tiếp, khoa hóa học của chúng ta không phải là không thể lỗi lầm và những lý thuyết cùng hệ thống khoa học, mặc dù có thể chứa đựng một phần nào sự thật, vẫn chịu những sự biến đổi thường xuyên và thường bị đảo lộn”

Khẳng định một cách độc đoán rằng Nhân Điện Học và từ khí sinh vật chỉ là những vấn đề ảo tưởng là vô tình ngụ ý rằng những vấn đề đó có thể chứng minh. Nhưng đâu là những bằng chứng mà chỉ có khoa học mới có thẩm quyền quyết định ? Cơ hội đã đưa đến cả ngàn lần cho các nhà bác học trong Hàn Lâm Viện để nhận biết sự thật nhưng họ vẫn luôn luôn từ chối. Các nhà chữa bệnh bằng khoa nhân điện đã luống công vô ích mà nêu ra chứng cứ của những người đui mù, câm điếc, què quặt, tê liệt và hấp hối đã từng được chữa khỏi bệnh, hoặc được phục sinh chỉ bằng cách dùng bàn tay truyền điện như các vị tông đồ giáo phẩm Gia Tô ngày xưa. Câu trả lời thông thường là: “Trùng hợp ngẫu nhiên” khi sự việc đã quá rõ ràng để có thể bị tuyệt đối phủ nhận.

Một số rất đông những kẻ hoài nghi cho đó là “bịa đặt”, “nói thêm”, “trò lang băm” vv... Nhà chữa bệnh nổi tiếng Newton ở Mỹ đã chữa khỏi một cách nhanh chóng nhiều bệnh nhân hơn những y sĩ tài ba của thành phố New York đã chữa suốt đời của họ. Ông Jacob Zouave cũng đã thành công như vậy ở Pháp. Những bằng chứng dồn dập liên tiếp như vậy trong bốn mươi năm qua, phải chăng tất cả đều là những ảo tưởng, những “trò lang băm”, những chuyện chỉ có trong cơn mơ hoảng?

Những hiện tượng thần linh như hồn ma chụp ảnh, gõ nhịp, xây bàn, giáng cơ, giáng ngôn, chí đến hồn ma hiện hình đều có thể bị giả mạo; không có một hiện tượng nào xảy ra ở Âu Mỹ hiện nay mà không thể bắt chước hoặc ngụy tạo bởi một nhà ảo thuật khéo léo. Chỉ có những hiện tượng cụ thể và kỳ diệu của khoa Nhân Điện là mới thách thức những kẻ lừa bịp, kẻ hoài nghi, những nhà khoa học và những đồng tử ma giáo, bọn bất lương, bởi vì **trạng thái xuất thần là một trạng thái không thể giả mạo được**. Những nhà Thần linh học muốn tuyên dương những chủ thuyết của họ và muốn được khoa học chấp nhận, thường tập luyện khoa truyền nhân điện hay thôi miên.

Trên một diễn đàn công cộng, một người nữ được đặt vào một giấc ngủ thôi miên, trầm trệ, mê man. Nhà thôi miên có thể dẫn dụ linh hồn ấy đi ngao du đến bất cứ nơi nào tùy ý muốn của quan khách; thử thách khả năng linh nhãn và linh thị của cô ấy, đâm kim gút vào bất cứ chỗ nào trên thân thể cô mà nhà thôi miên đã dùng bàn tay truyền điện trước đó; đâm kim vào lớp da phía dưới mí mắt, dùng lửa đốt, dùng dao bén cắt vào da thịt cô ấy. Các chuyên gia lão thành về thôi miên như Regazzoni và Du Potet, Teste và Pierrard, Puysegur và Dolgorouky đều đồng thanh bảo rằng: “Đừng sợ gì cả ! **Một người trong trạng thái xuất thần hay thôi miên không hề biết đau !**” Và khi làm thí nghiệm đó, hãy mời một kẻ hoài nghi trong cử tọa sẵn sàng chê cười, nhạo báng và

tự cho rằng mình giỏi bắt chước nhái theo mọi hiện tượng thần linh, hãy thử đặt thể xác của y dưới những sự thử thách tương tự.

CUỘC THÍ NGHIỆM CỦA MESMER

Trong quyển “Bảo tồn Năng lực”, giáo sư Stewart coi vũ trụ như được cấu tạo bằng nguyên tử với một khí lực trung gian làm động cơ để kết hợp nguyên tử lại thành vật chất và có những định luật cai quản sự vận chuyển động cơ đó. Giáo sư Youmans gọi đó là “một thuyết hiện đại”, nhưng chúng tôi tìm thấy trong 27 điều của Mesmer nêu ra từ năm 1775, trước đó một thế kỷ, có những điều sau đây:

1. Có một ảnh hưởng hỗ tương giữa các thiên thể, trái đất và những thân thể sinh vật.
2. Một khí lực bàng bạc khắp trong vũ trụ và liên tục đến mức không dung nạp một khoảng trống, mà tính chất tế vi đến tột điểm, ngoài mọi sự so sánh, và do bởi tính chất của nó, nó có khả năng thu nhận, phổ biến và truyền đạt tất cả mọi ấn tượng của sự vận chuyển, là môi trường trung gian của ảnh hưởng nói trên.

Xét theo điều kiện trên thì thuyết này cũng không mới lạ gì. Giáo sư Balfour Stewart nói: “Chúng ta có thể coi vũ trụ dưới khía cạnh của một thứ động cơ vật chất vĩ đại “.

3. Tác động hỗ tương đó bị chi phối bởi những định luật máy móc vẫn còn chưa được biết cho đến ngày nay.

Giáo sư Mayer khẳng định lại thuyết của Gilbert cho rằng Trái Đất là một khối nam châm lớn, nhận xét rằng những sự biến đổi bí mật về cường độ mãnh lực của nó dường như bị chi phối bởi những phóng phát từ Mặt Trời. Ông có nói về sự “trôi sụt thường xuyên, ví như mực nước thủy triều lên xuống của ảnh hưởng từ khí của Trái Đất.”

4. Do bởi tác động đó mới có những ảnh hưởng luân chuyển tuần hoàn có thể coi như mực thủy triều lên xuống.

5. Chính do bởi tác động đó (là thứ quảng bá đại đồng nhất trong những tác động khác của thiên nhiên) mới diễn ra những mối tương quan hoạt động giữa các thiên thể, Trái Đất và những thành phần cấu tạo của nó.

Ngoài ra, còn hai điều nữa là những điều lý thú để lưu ý các nhà bác học:

6. Những đặc tính của vật chất và của mọi tổ chức cơ thể sinh vật đều tùy thuộc nơi tác động trên.

7. Cơ thể sinh vật kinh nghiệm được những ảnh hưởng luân chuyển trời sục của cái khí lực đó; và chính bằng cách đột nhập vào chất liệu của những đường dây thần kinh mà nó ảnh hưởng tức khắc đến thần kinh hệ con người.

Những cuộc thí nghiệm của Mesmer được cải tiến rất nhiều do công trình của hầu tước De Puységur, ông này cũng đã chữa khỏi bệnh bằng nhân điện cho nhiều người. Năm 1826, Hàn Lâm Viện Pháp đề cử một Ủy ban 11 người để nghiên cứu về vấn đề này. Ủy ban này đã làm việc suốt trong năm năm và đệ trình lên Hàn Lâm Viện những kết quả đã đạt được. Trong bản báo cáo, đại khái có những điểm tóm lược như sau. Họ quả quyết rằng những động tác dùng bàn tay truyền điện không phải luôn luôn là cần thiết, vì trong nhiều trường hợp, nhà thí nghiệm chỉ cần vận dụng ý chí, nhãn quan (nhìn không chớp mắt) cũng đủ gây nên kết quả dẫu rằng người bị truyền từ điển (hay thôi miên) không hay biết gì cả. Những hiện tượng chữa khỏi bệnh chỉ do nơi mãnh lực từ điển mà thôi.

Trạng thái thụ du (somnambulisme) vốn có, và tạo nên sự phát triển những khả năng mới, được gọi bằng những danh từ linh thị (hay thần nhãn), trực giác, tiên kiến, tiên tri. Giấc ngủ thôi

miên đã được tạo nên trong những trường hợp mà người thụ cảm không thể nhìn thấy và hoàn toàn không hay biết về những gì xảy ra ở chung quanh. Nhà truyền điện, một khi đã chế ngự được người thụ cảm, có thể đặt y hoàn toàn vào trạng thái thụ du, đưa y ra khỏi trạng thái đó mà y không hay, ngoài tầm mắt của y, ở cách một khoảng xa và xuyên qua một gian phòng mà cửa đã đóng chặt. Những giác quan của người thụ cảm được đặt trong giấc ngủ thôi miên dường như hoàn toàn tê liệt. Họ không còn nghe những tiếng động thành linh đưa đến từ bên ngoài, chẳng hạn như tiếng soong chảo bằng đồng, thau cố tình đập mạnh ngay bên tai họ hoặc tiếng những vật nặng rơi xuống đất, vv... Người ta có thể dùng một cái lông gà hay vịt, rà nhẹ dưới hai bàn chân, hai lỗ mũi và hai khoeo mắt họ, ngắt véo da thịt họ thật mạnh, đâm những cây kim dài dưới những móng tay họ cho lút vô thật sâu mà không làm cho họ nhột nhạt, đau đớn, thậm chí họ cũng không có vẻ hay biết gì cả. Chúng tôi đã thấy một người trong trạng thái đó hoàn toàn không biết xúc cảm trong một cuộc giải phẫu rất đau đớn, trong khi đó thái độ, cử chỉ, nhịp độ mạch máu hay tiết điệu hơi thở của y tuyệt nhiên không hề biểu lộ một cảm xúc nào.

Bấy nhiêu đó cũng đủ diễn tả phản ứng của giác quan bên ngoài; bây giờ, chúng ta hãy nhận xét về những phản ứng tâm linh nội tại. Ủy ban cho biết: “Trong khi họ ở trong trạng thái thụ du, những người được truyền điện mà chúng tôi đã quan sát vẫn vận dụng những khả năng của họ như lúc bình thường. Trí nhớ của họ lại còn có vẻ chính xác và bao quát hơn... Chúng tôi đã thấy hai người thụ du với hai mắt bịt kín có thể phân biệt những đồ vật đặt trước mặt họ, họ đã nói đúng màu sắc và lá bài nào mà không sờ mó đến những vật ấy, họ đã đọc những chữ viết bằng ngón tay trong khoảng không hay vài hàng chữ trong sách tình cờ lật ra trước mặt họ. Hiện tượng đó đã diễn ra, đầu cho trong khi những mí mắt họ được bịt kín bằng ngón tay. Chúng tôi có gặp hai người thụ du có khả năng biết trước những động tác phức tạp của cơ

thể. Một người đã nói trước nhiều ngày, có khi nhiều tháng, ngày, giờ, phút xảy ra những cơn khủng hoảng của chứng bệnh phong giật tái diễn từng kỳ hạn liên tiếp; người kia tiên liệu trước thời gian được chữa khỏi. Những sự tiên liệu này đã xảy ra một cách vô cùng chính xác.

TRÍ NHỚ CỦA THƯỢNG ĐẾ

Trong giới khoa học cũng có nhiều thành phần khác nhau. Nếu khoa học huyền bí bị tổn thương như trường hợp của khoa thần linh học hiện đại vì ác ý của một giới bác học thì một mặt khác, trải qua tất cả mọi thời đại, nó cũng đều có những người bênh vực, chở che trong số những nhà bác học lỗi lạc đã lừng danh khắp thế giới. Ở vào hàng đầu của giới này là Isaac Newton, một người hoàn toàn tin tưởng nơi mãnh lực từ điển, theo như chủ thuyết của Paracelse, Van Helmont và những triết gia cổ xưa nói chung. Không ai đã dám phủ nhận thuyết hấp dẫn lực trong vũ trụ của Ông chỉ là một lý thuyết về từ lực. Những lời giải thích của Ông có nghĩa là Ông đã căn cứ tất cả những lập luận của Ông trên nền tảng “Linh hồn của thế giới”, tức là cái khí lực từ điển bàng bạc trong vũ trụ mà Ông gọi là “tâm thức thiêng liêng” (divine sensorium).

Ông nói: “Đó là một tinh hoa rất tế nhị, nó thấm nhuần tất cả vạn vật, chí đến những vật thể cứng rắn nhất, và ẩn tàng trong chất liệu của những vật thể ấy. Qua mãnh lực và tác động của chất tinh hoa đó, những vật thể thu hút lẫn nhau và kết hợp lại khi có sự tiếp xúc, đụng chạm với nhau. Nhờ nó, những cơ thể điện khí tác động ở cách khoảng xa xôi nhất trong không gian cũng như khi ở gần trong tầm tay, thu hút và xô đẩy nhau. Cũng xuyên qua chất tinh hoa đó mà ánh sáng lưu chuyển, khúc chiết và phản chiếu, và sưởi ấm các vật thể. Do bởi các tinh hoa đó mà tất cả mọi giác quan được kích động và loài động vật có thể cử động, di chuyển. Nhưng những sự kiện này không thể giải thích vắn tắt trong vài

hàng chữ và chúng tôi cũng chưa có đủ kinh nghiệm để xác định đầy đủ những định luật cai quản tác động của tinh hoa đó trong vũ trụ.”

Có hai loại tác động trong phương pháp truyền từ điển: loại thứ nhất thuộc về từ khí sinh vật còn loại kia tác động trên địa hạt siêu nhiên, vốn tùy thuộc nơi ý chí và sự hiểu biết của người truyền điển cũng như tùy nơi trình độ tâm linh của người thụ cảm và khả năng linh thị của y để tiếp nhận những ấn tượng của chất tinh quang. Nhưng bây giờ, người ta đã gần như biết chắc chắn rằng khả năng linh thị tùy thuộc nơi người truyền điển nhiều hơn là người thụ cảm. Trước cái quyền năng của một chuyên gia lão luyện như Du Potet, người thụ cảm “chai đá” nhất cũng phải chịu khuất phục. Nếu thị giác của y được điều khiển hữu hiệu bởi một người truyền điển, một nhà thuật sĩ hay một vong linh khuất mặt thì ánh sáng sẽ phơi bày những ký ức bí mật nhất của nó trước mắt chúng ta. Đó là bởi vì, nếu đó là một quyển sách khép chặt đối với những kẻ “có mắt mà không nhìn thấy” thì một mặt khác, nó luôn luôn mở rộng cho người nào **mong muốn** thấy nó được mở ra. Nó giữ gìn những di tích toàn vẹn của tất cả những gì đã có, đang có và sẽ có trong Trời Đất. Những hành vi nhỏ nhặt nhất trong đời và chí đến những tư tưởng của chúng ta đều có ghi tạc trên đó những hình ảnh sâu đậm không thể phai mờ. Đó là quyển sách do vị thiên thần mở ra trong kinh Mặc Khải (Révélation), tức là quyển sổ Thiên Tào, do đó, người chết được phán xét tùy theo những hành động của họ hồi thuở sinh tiền. Nói tóm lại, đó là Trí Nhớ của Thượng Đế !

Lời “Sấm ngôn Chaldée” của Zoroastre nói: “Ấn tượng của những tư tưởng, tính tình con người và những linh ảnh thiêng liêng khác xuất hiện trong chất dĩ thái... Những sự vật vô hình được tượng hình trong đó”.

Như vậy, minh triết cổ kim, sấm ngôn và khoa học đều đồng thanh xác nhận giáo lý huyền môn Kabala. Chính trên chất tinh quang bất diệt được ghi ấn tượng của mọi tư tưởng mà chúng ta cảm nghĩ và mọi hành vi mà chúng ta làm, và những diễn biến tương lai - hậu quả của những nguyên nhân quên mất từ lâu - đã tượng hình một cách sống động, rõ rệt để cho nhà linh thị và tiên tri theo dõi bằng nhãn quan của mình. Trí nhớ, - sự thất vọng của nhà duy vật, bí hiểm của nhà tâm lý học, điều khó nghĩ của nhà khoa học - đối với người học Đạo, nó chỉ là một danh từ để chỉ cái quyền năng mà con người vận dụng một cách vô thức để nhìn bằng nhãn quang nội tạng vào chất tinh quang của vũ trụ và nhìn thấy trong đó những hình ảnh, dấu tích của những sự việc và biến cố đã qua trong dĩ vãng.

Ký ức về cuộc đời đã qua, nó xuất hiện mau như chớp trong óc của người hấp hối hay người chết đuối - giống như cảnh vật trong đêm tối xuất hiện trước mắt người lữ hành dưới những tia chớp của cơn giông - chỉ là cái phim ảnh đột suất mà linh hồn vật lộn với Tử thần nhìn thấy trong cái kho ký ức của thiên nhiên, diễn lại toàn vẹn lịch sử kiếp sống vừa qua của y với những chi tiết rõ rệt.

KÝ ÚC CỦA LINH HỒN

Một sự kiện thông thường mà mọi người đều biết, được xác nhận bởi kinh nghiệm bản thân của đa số người là chúng ta thường nhận ra như là những điều rất quen thuộc, những cảnh vật, nhân vật xa lạ và những câu chuyện mà chúng ta chỉ mới nghe lần đầu và đôi khi ở những xứ lạ mà trước đây chúng ta chưa đặt chân đến bao giờ. Sự kiện này cũng là do kết quả của những nguyên nhân giống như đã kể trên. Những người tin nơi thuyết luân hồi cho đó là một bằng chứng xác nhận thêm rằng con người đã từng sống những kiếp trước. Họ cho rằng việc nhận ra những nhân vật, cảnh vật và những xứ xa lạ mà người ta chưa bao giờ quen biết là

lý do ký ức của linh hồn thành linh nhớ lại những kinh nghiệm đã trải qua trong những kiếp quá khứ. Nhưng cổ nhân cũng như các triết gia thời trung cổ lại có một quan niệm ngược lại.

Họ khẳng định rằng tuy đó là một trong những lý lẽ xác đáng nhất để chứng minh tính cách bất tử và tiền kiếp của linh hồn, nhưng vì linh hồn cũng có một trí nhớ cá biệt, riêng tư, ngoài trí nhớ của bộ óc thể chất, nếu đó không phải là một bằng chứng của sự luân hồi. Eliphas Levi nói một cách thi vị rằng: “Thiên nhiên khép chặt cửa đàng sau mọi việc gì đã đi qua và đẩy sự sống đi tới” để tiến lên những hình thể hoàn hảo hơn. Con nhộng trở thành con bướm và con bướm không bao giờ trở lại thành con sâu. Trong những giờ yên tĩnh ban đêm, khi những giác quan trở nên vô tri bất động và xác phàm nằm yên trong giấc ngủ mê, thể cảm dục của con người hoạt động tự do. Nó xuất ra khỏi cái ngục tù của thể xác và như Paracelse nói, nó giao tiếp với thế giới bên ngoài và đi chu du khắp các cõi hữu hình cũng như vô hình.

Những giấc chiêm bao, linh tính báo trước, những sự việc tiên tri, báo điềm, báo mộng đều là những ấn tượng của linh hồn ghi lại trên bộ óc vật chất, bộ óc chúng ta tiếp nhận những ấn tượng đó rõ ràng hay không tùy nơi tỷ lệ máu huyết mà nó được cung cấp, nuôi dưỡng trong giấc ngủ. Thể xác càng mệt mỏi thì linh hồn càng hoạt động tự do và những ấn tượng do trí nhớ của linh hồn ghi lại càng rõ rệt và sống động. Sau một giấc ngủ say sưa mê man, không mộng mị và bị gián đoạn, khi thức dậy, đôi khi người ta không nhớ gì cả. Nhưng những ấn tượng về những cảnh vật mà thể cảm dục đã tiếp xúc trong lúc ngao du bên cõi Trung giới vẫn còn đó tuy rằng trong trạng thái tiềm ẩn dưới áp lực của vật chất. Những ấn tượng đó có thể được khơi động bất cứ lúc nào và chừng đó, trong những cơn đột suất của ký ức nội tạng trong con người, tức khắc có một sự trao đổi năng lực văng lai giữa các cõi giới vũ trụ hữu hình và vô hình. Một luồng giao thông được thiết lập giữa những “tế vi ảnh” của hạch óc và cuốn phim ảnh vĩ đại trong chất

trình quang của vũ trụ. Và một người nhận ra những nhân vật và cảnh vật xa lạ mà y chưa bao giờ thăm viếng và tiếp xúc bằng xác phàm, vẫn có thể quả quyết rằng y đã từng gặp gỡ và quen biết họ trong khi đi chu du trong thể cảm dục ở cõi giới bên kia.

Tất cả mọi người, kể cả những người dù thô kệch, nặng trọc đến đâu, đều có một đời sống song đôi, một nếp sống trên thế giới hữu hình và một nếp sống trong cõi vô hình. Khí lực vận chuyển xác thân của y vốn tập trung nơi thể cảm dục và trong khi cái xác phàm nặng trọc nghỉ ngơi thì những thể tâm linh thanh nhẹ hơn không hề biết có những giới hạn hay chướng ngại. Chúng tôi biết rõ rằng có nhiều người, kể cả những người trí thức hay những kẻ thất học, sẽ phản đối cái thuyết mới lạ này về sự phân phối sinh lực này trong con người. Họ thà chịu sống yên lành trong sự ngu dốt bình thường và cứ tiếp tục thú nhận rằng không một ai có thể biết được cái khí lực huyền bí đó xuất hiện từ đâu và sẽ biến mất đi đâu hơn là chú trọng trong một lúc đến những điều mà họ cho là những lý thuyết cổ hủ và lỗi thời.

Platon nói rằng thể cảm dục con người chỉ tồn tại được một ít lâu trong sự sinh hoạt của nó bên kia cửa tử, còn tinh thần thiêng liêng mà Giáo hội gọi sai là linh hồn - vốn có tính chất bất diệt. Nếu sinh khí là một cái gì cách biệt và không liên hệ gì đến thể cảm dục thì tại sao cường độ của khả năng linh thị lại tùy thuộc nơi sự hôn trầm của thể xác người thụ cảm đến một mức độ chặt chẽ như vậy ? Trạng thái xuất thần càng thâm sâu, thể xác càng hôn mê bất động thì những xúc cảm tâm linh lại càng trở nên rõ ràng hơn và những linh ảnh mà linh hồn cảm nhận được lại càng sâu sắc, mãnh liệt hơn. Một khi đã tách rời khỏi những chướng ngại của các giác quan phàm tục, linh hồn biểu lộ tác động của quyền năng với một cường độ mãnh liệt hơn nhiều so với khi nó còn ở trong một thể xác cường tráng lành mạnh. Brierre de Boismont có đưa ra nhiều trường hợp liên tiếp về sự kiện này. Những cơ quan thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác và thính giác

của một người thụ cảm được đặt trong trạng thái thôi miên và không còn sử dụng các giác quan xuyên qua cái thể xác của mình, đã trở nên bén nhạy hơn nhiều so với khi ý còn ở trong trạng thái bình thường.

Những sự kiện như thế, một khi đã được chứng minh là những bằng chứng rõ rệt về tính cách liên tục của đời sống con người, ít nhất trong một thời gian sau khi con người rời bỏ xác thân hoặc vì tuổi tác già nua hay vì lý do tai nạn. Tuy rằng trong một thời gian ngắn ngủi ở cõi trần, linh hồn chúng ta có thể ví như một ánh sáng bị che khuất, nhưng dù sao, nó cũng chói rạng ít nhiều và thu hút lại gần nó những ảnh hưởng của đồng loại. Mỗi khi chúng ta nuôi dưỡng trong trí một tư tưởng lành hay tư tưởng ác, nó thu hút lại gần những khuynh hướng đồng loại một cách chắc chắn, cũng như đá nam châm hút sắt. Sức thu hút này cũng tùy theo cường độ mạnh hay yếu mà cái tư tưởng phóng phát ra ghi ấn tượng của nó trong chất dĩ thái không gian. Như vậy, người ta sẽ hiểu làm sao một người có thể tạo nên thời thế và - xuyên qua những luồng khí lực luân chuyển vãng lai thường xuyên giữa hai thế giới hữu hình và vô hình - có thể lưu chuyển ảnh hưởng của mình từ thế hệ này sang thế hệ khác cho đến khi nó thấm nhiễm vào một phần lớn nhân loại.

KHẢ NĂNG LINH THỊ

Một trong những điều phát hiện lý thú nhất của thời buổi hiện đại là cái khả năng đặc biệt nó giúp cho một số người nhạy cảm nhận được, từ một vật thể cầm trong tay hoặc đặt trước trán, những ấn tượng về tính tình hay hình dáng của những nhân vật hay sự vật nào trước kia đã có sở hữu hay tiếp xúc với vật thể ấy. Bằng cách đó, một tập bản thảo viết tay, một bức họa, một món y phục hay nữ trang, dù cổ xưa đến đâu cũng có thể truyền cho người nhạy cảm một hình ảnh sống động của nhà văn hào, họa công hay người thợ dệt đã sản xuất món nghệ phẩm liên hệ dẫn cho người

này sống vào thời đại vua Ptolémée của xứ cổ Ai Cập hay thời đại Enoch. Hơn nữa, một miếng gạch vụn của một toà lâu đài cổ sẽ nhắc lại cả một lịch sử hay những sự việc đã từng xảy ra bên trong hay chung quanh tòa lâu đài ấy. Cái khả năng này do giáo sư J.R. Buchanan của Mỹ quốc khám phá và gọi là khả năng linh thị (Psychometry).

Đó là một sự góp phần tối quan trọng vào khoa Tâm Lý học mà ngày nay cả thế giới đều công nhận là do kỳ công bất hủ của giáo sư Buchanan. Khi Ông loan báo cho công chúng biết sự khám phá quan trọng này, giáo sư Buchanan nói: “Dường như ảnh hưởng tinh thần và sinh lý của những tác giả cổ xưa truyền lại trong những tác phẩm văn chương của họ vẫn còn nguyên vẹn, không hề suy suyển vì những tài liệu cổ xưa nhất mà tôi đã quan sát, đã phơi bày những ấn tượng của chúng một cách rõ ràng, mạnh mẽ, không hề bị sút mẻ, phai lạt trải qua thời gian. Những bản văn bút tự rất cổ phải cần đến một nhà cổ ngữ để truy tầm ý nghĩa của những nét chữ dị kỳ, đã được diễn đạt dễ dàng bởi khả năng linh thị... Cái đặc tính gìn giữ ấn tượng của trí não không phải chỉ có giới hạn trong những bản văn mà thôi. Những bức tranh, họa phẩm, tất cả những gì đã do sự tiếp xúc, tư tưởng, mong ước của con người mà được sản xuất ra, có thể trở nên dính liền với tư tưởng và sinh hoạt của tác giả, để phơi bày những ấn tượng đó trong trí của một người khác khi có sự tiếp xúc của người này”.

Giáo sư Buchanan còn nói thêm câu này, mà vào lúc khởi đầu cuộc phát minh vĩ đại của Ông, có lẽ Ông chưa thật sự biết được tính cách tiên tri của nó: “Sự khám phá này, nếu áp dụng vào việc khảo sát những mỹ nghệ và lịch sử sẽ khai mở cả một kho tàng kiến thức vô cùng thú vị”.

Khả năng này được chứng minh bằng sự thực nghiệm lần đầu tiên vào năm 1841. Kể từ khi đó, nó đã được thử thách nhiều lần bởi vô số nhà linh thị ở khắp nơi trên thế giới. Nó chứng tỏ rằng

mỗi việc gì xảy ra trong thiên nhiên, dù rằng nhỏ nhặt hay tầm thường đến đâu, đều có để lại dấu vết không thể phai mờ, và vì không có sự xáo trộn đáng kể nào trong các phần tử vật chất nên điều duy nhất mà người ta có thể suy diễn ra là những hình ảnh đó được tạo nên bởi cái khí lực vô hình trong vũ trụ, gọi là chất dĩ thái hay Tinh quang.

Trong quyển sách hấp dẫn lý thú nhan đề “Linh hồn của sự vật”, giáo sư Denton, một nhà Địa chất học đã luận giải sâu rộng về vấn đề này. Ông có nêu ra rất nhiều trường hợp về khả năng linh thị, mà bà Denton lại có khả năng này đến một trình độ rất cao. Một mảnh đá vụn từ ngôi nhà của Cicéron¹ ở thành phố Tusculum được đặt trên trán của bà mà người ta không nói cho bà biết đó là vật gì. Bà đã có thể diễn tả không những nơi cư ngụ của nhà biện thuyết lừng danh này mà còn mô tả luôn cả người chủ trước của ngôi nhà ấy, là Cornelius Sulla Felix, mà người thời ấy thường gọi là “Sull nhà độc tài”. Một mảnh đá cẩm thạch lấy từ một ngôi thánh đường Gia Tô cổ ở thành phố Smyrne (Thổ Nhĩ Kỳ) đã giúp cho bà nhìn thấy lại những cảnh tượng hội họp và làm lễ của các vị Giám mục, giáo sĩ thời xưa. Những mảnh đồ vật cổ xưa lấy từ những nơi di tích lịch sử của Ninive, Hy Lạp, Trung hoa và những nơi khác trên thế giới, đã phục hồi lại những cảnh tượng về đời sống của nhiều nhân vật lịch sử mà nhúm tro tàn đã tan biến từ lâu, hàng bao nhiêu nghìn năm về trước.

Trong nhiều trường hợp, giáo sư Denton đã phối kiểm lại những lời diễn tả ấy bằng cách tra cứu những tài liệu lịch sử. Bà Denton còn đi xa hơn nữa: một mảnh xương vụn hay một mảnh răng vỡ của một loài thú thời tiền sử đã làm cho bà thấy lại con thú ấy như khi còn sống, đồng hóa trong một lúc với sự sống của nó và kinh nghiệm được những cảm giác của nó. Trước sự ráo rít

¹ Nhà chính trị hùng biện của thành La Mã, sinh năm 43 trước CN

tìm tòi của nhà linh thi, những lĩnh vực thâm kín nhất của thiên nhiên cũng phải phơi bày những điều bí mật ẩn dấu tự muôn đời, và những sự việc của những thời kỳ xa xưa nhất trong lịch sử loài người cũng sẽ hiện rõ trước mắt như những việc vừa mới xảy ra ngày hôm qua.

Cũng trong quyển sách ấy, tác giả nói: “Không một chiếc lá rơi. không một con sâu đang bò, không một làn sóng gợn, mà mỗi chuyển động lại không được ghi nhận một cách trung thực bằng những đường nét rõ ràng không hề phai lạt. Tất cả mọi di tích của thời quá khứ đều được ghi nhận cũng y như thế. Kể từ thuở bình minh của thời gian, từ khi tia ánh sáng đầu tiên mới rọi xuống quả Địa cầu hãy còn ấu trĩ, chung quanh nó vẫn còn hơi nước bốc lên dày đặc như bức màn treo cho đến ngày nay, thiên nhiên vẫn luôn luôn bận rộn chụp ảnh tất cả mọi sự. Quả thật nó là một cuốn phim vĩ đại !”

Chúng ta thấy dường như không thể tưởng tượng rằng những cảnh tượng diễn ra nơi thành Thèbes cổ xưa hay trong một ngôi đền cổ từ thời tiền sử chỉ có thể chụp ảnh trên chất liệu của vài loại nguyên tử đặc biệt nào đó. Những hình ảnh của mọi diễn biến lịch sử được ghi khắc trên cái chất liệu trung gian đó, vốn bằng bạc khắp nơi khắp chốn, thấm nhuần khắp vũ trụ càn khôn mà các triết gia gọi là “Linh hồn của Thế giới” và giáo sư Denton gọi là “Linh hồn của Sự vật”. Nhà linh thi, khi đặt một vật thể lên trán, giao cảm tâm linh với cái tinh hoa tiềm ẩn nội tại của vật thể ấy. Ngày nay, người ta đã nhìn nhận rằng chất dĩ thái vũ trụ thấm nhuần tất cả mọi vật trong thiên nhiên, chí đến những vật thể cứng rắn đông đặc nhất. Người ta cũng bắt đầu nhìn nhận rằng chất dĩ thái ghi nhận những hình ảnh của tất cả mọi sinh vật. Khi nhà linh thi quan sát một vật thể, y tiếp xúc với triều lưu của chất tinh quang liên hệ đến vật thể ấy, trên đó có ghi nhận mọi hình ảnh của những diễn biến liên quan đến lịch sử của nó. Theo sự giải thích của giáo sư Denton, những diễn biến này xuất hiện trước

nhãn quan linh thị của ông với tốc độ của ánh sáng. Những hình ảnh các sự việc diễn ra dồn dập mau chóng đến nỗi Ông phải vận dụng tối đa mãnh lực của ý chí mới có thể giữ lại khá lâu bất cứ một cảnh tượng nào trước tầm mắt quan sát của Ông để có đủ thời giờ diễn tả những sự việc xảy ra.

Nhà linh thị có nhãn quan thần thông, nghĩa là y nhìn thấy bằng nhãn quan nội tạng. Nếu y không có một ý chí rất mạnh, nếu y không tập luyện thuần thực để ứng phó với hiện tượng đặc biệt này, và không có một sự hiểu biết thâm sâu về khả năng linh thị của mình, thì những sự nhận thức của y về cảnh, vật và người đương nhiên là phải rất lộn xộn. Nhưng trong trường hợp truyền nhân điện (hay thôi miên), khi đó, khả năng linh thị được phát triển, nhà thôi miên, vốn dĩ đã chế ngự người thụ cảm bằng sức mạnh ý chí của mình, có thể bắt buộc người này tập trung sự chú ý trong một lúc khá lâu vào một hình ảnh nhất định để quan sát tất cả mọi chi tiết nhỏ nhặt.

Dưới sự hướng dẫn của một nhà thôi miên kinh nghiệm, người có thần nhãn sẽ vượt trội hơn nhà linh thị tự nhiên trong sự tiên tri những việc sắp tới vì y nhìn thấy những hình ảnh tương lai một cách rõ ràng, phân biệt hơn. Có người sẽ phản đối rằng làm sao có thể nhìn thấy được những gì “chưa xảy ra”? Đối với họ, chúng tôi có thể đưa ra câu hỏi: Tại sao không thể thấy được việc sẽ có trong khi người ta lại có thể nhìn thấy được những gì đã trôi qua và không còn nữa ? Theo giáo lý huyền môn Kabala, tương lai vẫn có sẵn trong chất tinh quang trong trạng thái phôi thai, cũng như hiện tại vốn dĩ có ở dưới hình thức phôi thai trong quá khứ. Trong khi con người có tự do hành động tùy ý muốn, cái cách thức mà y sẽ hành động đã được biết trước từ bao giờ không phải do thuyết định mệnh hay tiền định mà chỉ là trên nguyên tắc điều hòa bất di dịch và phổ cập đại đồng; cũng như người ta có thể biết trước rằng khi gõ vào một âm phù trên phím đàn, những âm ba rung động của nó sẽ không thể chuyển thành những rung động âm

ba của một âm phù khác. Ngoài ra, thời gian vô cùng không thể có quá khứ hay tương lai mà chỉ có hiện tại trường cửu, cũng như không gian vô tận không thể có chỗ nào gần, chỗ nào xa. Những quan niệm của chúng ta bị giới hạn trong vòng kinh nghiệm chật hẹp của mình, lần mò tìm kiếm nếu không phải chỗ tận cùng thì ít nhất cũng là chỗ bắt đầu của không gian và thời gian. Nhưng thật ra, cả hai đều không bao giờ có vì nếu như vậy thì thời gian sẽ không phải là vô cùng và không gian cũng không là vô tận. Không hơn gì tương lai, quá khứ cũng không hề có như đã nói ở trên mà chỉ có những ký ức của chúng ta là còn tồn tại. Và ký ức của chúng ta chỉ là những bào ảnh thoáng qua mà chúng ta thu nhận được do những phản ảnh của quá khứ trên những dòng triều lưu của chất tinh quang, cũng như nhà linh thị thu nhận được những hình ảnh đó từ những phóng xạ tinh quang của cái vật thể mà y cầm trong tay.

TƯƠNG LAI CỦA KHẢ NĂNG LINH THỊ

Bàn về tương lai của khả năng linh thị, giáo sư Danton nói: “Khoa Thiên văn chắc sẽ phải cần đến sự trợ giúp của khả năng này. Nếu những hình thức mới của loài sinh vật hữu cơ được phát hiện khi người ta truy nguyên đến tận những thời kỳ địa chất cổ xưa thì những chòm sao mới, những cách cục giao huy tinh tú khác lạ cũng sẽ được phơi bày khi những hình thái thiên tượng của những thời đại xa xôi trong dĩ vãng được xem xét bởi nhãn quan thấu suốt của các nhà linh thị tương lai. Một bản đồ tinh tú trên nền trời trong thời tiền sử chẳng hạn có thể tiết lộ cho chúng ta nhiều điều bí mật mà trước đây chúng ta không thể khám phá. Thật vậy, với phương tiện đó, tại sao chúng ta chẳng có thể truy nguyên lịch sử của những bầu thiên hình thể khác nhau trên các khía cạnh địa chất học, tự nhiên học và biết đâu... luôn cả nhân chủng học ?... Tôi có lý do vững chắc để tin tưởng rằng những nhà linh thị được tập luyện thành thực sẽ có thể viễn du từ hành tinh

này sang hành tinh khác và biết rõ trạng thái hiện tại cũng như quá trình của chúng một cách rõ ràng, tỉ mỉ.”

Sử gia Hérodote cho biết rằng trên đài thứ tám của những viễn vọng đài tại Babylone mà các nhà chiêm tinh gia cổ xưa sử dụng, trên cao tột đỉnh có một linh điện, nơi đó các vị sư nữ tiên tri yên nghĩ tĩnh tâm để tiếp nhận những lời mách bảo của thần tiên. Bên cạnh chỗ nằm có một cái bàn bằng vàng, trên đó có đặt những loại đá quý mà sử gia Manetho cho biết là những hòn đá vắn thạch (Aerolithes: đá từ trên trời rơi xuống). Những vị nữ giáo sĩ này khai mở những nhãn quan linh thị và nói tiên tri bằng cách áp đặt một trong những viên đá vắn thạch trên trán và trên ngực. Các nhà chiêm tinh Ai cập ở thành Thèbes cũng làm y như vậy.

Điều này dường như chỉ rằng cổ nhân đã từng biết rõ và áp dụng khả năng linh thị một cách sâu rộng trên địa hạt thiên văn và chiêm tinh. Các tài liệu cổ cũng chứng minh rằng những nhà chiêm tinh xứ Chaldée cổ xưa đã sở đắc được kiến thức sâu xa về khoa này nhờ cách sử dụng đá vắn thạch để tiên tri hơn là dùng những đồ khí dụng thiên văn. Các sử gia, triết gia cổ Hy Lạp đều có nói về đặc tính điện tử huyền diệu của loại đá vắn thạch. Loại đá này đã từng được tôn sùng ở Ai cập và Hy Lạp từ những thời đại cổ xưa nhất như là “loại từ thạch linh thiêng từ trên trời rơi xuống”, và các vị tư tế, giáo phẩm của Cybèle đều có đeo một viên vắn thạch nhỏ trong mình. Thật không ngờ có sự trùng hợp ngẫu nhiên lạ lùng giữa cách thờ phượng của xứ Chaldée cổ xưa với những cuộc thí nghiệm khoa học của giáo sư Denton !

Giáo sư E. Hitchcock nói về ảnh hưởng của ánh sáng trên các vật thể và sự tạo nên những hình ảnh trên các vật thể ấy do bởi ánh sáng cho biết rằng: “Dường như động tác thu ảnh bằng bạc khắp cõi thiên nhiên và không dừng lại ở chỗ nào. Nó có thể in những nét mặt của chúng ta trên cõi thế giới chung quanh với

những sự biến đổi nét mặt do những cảm xúc nọ gây nên, và như vậy, chứa đầy cõi thiên nhiên với những ấn tượng của tất cả những hành động của chúng ta. Cũng có thể nói rằng, có những phương thức do đó thiên nhiên, khéo léo hơn mọi nhà chụp ảnh, có thể chụp được những bức chân dung đó, để cho những giác quan **bén nhậy hơn** của chúng ta sẽ nhìn thấy như trên một bức màn ảnh vĩ đại bao trùm khắp vũ trụ vật chất hữu hình. **Cũng có thể** những hình bóng đó không bao giờ phai mờ trên màn ảnh mà trở nên những hình kiểu mẫu trong cái kho triển lãm tranh ảnh vĩ đại của cõi vô cùng.”

Câu “cũng có thể” của giáo sư Hitchcock từ nay đã được sự chứng minh về khả năng linh thị biến thành một sự chắc chắn. Những người hiểu biết về những khả năng tâm linh và linh thị đó sẽ nói rằng phải cần đến những giác quan “bén nhậy hơn” của chúng ta mới có thể nhìn thấy những hình ảnh đó trên bức màn ảnh của vũ trụ.

Tinh thần con người vốn là Tinh thần thiêng liêng, bất diệt, không phân biệt quá khứ hay tương lai mà nhìn thấy mọi sự như trong hiện tại. Những hình bóng nói trên được ghi khắc trong chất tinh quang, nơi đó, như đã nói trước đây, được gìn giữ ký ức của tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ, đang xảy ra trong hiện tại và sẽ xảy ra trong tương lai.



CHƯƠNG BỐN

PHƯƠNG THUẬT (MAGIE)



Maimonides, nhà Thần học và đại sử gia Do Thái đã chứng minh một cách thỏa đáng rằng nền phương thuật của xứ Chaldée, khoa huyền môn của Moïse và của những đạo gia cổ xưa đều hoàn toàn căn cứ trên sự hiểu biết rộng rãi, tham bác về nhiều ngành khoa học tự nhiên ngày nay đã bị lãng quên và biệt tích. Những bậc đạo gia thời cổ đã hiểu biết tường tận về tất cả những đặc tính và khả năng của các loài khoáng vật, thảo mộc và thú cầm, thông hiểu tinh vi các khoa vật lý và hóa học bí truyền cùng các khoa tâm lý cũng như sinh lý học. Không ai còn lạ gì nghe nói các vị ấy vốn đã từng được thụ huấn trong những thánh điện ẩn tàng của những đền thờ cổ, có thể làm được những việc nhiệm mầu mà thậm chí vào thời buổi khoa học tiến bộ ngày nay, người ta coi như những phép lạ.

Những bậc Thánh nhân sở đắc được khoa Huyền môn này thật rất hiếm. Các Ngài không thể vượt quá cái giới hạn của những gì dành cho người thế gian được biết, và không một ai, chí đến các Ngài có thể vượt qua lần mức đã vạch sẵn do bàn tay mầu nhiệm của các Đấng Thiêng liêng. Người du khách đã từng gặp các bậc siêu nhân ấy trên bờ sông Hằng linh thiêng, trong những ngôi đền cổ hoang tàn ở thành Thèbes, hoặc trong những thánh điện vắng lặng thâm u ở Luxor trên xứ cổ Ai cập. Trong những nơi đền miếu cổ kính thâm nghiêm này, với những phù hiệu bí mật dị kỳ hấp

dẫn sự chú ý của người du khách, mà không ai đã từng hiểu thấu ý nghĩa diệu huyền, người ta cũng thường chạm trán và gặp gỡ các bậc siêu nhân ấy nhưng ít khi nhận biết được các Ngài là ai. Những thiên hồi ký lịch sử cũng đã ghi chép sự xuất hiện của các Ngài trong những cung điện huy hoàng của những bậc vương giả quý tộc Âu Châu hồi thế kỷ trước. Người ta cũng lại gặp các Ngài trên những vùng đồng cát hoang vu ở bãi sa mạc Sahara hoặc trong những hang động Elephanta của xứ Ấn Độ. Các Ngài có thể hiện diện ở khắp nơi nhưng chỉ lộ tung tích đối với những người nào dành trọn cuộc đời xả thân cầu Đạo và không bỏ cuộc giữa chừng.

Có xứ nào trên thế giới xưa nay chưa từng thực hành khoa Phương thuật ? Có thời đại nào mà khoa ấy đã hoàn toàn bị lãng quên ?

Trong những tài liệu cổ xưa nhất mà chúng tôi đang nắm giữ là pho kinh Vệ Đà và bộ Cổ Luật Manou của Ấn Độ, chúng tôi thấy có những nghi thức về huyền thuật tế lễ (ceremonial magic) đã từng được người Bà La Môn chấp nhận và thực hành. Trong thời đại này, các xứ Tây Tạng, Nhật Bản và Trung Hoa cũng đang truyền dạy những bí pháp được lưu truyền từ người Chaldée cổ xưa. Các đạo gia của những xứ kể trên còn chứng minh cụ thể những điều họ truyền dạy: sự tu trì, tinh luyện thể xác lẫn tinh thần và sự thực hành vài phép khắc kỷ sẽ giúp cho hành giả phát triển khả năng tuệ giác của linh hồn. Nhờ kiểm chế được cái tinh thần bất diệt của chính mình, hành giả sở đắc được những quyền năng nhiệm mầu đối với những vong linh thấp kém.

Ở phương Tây, chúng tôi nhận thấy Phương thuật cũng đã có một dĩ vãng cổ xưa như ở phương Đông. Những thuật sĩ Druides của Anh quốc thời cổ đã từng thực hành khoa ấy trong những hang động thâm u của xứ họ và sử gia Plin cũng đã ghi chép nhiều trang sử về sự minh triết của những nhà lãnh đạo chủng tộc Thanh Tề (Celts). Những thuật sĩ Semothees của xứ Gaule đã từng

trình giải các khoa học vật lý cũng như khoa học tâm linh. Họ đã từng giảng dạy những bí mật của vũ trụ, sự vận hành điều hòa, tuần tự của các thiên thể, sự hình thành quả Địa cầu và trên hết mọi sự, tính chất bất tử của linh hồn. Trong những cụm rừng thiêng của xứ họ, các bậc đạo đồ thường hội họp vào những giờ thanh vắng lúc nửa đêm để học hỏi về nguồn gốc, lịch trình tiến hóa và tương lai của con người. Họ không cần đèn lửa hay chất đốt nhân tạo để thắp sáng các đền thờ vì “đã có chị Hằng trinh bạch tỏa ánh sáng màu bạc trên đầu họ, và những vị giáo sĩ bạch y của họ biết cách giao tiếp với nữ chúa cô đơn của nền trời xanh thẳm đầy sao”. (Sử gia Pline).

Phương thuật hay Huyền thuật (Magie) có một dĩ vãng cổ xưa cũng như con người. Người ta không thể biết được nó có từ bao giờ, cũng như không thể định chắc từ bao giờ con người đầu tiên sinh ra trên mặt đất. Vài tác giả cận đại muốn chứng tỏ rằng Zoroastre là nhà phát minh nền Phương thuật bởi vì Ngài là nhà sáng lập nên tôn giáo Magi. Nhưng các sử gia thời cổ đều đã chứng minh rằng Zoroastre chỉ là một nhà cải tổ nền Phương thuật của người Chaldée và cổ Ai cập.

NỀN PHƯƠNG THUẬT AI CẬP

Không ai còn chất vấn giá trị của Champollion như một nhà Ai cập học uyên bác. Ông ta cho biết mọi sự đều chứng tỏ rằng người cổ Ai cập vốn có quan niệm độc thần một cách sâu xa. Những kinh sách của giáo chủ Hermès mà tính cách cổ xưa đắm chìm trong vực thẳm của thời gian đã được nhà học giả này chứng minh là hoàn toàn chính xác trong từng chi tiết nhỏ nhất. Học giả Đức Ennemoser cũng nói: “Các sử gia, triết gia, đạo gia Hy Lạp thời cổ như Hérodote, Thalès, Parménides, Empedocles, Orphée và Pythagore đều đã từng đi sang Ai cập và các xứ phương Đông để được thụ huấn và sở đắc các pháp bí truyền về Phương thuật và

khoa Huyền môn”. Cũng chính ở tại các xứ đó mà Moise đã đặt đạo và đức Jésus đã trải qua thời kỳ niên thiếu của đời Ngài.

Thời xưa, đó là những nơi tụ họp những người tầm đạo của bốn phương, trước khi đạo viện Alexandrie được thành lập. Ennemoser còn nói tiếp: “Vì lý do nào mà những tổ chức Huyền môn đó được ít người biết như vậy, trải qua hàng bao nhiêu thế hệ thời gian và được lưu truyền trong rất nhiều dân tộc khác nhau? Đó là do sự im lặng tuyệt đối của người đạo đồ huyền môn, dưới sự cam kết phải giữ gìn bí mật. Một nguyên nhân khác có thể là do bởi sự tàn phá, hủy diệt và thất lạc của tất cả những sách vở và bút tích ghi chép giáo lý Huyền môn từ những thời kỳ cổ xưa nhất”.

Những tác phẩm của Numa gồm những bộ sách trứ thuật về triết học tự nhiên đã được tìm thấy trong ngôi mộ của Ông nhưng lại không được phép đem ra phổ biến vì người ta không muốn tiết lộ những điều bí mật thâm kín nhất của nền quốc giáo. Nguyên Lão Viện và diễn đàn dân chúng đã quyết định thiêu hủy những pho tác phẩm ấy ở giữa nơi công cộng.

Phương thuật được coi như một khoa học thiêng liêng đưa đến sự tham dự vào những đặc tính của Thượng Đế. Philo Juddoeus nói rằng: “Phương thuật hé mở cho ta thấy sự tác động huyền diệu của thiên nhiên và đưa đến sự chiêm ngưỡng những quyền năng và đặc tính của Trời”. Trong những thời kỳ về sau, nó đã bị lạm dụng và hạ thấp đến mức trở thành khoa phù thủy, làm cho nó bị người đời chán ghét và ghê tởm. Bởi vậy, chúng ta chỉ đề cập đến Phương thuật của thời cổ xưa, trong những thế hệ xa xăm của quá khứ, khi mà tất cả mọi tôn giáo chân chính đều căn cứ trên sự hiểu biết những quyền năng thần bí ẩn tàng trong thiên nhiên.

Phương thuật đã từng xuất hiện trên thế gian cùng với những chủng tộc đầu tiên của nhân loại.

Moise được truyền thụ sự hiểu biết về Phương thuật do bà Thái hậu xứ Ai cập, mẹ của Công chúa Thermuthis, đã cứu Ông ta thoát khỏi nước lụt của sông Nil. Hoàng hậu Batria, vợ vua Pharaon cũng là một nữ đạo đồ Huyền môn Ai cập. Chính nhờ Bà mà dân Do Thái có được nhà tiên tri và giáo chủ của họ (tức thánh Moise), “vị này được truyền thụ tất cả nền minh triết của xứ Ai cập và có bản lĩnh siêu việt trong lời nói cũng như việc làm“. Justin Martyr thuật lại lời dạy của Troquus Pompei cho biết rằng Joseph đã sở đắc được một sự hiểu biết rộng rãi về ngành Phương thuật trong thời gian học Đạo với các vị Đạo trưởng Ai cập.

Cổ nhân đã từng biết rõ về một vài khoa học nhiều hơn cả những gì mà các nhà bác học thời nay đã khám phá. Tuy họ còn do dự chưa thú nhận nhưng có nhiều nhà bác học đã nhìn nhận sự thật đó. Tiến sĩ Todd Thompson, một nhà khảo cứu về Khoa học huyền bí tuyên bố rằng: “Trình độ kiến thức khoa học trong một thời kỳ cổ xưa của xã hội loài người vốn cao hơn là người thời nay sẵn sàng chấp nhận. Những kiến thức đó chỉ giới hạn trong các đền thờ, được che dấu kỹ đối với người thế gian phạm tục và chỉ được truyền dạy cho giới tư tế, tăng lữ”. Bàn về Huyền môn Kabala, nhà bác học Đức Franz Von Baader đã tuyên bố: “Không những sự giải thoát tâm linh và minh triết của chúng ta mà chính khoa học của chúng ta cũng xuất xứ từ người Do Thái”. Nhưng tại sao không hoàn chỉnh lại câu ấy và nói cho độc giả biết từ đâu người Do Thái đã thu thập được những kiến thức của họ ?

NỀN PHƯƠNG THUẬT DO THÁI

Triết gia Origène của môn phái Alexandrie cho biết rằng Thánh Moise, ngoài ra việc giảng dạy giáo lý công truyền còn tiết lộ vài điều bí mật rất quan trọng của giáo lý Huyền môn cho bảy mươi vị trưởng lão và dặn dò các vị này chỉ nên truyền lại cho những người nào xét thấy xứng đáng.

Thánh Jérôme có nêu danh những người Do Thái của Tiberias và Lydda như là những vị đạo sư duy nhất có thể dạy phương pháp thần bí để diễn đạt những bí pháp huyền môn nói trên. Sau cùng, Ennemoser có bày tỏ quan niệm chắc chắn rằng “những tác phẩm của Dionysus Areopagita thật sự căn cứ trên huyền môn Kanala của Do Thái”. Xét vì môn phái Gnostics gồm những người Gia Tô đầu tiên chỉ là người môn sinh theo môn phái Essenes cổ Ai cập dưới một cái tên mới nên sự kiện trên không có gì đáng ngạc nhiên. Giáo sư Nolitor đã tuyên dương uy tín của huyền môn Kabala như sau:

“Thời đại vô nghĩa lý và nông cạn trong thần học cũng như trong các khoa học nay đã qua, và vì lẽ chủ nghĩa duy lý chỉ để lại có sự trống rỗng, dường như nay đã đến lúc để cho chúng ta lại trực tiếp lưu ý đến sự mặc khải huyền bí, nó vốn là cái nguồn sống cho sự giải thoát của mình. Khoa Huyền môn của xứ cổ Do Thái vốn chứa đựng tất cả mọi bí nhiệm của xứ Do Thái ngày nay, sẽ có nhiệm vụ xây dựng một nền thần học mới căn cứ trên những nguyên tắc minh triết thâm sâu nhất và đặt một **nền tảng chắc chắn** cho tất cả mọi khoa học lý tưởng. Nó sẽ mở một con đường mới đưa vào chốn mê cung tăm tối của những huyền thoại và bí pháp của những quốc gia cổ sơ... Chỉ có những truyền thống đó mới chứa đựng hệ thống huyền môn của những bậc tiên tri, hệ thống ấy nhà tiên tri Samuel không có sáng lập mà **chỉ phục hồi** trở lại. Mục đích của nó không gì khác hơn là hướng dẫn những môn đồ đi đến minh triết và kiến thức siêu việt, và khi họ đã được nhận xét là xứng đáng, mới đưa họ **bước vào cửa Đạo huyền diệu, thâm sâu hơn**. Những giáo lý Huyền môn này cũng gồm cả ngành Phương thuật, ngành này chia làm hai phái: Bạch phái, tức là phái thực hành huyền thuật chân chính, cao cả, thiêng liêng; và Hắc phái, chuyên thực hành khoa phù thủy, ma thuật, tức Bàng môn Tả đạo. Trong Bạch phái, hành giả cố gắng giao cảm tâm linh với thế giới bên ngoài để khám phá, học hỏi những điều huyền bí ẩn tàng

trong thiên nhiên. Trong phần Bạch thuật này, y thực hành những việc tốt lành và hữu ích cho thế gian. Còn trong phần Hắc thuật, tà đạo, hành giả cố gắng kiềm chế các vong linh và sai khiến âm binh trong cõi Trung giới, do bởi quyền năng đó, y có thể làm mọi điều tà vạy và phản tự nhiên”.

NỀN PHƯƠNG THUẬT ÁN ĐỘ

Tất cả mọi giới đều nhìn nhận rằng tự cổ, phương Đông vốn là nguồn gốc của mọi ngành học thuật và là nơi phát sinh ra ánh sáng. Riêng về ngành Phương thuật, ít người đã nghe nói đến ngành Phương thuật Ấn Độ vì ở xứ này, khoa ấy không được phổ biến rộng rãi như ở các xứ khác của phương Đông. Đối với người Ấn Độ, khoa ấy xưa nay vẫn là khoa pháp môn bí truyền, được giữ gìn còn cẩn mật hơn Huyền thuật của các giới pháp sư hay tăng lữ Ai cập. Khoa ấy được coi như thần thánh đến nỗi nó chỉ được thực hành trong những trường hợp khẩn cấp vì ích lợi công cộng. Ở Ấn Độ, Phương thuật được đặt lên cao hơn cả vấn đề tôn giáo vì nó được coi như một khoa học thiêng liêng.

Những vị đạo sư Ai cập tuy có đạo hạnh tinh thâm cũng không thể so sánh với những đạo sĩ khổ hạnh Ấn Độ về mức độ thánh thiện của đời sống tâm linh cao cả hay về quyền phép thần thông mà họ thu hoạch được bằng sự dầy công tu luyện. Những người từng biết rõ đời sống của họ còn kính phục họ hơn cả những nhà thuật sĩ xứ Chaldée. Khước từ tất cả mọi tiện nghi của đời sống, họ vào chốn rừng sâu và sống cuộc đời u tịch cô liêu của nhà tu ẩn dật, trong khi các vị đạo sư Ai cập ít nhất cũng còn có đời sống tiện nghi trong các đền thờ. Tuy rằng dư luận người đời vẫn khinh thường tất cả người kẻ thực hành các môn ảo thuật, bói toán, tiên tri, vv... nhưng họ vẫn đề cao các nhà đạo sĩ Ấn Độ như những bậc dị nhân từng nắm giữ những bí quyết thâm sâu thần diệu nhất về thuật chữa bệnh, cứu khổ cho người đời.

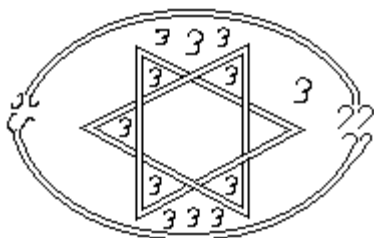
Trong những đạo viện ở Ấn Độ còn được giữ gìn nhiều tài liệu ghi chép những trường hợp chữa bệnh một cách nhiệm mầu làm bằng chứng về những quyền năng và minh triết của họ. Những vị đạo sĩ khổ hạnh phải chăng là những nhà khai sáng nền Phương thuật ở Ấn Độ hay chỉ là người thừa kế pháp môn bí truyền được lưu truyền lại cho họ từ những bậc Thánh sư của thời Thái cổ ? Những học giả các thế hệ sau này cũng không giải đáp dứt khoát câu hỏi đó mà chỉ coi đó như một vấn đề phiếm luận. Một tác giả cận đại nói rằng các vị đạo sĩ ấy từng lưu tâm đến việc giáo dục các giới hậu sinh và gieo rắc trong giới thanh niên những lý tưởng tâm linh cao cả.

Những giáo lý của các vị ấy truyền thụ cho đời mà các sử gia đã ghi chép, chứng tỏ rằng các vị ấy rất tinh thông lão luyện về các môn triết học, đạo lý siêu hình, thiên văn, lý số, y thuật, tôn giáo, vv... Các vị ấy vẫn giữ phong độ cao khiết, đối với những bậc đế vương có uy quyền, thế lực to lớn nhất, họ không bao giờ hạ mình đến viếng thăm hay cầu xin ân huệ. Nếu những bậc vua chúa muốn hỏi han ý kiến các nhà đạo sĩ thì nhà vua phải đích thân tìm đến hoặc cho sứ giả đi mời. Đối với họ, không có một điều bí mật nào trong các loài khoáng vật hay thảo mộc mà họ không biết rõ. Họ đã khảo sát tường tận mọi điều huyền bí của thiên nhiên, mọi kiến thức về các ngành học thuật sinh lý và tâm linh họ đều nắm vững, kết quả là họ đã đạt đến sự thông suốt nền khoa học huyền bí mà ngày nay người ta gọi là Phương thuật hay Huyền thuật (Magie).

Truyền thống cổ xưa nhất của người Do Thái là khoa Huyền môn Kabala có thể truy nguyên từng chi tiết đến tận nguồn gốc nguyên thủy của nó ở khu vực phía Bắc xứ Ấn Độ hay Turkestan rất lâu trước thời kỳ phân chia rõ rệt giữa những quốc gia thuộc chủng tộc Aryen và Ả rập. Theo sử gia Josephus cho biết, Vua Salomon từng được hậu thế tôn sùng vì đặc pháp thần thông, đã được truyền thụ bí pháp từ Ấn Độ do Hiram, Vua xứ Ophir và có

lẽ Sheba. Chiếc nhẫn của Ông thường gọi là “Ấn của Salomon” được nổi tiếng trong tất cả mọi huyền thoại của dân gian về mãnh lực huyền diệu nhiếp phục được nhiều hạng thần linh và ma quỷ cũng xuất xứ từ nguồn gốc Ấn Độ.

Giáo sĩ Samuel Mateer của Hội Truyền giáo Luân Đôn viết về những phù phép, phương thuật của những bộ lạc thổ dân vùng Travancore (Miền Nam Ấn Độ) cho biết Ông có nắm được một bộ sách viết tay rất cổ về phương thuật và phù chú bí mật bằng chữ Malayalam, trong đó có chỉ cách thức thực hiện nhiều pháp thuật với nhiều mục đích khác nhau. Ông có chép lại trong quyển sách



của Ông vài loại bùa với những hình vẽ và biểu tượng huyền thuật. Trong số đó, chúng tôi nhận thấy một hình vẽ với lời chỉ dẫn sau đây: “Để trị chứng bệnh tà nhập và làm cho bệnh nhân hết run rẩy, hãy vẽ hình

ảnh này trên một loại cây có mủ và đóng đinh lên trên đó. Cơn run rẩy sẽ dứt tuyệt”. Còn hình ảnh kia chính là hình vẽ “Ấn của Vua Salomon”, tức là hai hình tam giác treo lên nhau của Huyền môn Kabala. Vậy hình biểu tượng này là do người Ấn Độ thâm nhập của Huyền môn Do Thái hay là của người Do Thái học được của Ấn Độ, do di sản truyền lại cho họ từ Vua Salomon ?

Nhưng chúng tôi sẽ bỏ qua sự tranh luận nhỏ nhặt này để tùy độc giả phê phán.

Ý CHỈ: BÍ QUYẾT CỦA PHƯƠNG THUẬT

Ý chỉ là gì ? “Khoa học chính xác” có thể giải thích được chăng ? Một cái gì khôn ngoan, vô hình và mạnh mẽ, nó ngự trị trên tất cả mọi vật chất bất động vô tri; tính chất của nó ra sao ? Đại Trí Tuệ thiêng liêng phát ra một ý muốn, thế là vũ trụ thành hình. Tôi **muốn** cử động, thế là tay chân của tôi tuân theo. Tôi

muốn, thế là tư tưởng của tôi phóng xuyên qua không gian, không gian này vốn không có đối với nó, bao phủ lấy thân mình một người khác không phải là tôi, thẩm nhập qua những lỗ chân lông của y, chế ngự những khả năng của y nếu chúng yếu hơn của tôi và bắt buộc y làm một hành động đã định trước. Nó tác động như một luồng điện đối với tứ chi của một cái xác người. Những ảnh hưởng bí nhiệm của sự hấp dẫn và xô đẩy, ưa và ghét là những khí cụ **vô thức** của ý chí.

Sự thôi miên, như chúng ta thấy được thực hành trong vài loại thú như loài rắn đối với loài chim chẳng hạn, là một tác động hữu thức của ý chí và là kết quả của tư tưởng. Loại khẳng niệm, thủy tinh và hổ phách khi bị chà xát, nghĩa là khi sức nóng tiềm ẩn trong mọi chất liệu được kích động, đều có tác dụng thu hút những vật thanh nhẹ hơn: chúng cũng sử dụng ý chí một cách vô thức bởi vì mọi vật chất hữu cơ cũng như vô cơ đều có hàm sức tiềm tàng một điểm tinh thần thiêng liêng dù là nhỏ nhất tế vi đến đâu. Làm sao có thể khác được ? Dù rằng trên lịch trình tiến hóa của nó, từ lúc khởi thủy cho đến lúc cuối cùng, nó có thể trải qua hàng triệu hình thể sắc tướng khác nhau nhưng nó vẫn phải luôn luôn giữ lấy cái điểm mầm giống của vật chất tiên thiên vốn là sự biểu lộ và phóng phát đầu tiên của Đấng Tạo Hóa vậy. Vậy thì cái khả năng thu hút bí hiểm đó là gì nếu không phải là một phần nhỏ bé tinh vi của cái khí lực tinh anh huyền diệu mà các nhà bác học và huyền học đều đồng thanh nhìn nhận như là “nguyên lý của sự sống“, Tiên Thiên khí, Akasha ?

Cứ cho rằng sức thu hút của những vật thể ấy chỉ là một sức mạnh mù quáng, nhưng khi chúng ta theo dõi lần hồi sự tiến hóa của những sinh vật hữu cơ trong thiên nhiên, chúng ta sẽ thấy cái nguyên lý của sự sống ấy phát triển những đặc tính và khả năng mỗi lúc càng trở nên củng cố và rõ rệt hơn với mỗi trình độ cao hơn trên bậc thang tiến hóa vô cùng tận. Con người, sinh vật có tổ chức cơ cấu hoàn bị nhất trong mọi loài chúng sinh trên mặt đất,

nơi y, vật chất và tinh thần (ý chí) phát triển mạnh mẽ nhất, là sinh vật duy nhất phát động hữu thức cái khí lực ấy từ trong ra ngoài và chỉ có y mới điều khiển luồng từ khí ấy theo những chiều hướng đối nghịch và khác biệt nhau đến vô hạn định.

Van Helmont nói rằng: “Ý chí là cái đứng hàng đầu của tất cả mọi quyền năng vì tất cả mọi vật được sáng tạo và vận chuyển do bởi ý chí của Đấng Tạo Hóa... Ý chí là đặc tính của tất cả những nhân vật tâm linh và càng biểu lộ tích cực hơn trong các nhân vật ấy khi họ càng thoát ly ra khỏi ảnh hưởng của vật chất”. Paracelse cũng nói với một giọng tương tự: “Đức tin phải xác nhận óc tưởng tượng và ý chí phải được củng cố bởi đức tin. Một ý chí quyết định là yếu tố khởi đầu của tất cả mọi tác động mầu nhiệm về ngành phương thuật... Bởi vì người ta không tưởng tượng đến mức hoàn toàn và không tin tưởng ở kết quả, cho nên huyền thuật của họ không tác động hữu hiệu mà đáng lẽ ra nó phải đem lại kết quả một cách hoàn toàn chắc chắn”.

Chỉ một cái mãnh lực tương phản của sự nghi ngờ, không tin tưởng, nếu phát ra với một sức mạnh tương đương có thể ngăn chặn sức mạnh đối tượng và đôi khi hóa giải nó một cách hoàn toàn. Các nhà thần linh học không còn lạ gì mà thấy rằng sự có mặt của vài kẻ hoài nghi, cố chấp hay của những người vì có thái độ cực lực chống lại các hiện tượng thần linh nên đã vận dụng mãnh lực ý chí của họ một cách vô ý thức trên đường lối ngược chiều, và do đó, đã ngăn trở và thường chặn đứng hoàn toàn mọi sự biểu lộ các hiện tượng nhiệm mầu. Vì lẽ mọi quyền năng hay sức mạnh hữu thức trên mặt đất thỉnh thoảng đều gặp phải một sức mạnh đối nghịch khả dĩ can thiệp hay chí đến hóa giải nó hoàn toàn thì có lạ gì khi mà khả năng thụ động, vô thức của một đồng tử thành linh bị làm tê liệt bởi một sức mạnh đối nghịch, tuy cũng tác động một cách vô thức. Có người đồng tử nào dám tự hào làm được những hiện tượng nhiệm mầu như đức Jésus và như thánh Paul đã làm sau Ngài ? Tuy vậy, dầu cho đức Jésus cũng đã gặp phải những

trường hợp mà những mãnh lực chống đối vô thức đã áp đảo chí đến luồng sức mạnh ý chí đã thuần thực của Ngài. “Và Ngài đã không thực hiện được nhiều việc cao cả bởi vì sự thiếu tin tưởng của họ”.

TÁC DỤNG CỦA Ý CHÍ

Nhà Huyền học cận đại là Eliphas Levi diễn tả quyền năng của ý chí như sau: “Người hành giả muốn sở đắc quyền năng nhiệm mầu cần phải làm hai điều này: giải tỏa **ý chí** khỏi mọi sự kiềm tỏa, lệ thuộc và vận dụng **ý chí** để kiểm soát mọi hành động.

Ý chí được hình dung bằng biểu tượng một người đàn bà đập đầu một con rắn, và hình ảnh một vị Thiên thần khuất phục được con Rồng dưới gót chân và ngọn giáo của mình. Cái mãnh lực thần bí, huyền diệu, dòng ánh sáng nhị nguyên, lửa âm và dương của trái đất được tiêu biểu trong các khoa thần phổ cổ xưa bằng con rắn đầu bò, đầu dê hay đầu chó. Đó là biểu tượng hai con rắn uốn khúc chung quanh cây Thiên Sứ trượng (*Caducée*), con rắn già trong quyển kinh Sáng Thế (*Genèse*). Nhưng nó cũng là **con rắn ngáo ngổ của Moise** uốn mình quanh chữ **TAU**, biểu tượng mãnh lực sáng tạo. Nhưng thật ra, nó là cái sức mạnh mù quáng mà những linh hồn con người phải chinh phục để tự giải thoát khỏi những sự trói buộc của thế gian...”

Eliphas Levi nói tiếp:

“Tất cả mọi tác động nhiệm mầu đều có nghĩa tự giải thoát khỏi những vòng siết chặt của con Rắn cổ xưa, rồi đặt chân trên đầu nó và điều khiển nó tùy theo ý chí của mình. Con Rắn nói, trong huyền thoại Kinh Thánh: *“Ta sẽ cho người tất cả những vương quốc trên trái đất nếu người chịu hạ mình để tôn thờ ta”*. Người đạo đồ phải đáp lại rằng: *“Ta sẽ không chịu khuất phục mà chính người phải nằm mọp dưới chân ta. Người sẽ không cho ta cái gì cả mà ta sẽ sử khiến người và lấy bất cứ vật gì ta muốn. Vì ta là Chúa của người*

và *Thầy của người* !” Đó là ý nghĩa thật sự của câu trả lời tối nghĩa mà đức J  sus       p lại k   c  m    ... Như vậy,   c qu  y kh  ng phải l   một Thực Th   .     l   một sức mạnh đi hoang. Một luồng từ điển tạo nên bởi một vòng dây liên tục nh  ng        tai hại h  n phải tạo ra c  i vong linh   c mà Th  nh kinh gọi l     c qu  y, n      y một b  y heo   m   u xuống biển.     l   một câu ngụ ng  n ẩn dụ kh  c nữa trong Kinh Th  nh, ngụ    cho thấy bằng c  ch n  o nh  ng người c   tính chất thấp h  n c   thể bị l  i cuốn, x      y xuống hố s  u vực th  m bởi nh  ng sức mạnh mù qu  ng do t  c   ng vận chuyển của l  m l  c và tội lỗi”.

Trong quyển s  ch n  i về nh  ng biểu lộ huyền linh của tính chất con người, nh  a tự nhi  n học và triết gia    c Maximilien Perty     dành trọn một chương n  i về “Nh  ng hình thức Phương thuật cận   i”. Trong lời mở   u,   ng n  i: “Nh  ng biểu lộ của đời sống huyền diệu một phần căn c   trên một trật tự sinh h  a ho  n to  n kh  c h  n với c  i thi  n nhi  n mà ch  ng ta   ược biết với nh  ng quan ni  m th  ng thường về thời gian, kh  ng gian và nh  n quả hệ như hi  n nay. Nh  ng biểu lộ     chỉ c   thể   ược thực nghiệm rất   t. Ch  ng kh  ng thể   ược k  u gọi t  y    muốn, nhưng c   thể quan s  t và theo   i tỉ m   khi n  o ch  ng xảy ra trước mặt ch  ng ta. Ch  ng ta chỉ c   thể sắp h  ng và ph  n loại ch  ng theo l  y t  ng   ng    từ        n dịch ra nh  ng nguyên t  c và   nh luật chung”.

QUY  N NĂNG CỦA NHÀ THU  T S  

Như vậy,    i với gi  o sư Perty, một người thuộc m  n ph  i triết học của Schopenhauer, tính chất tự nhi  n và khả hữu của hi  n t  ng nhi  m m  u như   ược    n tả dưới    y ho  n to  n   ược ch  ng minh theo nguyên t  c k   tr  n. Hi  n t  ng này     xảy ra trước mặt nh  a thuật sĩ Ấn     Kavindasami do nh  a   ng phương học Louis Jacolliot thuật lại. Nh  a thuật sĩ l   một người, nhờ ho  n to  n chế ngự   ược thể x  c vật chất của mình,        t tới một trạng th  i tinh luyện siêu    ng, nhờ    , tinh thần trở nên h  u như tho  t

ly ra khỏi cái ngục tù bằng xương thịt và có thể thực hiện những phép mầu. Ý chí hay một ước muốn tâm thường giản dị của y đã trở nên một mãnh lực sáng tạo, và y có thể chỉ huy sai khiến những sức mạnh của thiên nhiên. Thể xác đối với y không còn là một chướng ngại, do đó, y có thể giao tiếp dễ dàng với cõi giới thần linh.

Dưới hai bàn tay xòe ra của y, một hột giống được dấu kín nhem, mà Ông Jacolliot đã chọn lấy giữa nhiều loại hột giống khác đựng trong một cái bao và đích thân trồng vào một cái chậu sau khi đã làm dấu cẩn thận, liền nảy mầm trong giây phút và từ trong chậu mọc lên rất nhanh. Không đầy hai tiếng đồng hồ, nó đã mọc lên thành một thân cây nhỏ với một bề cao và kích thước mà dưới những trường hợp bình thường, nó phải cần đến nhiều ngày hay nhiều tuần mới có thể mọc lên được. Sự việc xảy ra một cách mầu nhiệm trước sự ngạc nhiên, hoang mang của nhà học giả và làm đảo lộn một cách ngạo nghễ mọi công thức đã chấp nhận của khoa Thảo mộc học.

Phải chăng đó là một phép lạ ? Không bao giờ. Nó có thể là một phép lạ nếu theo định nghĩa trong quyển tự điển Webster “một phép lạ là một việc gì xảy ra trái ngược với những nguyên tắc **đã định**, vượt ra ngoài những định luật thiên nhiên **đã được biết** từ trước đến nay”. Nhưng các nhà bác học có sẵn sàng khẳng định chẳng, rằng những gì họ đã quyết định do sự quan sát là không thể sai lầm ? Và họ đã **biết hết tất cả** những định luật thiên nhiên ?

Trong trường hợp này, “**phép lạ**” còn nhiệm mầu hơn những cuộc thí nghiệm đã quen thuộc của Ông Pleasanton ở Philadelphia. Trong khi những lưỡng nho của Ông trồng được đem bông trở trái mau lẹ do phương pháp kích động triệt để bằng ánh sáng tím nhân tạo thì mãnh lực từ điển toát ra từ hai bàn tay của nhà thuật sĩ còn thực hiện được những biến đổi mãnh liệt và mau chóng hơn trong cơ năng sinh hóa của loài cây cỏ Ấn Độ. Mãnh lực ấy thu hút và

kết tinh chất sinh khí **Akasha** vào trong hột giống. Từ khí của nhà thuật sĩ tuân theo mệnh lệnh của ý chí, **rút chất Akasha** trong một giòong sinh khí tập trung vào trong hai bàn tay của y và bằng cách giữ gìn cho giòong sinh khí ấy luân chuyển trong một thời gian cần thiết, sinh lực của cái cây mọc lên tuần tự cấu tạo hết tế bào này đến tế bào khác, hết lớp này đến lớp khác, với một sức hoạt động siêu tự nhiên cho đến khi công việc được hoàn tất.

Sinh khí ấy chỉ là một sức mạnh mù quáng tuân theo một tác nhân chế ngự, kiểm soát. Trong sinh hoạt bình thường tự nhiên, nguyên sinh chất trong cái cây có tác dụng rút chất sinh khí và vận dụng nó theo một tỷ lệ nhất định. Tỷ lệ này sẽ tùy theo tình trạng thời tiết hiện hành, sự trưởng thành của cái cây mau hay chậm là tùy theo nhiệt độ của ánh sáng, nhiệt lực và mức độ ẩm ướt của mùa trong năm. Trái lại, nhà thuật sĩ trợ giúp thiên nhiên bằng sức mạnh ý chí và tinh thần đã thanh lọc khỏi mọi điều trần cấu; y tập trung tinh hoa sự sống thảo mộc vào trong hột giống và làm cho nó trưởng thành mau lẹ trước thời giờ. Cái sức mạnh mù quáng đó hoàn toàn thụ động trước ý chí của y và tuân theo mệnh lệnh ý chí một cách nô lệ. Nếu y **tưởng tượng** cái cây đó là một quái vật, chắc chắn nó sẽ trở nên một quái vật, cũng như lúc bình thường nó mọc lên theo hình thức tự nhiên của nó. Đó là bởi vì cái hình ảnh cụ thể vốn rập theo cái kiểu mẫu phác họa trong trí tưởng tượng của nhà thuật sĩ bị bắt buộc phải tượng hình theo kiểu mẫu ấy từng chi tiết nhỏ nhất. Ý chí của nhà thuật sĩ tạo thành một khuôn mẫu tuy vô hình nhưng đối với nó vẫn là hoàn toàn khách thể, trong đó, chất thảo mộc sẽ từ từ cô đọng lại và khoác lấy cái hình thể đã vạch sẵn. Ý chí có công dụng sáng tạo vì ý chí trong trạng thái chuyển động là một **sức mạnh** và sức mạnh tạo nên **vật chất**.

Hoặc có người phản đối sự giải thích trên, viện lẽ rằng người thuật sĩ không thể nào tạo hình cái kiểu mẫu trong trí tưởng tượng của mình bởi vì học giả Jacolliot đã dấu không cho y biết trước loại

hột giống nào Ông ta đã chọn để làm thí nghiệm. Để giải đáp, chúng tôi sẽ trả lời rằng linh hồn con người cũng giống như tinh thần của Đấng Tạo Hóa, bản chất vốn Toàn thông. Trong trạng thái bình thường, người thuật sĩ không thể biết được đó là hột xoài, hột mận hay hột của một loại cây cỏ nào khác. Nhưng một khi trong cơn nhập định, nghĩa là khi thể xác của y đã mất hết mọi tri giác, cảm xúc đối với ngoại cảnh thì đối với linh hồn y, không có sự cách biệt không gian hay thời gian, hay một chương ngại vật chất nào. Linh hồn y sẽ không khó gì mà không nhận biết được đó là hột mận dù cho nó bị chôn sâu dưới lớp đất trong chậu hay phản ánh những lớp hình tư tưởng trung thực trong bộ óc của nhà học giả. Những linh ảnh, linh thị, điềm báo trước và những hiện tượng tâm linh khác mà tất cả đều có trong thiên nhiên đều phù hợp và xác nhận sự kiện trên.

Và bây giờ, có lẽ cũng còn có người đưa ra một sự phản đối khác nữa. Họ sẽ nói rằng những nhà làm trò ảo thuật Ấn Độ cũng làm được giống như nhà thuật sĩ nếu người ta có thể tin nơi những lời tường thuật trên báo chí và của những người du khách. Điều ấy quả thật đúng như vậy, và hơn nữa, những người làm trò ảo thuật lưu động này không hề có một đời sống trong sạch hay thánh thiện, và cũng không được ai mến phục dù bởi ngoại môn hay bởi chính những người trong xứ. Họ thường bị người bốn xứ sợ hãi và ghê tởm vì họ là những nhà phù thủy, thực hành môn Hắc thuật (Bàng Môn Tả Đạo). Nhà thuật sĩ chân chính như Kavindasami chỉ cần vận dụng Chơn Ngã thiêng liêng của mình, phối hợp chặt chẽ với tinh thần bất diệt và sự trợ giúp của vài vị thần linh hộ mạng, còn nhà phù thủy chỉ có thể kêu gọi sự trợ giúp của những hạng vong linh thấp kém. Theo luật đồng khí tương cầu, lòng tham lam tiền bạc, những mục đích nhơ bẩn và những ý đồ ích kỷ không thể thu hút lại gần mình những gì khác hơn là những vong linh bất hảo mà huyền môn Do Thái gọi là klippoth và các thuật sĩ phương

Đông gọi là afrits, tức là những vong linh lầm lạc, tội lỗi hay ma quỷ.

Hiện tượng trồng cây do các thuật sĩ Ấn Độ biểu diễn đã được một tờ báo Anh diễn tả như sau:

“Người thuật sĩ đặt một cái chậu không trên sàn gạch và yêu cầu cử tọa hãy cho phép một người phụ tá của y đi lấy đất ở một bãi đất trống gần bên. Cử tọa đồng ý, người phụ tá đi một lát rồi đem về một vài nắm đất mới xới mà y gói trong một cái khăn; y đổ đất vào chậu và nhẹ tay ấn xuống một chút. Người thuật sĩ lấy từ trong giỏ một hột xoài đã khô và đưa cho cử tọa chuyển tay nhau xem để biết chắc đó là vật gì, rồi lấy tay moi một cái lỗ ở giữa chậu đất và để cái hột xoài vào đó. Kế đó, y lấy đất lấp lại cho đầy, và sau khi tưới một ít nước lên trên, y đẩy cái chậu bằng một tấm vải phủ trên một hình tam giác nhỏ. Lúc ấy, giữa những tiếng niệm chú và tiếng trống cơm vang dội của những người trong đoàn biểu diễn, cái hột xoài nảy mầm. Sau một lát, có người bước lại kéo một góc tấm vải phủ qua một bên thì thấy đã mọc lên một cái mầm non với hai lá thon dài màu nâu sậm. Tấm vải phủ được để lại cho ngay ngắn và những tiếng niệm chân ngôn lại tiếp tục. Trong giây lát, tấm vải phủ được kéo lên một lần thứ nhì, người ta lại thấy hai cái lá xoài đầu tiên đã nhường chỗ cho nhiều lá màu xanh và cây xoài đã mọc lên cho cao độ ba tấc tây. Đến lần thứ ba thì cành lá càng xum xuê hơn nữa và cây xoài đã cao lên đến bốn năm tấc. Đến lần thứ tư, cây xoài đã có vẻ cứng cáp và cao lên độ sáu tấc với độ 10 hay 12 trái xoài nhỏ treo lủng lẳng ở các cành. Sau cùng, độ ba bốn phút sau đó, tấm vải phủ được lấy ra hoàn toàn, những trái xoài đã lớn lên hoàn toàn tuy vẫn chưa thật chín muồi. Người phụ tá ngắt lấy vài trái đưa cho những người có mặt tại đó, những người này nếm thử thì thấy những trái xoài đó có vị vừa ngọt vừa chua và đã gần chín”.

Chúng tôi đã từng chứng kiến những cuộc biểu diễn này ở Ấn Độ và Tây Tạng, và hơn một lần, chính chúng tôi đã tự mình đem lại những chậu sành hay chậu thiếc. Chúng tôi cũng đích thân lấy đất bỏ vào chậu và tự tay trồng lấy rễ non do người thuật sĩ đưa ra. Cuộc thí nghiệm này đã diễn ra ngay trong phòng của chúng tôi; chúng tôi đã để mắt theo dõi từng cử chỉ, động tác của người thuật sĩ từ đầu đến cuối và tuyệt nhiên không có chút gì khả nghi. Độc giả hãy thử nghĩ có một ảo thuật gia nào có thể làm được một hiện tượng như thế dưới những điều kiện tương tự ?

CHỦ THUYẾT CỦA ĐẠO SƯ PROCLUS

Trong một tập bình giải về Phương thuật, đạo sư Proclus viết như sau: “Thói thường, những cặp tình nhân bắt đầu cảm mến nhau qua hình dáng mỹ lệ nên ngoài rồi từ đó mới tiến dần đến cái mỹ lệ của tâm hồn thuộc về phần tinh thần thiêng liêng. Cũng y như thế, những vị tư tế, giáo sĩ thời cổ xưa, khi họ thấy rằng có một mối tương quan tác động giữa những sự vật với nhau và giữa những sự vật biểu lộ với những năng lực huyền bí ẩn tàng, từ cái tính chất tương quan, tương hợp giữa vạn vật, họ mới phát minh ra một khoa học huyền bí thiêng liêng. Như vậy, họ nhìn nhận những nguyên lý tối cao bên trong những sự vật nhỏ bé phụ thuộc và những phần bé nhỏ phụ thuộc bên trong những cái cao cả thiêng liêng. Trên cõi Trời, những đặc tính trần gian vẫn hiện hữu một cách ẩn tàng trong trạng thái sơ khai nguyên thủy, và ngược lại, trên mặt đất, vẫn có những đặc tính thiêng liêng huyền diệu nhưng biểu lộ dưới trạng thái của cõi hạ giới phàm trần.

Kế đó, Proclus nêu ra vài đặc tính lạ lùng huyền bí của những loài cây cỏ, khoáng vật và thú cầm mà những nhà tự nhiên học vẫn biết rõ nhưng không giải thích. Chẳng hạn như động tác của các loài hoa quỳ và hoa hướng dương luôn luôn xoay về phía mặt trời, các loài hoa sen co rút hoa lá vào những giờ ban đêm và từ từ xòe ra khi mặt trời xuất hiện, những động tác phản xạ của

vài loại nhật thạch, nguyệt thạch và vài loại thú cầm. Ông nói: “Cổ nhân đã quan sát mối tương quan đó giữa các thiên thể với mọi loài sống trên mặt đất, bèn đem áp dụng vào những mục đích tìm hiểu những điều ẩn tàng huyền bí trong thiên nhiên, cả trên trời và dưới đất, nhờ đó, họ diễn dịch và truy nguyên những đặc tính thiêng liêng trong những sự vật ở cõi hạ giới phàm trần này... Tất cả mọi vật đều hàm súc đầy những tính chất thiêng liêng; những sự vật trên mặt đất hấp thu những ảnh hưởng huyền diệu của cõi Trời, trong khi mọi trật tự sinh hóa đều tuần tự diễn biến nhịp nhàng đều đặn từ **chỗ cao tốt giáng xuống chỗ thấp thối nhất** (điều này tương phản với thuyết tiến hóa của khoa học hiện đại).

Khi nêu ra những sự việc ấy, Proclus hẳn không chủ trương một sự mê tín dị đoan mà nêu cao khoa học, bởi vì tuy phương thuật hầy còn là một khoa huyền bí, chưa được các nhà học giả hiện đại biết rõ, nó vẫn là một khoa học. Phương thuật vốn căn cứ trên những đặc tính tương quan huyền bí giữa những vật thể hữu cơ và vô cơ, những động tác sản sinh hữu hình của bốn loài trong thiên nhiên và những năng lực vô hình của vũ trụ. Điều mà khoa học gọi là hấp dẫn lực (gravitation), cổ nhân và các đạo gia thời trung cổ gọi là từ khí, sức thu hút, sự tương cầu. Đó là cái định luật của vũ trụ mà Platon đã hiểu rõ và giải thích trong quyển Timeus như sự thu hút những vật thể nhỏ bé bởi những vật thể to lớn hơn, và sự tương cầu giữa những vật thể giống nhau. Những vật thể này biểu lộ một năng lực từ điển hơn là tuân theo định luật hấp dẫn.

Theo công thức vật lý học đối nghịch với Aristote, hấp dẫn lực làm cho tất cả những vật thể từ trên cao rơi xuống đất với một tốc lực bằng nhau nếu không kể đến trọng lượng của chúng, sự sai biệt tốc lực, nguyên nhân là do bởi một động lực bí ẩn khác chưa được biết rõ. Công thức ấy dường như chỉ rằng đó là do tác động của từ khí hơn là do bởi trọng lượng.

Một sự hiểu biết tường tận về những khả năng huyền bí của mọi sự vật trong thiên nhiên, hữu hình cũng như vô hình, những mối tương quan sinh khắc giữa vạn vật, nguyên nhân của những động tác tương quan đó, truy nguyên đến cái nguyên lý tâm linh thấm nhuần và sinh động tất cả vạn vật, và khả năng tạo những điều kiện thuận lợi nhất để làm thể hiện cái nguyên lý đó, nói tóm lại, một sự hiểu biết sâu xa và thấu triệt định luật tự nhiên, đó chính là nền tảng của Phương thuật, từ bao giờ cũng như bây giờ.

PHƯƠNG THUẬT CHỈ LÀ PHÉP ÁP DỤNG NHỮNG ĐỊNH LUẬT TỰ NHIÊN

Các đạo sư Apollonius và Jamblique dạy rằng không phải do sự hiểu biết sự vật từ bên ngoài mà do sự kiện toàn Chơn Ngã từ bên trong mà con người mới đạt tới cõi Đạo để tiến hóa lên quả vị siêu nhiên. Bằng cách đó, các Ngài mới hoàn toàn thực hiện được Chơn Ngã thiêng liêng và biết sử dụng những quyền năng của linh hồn với tất cả sự minh triết thu thập được bằng sự học hỏi giáo lý huyền môn của ông cha truyền lại. Còn các triết gia cận đại của chúng ta ngày nay tự nhốt mình trong lớp vỏ xác thịt vật chất, không thể và cũng không dám nhìn xa hơn những gì mà họ có thể hiểu được. Đối với họ, không có cuộc đời sau, không có những ước mơ cao cả, những triển vọng thiêng liêng vì họ coi những điều này như là phản khoa học. Đối với họ, cổ nhân chỉ là những người “tổ tiên dốt nát”, như họ vẫn thường nói, và mỗi khi họ gặp một tác giả nào tin tưởng rằng sự khát khao thầm kín những kiến thức tâm linh vốn tiềm ẩn trong mỗi người và không thể do tự nhiên phú cho ta một cách hoàn toàn vô ích thì họ nhìn người ấy với một thái độ khinh bỉ và thương hại.

Một tục ngữ Ba Tư nói: “Trời càng sẫm tối, sao càng chiếu sáng”. Trên bối cảnh đen tối của các thế hệ trung cổ, bắt đầu xuất hiện những vị Đạo đồ bí hiểm của phái Huyền môn Rosecroix. Họ

không thành lập hội đoàn, không xây dựng đạo viện bởi vì họ bị truy nã ráo riết như loài thú dữ và nếu bị Tòa án Tôn giáo (Inquisition) bắt được, họ đương nhiên bị đưa đi đốt sống trên giàn hỏa. Tác giả Bayle nói rằng: “Vì tôn giáo ngăn cấm việc gây đổ máu (theo câu thánh ngôn La Tinh ‘Ecclesia non novit sanguinem’), người ta dùng biện pháp đốt để khỏi vi phạm lời răn trong Kinh Thánh !”

Nhiều vị đạo đồ Huyền môn, nhờ thực hành công phu tu luyện theo những kinh sách cổ được giữ gìn bí mật từ thế hệ này sang thế hệ khác, đã sở đắc được những bí thuật nhiệm mầu không thể coi thường đâu ở vào thời kỳ khoa học hiện đại. Tu sĩ Roger Bacon đã bị coi như một “lang băm”, ngày nay thường được liệt vào hàng những người thực hành phương thuật. Tuy nhiên, những bí thuật của ông đã được chấp nhận và ngày nay lại được sử dụng bởi những người bêu riếu ông nhiều nhất. Roger Bacon thuộc về một phái Huyền môn gồm tất cả những đạo sinh khảo cứu về khoa học huyền bí. Sống gần đồng thời với Albertus Magnus và Thomas d’Aquin hồi thế kỷ 13, ông đã phát minh ra thuốc súng, kính đeo mắt và vài loại cơ khí. Những phát minh của ông được mọi người coi như những phép lạ, nhưng ông lại bị tố giác là giao tiếp với Ma vương !

Tục truyền rằng có lần tu sĩ Roger Bacon được Vua triệu vào cung và yêu cầu trở một vài tài nghệ trước mặt Hoàng Hậu. Y bèn cầm chiếc gậy phép hươi lên vài cái, tức thì cả cử tọa đều nghe có tiếng nhạc du dương trầm bổng rất hay và họ nói rằng chưa từng được nghe âm thanh kỳ diệu như thế bao giờ. Kế đó, một điệu nhạc khác lại trỗi lên, có bốn tiên nữ rất đẹp thình lình xuất hiện và múa vũ điệu theo tiếng nhạc một hồi, cho đến khi hình bóng phai mờ dần và biến tan trong không khí. Sau đó, y lại hươi gậy phép lần nữa và thình lình một mùi hương thơm ngào ngạt tỏa ra khắp phòng, dường như tất cả mùi hương hoa trên thế giới đều tập trung tại gian phòng này.

Việc xảy ra kể đó là để đáp lại lời chất vấn của một quan khách và hứa sẽ cho y nhìn thấy ý trung nhân của y ngay tại chỗ, tu sĩ Bacon bèn bước lại kéo tấm màn che nơi phòng bên cạnh và mọi người đều nhìn thấy một cô nữ tỳ giúp việc nhà bếp, tay cầm một cái giá nấu súp. Người khách kia khi đã nhìn ra cô gái, cô này liền biến mất một cách đột nhiên cũng như khi xuất hiện, ông ta bèn nổi giận vì bị tiết lộ đời tư của mình và hăm sẽ trả thù người tu sĩ. Nhà tu sĩ kia chỉ điềm nhiên trả lời: “Ông chớ hăm dọa, kéo tôi lại tiết lộ thêm nhiều chuyện khác !”

Bình luận về chuyện này, sử gia cận đại Thompson Wright viết: “Những quyền năng của tu sĩ Bacon có thể coi như kết quả của một sự hiểu biết siêu đẳng về khoa học tự nhiên”. Không ai đã từng nghi ngờ gì về việc đó, và những nhà huyền học, luyện kim, thuật sĩ và chiêm tinh gia cũng không hề nói gì khác hơn. Lẽ tất nhiên, không phải là lỗi của họ nếu quần chúng không hiểu biết, dưới ảnh hưởng của một giáo hội cuồng tín và mê chấp, đã cho rằng những sự việc đó là do tác động của ma quỷ. Đứng trước viễn ảnh những cực hình tra tấn khủng khiếp của Tòa án Tôn giáo (Inquisition) thời Trung cổ dành cho tất cả những người bị tình nghi là thực hành khoa phương thuật, dù Bạch phái hay Hắc phái, thì không phải là chuyện lạ nếu những nhà thuật sĩ thời ấy không hề phô trương hay nhìn nhận những thành tích của mình. Trái lại, những tác phẩm của họ chứng tỏ rằng huyền thuật không gì khác hơn là sự áp dụng những định luật tự nhiên làm những nguyên nhân tác động vào những nhân vật hay sự vật thụ cảm, và bởi phương pháp đó mà tạo nên những hiện tượng lạ lùng, tuy rằng đó cũng vẫn là những hậu quả tự nhiên mà thôi.

Những hiện tượng âm nhạc và hương thơm kỳ diệu mà tu sĩ Roger Bacon đã biểu diễn cũng đã có xảy ra và thường nhận thấy ngay trong thời buổi hiện tại. Không nói gì về chính kinh nghiệm bản thân của chúng tôi, ngoài ra còn có trường hợp của những vị hội viên hội Thông Thiên học tại Anh quốc, họ cho chúng tôi biết

rằng họ đã nghe những điệu nhạc thần bí réo rắt du dương trong khoảng không, ở một nơi không có ai sử dụng nhạc khí và ngửi một loạt những mùi hương kỳ diệu, thơm ngát mà họ tin rằng được tạo ra bởi các giới thần linh trong cõi vô hình. Một vị nói rằng một trong những mùi hương đó là mùi hương trầm rất nồng nặc, đậm đà đến nỗi nó còn phảng phất trong nhà nhiều tuần lễ sau buổi hội họp tối hôm đó. Người đồng tử trong trường hợp này là một người trong gia đình và những cuộc thí nghiệm hôm ấy đã diễn ra trong vòng thân mật của bầu không khí gia đình mà thôi. Những năng lực huyền bí có thể tạo ra những hiện tượng đó trong thời buổi hiện tại hẳn phải có và cũng không kém hữu hiệu như thế vào thời đại của Roger Bacon. Còn những nhân vật hiện hình, chỉ cần nói rằng chúng vẫn thường được kêu gọi và xuất hiện trong các giới thần linh học ngày nay với sự chứng thực của các nhà bác học. Như vậy, việc kêu gọi những tiên nữ hiện hình của nhà phương sĩ Roger Bacon lại càng không phải là một điều vô căn cứ.

Nhà Huyền học Ý Baptista Porta, trong quyển “Phương thuật tự nhiên” có nêu ra toàn bộ những chân ngôn phù chú bí mật sử dụng những mãnh lực huyền bí của thiên nhiên để tạo nên những hiện tượng nhiệm mầu. Tuy những pháp sư, thuật sĩ cũng tin tưởng chắc chắn nơi một thế giới thần linh như các nhà thần linh học, nhưng không một vị nào cho rằng họ có thể làm những hiện tượng lạ lùng chỉ nhờ vào sự trợ giúp đơn thuần của các vong linh mà thôi. Họ biết quá rõ rằng thật khó mà ngăn chặn sự đột nhập của các vong linh một khi chúng nhận thấy cánh cửa đã mở rộng. Dầu cho huyền thuật xứ Chaldée cổ xưa cũng chỉ gồm có sự hiểu biết sâu xa những dược tánh của loài cây cỏ và khoáng chất. Chỉ khi nào nhà thông thần muốn có sự trợ giúp thiêng liêng về các vấn đề tâm linh hay thể tục, y mới hành lễ tôn giáo để cầu xin sự giao cảm trực tiếp với các Đấng vô hình. Dầu đối với họ, những vị thần linh khuất mặt và giao cảm với người phạm qua những nội quan đã thức tỉnh của họ như thần nhãn, thần nhĩ và đồng thiếp, cũng chỉ

có thể được thỉnh cầu trong trạng thái nội quan, chủ thể và do kết quả của một đời sống tinh khiết và cầu nguyện chân thành. Còn tất cả mọi hiện tượng vật chất hữu hình đều chỉ được tạo nên bằng cách áp dụng sự hiểu biết những mãnh lực thiên nhiên chứ tuyệt nhiên không phải bằng sự lạnh lẽo, khôn khéo như các nhà ảo thuật ngày nay vẫn thường làm.

Những người sở đắc sự hiểu biết đó và biểu diễn những quyền năng đó kiên nhẫn hoạt động vì một mục đích cao xa hơn là vì danh lợi trần gian. Vì không mưu cầu danh lợi, họ trở nên bất tử, cũng như tất cả những người phụng sự nhân loại vì mục đích vị tha cứu đời chứ không vì mục đích lợi ích bản thân. Được giác ngộ ánh sáng chân lý trường cửu muôn đời, những bậc đạo gia tuy thanh bần mà tâm hồn phong phú ấy chuyên chú vào những vấn đề ngoài tầm hiểu biết của người đời. Không có vấn đề nào mà họ không thấu triệt và họ không thừa nhận trên đời có vấn đề gì mà họ không giải quyết được, trừ ra vấn đề Đệ Nhất Nguyên Nhân. Phương châm cố hữu của họ là: “Dám Làm, Dám Biết, Dám Muốn và Giữ Im Lặng”. Họ luôn luôn tốt lành, vô kỷ và không phô trương, kiêu cách. Khinh thường mọi lợi danh, giàu sang, quyền thế, họ ước mong được sự hiểu biết, giác ngộ như điều sở đắc quý trọng nhất. Họ coi sự cơ hàn, cực khổ và sự chệch bại, gièm siểm của người đời như những điều không đáng quan tâm, như một cái giá không quá đắt mà họ phải trả để đạt sự hiểu biết. Với tài nghệ và khả năng phi thường, thay vì có thể sống trên nhung lụa, nhưng họ thà chịu sống vất vưởng và chết trên vỉa hè hay trong nhà thương thí còn hơn là hạ thấp giá trị của mình mà quên lời nguyện ước thiêng liêng để làm thỏa mãn sự tham vọng của kẻ thế nhân phàm tục. Đời sống của Paracelse, Cornelius Agrippa và Philalethes là tiêu biểu điển hình cho cái tinh thần cao cả nói trên.

CHƯƠNG NĂM

VẠN VẬT TƯƠNG QUAN



Sau khi đã trình bày một vài quan niệm và giả thuyết của khoa học về những hiện tượng thần linh của thời hiện đại, bây giờ chúng tôi sẽ nói về những lý luận của các nhà phương sĩ, luyện kim, đạo gia thời Trung cổ và của vài bậc trí giả lỗi lạc khác. Hầu hết các vị này đều tin tưởng ở nền đạo lý của khoa Huyền môn bí truyền, gồm các khoa Luyện Kim, Huyền thuật Kabala, triết hệ Pythagore, nền Phương thuật Magie và những triết hệ về sau của môn phái Platon và phái Thông Thần. Chúng tôi cũng sẽ trình bày về những nhà đạo sĩ Ấn Độ, các nhà Chiêm tinh của xứ Chaldée và nêu ra những chân lý chính đại của những tôn giáo cổ xưa đã bị hiểu lầm. Những nguyên tố Đất, Nước, Lửa, Gió của cổ nhân, gọi chung là Tứ Đại đối với người học Đạo có hàm súc nhiều điều bí ẩn mà triết học Tây phương không bao giờ nghĩ đến. Chúng ta không nên quên rằng điều mà Giáo hội gọi là thuật Chiêu hồn và các học giả cận đại gọi là Thần Linh học, mà một phần gồm có việc kêu gọi những vong linh người chết, là một khoa học đã từng được phổ biến sâu rộng khắp nơi trên mặt đất kể từ những thời đại cổ xưa.

Học giả Anh Henry More không phải là một nhà Luyện kim, thuật sĩ hay chiêm tinh gia mà chỉ là một triết gia lỗi lạc được khắp thế giới mến chuộng như một nhà bác học và siêu hình học

có óc lý luận sắc bén. Suốt đời, Ông vẫn tin tưởng nơi khoa huyền thuật và pháp môn huyền bí.

Đức tin nơi sự bất tử và những lý luận vững chắc của Ông để chứng minh sự tồn tại của linh hồn con người sau khi chết đều căn cứ trên học thuyết của Pythagore mà các nhà huyền học đều chấp nhận. Ông tin tưởng chắc chắn nơi các vong linh hiện hình và mạnh dạn bênh vực thuyết nói về cá thể biệt lập của mỗi linh hồn, trong đó, “cái ngã, trí nhớ và tâm thức chắc chắn sẽ tiếp tục trong một kiếp sống tương lai”. Ông phân biệt linh hồn con người sau khi rời bỏ xác thân làm hai phần rõ rệt: “thể cảm dục” và “thể tinh anh”. Trong thời kỳ mà linh hồn còn bao bọc trong thể cảm dục khi di chuyển ở bên kia của Tử, nó còn bị chi phối bởi định mệnh, nghĩa là còn chịu sự ảnh hưởng của điều Ác và sự cám dỗ, còn mê luyến việc trần và bởi đó, chưa được hoàn toàn thuần khiết. “Chỉ khi nào linh hồn vất bỏ cái thể cảm dục nặng trĩu này để trở nên tinh anh, thuần khiết thì nó mới thật là trở nên bất tử. Chỉ khi nào linh hồn đã trở thành một thể tinh anh và đạt tới trạng thái thuần khiết như đã nói ở trên thì nó mới vượt thoát ra ngoài vòng định mệnh và sinh tử, luân hồi”. Ông kết luận rằng trạng thái tinh anh thuần khiết thiêng liêng đó tức là cái mục đích duy nhất của các môn đồ phái Pythagore.

Triết gia Descartes tuy sùng thượng vật chất, là một trong những người chủ trương hăng say nhất thuyết từ điển và chí đến khoa luyện kim. Triết hệ Vật lý của Ông rất tương đồng với lý thuyết của những bậc đại triết gia khác. Ông cho rằng không gian vô tận gồm có hay chứa đầy một thứ chất liệu nguyên thủy rất tế vi, nguồn gốc của mọi sự sống, thấm nhuần tất cả các thiên thể và làm vận chuyển các bầu thế giới.

Tiến sĩ Hufeland là tác giả một quyển sách về phương thuật, trong đó, Ông nêu ra thuyết tương quan từ điển giữa muôn loài vạn vật trong vũ trụ gồm cả loài người, cầm thú, cây cỏ và chí đến loài

khoáng vật. Ông đã xác nhận những điều minh chứng của Campanella, Van Helmont và Servius về sự tương quan, liên hệ mật thiết giữa những bộ phận trong cơ thể con người cũng như giữa những thành phần của tất cả mọi vật thể hữu cơ và vô cơ.

Đó cũng là thuyết của Tenzel Wirdig. Trong những tác phẩm của triết gia này, thuyết ấy còn được trình bày một cách rõ ràng, hợp lý và hùng hồn hơn nhiều so với những tác phẩm của các nhà huyền học khác. Trong quyển “Y học tâm linh”, dựa trên căn bản của sự kiện thu hút và xô đẩy đại đồng trong vũ trụ, nay gọi là hấp dẫn lực, Ông chứng minh rằng toàn cõi thiên nhiên vốn có một “**linh hồn**”. Mọi loài, mọi vật đều chịu ảnh hưởng của luật đồng khí tương cầu do tác động bí nhiệm của sự thu hút từ điển. Do tác động thu hút và xô đẩy đó mà có sự vận chuyển, biến dịch thường xuyên không ngừng trên toàn cõi thế giới và sự giao cảm thông công liên tục không gián đoạn giữa trời và đất, nó tạo nên sự quân bình trong vũ trụ càn khôn.

Mọi vật sinh hay diệt đều do từ điển, vật này ảnh hưởng đến vật khác dù cách biệt rất xa nhau. Năng lực từ điển ấy còn ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật bất cứ lúc nào và bất luận khoảng cách bao xa trong không gian. Ông Hufeland có nêu trường hợp trong một cơn giải phẫu, một cái mũi nhân tạo được ráp vào cho một người do một miếng thịt cắt ra từ trên lưng của một người lao công và khi người lao công này chết thì cái mũi ráp cho người kia cũng chết theo và rời ra khỏi vị trí giả tạo của nó. Trong một trường hợp khác, một mảnh da đầu của một người còn sống được ráp nối vào cho một người khác, trên đó, những sợi tóc trở nên bạc trắng cùng một lượt với tóc trên đầu của người chủ miếng da ấy.

Nhà Thiên văn học Képler đã từng là bậc tiền phong khám phá ra nhiều chân lý chính đại trước Newton, chí đến về luật “hấp dẫn đại đồng” trong vũ trụ mà Ông quy về cho tác động thu hút từ điển, cũng đã đồng quan niệm với huyền môn Kabala khi Ông tin

rằng những bầu tinh tú, thiên thể đều được cai quản bởi “những trí lực thông minh”. Ông tin tưởng chắc chắn rằng mỗi bầu hành tinh là nơi tọa lạc của một trí lực thông tuệ, và tất cả các tinh tú, thiên thể đều là nơi ngự trị của những thực thể tâm linh, tác động ảnh hưởng đến những sinh vật sống trên những bầu thế giới vật chất thô kệch hơn, nhất là Trái đất của chúng ta.

Triết gia Ý Baptista Porta, một nhà huyền học uyên bác có để lại một tác phẩm nhan đề “Phương Thuật Tự Nhiên”, trong đó, Ông cho rằng tất cả những hiện tượng huyền linh mà con người có thể thực hiện được đều đặt nền tảng trên linh hồn của thế giới, nó kết hợp chặt chẽ tất cả muôn loài vạn vật. Ông chỉ cho thấy rằng chất tinh quang tác động hòa hợp với mọi vật trong thiên nhiên, nó là cái tinh hoa của những khí thể thanh hư của chúng ta, và bằng cách tác động hòa nhịp với cái nguồn gốc tinh quang đó mà những khí thể thanh hư của chúng ta có thể thực hiện được những việc nhiệm mầu. Cái bí quyết của toàn thể vấn đề tùy nơi sự hiểu biết của chúng ta về những nguyên tố đồng tính chất với nó.

THUYẾT TỪ KHÍ CỦA KIRCHER

Năm 1643, trong giới các nhà huyền học xuất hiện một vị tu sĩ là linh mục Kircher. Ông này chủ trương cả một triết hệ về từ khí của vũ trụ. Những tác phẩm của Ông trình giải nhiều vấn đề trước kia chỉ được Paracelse gợi ý thoáng qua. Ông cho rằng trong vũ trụ chỉ có một Từ Thạch lớn, từ đó xuất phát ra nguồn từ lực truyền sinh khí cho tất cả muôn loài. Khối Từ Thạch đó vốn là cái mà các nhà huyền học Kabala gọi là **Ngôi Mặt Trời Tâm linh trung ương**, tức là Thượng Đế vậy. Ông khẳng định rằng các bầu nhật, nguyệt, các tinh tú, hành tinh đều có từ điển rất mạnh, nhưng sở dĩ chúng được như vậy là do sự cảm ứng nhờ sinh hoạt vận chuyển trong giòng từ khí của vũ trụ, tức là Ánh sáng Tâm linh.

Ông chứng minh sự tương quan bí nhiệm giữa những vật thể của ba loài chính trong thiên nhiên và tăng cường lý luận của Ông bằng rất nhiều thí dụ. Nhiều thí dụ này đã được chứng thực bởi các nhà tự nhiên học, nhưng còn nhiều thí dụ khác chưa được chứng minh, bởi vậy, theo chính sách truyền thống và lập luận rất mập mờ của các nhà khoa học, chúng đã bị phủ nhận. Thí dụ như Ông đã nêu ra sự khác biệt giữa từ điển khoáng vật và từ điển động vật. Ông chứng minh điều ấy bằng sự kiện rằng ngoài ra trường hợp đá nam châm, tất cả những loài khoáng vật đều thọ từ điển từ một tiềm năng cao hơn là từ điển động vật, còn loại động vật thọ từ điển do sự phóng phát trực tiếp từ Đệ Nhất Nguyên Nhân, tức là Đấng Sáng tạo.

Một cái kim có thể được truyền điện chỉ bằng cách nắm trong tay của một người có ý chí dũng mãnh, và chất hổ phách sẽ có tác dụng mạnh mẽ bằng sự cọ xát của bàn tay người hơn là bằng một vật gì khác. Bởi vậy, con người có thể truyền sinh khí của mình và đến một mức độ nào đó có thể **làm sống động** những vật hình thể vô tri giác. Điều này, “dưới con mắt của kẻ ngu dốt, bị coi như khoa phù thủy”. Ông nói: “Mặt Trời là vật thể có từ điển mạnh mẽ nhất trong tất cả mọi vật thể. Những triết gia cổ xưa không hề phủ nhận sự kiện đó mà bao giờ cũng nhận thấy rằng những tia phóng phát của mặt trời luôn luôn cuốn hút mọi vật về mình, và truyền thụ cái khả năng cuốn hút đó cho mọi vật gì nằm dưới những tia ảnh hưởng trực tiếp của nó”.

Để chứng minh điều ấy, Ông đưa ra thí dụ của nhiều loại cây cỏ đặc biệt chịu sức thu hút của mặt trời cùng những loại cây khác chịu sức thu hút của Mặt trăng, và loại trước biểu lộ sức thu hút đó bằng cách luôn luôn hướng về phía mặt trời. Loại cây Githymal theo sát hướng đi của mặt trời dù cho khi mặt trời đã khuất dạng, không còn nhìn thấy được vì sa mù dày đặc. Hoa xiêm gai mở cánh xòe ra khi mặt trời mọc và khép lại lúc mặt trời lặn. Loại hoa sen

Ai cập và hoa hướng dương cũng có phản ứng tương tự. Hoa Bạch Anh thì hướng về phía mặt trăng.

Để chứng minh sự giao cảm và ác cảm giữa loài cây cỏ, Ông đưa ra thí dụ giầy nho không ưa mọc gần bắp cải mà thích leo cây ô liu; cây mao hương (*ranunculus*) thích hợp với sen, và cây ván hương ưa mọc gần cây sung, cây vả. Rễ cây thạch lựu Mễ Tây Cơ khi cắt ra từng khúc bèn xô đẩy nhau “một cách dữ dội lạ thường”.

Ông Kircher cho rằng mọi xúc cảm của con người đều là kết quả của những sự biến đổi trạng thái từ điển. Sự nóng giận, ghen tuông, tình bạn, tình thương, sự thù ghét, tất cả đều là những biến chứng của trạng thái từ điển trong con người. Tình thương là một trong những xúc cảm phức tạp nhất, và bởi đó, những biến thái của nó biểu hiện ra dưới muôn ngàn khía cạnh. Tình yêu tâm linh cao cả, tình thương giữa mẹ với con, tình yêu nghệ thuật của nhà nghệ sĩ, tình bằng hữu chân thành đều là những biểu lộ từ điển của sự giao cảm, giữa những tâm hồn đồng thanh đồng khí với nhau. Từ lực của tình thương thuần túy là căn nguyên của mọi vật sáng tạo. Theo ý nghĩa thông thường, tình yêu giữa nam nữ là một tác động điện lực và Ông gọi đó là “cơn sốt yêu đương giữa các giống” (*amor febris species*).

Có hai loại thu hút do từ lực: giao cảm và mê hoặc; một loại thuộc tính chất thiện mỹ và tự nhiên, loại kia bất hảo và phản tự nhiên. Loại sau, sự mê hoặc, gồm có sự tác động của loài cóc độc, nó chỉ há miệng ra và làm cho những loài côn trùng, bò sát tự nhiên bò vào miệng nó để bị nuốt sống. Những con thú nhỏ bị hấp dẫn bởi hơi thở của con trăn, làm cho chúng mon men lại gần để lọt vào tử địa. Dưới lòng biển sâu có loài cá thủy lôi (*poisson-torpille*), tay người vừa chạm đến liền bị nó phóng ra một luồng điện rất mạnh làm cho tay bị tê liệt trong một thời gian. Muốn sử dụng cái quyền năng đó vì những mục đích tốt lành, người ta phải hội đủ ba điều kiện:

1. Một tâm hồn cao quý, từ thiện.
2. Ý chí mạnh mẽ và khả năng tưởng tượng dồi dào.
3. Một đối tượng thụ cảm, yếu tinh thần hơn đương sự, nếu không, y sẽ đối kháng.

Một người có tâm hồn thanh cao, thoát tục, có thể dùng cách đó mà chữa khỏi nhiều chứng bệnh nan y để cứu nhân độ thế, tầm nhãn quan của y cũng sẽ trở nên sáng suốt và có khả năng tiên tri.

Một thí dụ lạ lùng về sự giao cảm diệu huyền giữa tất cả mọi loài trong trời đất, và giữa mọi vật thể hữu cơ cũng như vô cơ, được tìm thấy trong một quyển sách cổ hồi thế kỷ 17. Đó là một quyển du ký của Ông De La Loubère, sứ thần Pháp quốc tại nước Xiêm la (Thái Lan) hồi năm 1687 - 1688, trong đó, Ông có ghi chép những điều Ông đã nhận xét ở tại xứ này: “Ở Xiêm La, có hai loại cá nước ngọt mà người bốn xứ gọi là Pabout và placadi. Loại cá này, khi đã làm xong, đem ướp muối và để nguyên con trong một cái lu nước, người ta nhận thấy rằng chúng theo sát mực nước thủy triều ngoài biển cả, chúng cũng lên cao xuống thấp trong lu nước tùy theo nước lớn nước ròng”. Ông có thí nghiệm về loại cá này trong một thời gian rất lâu cùng với một vị kỹ sư của chính phủ là Ông Vincent, và cả hai Ông đều đã chứng kiến và bảo đảm sự thật này mà lúc đầu, người ta không tin và cho đó là chuyện hoang đường. Sức thu hút bí nhiệm đó mạnh mẽ đến nỗi nó vẫn còn ảnh hưởng hoàn toàn đầu cho đến khi những con cá đó bị ươn và rửa ra từng miếng.

SỰ KHÁC BIỆT ĐỊA PHƯƠNG VÀ CHỦNG TỘC

Chính ở những xứ hầy còn dã man, chưa được tiếp xúc với nền văn minh nhân loại mà người ta phải quan sát tìm tòi một sự giải thích về tính chất và ảnh hưởng của cái năng lực bí nhiệm đó mà các triết gia cổ xưa gọi là “linh hồn của thế giới”. Chỉ có ở các xứ phương Đông và trong những vùng rừng rậm hoang vu hẻo lánh của châu Phi mà người học Đạo mới tìm thấy nhiều sự kiện dồi

dào để thỏa mãn sự khát khao tìm tòi chân lý. Đó là vì một lý do rất hiển nhiên. Bầu không khí của những nơi dân cư đông đúc bị ô nhiễm rất nặng nề bởi đủ các loại khói và thán khí xuất phát ra từ các nhà máy, các xưởng kỹ nghệ, khói xăng nhớt của các loại động cơ, tàu hơi, tàu hỏa và nhất là những hơi hám ô trước của đám đông và cái mùi tử khí ở các nghĩa địa. Thiên nhiên, giống như con người, cũng tùy thuộc vào những hoàn cảnh bên ngoài trước khi nó có thể tác động. Triều lưu khí vận của thiên nhiên có thể bị chướng ngại, bị ngăn chặn dễ dàng và sự phối hợp năng lực của nó bị hủy diệt ở một vị trí nhất định, chẳng khác nào như nó là một con người.

Những điều kiện thời tiết, khí hậu và những ảnh hưởng huyền linh bí nhiệm cảm nhận được hằng ngày, không những làm biến đổi tính chất sinh lý và tâm lý của con người mà cũng biến đổi thành phần cấu tạo của những vật thể vô cơ đến một mức độ khác thường mà khoa học Âu Tây chưa nhận biết được. Bởi đó, tờ tạp chí Y khoa và Giải phẫu ở Luân Đôn khuyên các y sĩ đừng nên đem đồ y cụ giải phẫu sang Calcutta, bởi vì do kinh nghiệm cá nhân, người ta đã nhận thấy rằng “thép Ăng lê không chịu nổi khí hậu Ấn Độ”. Một xâu chìa khóa của người Anh hay người Mỹ sẽ bị hoàn toàn rỉ sét trong vòng 24 giờ sau khi được đem sang Ai cập, trong khi những đồ dụng cụ làm bằng thép bốn xứ ở các quốc gia ấy vẫn không bị ảnh hưởng gì.

Người ta đã nhận thấy rằng một người phương sĩ Shaman xứ Tây Bá Lợi Á đã từng chứng tỏ những quyền năng nhiệm mầu của mình ở tại xứ nhà lại bị lần hồi giảm sút và thường là hoàn toàn mất hết quyền năng khi họ đến thành phố Luân Đôn đầy khói và sa mù. Có lẽ nào cơ thể nội tạng của con người lại ít nhạy cảm hơn một mảnh sắt thép đối với ảnh hưởng của thời tiết và khí hậu ? Nếu như vậy, thì tại sao lại nghi ngờ những lời chứng minh của các du khách, họ có thể đã nhìn thấy người phương sĩ thực hiện người phép lạ có tính cách nhiệm mầu nhất từ ngày này qua ngày khác

và phủ nhận những quyền năng và những phép lạ ấy chỉ vì người phương sĩ không thể làm được y như vậy ở Luân Đôn hay ở Paris ?

Trong một buổi thuyết trình về những Vong thuật (Lost Arts), Ông Wendell Phillips chứng minh rằng ngoài ra việc tính chất tâm linh của con người bị ảnh hưởng do bởi sự thay đổi khí hậu, người Đông phương có những giác quan bén nhạy hơn nhiều so với người Tây phương. Ông nói: “Những chuyên viên Pháp về ngành nhuộm ở thành phố Lyon nổi tiếng là không ai bì kịp về tài năng và nghệ thuật, nói rằng có một “nước” màu xanh dương tể nhị mà người Âu Tây không thể phân biệt và không nhìn thấy... Và ở tỉnh Kashmir là nơi mà các cô thiếu nữ Ấn Độ làm những khăn choàng trị giá đến 30.000 đô la, họ đã trình bày cho vị chuyên gia Pháp ở Lyon xem đến ba trăm màu sắc khác nhau mà ông ta không những là không thể làm mà thậm chí còn **không thể phân biệt**”. Nếu có một sự sai biệt lớn lao như vậy giữa sự bén nhạy giác quan của hai chủng tộc thì hẳn phải có một sự sai biệt tương đương về những khả năng tâm linh. Hơn nữa, nhãn quan của cô gái Ấn Độ có thể nhìn thấy một màu sắc hiện hữu ngoại tại nhưng vì người Âu nói trên không thể phân biệt được cho nên màu sắc ấy **không có** đối với y. Vậy tại sao chúng ta không nhìn nhận rằng một số người có những cơ thể được cấu tạo một cách lạ thường và sở hữu một khả năng huyền bí gọi là **linh thị**, có thể nhìn thấy những hình ảnh ngoại tại, khách thể mà người khác không nhìn thấy, cũng như cô gái Ấn Độ nhìn thấy được những màu sắc kia ? Và bởi vậy, những hình ảnh khách thể đó, thay vì chỉ là những ảo ảnh do óc tưởng tượng gây nên, trái lại, là những phản ảnh của người và vật có thật, được ghi ấn tượng trên chất dĩ thái hay tinh quang của vũ trụ như đã được giải thích bởi nền triết học cổ xưa của **Sấm Ngôn Chaldée**, và đúng như điều phỏng đoán của vài triết gia cận đại.

VÀI THUẬT CHỮA BỆNH NHIỆM MẦU

Từ những thời đại cổ xưa nhất, các triết gia đã từng biết rõ khả năng thần diệu của âm nhạc để chữa khỏi một vài chứng bệnh, nhất là những bệnh thuộc về loại thần kinh. Ông Kircher đề cao lối chữa bệnh này sau khi đã có kinh nghiệm bản thân về những ảnh hưởng tốt lành của âm nhạc và có diễn tả tỉ mỉ loại nhạc cụ mà Ông đã dùng. Loại nhạc cụ này gồm có năm cái ly bằng thủy tinh rất mỏng, sắp thành một hàng. Trong hai ly có hai thứ rượu nho nồng độ khác nhau, ly thứ ba đựng rượu mạnh, ly thứ tư đựng dầu ăn và ly thứ năm đựng nước. Ông cọ ngón tay lên miệng các ly và phát ra 5 loại âm thanh rất du dương. Những âm thanh này có tác dụng xoa dịu thần kinh và làm tiêu tan mọi sự đau đớn, dường như làm cho chứng bệnh rút lui ra khỏi xác thân để hòa lẫn với luồng sóng âm của tiếng nhạc, và cả hai cùng nương nhau mà tan biến trong không gian. Hai nghìn năm về trước, đạo sư Asclepiades cũng đã dùng âm nhạc để chữa bệnh thần kinh, Ông thổi kèn để chữa bệnh đau gân háng, tiếng kèn kéo dài làm cho những đường gân rung động và mọi sự đau đớn đều tiêu tan. Triết gia Democritus cũng xác nhận rằng nhiều chứng bệnh có thể được chữa khỏi bằng tiếng sáo trầm bổng du dương. Mesmer đã dùng loại nhạc ly của Ông Kircher diễn tả trên đây để chữa bệnh bằng khoa nhân điện. Triết gia Maxwell, người Tô Cách Lan, đề nghị Ông sẽ chứng minh cho các y viện thấy rằng với vài phương tiện sử dụng từ điện, Ông sẽ chữa khỏi bất cứ chứng bệnh nào mà họ đã tuyệt vọng và coi như không thể chữa được, chẳng hạn như bệnh động kinh, bất lực, loạn trí, phù thũng và những chứng sốt kinh niên.

Mọi người đều nhớ câu chuyện quen thuộc trong Kinh Thánh về việc trục tà ra khỏi Saül. Đoạn ấy được thuật lại như sau: “Khi Saül bị vong nhập và ám ảnh, David lấy cây đàn thụ cầm (harpe) và gảy lên những âm thanh réo rắt, Saül liền tươi tỉnh sắc mặt và trở lại trạng thái mạnh khỏe, bình thường và vong ấy đã xuất...”

Trong quyển “Từ điển Y thuật”, Ông Maxwell có trình bày những quan niệm dưới đây, tất cả đều phù hợp tương tự với những giáo lý của các phái Luyện Kim và huyền môn Kabala.

“Cái gọi là ‘Linh hồn của thế giới’ hay Đại hồn Vũ trụ, là một sinh khí, cũng tế vi, tinh anh, thanh hư như ánh sáng vậy. Nó là cái tinh thần của sự sống, bàng bạc khắp nơi khắp chốn, và ở đâu nó cũng vẫn y như thế... Mọi vật chất đều vô tri bất động trừ phi nó được thấm nhuần cái tinh thần đó. Tinh thần này duy trì mọi vật ở vào vị trí đặc biệt của nó. Trong thiên nhiên, nó vốn thoát ly khỏi mọi chuồng ngại, và người nào biết cách phối hợp cái tinh thần đó với một thể xác điều hòa, người ấy sẽ sở hữu một kho tàng vô giá quý báu nhất trần gian.

“Cái tinh thần đó là cái Thể đại đồng liên quan cùng khắp tất cả mười phương thế giới và sinh hoạt thấm nhuần tất cả vạn vật. Người nào biết được cái tinh thần sinh hoạt đại đồng đó và sự áp dụng của nó, có thể tránh khỏi mọi bệnh tật.

“Người nào biết sử dụng cái tinh thần đó và trụ nó vào một vật thể nhất định, sẽ thực hiện được mọi hiện tượng nhiệm mầu.

“Người nào biết cách dùng cái tinh thần đó để tác động vào người khác sẽ có thể chữa khỏi bệnh tật, dù cách biệt với đối tượng đến bao xa trong không gian.

“Người nào biết cách tăng cường sinh khí của tiểu hồn bằng năng lực của Đại Hồn Vũ trụ sẽ có thể đạt tới trạng thái trường sinh bất tử.

“Có một sự giao cảm, hỗn hợp giữa những chơn linh, những phóng phát dẫn cho chúng cách biệt xa nhau. Sự hỗn hợp, giao cảm đó là gì ? Đó là sự phóng phát thường xuyên, bất tận những tia năng lực của một thể xác này qua một thể xác khác.

“Nhưng điều này không phải là không có những nguy cơ, hiểm họa của nó. Nhiều sự lạm dụng tai hại vẫn có thể xảy ra”.

Và bây giờ, chúng ta hãy xét đến những sự lạm dụng quyền năng từ điển của vài hạng đồng tử chữa bệnh.

Việc chữa bệnh, để có ý nghĩa xứng đáng với danh từ này, cần phải có đức tin nơi bệnh nhân, hay sức khỏe tráng kiện phối hợp với một ý chí mạnh mẽ của ông thầy chữa bệnh. **Với một ý chí mạnh mẽ, trợ giúp bởi đức tin, người ta có thể tự chữa khỏi hầu hết bất cứ một chứng bệnh tật nào.** Ngồi một một vị Thánh, một xá lợi linh thiêng, một linh vật hộ phù, một liều thuốc vạn ứng, một lời tụng sám hối hay một nghi lễ cúng vái thần linh, hoặc việc đặt bàn tay truyền điển hay đọc chân ngôn thần chú, vv..., điều nào cũng được cả. Đó chỉ là vấn đề tùy thuộc ở tâm tình, tính chất, dùng sự tưởng tượng để tự chữa bệnh lấy mình. Trong hàng nghìn trường hợp, vị bác sĩ, giáo sĩ hay một xá lợi được gán cho cái quyền năng chữa khỏi bệnh tật mà thật ra đó chỉ là do tác động của ý chí vô thức của người bệnh mà thôi. Đó là trường hợp người đàn bà bị chứng hoại huyết, vạch đường đi rẽ qua đám đông để nắm vạt áo của Đức Jésus và liền được khỏi bệnh. Bà ta được cho biết đó là do bởi đức tin của bà. Ảnh hưởng của tinh thần đối với thể xác mạnh mẽ đến nỗi nó đã từng thực hiện những phép lạ nhiệm mầu trải qua mọi thời đại.

Salverte nói: “Biết bao nhiêu bệnh tật nan y đã được chữa khỏi thành linh một cách thần diệu chỉ do sức tưởng tượng. Những y thư của chúng ta chứa đầy những sự kiện như vậy và được coi như những phép lạ.”

Nhưng nếu người bệnh không có đức tin thì sao ? Nếu y có một thể chất thụ cảm, với trạng thái tiêu cực và nếu người chữa trị có sức khỏe tốt, cường tráng, tích cực và cương nghị, y có thể dùng ý chí mạnh mẽ để đẩy lui chứng bệnh. Người này, hoặc hữu thức hay vô thức, sử dụng nguồn khí lực thiên nhiên và tăng cường ý chí của mình với khí lực tinh hoa của Trời Đất, và lập lại sự quân bình đã bị đảo lộn trong hào quang của người bệnh. Y có thể dùng một thập tự giá để trợ lực như Gassner đã làm; hoặc đặt hai bàn

tay truyền diễn phối hợp với ý chí như Zouave Yacob; hoặc như nhà chữa bệnh trứ danh Newton của Mỹ, Ông này đã từng chữa khỏi hàng ngàn bệnh nhân; hoặc dùng lời nói truyền lệnh như đức Jésus và vài vị tông đồ. Nhưng bí quyết sử dụng trong mỗi trường hợp vẫn y như nhau.

NHỮNG HẬU QUẢ TAI HẠI

Trong tất cả những trường hợp đó, bệnh được chữa khỏi thật sự, hoàn toàn và không có những hậu quả di hại. Nhưng nếu một người tự mình đã mắc bệnh mà lại muốn chữa bệnh cho người khác, y chẳng những sẽ thất bại mà còn truyền bệnh cho người kia và rút mất sinh lực của người ấy.

Các nhà chăn nuôi cho chúng ta biết rằng không nên để những súc vật trẻ ở chung lộn với những súc vật già nua; và những vị y sĩ khôn ngoan ngăn cấm những người lớn để cho những trẻ ấu nhi ngủ trên giường của họ. Truyện cổ tích Do Thái nói rằng khi vua David đã già yếu, Ông ta sống chung chạ với một người còn son trẻ và nhờ đó, Ông ta có thể hấp thụ sinh lực của người này để tăng cường sinh khí của mình. Bà Nữ Hoàng nước Nga, trong những năm cuối đời bà, đã bị suy nhược đến nỗi những viên ngự y khuyên bà nên để cho một cô gái đồng quê trẻ trung, khỏe mạnh ngủ chung giường với bà mỗi đêm. Nhà nữ linh thị Provorst, bà Hauffé nói rằng bà bảo tồn sự sống chỉ nhờ những luồng từ khí phóng phát ra bởi những người ở chung quanh bà, sự có mặt của bà làm cho những luồng từ khí này được phóng phát ra một cách nhanh chóng lạ thường (vampirism). Nhà nữ linh thị này hiển nhiên là một người thu hút từ điển và sinh lực của những người đầy đủ sức khỏe để chuyển qua cho bà luồng sinh khí của họ. Những người này, không ít thì nhiều, đều bị ảnh hưởng do sự tiêu hao sinh lực.

Các nhà hiền triết cổ và Paracelse cũng đã chữa bệnh bằng cách đặt một bộ phận lành mạnh vào chỗ cơ thể bị đau yếu và

trong những tác phẩm về y học của Paracelse, lý thuyết trên của những bậc triết gia cổ đã được nêu ra một cách táo bạo và dứt khoát. Nếu một người mắc bệnh, dù là đồng tử hay không, mà toan chữa bệnh cho người khác, y có thể có đủ sức khỏe để làm cho chứng bệnh của người kia rời khỏi vị trí hiện tại và chẳng bao lâu, nó sẽ xuất hiện trở lại ở một vị trí khác; trong thời kỳ trung gian, người bệnh kia tưởng là mình đã được chữa khỏi.

Nhưng việc gì sẽ xảy ra nếu chính người chữa bệnh lại mắc bệnh về tinh thần ? Việc ấy có thể đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại không thể kể xiết, vì chữa một cơn bệnh của thể xác còn dễ dàng hơn là tẩy sạch một tâm hồn bị ô nhiễm bởi một cơn bệnh tinh thần. Những sự bí nhiệm của các hiện tượng ở Morzine, Cévennes và của các nhà tu sĩ phái Jansénistes vẫn còn là điều bí hiểm lớn đối với các nhà sinh lý học cũng như tâm lý học. Nếu khả năng tiên tri, cũng như các chứng động kinh và loạn trí có thể “truyền nhiễm” cho người khác thì mọi thói hư tật xấu cũng thế. Trong trường hợp đó, người chữa bệnh truyền cho người bệnh, bấy giờ là nạn nhân của y, cái chất độc tinh thần nó phá hoại tâm hồn và trí não của người ấy. Bàn tay đụng chạm của y là một sự ô nhiễm, cái nhìn của y là một sự xúc phạm. người bệnh thụ cảm không có cách nào để tự bảo vệ chống lại sự tác hại đó. Người chữa bệnh hoàn toàn chế ngự đối tượng dưới quyền năng độc hại của y cũng như con rắn nhiếp phục một con chim nhỏ yếu. Một người “đồng tử chữa bệnh” loại đó có thể gây nên những tai hại vô cùng lớn lao và ngày nay, hạng người đó rất nhiều, có thể đếm tới hàng trăm.

Nhưng, như chúng tôi đã nói ở trên, vẫn có những nhà chữa bệnh chân chính, có khả năng thần diệu đã nổi tiếng trong lịch sử loài người.

Nói chung thì các bậc hiền triết, thúc giả cổ kim, kể từ Pythagore đến Eliphas Levi, từ vị cao cả nhất đến vị khiêm tốn

nhất, tất cả đều dạy rằng **quyền năng phương thuật thần diệu không bao giờ sở đắc được bởi những kẻ phàm phu, bị lệ thuộc những dục vọng thấp hèn**. Chỉ có những tâm hồn thanh tịnh, thuần khiết mới thông công với Thượng Đế và vận dụng được những khả năng thiêng liêng. Chỉ có những người như thế mới có quyền năng chữa lành bệnh tật của thể xác và được sự dìu dắt, trợ giúp của những “sức mạnh vô hình”. Chỉ có những người ấy mới đem lại sự bình an cho những tâm hồn bán loạn và an ủi kẻ đồng loại khổ đau, bởi vì nước tịnh thủy cam lồ hàn gấm mọi vết đau thương phải đến từ nguồn suối trong lành, không mấy bọn nhơ, nhiễm độc. Chùm nho tươi ngon lành không mọc trên bờ gai góc, cũng như cây đấng không thể sinh trái ngọt. Với tất cả những điều kể trên, nên phương thuật không có gì vượt ra ngoài tự nhiên; nó là một khoa học và chỉ đến quyền năng “trục vong, đuổi tà” cũng là một ngành của khoa ấy mà các bậc đạo gia thời cổ đã từng dụng công đặc biệt nghiên cứu. Trong quyển “Bí thuật cổ xưa”, Josephus nói: “Phép thuật đuổi tà ra khỏi thể xác người bị vong nhập là một khoa học hữu ích và lành mạnh đối với con người.

THỜI KỲ CẦN CỖ TÂM LINH

Có nhiều trường hợp xảy ra để chứng minh sự thật về mối tương quan bí nhiệm giữa sự sống của loài cây cỏ với đời sống con người. Được biết có những trường hợp một người bị ngã bệnh khi người ta bứng gốc một cái cây đã được trồng đúng vào ngày sinh của y, và khi cái cây này chết thì người kia cũng chết theo, ngược lại, một cái cây trồng vào ngày sinh của một người tự nhiên khô héo và chết khi người kia nhuốm bệnh và từ trần. Học giả Max Muller có nêu ra một số trường hợp như thế trong một văn tập của Ông viết về những phong tục tập quán của vài dân tộc trên thế giới. Truyền thống dân gian về những trường hợp kể trên vẫn có ở Trung Mỹ, Ấn Độ và Đức. Ông còn truy nguyên truyền thống ấy ở

hầu hết các nước Âu Châu, Á châu và vài dân tộc ở các hải đảo Thái Bình Dương.

Thế hệ hiện tại của loài người vốn không tin bất cứ điều gì ngoài sự chứng minh hồi hợt, nông cạn của những giác quan, đương nhiên bác bỏ ý niệm về mối tương quan giao cảm giữa các loài cây cỏ, cầm thú và chí đến loài khoáng vật. Nhân quan tâm linh bị che lấp nên họ chỉ nhìn thấy những sự vật hiển nhiên ở bên ngoài. Plotin có cho chúng ta biết lý do của sự kiện ấy, nó có thể áp dụng cho thời kỳ hiện tại, và giải thích tại sao thế hệ này đang bị một cơn dịch truyền nhiễm của sự hoài nghi và không tin tưởng. Trong thế kỷ hiện tại của chúng ta cũng như vào thời kỳ đó, “có một sự cách biệt tai hại giữa con người với Thượng Đế, khi mà những vấn đề đạo đức, tâm linh bị coi thường và không tin tưởng, và tiếng nói huyền diệu của thiêng liêng chỉ là một tiếng vang trong bãi sa mạc”.

Chúng ta đang ở vào khúc quanh thấp nhất của một chu kỳ và hiển nhiên là đang ở trong một trạng thái chuyển tiếp. Platon chia sự tiến bộ tinh thần của vũ trụ trong mỗi chu kỳ ra từng những thời kỳ thịnh đạt và những thời kỳ khô khan, cần cỗi. Khi những triều lưu vận chuyển của chất dĩ thái vũ trụ (hay tinh quang) diễn ra trong một tiết điệu nhịp nhàng, điều hòa với tinh thần của Thượng Đế thì quả địa cầu và mọi vật sống trên đó đều được thụ hưởng một thời kỳ sung mãn, phì nhiêu. Những đặc tính bí nhiệm của các loài cây cỏ, động vật và khoáng vật đều hòa hợp một cách huyền diệu với những “tính chất cao hơn” trên nấc thang tiến hóa, và linh hồn thiêng liêng bất diệt của con người cũng hoàn toàn giao cảm với những loài “hạ đẳng” ấy. Nhưng trong những thời kỳ cần cỗi, khô khan, những loài này mất đi sự giao cảm huyền diệu đó và nhân quan tâm linh của phần đông nhân loại bị mù quáng đến mức không còn ý thức gì về những quyền năng cao cả thuộc về phần tinh thần thiêng liêng của chính mình. Hiện nay, chúng ta đang ở trong một thời kỳ khô khan cần cỗi, thế

kỷ 18 là thời kỳ mà cơn sốt độc hại của sự hoài nghi đã bộc phát dữ dội không thể cưỡng chế, nay đã di truyền cái chứng bệnh vô tín ngưỡng đó cho thế kỷ 19. Trong con người, tinh thần thiêng liêng bị che lấp, chỉ có bộ óc vật chất thú tính của y là suy luận, triết lý mà thôi.



CHƯƠNG SÁU

KHÔNG GIAN HUYỀN BÍ



Trong một văn tập nhan đề “Cảm nghĩ về khoa Chiêm Tinh”, giáo sư R. Proctor nói: “Trong tất cả mọi khoa bói toán, tiên tri mà con người đã dùng để đoán biết việc tương lai thì khoa Chiêm tinh là khoa hợp lý nhất và đáng được trọng vọng nhất”. Ông nhìn nhận rằng: “Những thiên thể cai quản vận mạng con người và các quốc gia một cách vô cùng chính xác. Nếu không có những ảnh hưởng tốt lành của bầu thiên thể lớn nhất là Mặt Trời thì tất cả mọi sinh vật trên mặt đất đều chết hết”. Ông cũng nhìn nhận ảnh hưởng của Mặt Trăng và chấp nhận lý luận của cổ nhân cho rằng nếu hai vầng nhật nguyệt có những ảnh hưởng mạnh mẽ như vậy đối với sự sống trên trái đất thì đương nhiên những bầu thiên thể khác mà cổ nhân đã được biết, cũng phải có những ảnh hưởng đặc biệt riêng của chúng. Ông thấy cổ nhân không phải vô lý khi cho rằng những bầu hành tinh di chuyển chậm hơn trong không gian có thể tỏa những ảnh hưởng còn mạnh mẽ hơn là ảnh hưởng của Mặt Trời.

Các nhà đại diện của Khoa học không thể giải thích lý do **tại sao** mực nước thủy triều lên xuống theo sự vận chuyển xoay vòng của Mặt Trăng, một hiện tượng quen thuộc vốn không có gì bí hiểm đối với những người sơ cơ trong giới luyện kim và phương thuật. Họ cũng không thể nói tại sao ánh sáng của Mặt trăng có

ảnh hưởng rất độc, thậm chí còn tai hại đối với vài loại cơ thể sinh vật: tại sao ở vài vùng của Phi Châu và Ấn Độ, một người ngủ dưới ánh trăng thường bị loạn trí và phát điên; tại sao những cơn khủng hoảng của vài chứng bệnh xuất hiện theo từng chu kỳ của Mặt trăng; tại sao những người mộng du dễ bị ảnh hưởng vào những đêm trăng tròn; và tại sao những nông dân và tiểu phu quả quyết rằng mặt trăng có ảnh hưởng đến loài cây cỏ? Những loại cây mắc cỡ luôn luôn xò lá và khép lại tùy theo lúc trăng rằm xuất hiện hay bị mây che khuất. Người Ấn Độ miền Nam có một câu sáo ngữ bình dân nói rằng: “Lời nói êm dịu dễ cảm mến hơn lời nói cộc cằn; nước biển chịu sự thu hút của mặt trăng mát mẻ hơn là mặt trời nóng gắt”. Câu nói ấy chứng tỏ rằng người Ấn Độ đã biết rõ hơn chúng ta về nguyên nhân sự thu hút của mặt trăng đối với mực nước thủy triều. Như vậy, nếu khoa học không thể giải thích nguyên nhân của loại ảnh hưởng đó trên phương diện vật chất thì làm sao nó có thể biết gì về những ảnh hưởng huyền diệu ẩn vi của các bầu thiên thể đối với vận mạng con người ?

Nếu những chu kỳ của Mặt Trăng có thể gây những ảnh hưởng cụ thể mà con người vẫn từng quen thuộc trải qua thời gian thì hẳn không phải là một điều vô lý mà cho rằng sự tác động phối hợp của những bầu thiên thể trong không gian cũng có thể gây nên những ảnh hưởng mạnh hay yếu đối với sự sống của mọi loài trên trái đất. Chúng ta biết rằng có những thời kỳ mà những điều tai biến, bệnh tật, chiến tranh, họa phúc của nhân loại sẵn sàng xảy ra một cách đột nhiên dễ dàng hơn vào những thời kỳ khác. Có những thời kỳ mà nhân loại bị ảnh hưởng truyền nhiễm về thể xác cũng như trên phương diện tinh thần. Vào một lúc nào đó, vấn đề tranh luận tôn giáo sẽ kích động những sự phẫn nộ ô ạt dữ dội nhất của con người, gây nên những sự ngược đãi, khủng bố, tàn sát, và chiến tranh. Vào một lúc khác, một tinh thần cách mạng chống đối chánh quyền có tính cách quy mô lan tràn khắp thế giới (như vào năm 1948), diễn ra một cách nhanh chóng và nổi

lên đồng loạt khắp mọi nơi giống như một chứng bệnh truyền nhiễm.

Khoa học không thể giải thích được nguyên nhân của những hiện tượng đó, vì nó chưa bao giờ phóng tầm mắt nhìn ra ngoài để tìm hiểu những năng lực bí ẩn ảnh hưởng đến con người hằng ngày, hằng giờ và thậm chí hằng phút. Nhưng cổ nhân đã hoàn toàn nhận thức sự kiện rằng những tác động hỗ tương giữa các bầu thiên thể cũng giống như tác động giữa những hột huyết cầu, vốn cùng sinh hoạt trong một chất huyết thanh chung, và mỗi tinh tú chịu ảnh hưởng bởi những khí lực kết hợp của tất cả những thiên thể trong không gian, cũng như đến lượt mỗi bầu tinh tú lại ảnh hưởng đến mỗi bầu khác giữa chúng với nhau.

Cũng như những bầu tinh tú đều khác biệt nhau về quy mô, khoảng cách và tầm hoạt động, chúng cũng tác động trên chất dĩ thái hay tinh quang với một cường độ khác biệt nhau và phóng phát ra những năng lực từ điển với cường độ khác nhau tùy theo những khía cạnh thay đổi của thiên tượng. Nếu những tác động của những hành tinh trên dĩ thái không gian có thể ví như những âm điệu gảy ra từ một cây đàn thì một vài cách cục giao huy giữa các hành tinh có thể gây nên những xáo trộn trong dĩ thái chung quanh trái đất, và một vài cách cục giao huy khác sẽ đem lại sự yên tĩnh và điều hòa. Có những loại âm nhạc làm cho ta bị kích động và những loại nhạc khác nâng tâm hồn ta lên cao để tiếp nhận những nguồn cảm hứng tâm linh. Màu sắc cũng thế, có những màu làm kích thích và những màu khác làm xoa dịu và đem lại sự yên tĩnh cho tâm hồn. Màu đỏ làm cho vài loại thú nổi giận, phát cuồng. Nếu con người và loài vật chịu ảnh hưởng của những âm ba tác động trên một bình diện rất nhỏ hẹp thì tại sao chúng ta không thể chịu ảnh hưởng hàng loạt trên bình diện tập thể bởi những cung cách phối hợp của tinh tú với những luồng từ khí tác động trên một quy mô rộng lớn ?

Trên bình diện cá nhân, mỗi người đều tùy theo loại tính chất của mình như đảm dịch chất, thần kinh chất, đa huyết chất hay đa dịch chất mà chịu ảnh hưởng thuận hay nghịch do trạng thái của chất tinh quang, gây nên bởi những cách cục giao huy khác nhau của các thiên thể và tinh tú. Khi đã đạt tới cái nguyên lý tổng quát đó, sau nhiều thế hệ, thời gian quan sát, chiêm nghiệm, nhà chiêm tinh chỉ cần biết những cung cách phối hợp, giao huy của tinh tú là như thế nào ở vào một thời điểm nhất định trong quá khứ và áp dụng sự hiểu biết của y về những chu kỳ vận chuyển của các hành tinh và thiên thể để có thể truy ra một cách chính xác tới đa những điều họa phúc, thăng trầm của đương số và tiên đoán việc tương lai.

Trong quyển “Phương thuật Thượng thừa”, Eliphas Levi giải thích khá rõ ràng định luật tương quan giữa những hành tinh và ảnh hưởng phối hợp của tinh tú tác động trên các loài khoáng vật, thảo mộc, thú cầm và loài người. Ông nói rằng, luồng từ khí trong không gian luôn luôn thay đổi hằng ngày, hằng giờ cũng như không khí chúng ta thở. Ông tán đồng thuyết của Paracelse cho rằng mỗi người, mỗi con thú và mỗi thứ cây cỏ đều có mang chứng tích những ảnh hưởng tinh tú trội nhất vào lúc kết thai hay nảy mầm. Ông lập lại thuyết cổ xưa của huyền môn Kabala nói rằng trong thiên nhiên, không có một vật gì là không quan trọng và chỉ đến một việc nhỏ như một đứa trẻ sinh ra trên trái đất nhỏ bé này cũng có gây ảnh hưởng đối với vũ trụ, cũng như toàn thể vũ trụ gây ảnh hưởng phản ứng lại đối với đứa trẻ.

Ông nói rằng: “Những tinh tú đều liên đới với nhau do sức thu hút, hấp dẫn, nó giữ cho chúng được thăng bằng và vận chuyển điều hòa trong không gian. Một màng lưới tinh quang bao trùm và nối liền tất cả các bầu thiên thể, và không có một điểm nào trên bất cứ một bầu tinh tú nào mà lọt ra ngoài cái màng lưới bất diệt đó. Ngày giờ và nơi sinh là những yếu tố để tính ra những ảnh hưởng của tinh tú, và nhà chiêm tinh sẽ do đó mà suy ra

những triển vọng về công danh, sự nghiệp cùng địa vị của đương số trong cuộc đời hiện tại, những sự trợ giúp, chuống ngại mà y sẽ gặp phải, và những khuynh hướng tự nhiên của y trong việc hoàn thành định mệnh của mình”. Ông nói rằng nhà chiêm tinh cũng còn phải xét đến khả năng vận dụng ý chí và sức mạnh tinh thần của đương số để thắng đoạt nghịch cảnh và chế ngự những khuynh hướng bất hảo hầu có thể tự mình làm chủ vận mạng của mình, hay là đành cam thụ động đợi chờ để cho vận mệnh đẩy đưa đến đâu hay đó.

NGUYÊN NHÂN CÁC CHỨNG DỊCH TRUYỀN NHIỄM

Bác sĩ Elam nói: “Chúng ta biết rằng vài chứng bệnh có khuynh hướng trở nên dịch truyền nhiễm **do bởi tác động của những nguyên nhân chưa được tìm hiểu...** Chúng ta đã thấy khuynh hướng của dư luận quần chúng tác động mãnh liệt như thế nào một khi đã biểu lộ công khai, nó có thể bành trướng, lan tràn như một cơn dịch truyền nhiễm, đến nỗi không một dư luận, một ảo giác, một ý niệm sai lầm nào là quá vô lý để có thể lan rộng đến một quy mô tập thể. Chúng tôi cũng nhận xét thấy rằng những ý niệm cùng loại như nhau đã tái phát và xuất hiện trở lại trong những thời đại liên tiếp. Không một tội ác nào là quá lớn để trở nên một việc thông thường, chẳng hạn như giết người, giết trẻ nhỏ, tự tử, đầu độc hoặc bất cứ mọi tội lỗi nào dù kinh khủng, rùng rợn đến đâu mà con người có thể quan niệm... Còn nói về những cơn dịch truyền nhiễm thì nguyên nhân nào gây ra sự bành trướng mau lẹ trong dân chúng ở vào một thời kỳ nhất định **vẫn còn là một điều bí hiểm.**”

Nhận xét về một cơn dịch phóng hỏa đốt nhà, bác sĩ Elam trích dẫn trong một bộ sử liệu những trường hợp sau đây: “Một thiếu nữ độ 17 tuổi bị bắt vì tình nghi đã phóng hỏa đốt nhà... Cô ấy thú nhận đã hai lần gây ra tội ác đó do bản năng thúc đẩy, một động lực bắt buộc cô hành động mà cô khó cưỡng lại được... Một

thanh niên độ 18 tuổi cũng đã nhiều lần hành động như vậy. Y không bị thúc đẩy bởi một sự căm thù, oán hận nào, nhưng nhìn thấy cảnh tượng lửa cháy gây cho y một cảm xúc vô cùng thích thú”.

Báo chí hằng ngày vẫn thường đăng những tin như vậy. Trong đa số những trường hợp giết người thuộc đủ mọi hình thức, sắc thái và những tội ác có một tính chất rùng rợn, ma quái nữa, hết chín phần mười những thủ phạm đều thú nhận rằng họ bị thúc đẩy hành động bởi **những cơn ám ảnh rất mãnh liệt khó cưỡng lại được**. **‘Một cái gì** không ngớt thúc đẩy tôi và xúi dục tôi hạ thủ’. Đó là những lời thú tội của những thủ phạm. Các vị y sĩ cho đó là những ảo giác, ảo ảnh của những bộ óc mất thăng bằng và gọi cái động lực giết người đó là một cơn loạn trí tạm thời. Nhưng có nhà tâm lý học nào đã từng biết rõ loạn trí là gì ? Nguyên nhân của nó có bao giờ đã được đặt thành một giả thuyết để chịu sự nghiên cứu, thử thách của một nhà sư tầm chân chánh, vô tư chẳng ? Hãy để cho những tác phẩm tranh luận của các nhà chuyên môn về bệnh thần kinh hiện đại của chúng ta giải đáp câu hỏi ấy !

Trong quyển “Những vấn đề khó giải của một Y sĩ”, bác sĩ Elam nói rằng nguyên nhân sự bành trướng mau lẹ của vài chứng bệnh truyền nhiễm mà Ông đã nhận xét hãy còn là một điều bí hiểm, nhưng còn về vấn đề cơn dịch phồng hỏa đốt nhà thì Ông nói rằng “không có gì là bí hiểm cả”, tuy cơn dịch này cũng bành trướng mạnh mẽ. Đó là một điều mâu thuẫn lạ lùng! De Quincey, trong một văn tập của Ông nói về hành động giết người có bình luận về cơn dịch ám sát xảy ra trong khoảng thời gian từ năm 1588 đến năm 1635 làm cho bảy nhân vật quan trọng nhất của thời ấy đã bị thiệt mạng dưới tay những kẻ thủ phạm nhưng không ai có thể giải thích được nguyên nhân bí mật của cơn dịch giết người đó ra sao.

Những nhà linh thị và những nhà huyền học đã từng giải thích những cơn dịch truyền nhiễm và những hiện tượng vô hình huyền bí khác dưới sự quan sát bằng nhãn quan siêu phàm. Họ khẳng định rằng những “luồng sóng từ điển hay triều lưu vận chuyển của chất tinh quang trong vũ trụ trải qua những cơn biến động dữ dội” và nhận xét thấy có một sự liên hệ trực tiếp giữa sự biến động đó với những cơn dịch truyền nhiễm thể chất hay tinh thần đang bộc phát trên mặt đất.

ĐẶC TÍNH CÁC LOẠI NGỌC QUÝ

Người Ấn Độ có những lý thuyết phức tạp về ảnh hưởng của Mặt Trời và Mặt Trăng, coi như có chứa đựng những khí lực âm dương, lưỡng cực đối trọng của từ điển. Tất cả những tác giả viết về mãnh lực từ điển đều nói rằng “ảnh hưởng của mặt trăng đối với cơ thể của phụ nữ là một điều mà ai cũng biết rõ”. Nhiều học giả Âu Tây như Ennemoser và Du Potet cũng đã xác nhận những lý thuyết của các danh sư Ấn Độ trong từng chi tiết.

Sự mến chuộng của người Phật tử đối với loại ngọc lam (saphir) vốn căn cứ trên một nhận xét có tính cách khoa học hơn là một sự mê tín dị đoan. Họ cho rằng ngọc lam có một đặc tính thiêng liêng huyền diệu, điều này mọi người sinh viên nhân điện tâm linh học đều thừa nhận dễ dàng vì màu xanh đậm và đánh bóng của ngọc lam gây nên những hiện tượng mộng du khác thường. Chỉ mới gần đây, khoa học đã nhìn nhận ảnh hưởng đa diện của những tia màu sắc trong ánh sáng mặt trời đối với sự nảy nở của loài cây cỏ, và nhất là “tia xanh lam”. Dưới ảnh hưởng của tia xanh lam, được coi như chứa điện lực mạnh hơn những tia khác, loài động vật và cây cỏ tăng trưởng, nảy nở đến một tỷ lệ phi thường. Những cuộc sưu tầm của nhà bác học Ý Amoretti về điện cực của các loại ngọc quý chỉ rằng ngọc lam (saphir) có một điện cực rất mạnh, vượt trội hơn điện cực của các loại kim cương, ngọc thạch lục (garnet) và ngọc tím (amethyst). Như vậy, chúng ta thấy

rằng những thí nghiệm mới nhất của khoa học đã xác nhận những điều mà các nhà hiền giả Ấn Độ đã từng biết rõ từ lâu.

Truyện thần thoại Ấn Độ nói rằng Brahma (Thần Sáng tạo) yêu con gái mình là Ushâs (cõi Trời), đôi khi có nghĩa là Bình Minh), bèn biến hình thành một con nai đực và Ushâs biến thành con nai cái và cả hai phạm tội lỗi đầu tiên. Nhìn thấy tội loạn luân kinh khiếp đó, các vị thần thánh đều hoang mang đến cực điểm, bèn phối hợp quyền năng với nhau để tạo nên ác quỷ Bhûtavân (hiện thân của tội ác) nhằm mục đích tiêu diệt hình thức tội lỗi nguyên thủy do chính Brahma gây ra. Trước sự việc đó, Brahma hối hận vô cùng bèn tụng niệm chân ngôn hay kinh Sám hối để rửa sạch tội lỗi, và trong cơn buồn rầu, làm rơi một giọt lệ xuống trần gian, giọt lệ nóng bỏng nhất trên đời từ trước đến nay và biến thành viên ngọc lam đầu tiên.

Chuyện huyền thoại này chỉ rằng người Ấn Độ đã biết rằng màu lam (xanh đậm) có từ điển mạnh nhất trong tất cả những tia màu khác của ánh sáng, và ảnh hưởng đặc biệt của ngọc lam đã được định nghĩa rõ ràng cũng như đặc tính của những loại khoáng thạch khác. Giáo chủ Orphée có giảng về ảnh hưởng của một vài loại ngọc thạch đối với tâm lý quần chúng trong những cuộc hội họp đông đảo. Pythagore đã chú ý đặc biệt đến màu sắc và tính chất của những loại ngọc quý. Apollonius dạy các đệ tử về những đặc tính bí nhiệm của mỗi loại ngọc thạch, Ông thay đổi nhẫn đeo mỗi ngày, với một loại ngọc quý riêng để dùng cho mỗi ngày trong tuần và trong tháng theo những định luật của khoa chiêm tinh. Các tín đồ Phật giáo cho rằng ngọc lam đem lại sự an tĩnh của tâm hồn, sự ung dung tự tại và xua đuổi tất cả những tư tưởng bất hảo bằng cách tạo nên một sự lưu thông từ điển lành mạnh trong con người. Họ nói rằng: “Ngọc lam tạo nên lòng sùng tín, giúp cho sự định tâm cầu nguyện được dễ dàng và nhờ đó, đem lại sự bình an mau chóng hơn mọi thứ ngọc thạch khác. Nhưng người đeo ngọc ấy phải sống một cuộc đời tinh khiết và tốt lành.”

TÁC ĐỘNG HUYỀN NHIỆM CỦA TỪ LỰC

Du Potet nói: “Do động lực nào mà có những sức mạnh hấp dẫn, thu hút, những động cơ thúc đẩy đột nhiên, những cơn dịch truyền nhiễm lan tràn, những cuộc khủng hoảng, biến động, cuồng loạn tập thể ? Có một mãnh lực bí hiểm trong thiên nhiên có khi tác hại quy mô nơi con người, quét sạch dân chúng hàng loạt một cách khủng khiếp bất ngờ, ví như cơn bão tố thành linh xuất hiện gây nên chết chóc ở hàng nghìn địa điểm cùng một lúc mà người ta không thể nào tự vệ, đề phòng. Có khi cái năng lực bí hiểm đó cũng ưu đãi những người có tính chất thích hợp, tuân theo ý muốn và tư tưởng của họ, ứng đáp lời nói của con người và hiểu ý nghĩa của những dấu hiệu bí mật; đó là điều mà người ta không thể ngờ được. Năng lực đó là gì nếu không phải chính là cái khí lực mà chúng ta sử dụng, mà cổ nhân vẫn từng biết rõ ?

Cái mà chúng ta gọi là từ khí, từ lực, nhân điện, cổ nhân gọi đó là năng lực huyền diệu hay tiềm năng của linh hồn, và đó tức là quyền năng nhiệm mầu của Phương thuật. Nếu đi sâu vào chi tiết hơn, ở chung quanh chúng ta cũng có những chủng loại sinh vật huyền bí, có khả năng và hình dáng và ra vào tự nhiên trong nhà chúng ta tùy ý muốn mặc dù cửa ngõ đóng chặt.” Cái khả năng điều khiển luồng khí lực huyền nhiệm nói trên là một đặc tính của con người. Luồng từ lực đó đi xuyên qua mọi vật thể... Mọi vật đều có thể được sử dụng như một chất dẫn điện để tạo nên các hiện tượng, và chính mỗi vật ấy cũng sẽ thấm nhuần khả năng tạo ảnh hưởng riêng của chúng” Đó là chủ thuyết thông thường của tất cả các triết gia, đạo gia thời cổ.

Thời Trung cổ, Cornélius Agrippa cũng nói y như thế: “Mãnh lực luôn luôn biến chuyển của vũ trụ, 'linh hồn của thế giới', có thể làm cho mọi vật trở nên phì nhiêu, phong phú bằng cách truyền vào đó những đặc tính huyền nhiệm của nó. Những sự vật này, nếu được sử dụng theo những công thức bí truyền của huyền môn, sẽ có khả năng chuyển tiếp những ảnh hưởng tốt lành đó cho

con người. Chỉ cần đeo những vật thể ấy vào mình, người ta cũng cảm nhận được ngay tác động nhiệm mầu của chúng trên linh hồn cũng như thể xác... Linh hồn con người, vì cùng một tinh hoa bản thể với vũ trụ nên có một quyền năng nhiệm mầu. Người nào sở đắc cái bí quyết đó có thể đạt tới những kiến thức siêu đẳng nhưng chỉ dưới điều kiện là y phải trở nên kết hợp chặt chẽ với cái khí lực vũ trụ huyền diệu đó. Thật vậy, chừng đó, thậm chí đến tương lai cũng có thể luôn luôn phơi bày trước tầm nhãn quan của linh hồn, và điều này đã nhiều lần được chứng minh bởi những sự việc xảy ra đúng y như đã được thấy và diễn tả từ trước. Thời gian và không gian đều biến mất trước nhãn quan thông suốt của linh hồn bất tử vốn có quyền năng vô giới hạn. Nó có thể đi xuyên qua không gian mau như chớp để bao phủ một người bằng sự hiện diện của mình dù ở cách xa muôn dặm, nó có thể đột nhập vào người này và làm cho y nghe được tiếng nói của mình dường như chính đương sự đang có mặt ở gần bên, ngay trong gian phòng.”

Eliphas Levi nói: “Khi người đạo đồ đã phát huệ, y có thể giao tiếp và điều khiển những luồng sóng rung động từ điển trong khối tinh quang của vũ trụ tùy ý muốn... Nhà phương sĩ lão luyện nắm giữ cái bí quyết xuất vĩa ra khỏi xác và di chuyển bất luận đến bao xa trong không gian, hoặc làm cho nó hiện hình cụ thể bằng cách cô đọng trên thể cảm dục những luồng sóng dĩ thái tinh hoa cùng một bản chất với nó.

Những khả năng siêu đẳng của phương thuật không thể kể xiết. Chỉ nội một việc nghiên cứu cái khí lực tinh quang của vũ trụ, gọi là luồng khí vận thiêng liêng hay hơi thở hô hấp của Thượng Đế, cũng có thể giúp cho ta nắm vững những bí quyết của các ngành tâm lý và sinh lý học, và của những hiện tượng tâm linh.

Những kẻ hoài nghi cũng như những người duy vật, trong vòng hai thế kỷ vừa qua, đã từng mỉa mai chế diễu những điều gọi là vô lý mà đạo sư Jamblique đã viết về tiểu sử của Pythagore.

Theo Ông, nhà hiền triết Hy Lạp đã từng thuyết phục một con gấu cái bỏ thói quen ăn thịt người và đã bắt buộc một con chim ưng trắng hạ cánh từ trên mây đáp xuống. Trong một dịp khác, Pythagore đã thuyết phục một con bò dừng ăn đậu bằng cách nói thì thầm vào lỗ tai nó. Họ cho rằng đó là những chuyện dị đoan, vô lý và cười nhạo chép tiểu sử là lối bịch. Tuy nhiên, chúng ta thường thấy trong những gánh xiếc lưu động có những nhà chuyên môn tập luyện và thuần hóa những loài thú dữ chỉ bằng sức mạnh của ý chí. Hơn nữa, có nhiều thiếu nữ trẻ và thể chất yếu đuối, không quá hai mươi tuổi, cũng đã làm công việc đó một cách không hề sợ sệt. Những nhà truyền nhân điện có thể chế ngự những người khác bất luận trong thời gian bao lâu. Regazzoni, nhà truyền điện nổi tiếng đã từng làm chấn động dư luận ở Pháp và Anh quốc, đã thực hiện nhiều việc còn lạ lẫm hơn của Pythagore rất xa. Như vậy, tại sao lại cho những điều kể trên là vô lý ?

Thomas Taylor, dịch giả quyển “Cuộc đời của Pythagore”, bình luận rằng: “Theo đạo sư Jamblique đã cho chúng ta biết, Pythagore đã từng được điểm đạo trong tất cả các khoa Huyền môn ở các xứ Cận Đông, đã từng trải qua 22 năm học Đạo trong các đền thờ cổ Ai cập, thụ giáo với các nhà phương sĩ xứ Ba Ty Luân và được truyền thụ bí pháp Huyền môn Chaldée. Với những thành tích đó thì không lạ gì nếu Ông tinh thông lão luyện về ngành Phương thuật hay thuật Thông thần, bởi đó, Ông có thể làm được những điều ngoài khả năng thông thường của người đời và có vẻ khó tin đối với kẻ phàm tục”.

CÁC CHỦNG LOẠI VÔ HÌNH

Theo quan niệm cổ nhân, chất dĩ thái vũ trụ không phải là một chất liệu trống rỗng, bao trùm khoảng không gian bao la vô tận; nó là một biển đại dương giống như những vùng biển cả quen thuộc của chúng ta, trong đó có những chủng loại sinh vật lớn nhỏ đủ mọi loại và mỗi phần tử trong đó đều có chứa mầm sống.

Chúng ta biết các giống cá sống trong biển cả và trong các ao hồ, sông rạch, mỗi loài đều sinh hoạt cư trú ở một khu vực riêng thích hợp với chúng, có loài thì thân thiện tốt lành, có loài thì thù nghịch và nguy hiểm đối với con người ; có những giống cá thích sống ở những eo vịnh êm đềm vắng lặng và những vùng hải cảng kín đáo, gần trong đất liền, cũng có những giống kinh ngư vượt sóng ba đào, lướt trên nghìn dặm. Cũng y như thế, những chủng loại sinh vật vô hình cũng ở trong những khu vực khác nhau của biển đại dương dĩ thái và mỗi loài, mỗi giống cũng đều thích ứng với những điều kiện sinh hoạt khác biệt nhau của từng khu vực.

Nên nhớ rằng, sự chuyển động của các hành tinh xuyên qua không gian cũng gây nên một sự xáo trộn trong chất dĩ thái vũ trụ, giống như một phát súng đại bác gây xáo trộn trong không khí, hoặc sự vận chuyển của một chiếc tàu gây xáo trộn làm mặt nước nổi sóng. Trên bình diện quy mô của vũ trụ, chúng ta có thể hiểu rằng một vài cung cách giao huy nào đó của các hành tinh có thể tạo nên một cơn chuyển động mãnh liệt hơn và làm cho những triều lưu dĩ thái vận chuyển mạnh mẽ theo một chiều hướng nhất định so với những cách cục khác. Dựa trên nguyên tắc căn bản đó, chúng ta có thể hiểu tại sao, do bởi ảnh hưởng những cách cục giao huy của các tinh tú, hàng muôn nghìn những “tinh linh” và “vong linh” đủ các loại, tốt lành hay bất hảo có thể tuôn tràn vào bầu không khí của chúng ta hay vào một khu vực nào đó của không gian và tạo nên những ảnh hưởng nhất định đối với sự sống trên quả địa cầu.

Tác giả quyển “Zanoni”, Sir Bulwer-Lytton, có diễn tả những chủng loại vô hình đó một cách trung thực và thi vị trong câu chuyện đối thoại giữa nhà hiền giả Mejnour với đệ tử. Mejnour nói:

“Con người càng ngu dốt lại càng ngạo mạn và xác láo. Trong nhiều thế hệ, họ chỉ nhìn thấy vô số tinh tú chói rạng trong không gian như những ngọn đèn... mà Tạo Hóa thấp sáng, không vì mục

đích nào khác hơn là để làm cho đêm tối được đẹp để dễ chịu đối với con người. Khoa Thiên văn đã sửa sai cái ảo giác đó do lòng kiêu căng của họ sinh ra và ngày nay con người đã chấp nhận rằng các tinh tú là những bầu thế giới to lớn và huy hoàng hơn trái đất của họ... Trên tất cả mọi lĩnh vực, khoa học đã phơi bày ra ánh sáng những hình thức sinh hoạt mới... Một lá cây, một giọt nước không kém gì một bầu tinh tú trong không gian, đều là cả một thế giới thoi thóp, sống động. Chính con người cũng là cả một thế giới, hàm dưỡng bao nhiêu sinh vật khác, hàng triệu ức sinh vật vi khuẩn sống trong những mạch máu của họ và cư trú trên xác thể của họ cũng như con người sống trên mặt đất. Như vậy, nếu lý luận bằng cách so sánh, lương thức con người đủ cho thấy rằng cõi không gian bao la vô tận ắt cũng phải chứa đầy sự sống tương xứng và thích nghi. Phải chăng là một điều vô lý trắng trợn mà cho rằng sự sống loi ngoi trên mỗi chiếc lá cây hay trong một giọt nước, nhưng trong khoảng không gian vô tận lại không có một sinh vật nào ? Định luật thiên nhiên không dung túng một sự phi phạm chí đến một hột nguyên tử; không có một nơi nào trong thiên nhiên mà không sự sống thoi thóp... Như vậy, có thể nào quan niệm rằng không gian vô biên lại là một chốn hoang vu, không có sự sống và không có tác dụng hữu ích trong guồng máy sinh hoạt của vũ trụ bằng một chiếc lá nhỏ hay một giọt nước chứa đầy sự sống ? Ống kính hiển vi chỉ cho ta thấy những sinh vật trên chiếc lá hay trong giọt nước nhưng chưa có một khí cụ nào đã phát minh để cho ta thấy những chủng loại sinh vật huyền diệu và siêu việt hơn, luôn luôn di chuyển, hoạt động trong cõi vô hình. Tuy nhiên, giữa những chủng loại này và con người vốn có một **mối tương quan bí nhiệm và lợi hại vô cùng**... Nhưng trước hết, muốn vượt qua bức rào ngăn cách đó, linh hồn con người phải được mài dũa, trui rèn bởi một sự hứng khởi nồng nhiệt, và thanh lọc tinh khiết để loại trừ tất cả mọi dục vọng phàm trần...

Khi đã qua một thời kỳ chuẩn bị như thế, hành giả mới bắt đầu tu luyện theo pháp môn bí truyền, nhờ đó, nhãn quan sẽ được thông suốt hơn, thần kinh bén nhạy hơn, tinh thần linh mẫn và hướng ngoại hơn để có thể giao tiếp một cách cụ thể với thế giới vô hình. Điều này không phải là “pháp thuật” như kẻ mê tín vẫn hiểu lầm, vì như ta đã thường nói trước đây, cái gọi là “pháp thuật” (ngụ ý là một khoa học làm đảo lộn định luật thiên nhiên) vốn không bao giờ có mà đó là phương thuật, nó chỉ là một khoa học có thể kiểm chế được thiên nhiên.

Trong không gian có hàng triệu ức sinh vật, **không hẳn là thuần tâm linh** vì cũng có những loại vi khuẩn mà mắt phàm không nhìn thấy, tất cả đều có những thể cấu tạo bằng vật chất, tuy rằng rất khinh thanh, tế nhuyễn như sương khói, bao phủ phần tinh thần bên trong... Tuy nhiên, thật ra thì những chủng loại ấy gồm những cấp đẳng, thành phần rất vô cùng khác biệt nhau, có loại tốt lành, khôn ngoan, minh triết; có loại rất gian manh, bất hảo và giả trá; có loại ma quỷ hung ác, thù nghịch với loài người; có những loại rất hiền lành, thân thiện, đóng vai trò sứ giả giao liên giữa thần minh và nhân loại... Trong số những vong linh bất hảo đứng canh gác ở ngưỡng cửa bước vào thế giới vô hình, có một loại hung ác nhất mà tia mắt nhìn đã từng làm cho kẻ bạo gan nhất phải thất vía kinh hoàng...”

Đó là những nét phác họa sơ lược, đại cương về những chủng loại tinh linh và vong linh bất hảo trong cõi vô hình của một vị đạo đồ trong giới huyền môn mà nhiều người tin rằng còn biết nhiều hơn là y sẵn sàng nhìn nhận trước một quần chúng không tin tưởng.

TINH LINH NGŨ HÀNH

Theo chủ thuyết của đạo sư Proclus, những cõi giới thanh cao nhất là nơi ngự trị của các Đấng Tinh quân (**Planetary Spirits**), gồm những thành phần và đẳng cấp khác nhau. Cao hơn hết là mười

hai vị Đại Thiên Thần với vô số những thần linh trực thuộc dưới quyền chỉ huy của các Ngài. Ở hệ cấp thấp hơn là những cấp đẳng Chư Thiên liên vũ trụ, mỗi vị cai quản một số lớn những Tinh Linh Ngũ hành, do các Ngài ban phát quyền năng và thay đổi những quyền năng này tùy ý muốn. Trên nguyên tắc “Thượng Hạ Đồng Nhất Lý”, những cõi giới thấp hơn cũng có đủ mọi cấp đẳng và thành phần những chủng loại sinh vật giống như trên những cõi cao, mỗi cấp đẳng sinh vật thấp kém đều thuộc những cấp đẳng cao hơn.

Ông nói rằng bốn nguyên tố Tứ Đại đều có tràn đầy những tinh linh, Ông cũng đồng quan niệm với Aristote rằng vũ trụ chứa đầy sự sống của mọi loài và trong thiên nhiên không có chỗ nào bỏ trống. Những tinh linh của Đất, Nước, Lửa, Gió đều có một thể chất khinh thanh, tế vi và co dãn. Chính những loại tinh linh này tác động như những sứ giả trung gian giữa thần minh và nhân loại. Tuy kém trí khôn hơn cấp đẳng chư thiên vào hạng thấp nhất, những tinh linh này trực tiếp cai quản sự sống của ngũ hành và của những sinh vật hữu cơ. Chúng điều khiển sự tăng trưởng, đơm bông kết trái cùng những sự biến đổi khác nhau của loài thảo mộc, và cũng trợ giúp cho sự tiến hóa của loài khoáng thạch theo ý niệm và chỉ thị của các đẳng cấp chư thiên.

Theo khoa huyền môn Kabala của Do Thái, các loại tinh linh ngũ hành được gọi dưới danh từ chung là Shedim và chia ra làm bốn loại. Trong thần thoại Ấn Độ, có đến 330 triệu thần linh thuộc các đẳng cấp khác, gồm cả các loại tinh linh ngũ hành mà người Bà La Môn gọi là **Daityas**.

Tuy chưa được vài giới khoa học chấp nhận trong thế kỷ hiện tại nhưng các tinh linh ngũ hành vẫn là có thật. Nếu huyền môn Rosacroix cho rằng vào thời Trung cổ của họ đã từng có những thổ tinh, mộc tinh, hỏa tinh và thủy tinh thì ngày nay chúng cũng phải có. Đạo gia Clement có lẽ đã từng là một nhà

thông thần cũng như một đạo gia của môn phái Alexandrie, nói rằng tinh linh chỉ là những thiên thần hạ đẳng, “những quyền năng ẩn tàng trong ngũ hành, có tác dụng làm gió, mưa, giông, bão và như vậy, chúng là những kẻ thừa hành mệnh lệnh của Thượng Đế.”

Tinh linh ngũ hành là một chủng loại sinh vật không trở thành người mà ở một giai tầng nhất định trên bậc thang tiến hóa. Chúng có thể được coi như những kẻ thừa hành định luật của vũ trụ, mỗi loại tinh linh sinh hoạt trong phạm vi một 'hành' hay nguyên tố riêng của chúng và không bao giờ vượt qua địa hạt của những loại khác.

Loại tinh linh này không có tinh thần bất diệt và không có thể xác vật chất mà chỉ có những hình dáng thanh nhẹ, trong suốt, một phần lớn được cấu tạo bằng nguyên tố Tứ Đại riêng của chúng, và bằng chất dĩ thái. Thành phần cấu tạo của chúng là sự phối hợp của chất thanh khí và một cái trí khôn ấu trĩ, sơ khai. Vài loại có hình dáng không thay đổi nhưng vẫn không có cá thể riêng biệt mà tác động với một tâm thức tập thể. Những loại khác thay đổi hình dáng theo một định luật cố hữu. Thể xác đông đặc nhất của chúng cũng khá thanh nhẹ để cho mắt phàm không nhìn thấy được nhưng người có thần nhãn có thể nhìn thấy một cách rõ ràng.

Không những chúng có thể sống trong chất dĩ thái mà còn có thể sử dụng chất dĩ thái để tạo nên những hiện tượng vật chất hữu hình một cách dễ dàng. Trong công việc đó, chúng có thể làm cô đọng chất dĩ thái đến mức độ đông đặc để tự tạo cho mình những thể xác vật chất, và do bởi những quyền năng thiên biến vạn hóa, chúng có thể làm cho những thể ấy khoác lấy bất cứ một hình dáng nào tùy ý muốn bằng cách rập theo kiểu mẫu, hình thù của những nhân vật mà chúng nhìn thấy ẩn tượng khắc ghi trong trí nhớ của những người có mặt trong cử tọa. Những người này, lúc đó không cần phải nghĩ đến nhân vật kiểu mẫu nói trên vì hình ảnh

nhân vật đó có thể đã phai mờ từ lâu trong ký ức của họ. Tuy nhiên, hình ảnh những nhân vật kiểu mẫu ấy vẫn còn đó vì cái trí con người cũng như cái máy chụp ảnh, ghi nhận những ấn tượng rõ ràng không bao giờ mất dù cho của những người chỉ quen biết thoáng qua hay chỉ mới gặp có một lần

Ngoài ra bốn nguyên tố gọi là Tứ Đại, các triết gia cổ xưa còn gọi Dĩ thái là nguyên tố thứ năm. Dĩ thái được coi như môi trường trung gian, hay chiếc cầu nối liền thế giới hữu hình với cõi vô hình. Cổ nhân cho rằng khi nào những trí lực điều khiển (các đẳng cấp Chu Thiên) rút lui ra khỏi một khu vực nào của dĩ thái hay một trong bốn loài thiên nhiên mà họ có nhiệm vụ giám sát, cai quản thì khoảng không gian đó bị khối ác trược xâm nhập và chiếm hữu. Một vị pháp sư muốn giao tiếp với những cấp đẳng thần linh trong cõi giới vô hình phải biết rõ nghi thức thỉnh cầu hay kêu gọi, và phải hoàn toàn nắm vững những điều kiện cần thiết cho sự quân bình tuyệt đối của bốn nguyên tố trong chất tinh quang của vũ trụ. Trước hết, vị pháp sư phải thanh lọc tinh hoa của dĩ thái và trong vòng không gian mà nơi đó y muốn thỉnh cầu và triệu tập những thần linh tốt lành, y phải làm quân bình hóa những nguyên tố tứ đại để ngăn ngừa sự đột nhập của những vong linh bất hảo.

Nhưng, thật là bất hạnh cho kẻ tò mò, vô ý thức, vô tình vượt qua vùng cấm địa, vì mỗi bước y đều đầy đầy sự nguy hiểm. Y làm khích động đến những quyền năng mà y không thể chế ngự; y đánh thức những kẻ canh gác các cửa bí mật mà chỉ có những bậc đạo sư chỉ huy được chúng mới có quyền đi qua. Chừng đó, các nguyên tố bị mất tính chất thăng bằng, điều hòa vì bị bàn tay khinh suất, bất cẩn gây xáo trộn; và những triệu lưu súc mạnh mẽ quáng sẽ tức khắc bị đột nhập bởi vô số những chủng loại vô hình thuộc hạng thấp kém: thổ tinh, hỏa tinh, mộc tinh, thủy tinh, cùng những loại vong linh bất hảo sẽ đồng loạt tấn công kẻ táo bạo dám mạo hiểm lọt vào địa hạt của chúng. Vốn không có năng khiếu

phát minh hay sáng tạo, chúng sẽ dò xét đến chỗ tận cùng sâu thẳm ký ức của chúng ta, **đó là cái lý do gây nên sự kiệt quệ thần kinh và ám ảnh tinh thần đối với những người có tính chất nhạy cảm tham dự những buổi hầu đàn.** Các tinh linh sẽ phơi bày ra ánh sáng những kỷ niệm của quá khứ đã quên mất từ lâu, những kỷ niệm này tuy đã phai mờ từ lâu trong ký ức của chúng ta nhưng vẫn được gìn giữ nguyên vẹn và sống động trong những chỗ thâm sâu thẳm kín nhất của linh hồn và phản ánh trên chất tinh quang hay dĩ thái của vũ trụ, cũng gọi là Ký ức của Thiên nhiên hay Trí nhớ của Thượng Đế.

TÁC DỤNG CỦA VÀI LOẠI TINH LINH

Khoa phương thuật Ấn Độ có liệt kê vài loại tinh linh quái ác gọi chung là **Mâdan**, loại này thường được các nhà phù thủy hắc phái sử dụng để thực hiện những tà thuật, làm cho người và súc vật bị đau ốm thành linh hoặc chết vì mục đích trả thù. Dưới đây là vài loại tinh linh khác:

Shudâla-Mâdan là loại tinh linh hay la cà ở các nơi nghĩa địa, chúng thích ở những nơi đã xảy ra những tội ác giết người, gần gũi những đất chôn xác chết và những nơi hành quyết. Chúng trợ giúp nhà thuật sĩ chế ngự hành Hỏa và làm những hiện tượng lạ như vào lửa không cháy, cũng như loại tiểu yêu Kutti-Satan giúp cho nhà phù thủy đi trên than hồng.

Shâla-Mâdan là một loại tinh linh khác nữa, thường ẩn trú dưới mặt đất. Chính nhờ sự trợ giúp của loài này mà nhà phù thủy làm cho một hạt giống mọc lên thành cây và đơm bông trở trái rất mau chóng, chỉ trong vòng một khắc đồng hồ.

Kumil-Mâdan là thủy tinh, tức tinh linh của hành Thủy, chúng rất vui tính và sẵn sàng trợ giúp nhà thuật sĩ trong mọi việc liên quan đến lĩnh vực hoạt động của chúng như làm mưa, và tiết

lộ tương lai cũng như hiện tại cho những nhà tiên tri dùng khoa chiêm thủy, tức bói việc kiết hung bằng cách nhìn trên mặt nước.

Poruthû-Mâdan là loại tinh linh khỏe nhất trong các loài. Chúng trợ giúp nhà thuật sĩ thực hiện phép khinh thân bằng cách đỡ hổng y lên khỏi mặt đất hoặc giúp y khuất phục loài thú dữ.

Như vậy, mọi biểu lộ trên địa hạt vật chất đều có sự trợ giúp của một hạng tinh linh đặc biệt có khả năng thích ứng riêng với mỗi loại hiện tượng nhiệm mầu.

NHỮNG VONG LINH BẤT HẢO

Những người quá đắm mê vật chất và sống cuộc đời ô trược, sa đọa hồi thuở sinh tiền, sau khi chết, họ phải trải qua một giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Linh hồn họ khi đã rời khỏi thể xác sẽ bị thu hút xuống chốn hồng trần hạ giới theo luật đồng khí tương cầu và vất vưởng trong bầu không khí vật chất ô trược chung quanh trái đất. Kế đó, nó bắt đầu chìm đắm mỗi lúc càng sâu hơn cho đến khi thức tỉnh trở lại và thấy mình lọt vào cõi giới hắc ám nặng nề thường gọi là cõi “địa ngục”.

Loại vong linh sa đọa bất hảo này, bên phương Đông gọi là “những huynh đệ của Bóng Tối”. Chúng rất tinh quái, thấp hèn, độc ác và trong sự đau khổ của chúng, để tìm cách trả thù nhân loại, chúng trở nên những loại ma cà rồng (vampires), và những loại ma quỷ khác. Chúng là một động cơ chính yếu của những hiện tượng vong linh hiện hình mà chúng thực hiện với sự trợ giúp của những loại tinh linh ngũ hành.

Nhà linh thị trứ danh Mỹ Âu Châu. Jackson Davis nói:

“Diakka là một loại vong linh hay tìm thú vui ma quái trong việc đóng trò giả mạo, làm những điều giả trá phỉnh lừa, mạo nhận vai trò những nhân vật nọ kia. Đối với chúng, lời cầu nguyện tâm linh hay lời nói phạm tục cũng chẳng khác gì nhau. Với trình độ

tinh thần thấp kém, chúng không hề biết có sự công bằng, lòng vị tha hay lòng từ ái. Chúng không biết gì về điều mà người đời gọi là sự tri ân; đối với chúng, tình thương và thù hận cũng y như nhau; phương châm của chúng thường là đáng sợ và kinh khủng đối với kẻ khác; bản ngã, ích kỷ là toàn bộ động cơ sự sống của chúng, và hư vô tịch diệt là cứu cánh rốt ráo của mọi đời sống cá biệt.

Trong quyển “Nghị thức cúng tế Quỷ thần”, bàn về các loại vong linh bất hảo, đạo sư Porphyre nói: “Những vong linh này đôi khi được người đời tôn trọng như các thần minh. Quan niệm thông thường tin rằng chúng có thể trở nên rất quái ác; lòng căm hận của chúng sẽ dậy lên đối với những người không dành cho chúng một sự cúng lễ nghiêm chỉnh”. Ở một đoạn khác, Ông viết: “Những vong linh ấy tuy vô hình vô ảnh nhưng chúng biết cách khoác lấy những hình dáng biến hóa khôn lường. Chúng sống vất vưởng, la cà ở gần mặt đất và khi chúng có thể thoát khỏi sự kiểm soát của những thần minh tốt lành thì không có một sự tác quái nào mà chúng không dám làm. Có khi chúng dùng bạo lực, có khi dùng thủ đoạn gian manh.

Ông nói thêm: “Chúng có thể khích động nơi chúng ta mọi thứ dục vọng thấp hèn, gieo rắc trong các xã hội và quốc gia những chủ thuyết tàn bạo, xúi dục những cuộc nổi loạn, chiến tranh và gây nên những tai họa công cộng khác, và chừng đó, chúng sẽ nói rằng đó là công trình của các Đấng thần minh... Những vong linh đó dùng thời giờ để gặt gẫm và mê hoặc người đời, tạo ra chung quanh họ những ảo giác, ảo ảnh và tham vọng lớn nhất của chúng là muốn được người đời tôn sùng như thần thánh.

Đạo sư Jamblique, nhà thông thần lớn nhất của môn phái Tân Bá Lạp Đồ (Néo-Platonisme), một vị tinh thông về ngành phương thuật, dạy rằng: “Những vị thần linh tốt lành xuất hiện với chúng ta một cách thật sự, còn những loài vong linh ác chỉ có thể

hiện ra dưới hình thức những bóng ma mờ ảo. **Những vong linh tốt lành không sợ ánh sáng còn những vong linh bất hảo lại ưa thích bóng tối...** Những cảm giác mà chúng gây ra làm cho người ta tin tưởng rằng điều nọ điều kia là có thật nhưng thật ra thì chẳng có gì cả”.

Dẫu cho những nhà thông thần kinh nghiệm nhất đôi khi cũng thấy rất nguy hiểm mà tiếp xúc với vài loại vong linh bất hảo. Đạo sư Jamblique nói: “Các vị thần linh, chư thiên và các đẳng âm hồn, âm binh đều có thể được thỉnh cầu, kêu gọi bằng việc niệm chú và cầu nguyện... Nhưng trong khi hành lễ và dùng thuật chiêu hồn mà có một điều gì sơ sót, lơ lẫm thì... hãy coi chừng ! Đừng tưởng rằng các người đang giao tiếp với những hạng thần linh tốt lành đã đáp ứng lời cầu nguyện thiết tha của mình. Không, vì chúng là những loại vong linh bất hảo, trá hình làm những kẻ tốt lành ! Vì những vong hồn sa đọa này thường khoác lấy hình dáng giống như những hạng thần linh và mạo nhận là thuộc một cấp đẳng rất cao”.

Xét về trường hợp của vài hạng đồng tử hiện nay, thật là một sự mạo phạm đối với những bậc đạo gia, thông thần cổ xưa, khi chúng ta thấy rằng đạo sư Jamblique đã từng nghiêm cấm tất cả mọi mưu toan thi thố những phép thuật chiêu hồn, trừ khi người đồng tử đã có trải qua một sự chuẩn bị lâu dài, tinh luyện thể chất lẫn tinh thần và sự hướng dẫn của các nhà thông thần đầy kinh nghiệm



CHƯƠNG BẢY

NHỮNG BÍ MẬT VỀ SỰ CHẾT



Nói về đời người, từ lúc sơ sinh cho đến khi trút hơi thở cuối cùng và chui xuống mồ, lúc bắt đầu cũng như khi kết cuộc, khoa học đều không hiểu gì cả ! Trước khi chào đời, tất cả đều là một cái rỗng không hư vô; sau khi chết, tất cả đều là một bí hiểm khôn dò. Đối với khoa học, không có bằng chứng gì về những mối liên quan giữa tinh thần, linh hồn và thể xác dù rằng trước hay sau khi chết. Chính sự sống cũng là một bí hiểm không thể giải đáp mà khoa học duy vật đã tận dụng mọi khả năng trí tuệ để tìm tòi, khảo cứu nhưng vô ích. Trước một cái xác chết, nhà sinh lý học đành im lặng như người câm khi người sinh viên Y khoa hỏi rằng chủ nhân của nó từ đâu đến và đã đi về đâu ? Người sinh viên, cũng như vị Y sư, hoặc là chấp nhận giả thuyết nguyên sinh chất (protoplasme) tạo nên con người và sinh lực tạo nên sự sống; hoặc là họ phải bước ra ngoài bức tường rào của trường Đại học và thư viện để tìm sự giải đáp.

Những sự kiện cụ thể cho thấy rằng có một khoa học của linh hồn và mặc dù ngày nay khoa ấy không được chính thức chấp nhận, nó vẫn là một khoa học. Khoa học ấy đã từng thám hiểm những bí mật của thiên nhiên một cách sâu xa hơn là nền triết học cận đại mà chúng ta có thể tưởng tượng. Nó dạy cho chúng ta biết phương pháp làm cho những sự vật vô hình trở thành hữu hình; sự

hiện hữu của những vong linh khuất mặt; đặc tính huyền vi mầu nhiệm của chất tinh quang và khả năng của con người để tiếp xúc với những vong linh khuất mặt trong cõi vô hình.

Mọi sinh vật trong vũ trụ, hữu hình cũng như vô hình, đều sống trong một môi trường thích hợp riêng với nó. Loài cá sống và thở trong nước, loài cây cỏ sống nhờ hấp thu thán khí là một thứ chất độc làm chết người và thú vật. Vài loại sinh vật sống trên những giai tầng không gian có rất ít dưỡng khí, trong khi có những loại khác chỉ sống ở những nơi không khí dày đặc, Đối với vài loại sinh vật, sự sống tùy thuộc nơi ánh sáng mặt trời, có những loại khác chỉ sống trong bóng tối; và như vậy, sự phân phối khôn khéo của thiên nhiên làm cho mọi loài, mọi vật được sinh hoạt thích ứng với mỗi hoàn cảnh. Những thí dụ này đưa đến kết luận rằng, không những trong thiên nhiên không có phần nào bỏ trống một cách vô ích, mà mọi loài mọi vật có sự sống đều được cung ứng những hoàn cảnh đặc biệt và môi trường thích nghi cần thiết cho sự sinh hoạt của chúng.

Hãy giả thiết rằng vũ trụ có một khía cạnh vô hình, định luật thiên nhiên đưa đến kết luận rằng cái phần vô hình đó hẳn phải có sự sống cũng như cái phần kia, và mỗi chủng loại sinh vật sống trong đó đều được cung ứng những điều kiện sinh hoạt cần thiết, thích nghi với mỗi chủng loại. Những điều kiện sinh hoạt đó không phải là được cung ứng một cách giống y như nhau cho tất cả, cũng như những điều kiện sinh hoạt trong cõi vật chất hữu hình cũng rất khác biệt nhau. khi đã nhìn nhận có những chủng loại vô hình, đương nhiên phải ngụ ý là chúng rất khác biệt nhau vì con người không ai giống ai và những vong linh khuất mặt chỉ là những vong hồn con người đã bỏ xác.

Nếu cho rằng tất cả mọi vong linh đều giống như nhau hay ở trong một cảnh giới giống như nhau, hoặc có những đặc tính y như nhau và chịu những ảnh hưởng hấp lực giống như nhau thì thật là

vô lý. chẳng khác nào nói rằng các hành tinh đều có cùng một tính chất như nhau hay tất cả mọi loài vật đều vừa sống ở dưới nước, vừa ở trên cạn, hay tất cả mọi người đều được nuôi dưỡng bằng một thức ăn giống nhau. Điều hợp lý là những vong linh có tính chất nặng trọc nhất sẽ bị sa đọa xuống những chỗ thấp kém, nặng nề, u tối nhất của cõi giới vô hình, hay nói cách khác là chúng sẽ la cà ở gần mặt đất. Trái lại, những linh hồn thanh cao, tinh khiết nhất sẽ siêu thăng đi rất xa cõi hạ giới hồng trần.

Học giả Gorres tường thuật một cuộc nói chuyện với vài người Ấn Độ trên bờ biển Malabar về vấn đề ma quái hiện hình cho biết người Ấn tin rằng những hồn ma chỉ là những vong linh bất hảo, còn những vong linh tốt lành không bao giờ xuất hiện. Những vong linh bất hảo đó phần nhiều là những vong hồn của những người tự tử và sát nhân hay những người chết vì tai nạn, bất đắc kỳ tử. Họ luôn luôn lẩn trốn trong những giờ ban đêm và xuất hiện như những hồn ma. Chúng cám dỗ những người yếu tinh thần bằng đủ mọi cách...

Đạo sư Porphyre có đưa vài sự kiện ghê rợn mà sự thật đã được chứng minh do bởi kinh nghiệm của mọi người phương sĩ. Ông nói: “Dẫu cho sau khi chết, linh hồn cũng còn ít nhiều luyến tiếc đối với thể xác, sự luyến tiếc này càng mãnh liệt hơn trong trường hợp chết bất đắc kỳ tử. Bởi đó, nhiều vong linh hầy còn la cà một cách tuyệt vọng ở gần nấm mồ của họ của họ, có khi chúng cũng tìm cách gần gũi những xác chết của người khác, nhưng trên hết mọi sự, chúng rất ưa máu tươi của người sống, dường như có tác dụng tạm thời truyền cho chúng một ít sinh lực và sự sống.”

Có một trường hợp khác có thể xảy ra, tuy rất hiếm, nhưng đã được chấp nhận khắp nơi ở các xứ phương Đông. Khi một vong linh do bởi những tội lỗi nặng nề xấu xa và một đời sống ô trược, thấp hèn, sa đọa lúc sinh tiền mà bị rơi xuống cõi địa ngục (Hades, Gehenna trong Kinh Thánh), nhờ có đôi chút lý trí và lương tri, y

có thể ăn năn, hối cải, cũng như người chết đuối dùng tàn lực và một chút ý chí còn sót lại để vươn mình ngoi lên khỏi mặt nước một lần cuối cùng. Một nguyện vọng mạnh mẽ cứu chuộc những tội ác, ước muốn sám hối và cải tạo, một lần nữa sẽ thu hút vong linh ấy vào bầu không khí của quả địa cầu. Ở đó, vong linh này sẽ vất vưởng, la cà trong sự lạnh lẽo, cô đơn và khát khao tìm cách giao tiếp với người sống... Đó là những vong linh mà ta gọi là “ma cà rồng” (vampires), tuy vô hình vô ảnh nhưng đã gây nên những hiện tượng quá cụ thể; những ma quỷ ám ảnh mà các vị tu sĩ, nữ tu thời trung cổ và những người nhạy cảm, có khả năng linh thị vẫn biết rõ, theo những lời thú nhận của họ. Đó là những loài ma quỷ hút máu và ám ảnh người sống, hồi thời xưa đã từng làm cho nhiều nạn nhân bất hạnh và yếu tinh thần phải chịu cực hình và bị đưa lên giàn hỏa.

HIỆN TƯỢNG MA CÀ RỒNG (VAMPIRE)

Nhiều dân tộc trên thế giới có sự tin tưởng chắc chắn nơi hiện tượng ma cà rồng (Vampires). Bác sĩ Piérart, nhà thần linh học tên tuổi của nước Pháp viết trong tờ Tạp Chí Thần linh học (Revue Spiritualiste) như sau: “Sự kiện một hồn ma trở về hút máu người không phải là một điều bí hiểm không thể giải thích được như người ta tưởng. Về vấn đề này, chúng tôi lưu ý các nhà thần linh học đã nhìn nhận có hiện tượng “phân thân” hay “xuất hồn”. Trong những hiện tượng này, những bàn tay mà chúng ta đã nắm lấy... của những “hồn ma hiện hình” chứng tỏ rằng những vong linh người chết có thể tác động đến một mức độ nào đó một cách cụ thể dưới những điều kiện thuận lợi”.

Thuyết của bác sĩ Piérart vốn căn cứ trên thuyết của phái Thông Thần. Ông cực lực bài bác sự dị đoan của Giáo hội, theo đó, mỗi khi một xác chết bị nghi ngờ là có hiện tượng ma cà rồng, người ta phải lấy một cái cọc gỗ nhọn đâm suốt qua trái tim. Bao lâu mà thể cảm dục của người chết chưa hoàn toàn thoát ly ra khỏi

thể xác thì nó còn có thể tái nhập vào xác chết do sự hấp dẫn từ lực. Đôi khi, thể cảm dục chỉ mới vừa tách rời có nửa chừng, khi đó, thể xác bề ngoài coi như đã chết và được đem chôn. Trong những trường hợp đó, thể cảm dục kinh hoàng bèn hồi hả trở về nhập xác và chừng đó có hai việc có thể xảy ra: hoặc là nạn nhân vô phước sẽ dây chết một cách tuyệt vọng vì ngộp thở trong chiếc quan tài, hoặc là, nếu y là một người vật chất ô trược, y sẽ trở nên một ma cà rồng. Thế là bắt đầu một cuộc sống song đôi: cái thể xác hôn mê nằm trong quan tài nhưng chưa chết thật, tìm cách bảo dưỡng sự sống của mình bằng cách để cho cái thể cảm dục đi hút máu của người sống. Thể cảm dục này có thể đi khắp nơi tùy ý muốn và bao lâu mà nó còn dính liền với thể xác bằng sợi dây từ khí thì nó còn tự do di chuyển đó đây, trong trạng thái vô hình hay hữu hình để hút máu người sống. Do một mối liên lạc bí mật và vô hình mà có lẽ một ngày kia sẽ được giải thích, vong linh ấy chuyển di chất máu cho cái thể xác nằm yên dưới mồ để kéo dài trạng thái chết giả của nó.

Bác sĩ Piérart nói thêm: “Do đâu mà có sự tin tưởng về hiện tượng ma cà rồng ? Tại sao sự tin tưởng đó vẫn truyền tụng qua mọi thời đại và ở nhiều xứ khác nhau ? Với những sự kiện thường được chứng thực về hình thức quái gỡ này, phải chăng đó không phải là một điều vô căn cứ ? Không có sự gì bỗng nhiên mà sinh ra... Mọi sự tin tưởng, mọi truyền thống đều xuất xứ từ những sự kiện và nguyên nhân đã sinh ra chúng. Nếu người ta không hề thấy những vong linh người chết trở về hút máu người sống, và nếu những nạn nhân sau đó không bị chết vì hao mòn suy nhược thì người ta đã không bao giờ khai quật tử thi ở các nghĩa địa để nhìn thấy rõ ràng sự kiện quái đản này. Người ta đã thấy và chứng thực sự kiện những xác người chôn từ nhiều năm qua mà da thịt vẫn mềm mại, co dãn, hai mắt mở lớn, da mặt hồng hào như người sống, miệng và mũi đầy máu và máu vọt ra như suối khi tử thi bị

đâm chém và bị cắt đầu.”(Tập chí Thần linh học “Revue Spiritualiste”, q. 4, trang 104)

Một trong những trường hợp quan trọng nhất về hiện tượng ma cà rồng đã được tường thuật trong những truyện hồi ký của hầu tước D 'Argens và trong tạp chí Revue Britannique, tháng 3 năm 1837, nhà thám hiểm Anh Pashley có diễn tả vài trường hợp như vậy mà Ông nhận xét trên đảo Candia. Bác sĩ Jobart, một nhà bác học Bỉ cũng đã chứng thực những kinh nghiệm tương tự về hiện tượng này.

Giám mục D 'Avranches Huet viết trong quyển “Huetiana”: “Những sự kiện về ma cà rồng mà người ta vẫn thường xuyên báo cáo và tường thuật, tôi không biết là có thật hay không, nhưng có điều chắc chắn là chúng đã được chứng thực bởi nhiều tác giả tài năng và đáng tin cậy, và bởi rất nhiều nhân chứng do kinh nghiệm bản thân. Bởi vậy, người ta không nên kết luận dứt khoát về vấn đề này mà không suy xét một cách vô cùng thận trọng”.

Ông đã chịu khó sưu tập tài liệu để xây dựng lý thuyết về ma quái của ông và đưa ra những sự kiện rùng rợn nhất để chứng minh rằng tất cả đều do sự tác động của Ác quỷ, nó thường sử dụng những xác chết trong nghĩa địa rồi khoác vào mình và hiện hình lúc ban đêm để hút máu người. Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể giải quyết vấn đề này mà không cần phải đưa nhân vật Ác quỷ đó ra trình diện. Nếu chúng ta tin nơi hiện tượng các vong linh người chết trở về thì luôn luôn vẫn có rất nhiều những kẻ tội lỗi, sa đọa, ích kỷ, hại nhân, vật chất ô trược thuộc đủ mọi hạng và mọi thành phần, nhất là những kẻ tự tử, họ có thể thi đua, kình chống với Ác quỷ lúc thịnh thời, nhất về sự tác yêu tác quái. Chúng ta chỉ cần tin nơi những điều mà tự mình đã mắt thấy tai nghe và biết rằng có thật, như thế cũng đã quá đủ mà không cần phải đưa thêm Ác quỷ vào bảng Phong thần những vong linh đọa lạc của mình khi mà không ai đã từng thấy mặt Ác quỷ đó ra sao.

Một trường hợp xảy ra ở gần thị xã Kodom, tỉnh Bavaria bên Đức khi bóng ma của một người chăn dê vừa chết bắt đầu xuất hiện trước mắt nhiều người trong làng, và hoặc vì lý do kinh sợ, hoặc vì lý do nào khác, tất cả những người này đều lần lượt chết theo trong vòng một tuần lễ sau đó. Những người nông dân trong vùng hoảng sợ bèn khai quật tử thi, lấy cọc gỗ dài vót nhọn đâm xuyên qua và đóng luôn xuống đất. Nội trong đêm đó, bóng ma lại trở về làng làm cho dân tình náo động vì sợ hãi. Các viên chức trong xã mới quyết định khai quật mộ lên một lần nữa và cho đem xác ấy ra thiêu ở ngoài đồng trống gần bên. Theo lời Ông Des Mousseaux thuật lại thì 'xác ấy tru tréo lên như người điên và vùng vẫy chống cự như khi còn sống. Khi người ta lấy cọc gỗ nhọn đâm vào mình nó nhiều lần nữa, nó thốt lên những tiếng kêu ghê rợn và mửa máu tươi rất nhiều. Nó không còn hiện hình trở về sau khi xác chết bị thiêu ra tro'.

Tu sĩ Dom Calmet thuộc dòng tu Benedictine viết trong quyển "Ma hiện hình": "Điều bí hiểm là làm sao biết được bằng cách nào những ma cà rồng ấy có thể rời khỏi mồ và chui vào mồ trở lại mà không có dấu vết gì khả nghi, làm sao giải thích việc người ta thấy chúng vẫn mặc y phục như thường lệ, bằng cách nào chúng có thể đi đứng, di chuyển và hút máu người ? Nếu đó chỉ là do sự tưởng tượng của nạn nhân bị chúng tác hại thì tại sao khi khai quật những ngôi mộ bị tình nghi là có ma cà rồng, người ta thấy những thể xác không hề có dấu hiệu tan rã mà còn tươi như người sống, da thịt mềm mại và có nhiều máu ? Làm sao giải thích lý do **hai bàn chân tử thi dính đầy bùn đất** ngay sau đêm ma cà rồng xuất hiện, gieo sự kinh hoàng sợ hãi cho người láng giềng, trong khi những tử thi khác cùng chôn trong một nghĩa địa lại không có những dấu hiệu gì giống như thế? Và tại sao những hiện tượng đó thường hay xảy ra ở xứ này đến nỗi không làm sao dẹp tan được cái thành kiến cố hữu đó trong dân chúng, mà trái lại,

kinh nghiệm hằng ngày đã làm cho sự tin tưởng đó càng mãnh liệt lên ?

Có một hiện tượng kỳ lạ trong thiên nhiên mà người ta chưa biết và bởi đó bị khoa học phủ nhận trong cái thế hệ hoài nghi của chúng ta hiện nay. Đó là hiện tượng **chết giả** hay chỉ **chết có một nửa**. Xét về bề ngoài thì thể xác coi như đã chết và trong trường hợp những người không quá đắm mê vật chất hay không quá sa đọa, tội lỗi thì bằng những cố gắng tuần tự, thể cảm dục của họ sẽ lần lần tách rời ra khỏi thể xác. Đến khi sợi dây từ khí đã đứt hẳn thì sự tách rời đã hoàn tất vĩnh viễn và con người mới thật là chết. Nhưng điều khó khăn là:

- a) Người ta tưởng rằng lúc tách rời rất ráo giữa hai thể xác và thể cảm dục chính là lúc mà cái xác được khoa học tuyên bố là chết; và
- b) Khoa học không tin nơi sự hiện hữu của linh hồn hay tinh thần trong con người.

Bác sĩ Piérart chứng minh rằng trong mọi trường hợp, thật là một điều nguy hiểm mà tấn liệm quá sớm, dẫn cho khi thể xác đã có dấu hiệu sắp sửa hư hoại. Ông nói: “Những người trong trạng thái hôn thụy, chết giả (cataleptic state), khi đem chôn ở những nơi lạnh lẽo, kho ráo mà thể xác khó bị làm cho tan rã, thể cảm dục của họ sẽ rời khỏi ngôi mộ và đi hút máu người sống. Do bởi một mối tương quan bí nhiệm giữa linh hồn và thể xác mà khoa Thần linh học có ngày sẽ giải thích, chất máu tươi được chuyển di cho cái thể xác nằm yên dưới mồ để giữ cho nó kéo dài sự sống một cách trường kỳ. Người ta thường thấy những vong linh đó với những thể cảm dục của chúng chui ra khỏi mồ, bám vào những người sống để hút máu họ. Sự điều tra của pháp luật đã phán quyết rằng bởi đó mà những nạn nhân bị hút máu trở nên hao mòn, thể chất suy nhược và chết.”

Nếu chúng ta tin nơi hiện tượng ma cà rồng, ấy là bởi vì nó căn cứ trên hai giáo điều quan trọng không thể chối cãi của khoa học huyền môn như sau đây:

a) Thể cảm dục là một thực thể riêng biệt và tách rời của linh hồn và có thể di chuyển cách xa thể xác đến vô cùng tận mà không gián đoạn sợi dây từ khí nối liền hai thể ấy.

b) Khi thể xác chưa hoàn toàn chết thật, linh hồn do thể cảm dục bao bọc ở ngoài có thể trở về nhập xác, trong khi đó thể cảm dục có thể tụ hội đủ khí lực từ điển của xác phàm để xuất hiện với một hình dáng vật chất cụ thể, hữu hình.

Những chuyện Ác quỷ với những biến thái đa dạng của nó chỉ là một huyền thoại hoang đường. Khi chúng ta tưởng tượng rằng mình nhìn, thấy, nghe và cảm giác được nó, đó chỉ là phản ảnh của linh hồn sa đọa, tội lỗi và ô nhiễm của chính mình. Trong thiên nhiên có luật đồng khí tương cầu; tùy theo tâm trạng của mỗi người, tùy theo những tư tưởng, hoài bão và cách sinh hoạt hằng ngày của chúng ta như thế nào mà nó sẽ thu hút đến gần mình những thực thể tâm linh cùng một loại.

Kinh Kabala nói: “Hãy cấm cửa đối với bọn tà ma, rồi chúng sẽ tránh xa người, ví như người rượt đuổi chúng vậy”, nghĩa là ta không nên để cho loài ma quỷ ám ảnh được mình bằng cách thu hút chúng vào một bầu không khí tội lỗi, thích hợp với chúng.

Người học Đạo hãy nên thanh lọc tư tưởng và trau dồi, tinh luyện bản thân để giữ cho tâm hồn luôn luôn cao khiết, hướng thượng, rồi thì y sẽ có thể ngủ yên, trong lòng bình thản, an vui mà không sợ bị quấy nhiễu bởi các loài yêu quái. Chừng đó, chung quanh thể xác bất động nằm yên trong giấc ngủ, tinh thần bất diệt của y sẽ tỏa ra một quyền năng thiêng liêng che chở y như một bức tường rào thủy tinh kiên cố, bất khả xâm phạm, chống lại mọi sự xâm nhập của mọi ảnh hưởng bất hảo.

BAO GIỜ NGƯỜI CHẾT MỚI THẬT CHẾT ?

Những sách y học cho biết thường hay có những trường hợp tử liệt những người chưa chết thật, mà chỉ ở trong trạng thái hôn thụy hay chết giả. Báo chí hằng ngày ở mọi quốc gia trên thế giới thỉnh thoảng vẫn tường thuật những trường hợp tử liệt quá sớm, khi nạn nhân bị coi như đã chết nhưng thật ra thì chưa. Khi người ta mở nắp quan tài để bốc mộ thì thấy tử thi không những đã lật nghiêng mà bộ xương bị vụn vẹo, co quắp trong tư thế chiến đấu một cách tuyệt vọng với Tử Thần ! Có thể cho rằng tử thi bị lật nghiêng một bên là do sự vụng về của âm công làm quan tài bị lật lư khi hạ huyệt, nhưng còn sự co quắp thì không thể vì lý do đó.

Một trường hợp khác, khi bốc mộ một thiếu phụ còn trẻ tuổi vừa qua đời ít lâu sau khi lấy chồng, người ta thấy thi hài thiếu phụ ấy nằm sấp, tay chân co quắp, tóc xỏa rối bù, gương mặt lộ vẻ kinh hoàng và tuyệt vọng, tám vải liệm xác bị xé nát ra từng mảnh (Tin tức của nhật báo Times ở Luân Đôn, tháng 5 năm 1874).

Những tin tức do báo chí trên đây do linh mục H.R. Haweis, Tiến sĩ Thần học sưu tập và nêu ra trong tác phẩm “Tro tàn thiêu xác” (Ashes to Ashes) của Ông nhằm mục đích cổ súy và đề cao biện pháp hỏa táng để tránh khỏi kéo dài sự rùng rợn khủng khiếp của những người bị chôn sống trong cỗ quan tài trong khi họ chưa chết thật.

Bây giờ, chúng ta thử hỏi có gì đảm bảo, ngoài ra những bằng chứng biểu hiện bên ngoài để cho một vị lương y có thể biết chắc rằng một xác người đã thật là chết ? Những bậc danh sư lỗi lạc nhất đều đồng ý rằng không có gì đảm bảo việc ấy. Bác sĩ Todd Thomson ở Luân Đôn, trong quyển “Phụ lục Khoa học Huyền bí”(Appendix to Occult Science) quả quyết rằng: “Sự bất động của thể xác, với những triệu chứng da thịt đã lạnh, cứng đơ như xác chết, hơi thở đã dứt, quả tim và mạch máu đã ngưng đập và hai mắt đã thật sâu không phải là những bằng chứng quyết định rằng

sự sống đã hoàn toàn chấm dứt”. Chỉ có trạng thái tan rã và hoàn toàn hư hoại mới là bằng chứng không thể chối cãi rằng sự sống đã vĩnh viễn rút lui và cái xác ấy mới thật là không hồn. Triết gia Démocrite tuyên bố rằng không có những dấu hiệu chắc chắn để chỉ sự chết thật. Plin cũng nói y như vậy. Asclépiade, một bậc y sư ưu tú, lỗi lạc của thời xưa nói rằng trong những trường hợp của phụ nữ, sự đảm bảo ấy lại còn khó khăn hơn trong những trường hợp của đàn ông.

Bác sĩ Todd Thompson có nêu ra nhiều trường hợp chết giả thật hi hữu, trong đó có trường hợp của một người tên Francis Neville đã hai lần chết giả và bị đem chôn sống cả hai lần. Nhưng ngay khi quan tài vừa hạ huyệt thì y sống lại. Hồi thế kỷ 17, một phụ nữ quý phái là Lady Russell, bề ngoài coi như đã chết, sắp đem chôn, nhưng khi chuông tống táng vừa reo thì bà ấy ngồi dậy trong quan tài và kêu lên: “Đã đến giờ đi lễ nhà thờ !” Năm 1836, một công dân nước Bỉ nằm chết vào sáng ngày Chúa Nhật. Qua ngày hôm sau, khi người ta sắp sửa đặt nắp quan tài thì cái xác chết lồm cồm ngồi dậy, lấy tay dụi mắt và gọi người nhà đem một ly cà phê và một tờ báo ! (Nhật báo Morning herald, ngày 21 tháng 7 năm 1836)

Những trường hợp chết giả như thế vẫn thường được tường thuật trên mặt báo hằng ngày. Tờ Nữ Ước Thời báo, tháng 4 năm 1877 có tin như sau: “Nữ Kịch sĩ Annie Goodale chết đã ba tuần nay nhưng mặt vẫn còn tươi như khi còn sống. Nhiều y sĩ đã khám nghiệm tử thi và dặn người nhà nên canh chừng theo dõi ngày đêm. Cô ta hiển nhiên là ở trong trạng thái hôn thụy xuất thần nhưng không thể nói chắc là cô ấy sẽ sống lại hay không.”

Các nhà huyền học Kabala nói rằng một người không hẳn đã chết khi cái xác của y đã chôn dưới mồ. Sự chết không phải là một diễn biến đột nhiên, táo cấp, và theo đạo sư Hermès, trong thiên nhiên không có những sự chuyển biến táo tợn phũ phàng. Mọi sự

đều diễn ra một cách tuần tự, nhẹ nhàng và cũng như phải cần đến một sự diễn tiến tuần tự, lâu dài để hình thành một sinh vật như con người thì sự chết cũng y như thế; phải cần một thời gian để cho sự sống hoàn toàn rút lui ra khỏi thể xác. Eliphas Levi nói: 'Sự chết không phải là một sự chấm dứt hoàn toàn cũng như sự sinh ra không phải là một sự bắt đầu. Sự sinh ra chứng tỏ rằng con người đã từng sống trong quá khứ cũng như sự chết chứng tỏ rằng linh hồn bất diệt'.

LÀM CHO NGƯỜI CHẾT SỐNG LẠI

Những phép lạ trong Kinh Thánh nói về việc làm cho người chết sống lại như trường hợp Đức J  sus phục sinh cho người con gái của Jairus thật ra không phải là những trường hợp chết thật. Sau khi phục sinh cho người con gái ấy, Đức J  sus đã nói: "N  n   n   y không chết mà chỉ ngủ   o thôi".

Không thể c   việc phục sinh cho người chết khi linh hồn   o hoàn toàn rời khỏi xác và sợi d  y từ kh  i   o   t   o   o. Eliphas Levi n  i: "Một chiếc l   r  ng không thể làm cho   nh li  n trở lại tr  n c  nh c  y. Con s  u trở th  nh con b  m nhưng con b  m không bao giờ trở lại th  nh con s  u. Thi  n nhi  n lu  n lu  n kh  p ch  t c  a   ang sau m  i   i  n bi  n v   th  c    y s  ng lu  n lu  n ti  n t  i m  i".

Như vậy, v  n   e    t ra không phải l   c   thể phục sinh cho người chết sống lại   ược không m   l   kh  ng    nh xem y học c   quyết    nh   ược ch  ng l  c n  o m  t người m  i th  t l     o chết. Nh  a huyền học n  i rằng sự chết    n v  o l  c thể c  m d  c hay sinh kh  i v   linh hồn con người   o v  nh viễn rời khỏi xác th  n. V   y s  i theo quan ni  m khoa học v  n phủ nh  n c   thể c  m d  c l  n linh hồn v   chỉ nh  n nh  n c   sinh lực, cho rằng sự chết l   l  c m   sinh lực   o kh   c  n v   t  t h  n. Khi m   quả tim ngừng    p, hơi th  o không c  n, xác th  n   o c  ng lạnh v   nhất l   khi sự hư n  t, tan r     o bắt   u, họ tuyên bố l     ương sự   o chết. Nhưng lịch sử y học ch  a    ng v  

số những trường hợp 'chết giả' do hậu quả của sự ngộp thở vì chết đuối, vì hít phải hơi độc và vì những lý do khác; rồi sau đó, sự sống được phục hồi cho những người chết đuối, thậm chí sau khi họ đã chết được 12 tiếng đồng hồ.

Trong những trường hợp hôn thụy, xuất thần, đương sự phôi bày đủ tất cả những dấu hiệu thông thường của sự chết: hơi thở đã tắt, tim ngừng đập, thân thể đã lạnh, những bắp thịt đã cứng đơ, mắt đã lu mờ và toàn thân không còn khí sắc. Trong trường hợp hi hữu của đại tá Townshend, Ông ta tự đặt mình vào trạng thái đó trước mặt ba vị y sĩ; những vị này sau khi đã khám nghiệm, quả quyết rằng Ông ta đã chết thật và khi sắp sửa rời khỏi gian phòng thì Ông ta từ từ sống lại. Ông ta diễn tả cái khả năng kỳ lạ đó của mình và nói rằng 'Ông ta có thể chết hay tắt thở tùy ý muốn và bằng một cách nào đó, Ông ta có thể phục sinh trở lại'.

Cách đây vài năm, tại một xứ Đông Âu, có xảy ra một trường hợp chết giả rất lạ lùng. Bà vợ của một thương gia giàu có thỉnh linh rơi vào trạng thái chết giả suốt 17 ngày. Trong thời gian đó, các viên chức hộ tịch địa phương đã nhiều lần định đem đi chôn nhưng vì chưa thấy có dấu hiệu hư nát nên người nhà xin hoãn lại thủ tục chôn cất và sau cùng, bà ấy tự nhiên sống lại.

Những trường hợp trên đây cho thấy rằng những vị lương y ưu tú nhất trong giới y học cũng không thể biết chắc chắn lúc nào một người chết thật. Điều mà họ gọi là 'trạng thái tạm ngưng sinh hoạt' là trạng thái chết giả mà sau đó đương sự tự nhiên sống lại do một cố gắng của chính linh hồn y, sự cố gắng này có thể được thúc đẩy bởi một trong nhiều nguyên nhân. Trong những trường hợp đó, thể cảm dục chưa tách rời khỏi thể xác mà những cơ năng thể chất chỉ tạm thời ngưng hoạt động, đương sự nằm trong một trạng thái hôn thụy và sự phục sinh chỉ là sự trở về trạng thái sinh hoạt bình thường.

Còn trong những trường hợp mà y học gọi là 'chết' nhưng thật ra thì chưa, thì thể cảm dục phải bị bắt buộc quay trở về xác thân và sinh lực trong thể xác phải được kích động trở lại. Ví như cái đồng hồ đã hết giây thiếu, nó phải được lên dây trở lại. Nếu người ấy đã chết thật, nếu những bộ phận trong cơ thể không những đã không còn hoạt động mà cũng đã mất hết khả năng bồi hoàn sinh lực để hoạt động trở lại thì chừng đó phải cần một phép lạ mới làm cho y được phục sinh. Nhưng như đã nói ở trên, một người chưa thật chết khi xác thân y đã lạnh, cứng, mạch không nhảy, hơi thở không thoi thóp và thậm chí bắt đầu có những dấu hiệu hư hoại. Y chưa thật chết khi bị đem đi chôn hay sau khi đã chôn xong cho đến khi nào thể xác y đạt tới **một điểm nhất định** nào đó, **Cái điều đó là khi những bộ phận chính trong ngũ tạng đã hư hoại đến mức độ mà nếu được làm cho thức động trở lại, chúng cũng không thể nào hoạt động trở lại được như trước.** Cũng ví như sợi dây thiếu và những bánh xe răng cửa trong bộ máy của chiếc đồng hồ đã bị rỉ sét đến nỗi khi đem vận máy để lên dây thì dây bị gãy đứt. Trước khi đạt tới điểm đó, thể cảm dục có thể được làm cho trở về nhập xác, hoặc do sự nỗ lực ý chí của đương sự, hoặc do ý chí mạnh mẽ của một người biết rõ những tiềm năng của thiên nhiên và biết cách điều khiển những tiềm năng đó.

Trong những trường hợp xuất thần sâu xa bằng cách truyền nhân điện như Ông Du Potet đã thực hiện, linh hồn người thụ cảm tách rời khỏi thể xác quá xa đến nỗi nó không thể nào trở về nhập xác nếu không nhờ sự tác động ý chí mạnh mẽ của người truyền điện. Người thụ cảm coi như đã chết và nếu cứ để yên như vậy thì linh hồn y sẽ vĩnh biệt ngàn thu. Tuy đã tách rời khỏi thể xác hôn trầm, bất động, linh hồn y mới thoát ly có nửa chừng và còn dính liền với thể xác bằng một sợi dây từ khí, mà các nhà linh thị diễn tả như một đường xám đục như khói, trái ngược với bầu không khí sáng chói khôn tả của cõi cảm dục mà họ nhìn xuyên qua. Triết gia Plutarque tường thuật câu chuyện của Thespesius từ

trên cao té xuống đất và nằm chết giả trong ba ngày, đã kể lại kinh nghiệm của đương sự như sau: “Khi đó, Thespesius nhận thấy rằng y khác biệt với những người chết ở chung quanh y... Họ có thân hình trong suốt và bao phủ bởi một hào quang sáng chói, còn y thì dường như kéo lòng thông đàng sau lưng mình một đường dài màu xám đục “.

Lời tường thuật này dường như được xác nhận bởi những nhà linh thị của tất cả mọi thời đại và đó là một điều quan trọng. Trong quyển “Khoa học của linh hồn “, Eliphas Levi nói rằng: “Khi một người trút hơi thở cuối cùng, trước hết, y đắm chìm trong một cơn mơ, trước khi thức tỉnh lại ở cõi giới bên kia cõi tử. Kế đó, y nhìn thấy hoặc một viễn ảnh tốt đẹp mỹ lệ của cõi Thiên Đàng, hoặc những cảnh khủng khiếp rùng rợn của cõi Địa ngục mà y vẫn quan niệm và tin tưởng hồi thuở sinh tiền. Đó là lý do vì sao thường xảy ra việc này, là linh hồn bị kinh hoàng khiếp sợ bèn táo cấp quay ngược trở về đời sống phàm trần mà nó vừa từ bỏ. Và đó cũng là lý do tại sao vài người thật sự đã chết, nghĩa là nếu cứ để yên thì họ sẽ vĩnh viễn từ trần một cách êm ái nhẹ nhàng trong một trạng thái mê man vô thức nhưng nếu đem chôn quá sớm, họ lại thức tỉnh dậy ở dưới mồ “.

Về vấn đề này, chắc độc giả còn nhớ câu chuyện quen thuộc của một ông lão để lại những di sản to lớn cho những người cháu gái mồ côi. Trước khi qua đời, ông lão giao phó tờ di chúc ấy cho người con trai tỷ phú của ông và dặn dò phải làm đúng theo ý ông muốn. Ông vừa chết có vài giờ thì người con trai, lúc ấy chỉ có một mình ở bên cạnh xác chết, bèn xé phăng tờ di chúc và châm lửa đốt. Hành vi bất hiếu trắng trợn của người con trai dường như kích động linh hồn ông lão lúc ấy còn lơ lửng ở gần bên cạnh giường nằm. Ông lão bèn ngồi dậy, thốt lên lời nguyền rủa độc hại đối với đứa con bất hiếu, anh chàng này đã bị khiếp đảm, sưng sốt lộ ra mặt và kể đó, ông lão mới ngã xuống giường và trút hơi thở cuối cùng.

Eliphas Levi nói rằng sự phục sinh có thể xảy ra trong khi cơ thể chưa bị hư hoại và thể cảm dục của người chết hãy còn chưa đi xa. Ông nói: “Thiên nhiên không bao giờ tác động một cách đột khởi, bất thần và sự chết luôn luôn được chuẩn bị bởi một trạng thái mê man, vô thức kéo dài. Đó là một trạng thái hôn mê bất động mà một sự kích động phũ phàng hay từ điển của một ý chí mạnh mẽ có thể làm cho thức tỉnh”, Ông dùng lý luận đó để giải thích việc phục sinh của người chết đặt trên năm xương tàn của Elisha trong Kinh Thánh. Lúc ấy, linh hồn người chết còn đang lờn vờn gần tử thi. Tục truyền rằng đoàn người đi tống táng bị một quân cướp chặn đường tấn công; sự kinh hoàng sợ sệt của họ làm kích động linh hồn người chết và e rằng thi hài của mình bị mạo phạm bởi những tay phạm, linh hồn bèn táo cấp đột nhập vào thể xác của mình để sống lại và cứu vãn tình thế.

SỰ CHÔN SỐNG VÀ PHỤC SINH CỦA CÁC NHÀ THUẬT SĨ ÁN ĐỘ

Sau khi đã xét qua những điều được trình bày trên đây, không ai có thể phủ nhận việc có nhiều nhà đạo sĩ, pháp sư đã từng làm cho người chết sống lại. Ý chí con người có tiềm năng vô cùng mạnh mẽ đến mức có thể phục sinh cho một xác người coi như đã chết bằng cách làm cho linh hồn trở về nhập xác trong khi sợi dây từ khí nối liền hai phần hồn và xác chưa hoàn toàn bị đứt đoạn. Nhiều nhà thuật sĩ Ấn Độ đã tự để cho bị chôn sống trước mắt hàng nghìn nhân chứng và nhiều tuần lễ sau đó đã phục sinh trở lại. Và nếu các nhà thuật sĩ thời nay nắm được bí quyết đó của vấn đề sinh tử thì Đức Jésum và các tông đồ, tất cả đều biết rõ những bí mật của vấn đề sinh tử nhiều hơn là những nhà bác học cận đại, hẳn là đã từng phục sinh cho người chết ở vào thời đại của các Ngài. Vì các vị ấy đã hoàn toàn quen thuộc với cái quyền năng bí nhiệm 'mà khoa học chưa có thể hiểu được', như giáo sư Le Conte đã thú nhận, và hơn nữa, còn biết rõ 'từ đâu nó đến và sẽ đi

về đầu' nên các Ngài có thể đã từng làm phục sinh một cách dễ dàng bất cứ người nào ở trong trạng thái 'chết giả' và đó không phải là một phép lạ nào cả.

Nhiều nhà thuật sĩ Ấn Độ, sau một thời gian chuẩn bị lâu dài cả về thể chất và tinh thần, có thể tự đặt mình vào một trạng thái đặc biệt, khiến cho họ có thể tự để cho bị chôn sống dưới lòng đất trong một thời gian vô hạn định. Vị phó vương Anh, Sir Claude Wade, đã có mặt tại cung điện của vua Ấn Độ Ranjit Singh và chứng kiến việc chôn sống nhà thuật sĩ Ấn Độ trong sáu tuần lễ, trong một cái hòm đặt trong một huyệt đào sâu độ một thước rưỡi ngay dưới sàn gạch của một gian phòng. Để ngăn ngừa mọi sự giả trá, hai đại đội quân Ấn Độ được giao nhiệm vụ canh gác chung quanh; bốn lính canh được cắt đặt ngay bên ngôi mộ và đổi phiên gác mỗi lần hai tiếng đồng hồ, suốt ngày và đêm. Sir Claude thuật lại như sau: "Đến kỳ hạn khai quật mộ, lúc mở nắp hòm, chúng tôi thấy một xác người gói trong một cái bao bằng vải trắng cột túm lại bằng một sợi dây ở phía trên đầu... Kế đó, người lao công bắt đầu xối nước nóng lên thân mình của người thuật sĩ... Tay chân y đã co quắp và cứng đờ, cái đầu thì nghiêng về một bên vai giống như một xác chết. Khi đó, tôi cho mời vị y sĩ riêng của tôi vào để khám nghiệm tử thi nhưng y thấy tim không đập và mạch cũng ngưng nhảy, tuy nhiên, **chỗ xương mỏ ác trên đỉnh đầu thấy có hơi ấm**, ngoài ra toàn thân đều lạnh ".

Cách thức phục sinh cho người thuật sĩ gồm có việc tắm nước nóng, chà xát khắp thân mình, gỡ những nút bông gòn nhồi với sáp ra khỏi lỗ mũi và lỗ tai, thoa bóp hai mí mắt với chất bơ lỏng và điều đó có vẻ lạ lùng đối với nhiều người là đắp lên đỉnh đầu một cái bánh nóng bằng bột mì nướng dày độ ba phân tây. Sau khi đã đắp lên đỉnh đầu cái bánh nóng đến lần thứ ba thì thân mình người thuật sĩ như bị phong giật rất mạnh, hai lỗ mũi nở lớn, phát ra hơi thở và tay chân đã co duỗi được như thường; nhưng mạch vẫn còn rất yếu. Kế đó, cái lưỡi được tắm và thoa bơ lỏng, hai tròng

mắt nở lớn và phục hồi lại khí sắc bình thường, người thuật sĩ mới nhận ra những người chung quanh, miệng thốt ra tiếng và bắt đầu nói chuyện “.

Nên ghi nhận rằng không những các lỗ mũi và lỗ tai đều bị kín mà lưỡi cũng uốn cong ngược trở vào để bị kín cuống họng, và như vậy, thất khiếu đều được đóng chặt để không cho không khí lọt vào. Chúng tôi được cho biết rằng biện pháp đó được áp dụng không những để ngăn ngừa sự tác động của khí trời đối với các tế bào của cơ thể mà còn để ngăn ngừa sự tích tụ của những loại vi khuẩn làm hư hoại thể xác, mà trong trường hợp này, chúng có thể gây nên sự hư nát, hủy hoại giống như miếng thịt sống để lâu không dùng tới. Ngoài ra, còn có những vùng mà nơi đó các nhà thuật sĩ từ chối không chịu để cho bị chôn sống, chẳng hạn như nhiều vùng ở miền Nam Ấn Độ có rất nhiều mối là những kẻ thù rất nguy hiểm của người và vật. Loại mối này tai hại đến nỗi chúng ăn tươi nuốt sống tất cả mọi vật trừ ra loại kim khí. Chúng đục tất cả các thứ gỗ, không chừa loại nào, thậm chí những gạch ngói, xi măng cũng không phải là những chướng ngại đối với những đạo binh đáng sợ của chúng. Bởi vậy, người thuật sĩ, dù rằng thánh thiện đến đâu và được chôn trong một cái hòm kiên cố đến bậc nào cũng không muốn mạo hiểm để nhìn thấy thể xác của mình bị mối gặm nhấm khi đến kỳ hạn phải hồi sinh.

Chính nhờ sự hiểu biết cách điều khiển những năng lực huyền bí trong thiên nhiên mà nhà thuật sĩ có thể tạm thời rời bỏ thể xác trong một thời gian, và sau đó lại phục sinh trở lại. Cũng do chính sự hiểu biết đó mà Đức J  sus, Apollonius và Elisha đã làm cho những người chết sống lại và những vị đạo trưởng huyền môn cổ xưa đã truyền sinh khí làm cho những pho tượng trở nên linh hoạt, có thể cử động và nói năng như người sống.



CHƯƠNG TÂM

HIỆN TƯỢNG ĐỒNG CỐT



Theo ý nghĩa thông thường, danh từ đồng tử, đồng cốt được dùng để chỉ những người có một tính chất nhạy cảm, bệnh hoạn, bẩm sinh ra với một cơ cấu thể chất dị thường, và tùy theo mức độ thụ cảm của họ mà họ càng ngày càng trở nên dễ bị ảnh hưởng xâm nhập của những vong linh thuộc đủ mọi loại. Trạng thái đồng bóng có thể:

- ♥ Phát triển tự nhiên.
- ♥ Do những ảnh hưởng bên ngoài.
- ♥ Tiềm tàng suốt đời mà không biểu lộ rõ rệt.

Quý độc giả nên nhớ rõ định nghĩa của danh từ này bởi vì trừ phi những điều trên đây được hiểu rõ ràng, sự lầm lộn sẽ không thể tránh khỏi. Trạng thái đồng bóng thuộc loại này có thể chủ động hay thụ động, tích cực hay tiêu cực và có thể thẩm định giá trị do bởi tính chất thanh hay trọc của cái hào quang bao phủ chung quanh người đồng tử. Cái hào quang này có thể tinh khiết, trong sáng như pha lê và long lanh màu sắc như giọt sương ban mai; hoặc nó có thể đục ngầu, xám xịt, nặng trọc, nhớp nhúa, ghê tởm đối với những vong linh tốt lành và chỉ thu hút những loại vong linh sa đọa, bất hảo thích hợp với nó, ví như giống lươn, trạch chỉ

thích sống trong những chỗ nước bùn lầy lội, dơ bẩn. Mọi sự đều tùy nơi nết hạnh, tinh thần của người đồng tử.

Những hoàn cảnh hoàn toàn ngoài ý muốn của người đồng tử, hoặc bẩm sinh đã có sẵn hay về sau mới xảy ra có thể làm biến đổi cái hào quang của y để gây nên những hiện tượng thể chất hoặc tinh thần, tốt lành hay bất hảo. Trạng thái đồng bóng này đã từng có trên mặt đất kể từ khi bắt đầu có loài người. Trong trạng thái đồng bóng, người đồng tử buông xuôi cái thể xác yếu đuối của mình dưới sự kiểm soát, thao túng của những vong linh và trí lực điều khiển khác hơn là linh hồn bất diệt của chính mình. Nói cách khác, những vong linh ấy ám ảnh và **chiếm hữu** cái thể xác của y. Trạng thái đồng bóng này, dù ích lợi hay tác hại, đều luôn luôn **thụ động, tiêu cực**.

Hạnh phúc thay cho những người có tâm hồn thuần khiết, nhờ đó mà họ đẩy lui, tuy vô ý thức, những loại âm binh, ác quỷ, không cho chúng đến gần. Thật vậy, họ không có loại vũ khí phòng vệ nào khác hơn là tính chất thuần khiết và tốt lành tự nhiên, thiên phú của họ. Trái lại, trên thực tế, những hoạt động đồng cốt như đang được thực hành vào thời buổi hiện nay là một điều rất tai hại.

ĐỒNG CỐT QUÀNG XIÊN

Không thể chối cãi rằng bọn đồng cốt quàng xiên hồi thời xưa bị ngược đãi, khủng bố, hẳn là phải có lý do chính đáng. Vào thời đại của Moise, David và Samuel, cổ nhân vẫn từng khuyến khích những ngành tiên tri, bói toán, chiêm tinh, chiêm thuật và lập trường học để phát triển những tài năng thiên phú về những ngành này. Trong khi đó, những người phù thủy và đồng cốt nói tiên tri với sự trợ giúp của các loại âm binh lại bị giết hại, ấy là lý do tại sao ? Chỉ đến vào thời đại của Chúa Jésus, những người Đồng cốt bất hạnh đã bị đẩy lui ra những khu vực nghĩa địa và hoang vắng ở ngoài thành phố. Tại sao có việc bất công ấy khi mà những

người đồng cốt bị ngược đãi, khủng bố và sát hại còn những tập thể cộng đồng các pháp sư, thuật sĩ (như môn phái Essenes) không những được để yên mà còn được trọng vọng ? Đó là bởi cổ nhân, không như chúng ta ngày nay, có thể 'thử thách' những vong linh và biết phân biệt loại tốt lành với loại bất hảo, loại nào là linh hồn người chết và loại nào là ma quỷ. Họ cũng biết rằng sự thực hành đồng cốt quàng xiên làm lụn bại cuộc đời của người đồng tử và gây tai họa cho xã hội.

Nói rằng một đồng tử đã phát triển được những khả năng nọ kia là một điều sai lầm. Một người đồng tử thụ động không có khả năng gì cả. Y chỉ có một tình trạng thể chất và tinh thần đặc biệt nào đó, nó toát ra một thứ hào quang hấp dẫn những vong linh chế ngự và nhờ đó chúng có thể tự biểu lộ. Y chỉ là cái khí cụ để cho chúng sử dụng và biểu lộ quyền năng. Cái hào quang của người đồng tử thay đổi hình dáng hằng ngày và chỉ đến hằng giờ. Đó là một hậu quả hiển nhiên bên ngoài gây nên bởi những nguyên nhân nội tạng từ bên trong. Trạng thái tinh thần của người đồng tử là yếu tố quyết định loại vong linh nào sẽ xuất hiện và ngược lại, những loại vong linh này cũng ảnh hưởng đến người đồng tử trên phương diện thể chất, trí lực và tinh thần.

Tính chất thụ động của người đồng tử càng tiêu cực bao nhiêu thì trạng thái đồng bóng của y càng được hoàn bị hơn bấy nhiêu, và sự hoạn họa, nguy hiểm mà y gây ra càng tăng theo tỷ lệ tương đương. Khi y đã 'phát triển' đầy đủ, nghĩa là hoàn toàn thụ động, thể cảm dục của y có thể bị tê liệt và có khi bị đẩy lọt ra khỏi thể xác, chừng đó, thể xác này sẽ bị một tinh linh nhập vào hay tệ hơn nữa, một vong linh bất hảo sa đọa sẽ sử dụng thể xác ấy như là thể xác của nó. Người ta thường phải tìm ra nguyên nhân những tội ác lớn nhất ở những vụ nhập xác như thế.

Vì trạng thái đồng cốt tùy nơi tính chất thụ động, tiêu cực của người ngồi đồng nên biện pháp chống ngăn đương nhiên thấy

rõ: muốn vậy, **người đồng tử hãy từ bỏ trạng thái thụ động của mình**. Những loại vong linh không bao giờ kiềm chế được những người có tinh thần tích cực, cương quyết chống cự lại mọi ảnh hưởng xâm nhập từ bên ngoài. Còn những người nhu nhược, tinh thần yếu đuối dễ trở thành nạn nhân của chúng và bị chúng xúi dục làm những điều xấu xa, tội lỗi.

Nếu những loại tinh linh thấp kém và vong linh bất hảo đó quả thật là những thần linh hộ mạng như chúng vẫn mạo nhận thì tại sao chúng không ban cho những người đồng tử trung kiên của chúng, ít nhất là sức khỏe và hạnh phúc gia đình? Tại sao chúng lại bỏ rơi họ vào những lúc khẩn thiết nhất, khi họ bị tố giác là giả mạo, bịp đời ? Thật là một điều hiển nhiên mà thấy rằng những đồng tử giỏi nhất đều có thể chất bệnh hoạn hoặc là, điều này lại càng tệ hơn nữa, đôi khi mắc phải một tật xấu dị thường nào đó. Tại sao những 'thần linh hộ trì' đó vẫn từng làm cho những đồng tử đóng vai trò chữa bệnh và nói tiên tri họa phúc cho kẻ khác lại không giúp cho họ có một sức khỏe khang kiện về thể chất ? Các vị thuật sĩ, pháp sư và tông đồ thời cổ xưa thường là có một sức khỏe tốt và từ điển tốt lành của họ không bao giờ làm cho người bệnh bị truyền nhiễm về thể chất hay tinh thần.

THỬ THÁCH CÁC VONG LINH

Thời xưa, người ta đã biết nhận thức rõ sự khác biệt giữa những loại hiện tượng mà xem bề ngoài có vẻ giống nhau. Thánh thư Deuteronomy nói rằng: "Vị thần bảo quốc của dân Do Thái đặc biệt nghiêm cấm họ bắt chước thực hành những trò quỷ thuật của những quốc gia khác như tiên tri, bói toán, coi ngày tốt xấu, phù chú ếm đối, hành nghề phù thủy, hỏi việc họa phúc nơi các thần linh quen thuộc hay dùng thuật chiêu hồn".

Như vậy, có sự khác biệt nào chẳng giữa tất cả những loại hiện tượng kể trên khi được thực hành ở 'những quốc gia khác', và khi được các nhà tiên tri bảo trợ ? Hiển nhiên, sự khác biệt đó hẳn

là phải có lý do chính đáng vì trong Thánh Kinh (Epître St. Jean, IV) có nói: “Các người đừng tin nơi **tất cả** mọi vong linh mà phải **thử thách** chúng, xem chúng là chánh hay tà, bởi vì có nhiều nhà tiên tri giả mạo đã xuất hiện trên thế gian “.

Cái tiêu chuẩn duy nhất mà các nhà thần linh học và những người đồng tử thời nay có thể áp dụng để **thử thách** những vong linh là:

- ◇ Xét đoán qua những hành động và ngôn ngữ của chúng.
- ◇ Qua tính cách sẵn sàng tự biểu lộ của chúng; và
- ◇ Tầm mức quan trọng của lý do hợp đàn: chúng có một mục tiêu xứng đáng để quấy rầy người quá cố, tức kêu gọi một vong linh người chết xuất hiện hay không ?

Trong Thánh kinh có chép việc Saül và các con đang đứng trước nguy cơ bị tử nạn, tuy vậy, vong hồn Samuel đã hiện ra trước mặt Saül và hỏi: “Tại sao người kêu gọi đến ta và đã làm quấy rầy ta ?” Nhưng còn các vong linh đến viếng những buổi hầu đàn ngày nay thì sẵn sàng xuất hiện trước một sự kêu gọi hời hợt của những kẻ tầm phào, vô vị, muốn tiêu khiển bốn cợt chơi cho qua thời giờ !

Ngoài ra chuyện Saül và Samuel, trong Kinh Thánh không hề có ghi chép một trường hợp nào về việc ‘kêu gọi vong hồn người chết’. Tất cả các nhà tiên tri đều bác bỏ quan niệm cho rằng thuật chiêu hồn là một việc làm hợp pháp. Thánh sư Moïse đã ban một đạo luật khép án tử hình những người thực hành phép kêu gọi vong hồn người chết trở về, được gọi chung là ‘thuật chiêu hồn’.

Một trong những lý do lớn nhất của việc ấy là thuyết của cổ nhân dạy rằng không một linh hồn nào từ ‘cõi giới đầy phúc lạc’ được kêu gọi trở về trần thế, trừ phi trong những trường hợp rất hiếm mà sự xuất hiện ấy có thể là cần thiết để thực hiện một mục đích lớn lao nào đó và để đem lại sự lợi ích cho nhân loại.

Còn những vong linh có thể kêu gọi xuất hiện một cách dễ dàng không bao giờ đáng tin cậy mà cũng không có ích lợi gì để giao tiếp với chúng. Chúng là những vong linh sa đọa, bất hảo của cõi địa ngục mà huyền môn Kabala gọi là bầu thế giới thứ 8. Mọi nghi thức tế lễ của thuật chiêu hồn hồi thời cổ xưa đều được thi hành trên những ngọn đồi hay những nơi cao ráo và máu tươi được dùng làm lễ vật cúng hiến cho những vong linh ấy. Đạo sư Porphyre nói rằng: “Những vong linh ấy ưa thích máu tươi hơn bất cứ vật gì khác vì máu tươi dường như có tác dụng tạm thời phục hồi cho chúng ít nhiều sinh khí “.

Còn những sự hiện hình thì có nhiều trường hợp khác nhau đã được ghi chép trong các thánh thư cổ. Nhưng chúng có diễn ra dưới những điều kiện tương tự như trong những buổi họp đàn của ngày nay không ? Dường như hồi thời cổ xưa của các bậc trưởng lão là thời mà nền phương thuật thịnh hành, những hiện tượng đó không cần phải diễn ra trong bóng tối. Ba vị Thiên thần xuất hiện trước mặt Abraham giữa lúc thanh thiên bạch nhật, vì như kinh Sáng Thế có chép: “Ông ngồi trong cửa lều giữa cơn nóng bức của ban ngày “. Những vong hồn của Elias và Moise cũng xuất hiện giữa ban ngày và không thể có việc Đấng Christ và các vị Tông Đồ đã trèo lên một ngọn núi cao trong giờ ban đêm. Trong Thánh Kinh nói Đức Jésus đã xuất hiện trước mặt bà Marie Madeleine trong vườn vào lúc sáng sớm và trước mặt các tông đồ trong ba lần khác nhau mà thường là ban ngày. Con lừa của Balaam nhìn thấy vị thiên thần hiện hình vào lúc giữa trưa.

Đức Jésus đã nói rõ: “Các người sẽ còn làm những việc lớn lao hơn nữa... “, ngụ ý những công việc rao truyền của những người đóng vai trò 'trung gian' giữa Đấng Cứu Thế và nhân loại. Theo nhà tiên tri Joel, trong tương lai, sẽ có ngày tinh thần thiêng liêng của Chúa Trời sẽ tuôn tràn xuống khắp nhân loại. Ông nói: “Những con trai và con gái của các người sẽ nói tiên tri, những người trưởng lão trong các người sẽ thấy các điều báo mộng, những

người trẻ trong của người sẽ nhìn thấy những linh ảnh...” Ngày ấy đã đến và người ta đã làm tất cả những điều kể trên ở vào thời buổi hiện đại; khoa Thần Linh học đã có những nhà linh thị và những người chịu pháp nạn, những nhà tiên tri và những nhà chữa bệnh một cách nhiệm mầu. Cũng như hồi thời đại của Moise, David và Jehoram, ngày nay đã có những người đồng tử tiếp nhận những cơn giáng bút trực tiếp từ các Đấng Thiêng liêng và những vị khuất mặt trong cõi vô hình.

Có vài diễn giả trên diễn đàn Thần linh học, nhưng chỉ rất hiếm, đã từng nói giáng ngôn dưới nguồn cảm hứng thiêng liêng; và nếu họ biết được những gì đã nói qua sự khai khẩu của họ, ấy là ở vào trạng thái hoàn toàn thụ cảm. Nhà tiên tri Daniel đã diễn tả trạng thái ấy như sau: “Và tôi không còn giữ lại một chút sinh lực nào trong người tôi. Tuy vậy, tôi đã nghe giọng nói của những lời giáng ngôn ấy; và khi tôi nghe giọng nói ấy, tôi đang ở trong trạng thái ngủ mê “ (Daniel X. 5)

Đối với những người đồng tử chân chính như đã nói ở trên, lời trong thánh thư Samuel có thể áp dụng: “Tinh thần của Chúa Trời sẽ giáng xuống cho người, người sẽ nói tiên tri với chúng nó và sẽ được chuyển hóa thành một người khác hẳn “. (Samuel, X. 6)

NHỮNG VONG LINH HIỆN HÌNH

Việc sưu tầm về những hiện tượng thần linh với một tinh thần thực nghiệm thật sự chắc chắn sẽ đưa đến kết quả là tái phát hiện một phần nào nền phương thuật cổ xưa của Moise và Paracelse. Dưới ảnh hưởng sắc đẹp phỉnh lừa của vài loại vong linh hiện hình, có ngày người ta sẽ nhận ra những loài Thủy Tinh, Tiên Nữ xinh đẹp của huyền môn Rosecroix, đang chơi đùa dong ruổi trong giòng khí lực thông linh, huyền diệu của vũ trụ. Chính nhà bác học Crookes, tuy đã hoàn toàn tin tưởng nơi hiện tượng Katie King, đã cảm thấy rằng dưới làn da trắng mịn của cô nàng có

che đây một quả tim 'hờ' mượn tạm một phần của người đồng tử và của vòng cử tọa, vốn **không có linh hồn** ¹ !

Chúng tôi không tin rằng tất cả những vong linh đến tiếp xúc trong những buổi hầu đàn đều thuộc các loại 'Tinh linh' hay 'ma quỷ'. Nhiều vong linh, nhất là trong số những vong linh nhập xác đồng tử để giáng ngôn, giáng bút hay động tác bằng nhiều cách khác đều là những vong hồn người chết. Các yếu tố quyết định những vong linh đó tốt lành hay bất hảo một phần lớn tùy nơi hạnh kiểm cá nhân của người đồng tử, một phần tùy nơi thành phần những người tham dự và một phần khác tùy nơi chí nguyện thiết tha và lòng thành khẩn của họ. Nếu mục đích của họ chỉ là để thỏa mãn óc hiếu kỳ và tiêu khiển cho qua thời giờ thì đừng trông đợi sẽ xảy ra một việc gì nghiêm chỉnh.

Nhưng dù sao, những vong hồn người đã quá vãng không bao giờ có thể hiện hình như người thật. Họ không bao giờ có thể xuất hiện trước mặt người đời trong một thể xác bằng xương bằng thịt chắc nịch, nóng hổi với gương mặt và những bàn tay toát mồ hôi, vv... Nhiều lắm là họ chỉ có thể phản ánh cái hình bóng của mình trên những làn sóng không khí, và nếu trong những trường hợp rất hiếm mà người thể gian có thể cảm xúc được sự đụng chạm của bàn tay hay y phục của họ thì cái cảm giác đó cũng ví như một cơn gió thoảng phớt nhẹ trên da thịt chứ không phải như sự đụng chạm của bàn tay hay thể xác người phàm.

Người ta không thể cho rằng những 'vong linh hiện hình' đã từng xuất hiện với quả tim đập mạnh và tiếng nói lớn là những vong hồn người chết. Những giọng nói (nếu những âm thanh đó có thể gọi là) của một thực thể tâm linh hiện hình, một khi người ta đã từng nghe, sẽ không thể nào quên được. Âm thanh của một

¹ *Katie King chỉ là một hình nộm do các tinh linh tạo ra bằng cách cô động chất dĩ thái và làm sinh động như một người thật.*

thần linh thanh cao giống như tiếng thì thầm réo rắt của một cây đàn lục huyền cầm vọng lại từ đằng xa; còn giọng nói của một vong hồn đau khổ, tội lỗi, nếu không là hoàn toàn sa đọa bất hảo có thể ví như tiếng người phát ra từ một cái thùng trống rỗng.

Bây giờ chúng tôi chỉ lặp lại rằng không một vong linh nào mà các nhà thần linh học cho là linh hồn người chết đã được chứng thực đúng như vậy với những bằng chứng đầy đủ. Ảnh hưởng của những vong hồn đã thoát xác có thể cảm thấy được do họ chuyển đạt cho những người nhạy cảm trong trạng thái nội quan **chủ thể**. Họ có thể tạo nên những hiện tượng biểu lộ **khách thể**, ngoại tại, nhưng họ không thể tự xuất hiện bằng cách nào khác hơn như diễn tả ở trên. Họ có thể sử dụng thể xác của một đồng tử và phát biểu những ý niệm, ước muốn của mình bằng nhiều cách khác nhau mà các nhà thần linh học đã từng biết rõ nhưng họ không thể làm **'hiện hình'** một vật vô thể chất và chỉ thuần tâm linh, tức là **tinh thần thiêng liêng** của họ.

Như vậy, cái gọi là một sự 'hiện hình', nếu có thật, có lẽ được tạo ra, hoặc bởi ý chí của một vong linh mà cái hình dáng giả tạo ấy chỉ có thể mô phỏng đến mức tối đa, hoặc bởi những loại tinh linh thấp kém. Trong vài trường hợp rất hiếm, những **vong linh** ấy có thể chế ngự và sử dụng những hạng **tinh linh** này, luôn luôn sẵn sàng mạo danh những bậc anh hùng, vĩ nhân nọ kia nếu được để cho tự do thao túng. Bởi đó, một tinh linh 'không khí' chẳng hạn, khoác lấy hình dáng của một nhân vật đã từ trần, sẽ được người này sử dụng như một cái hình nộm và sẽ không thể làm những động tác hay thốt ra những lời nói nào khác hơn là những cử chỉ và lời nói được 'linh hồn bất diệt' của người chết đã mớm cho nó.

Tuy nhiên, hiện tượng này cần có nhiều điều kiện thường là bí hiểm, chưa được biết đối với những giới cầu hồn, chí đến những nhà thần linh học thường xuyên tham dự những buổi đàn cơ. Không phải bất cứ người nào cũng có thể kêu gọi vong hồn người

chết trở về tùy ý muốn. Một trong những hấp dẫn lực mãnh liệt nhất đối với những người thân quyến của chúng ta đã từ trần, là tình thương đậm đà của họ đối với những người còn sống. Sức hấp dẫn đó thu hút họ một cách mãnh liệt và từ từ từng giai đoạn vào giòng khí lực của chất Tinh quang rung động giữa người thân yêu của họ và Đại hồn của Vũ trụ. Một điều kiện khác rất quan trọng là sự hòa hợp tâm linh và từ điển thanh khiết của những người có mặt.

Nếu tất cả những sự vật 'hiện hình' xuất hiện trong những gian phòng tối là những vong hồn người đã từng sống trên mặt đất này thì tại sao có sự khác biệt giữa chúng và những **hồn ma** thỉnh linh xuất hiện một cách bất ngờ mà không cần có đàn cơ hay đồng tử ? Có ai đã từng nghe nói về những hồn ma hiện hình, những 'linh hồn' vất vưởng, lẩn vẩn chung quanh những nơi họ bị giết, hoặc trở về vì những lý do bí mật riêng tư nào khác, với những 'bàn tay nóng hổi' **như da thịt người sống**, nhưng ai cũng biết là họ đã chết và đã nằm yên dưới mồ ? Chúng tôi có những tài liệu chứng thực về những vong hồn thỉnh linh xuất hiện như vậy trước mắt mọi người nhưng cho đến khi bắt đầu kỷ nguyên của những vong linh hiện hình, chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy những hiện tượng như thế. Trong một số tạp chí Thần linh học xuất bản năm 1876, chúng tôi có đọc một bức thư của một nữ du khách trên lục địa Âu Châu, tường thuật lại một trường hợp xảy ra trong một ngôi nhà có ma. Bà ấy nói: "Khi ngẩng mặt nhìn lên, bà thấy **một đám mây mờ, giống như một cột sương khói dày và chói sáng**;... vong hồn bị dọa lạc trần gian này đang vất vưởng chung quanh địa điểm ghi dấu hành động tội lỗi của y..." (Tạp chí 'Medium and Day Break' - 8-9-1876)

Vì vong hồn này hiển nhiên là một âm hồn sa đọa, tự xuất hiện tùy ý muốn, nó có thể làm cho người ta nhìn thấy được nhưng không cảm xúc được. Hoặc nếu có thể sờ mó, đụng chạm được thì nó cũng chỉ gây nên cái cảm giác một khối chất lỏng thỉnh linh

nắm chặt trong bàn tay hay một khối chất hơi lạnh và cô đọng, thể thôi. Cái hình ảnh đó chói rạng và nhẹ như sương khói, nó có thể là cái thể cảm dục của 'vong linh' ấy, một âm hồn đọa lạc trần gian vì bị hối hận dày vò do bởi tội ác mà y đã gây ra; hoặc còn vương vít cõi trần do bởi một món nợ oan nghiệt nào đó do một người khác hay một linh hồn khác gây ra cho y.

Có một sự kiện mà các giới thần linh học đều biết rõ: Tác giả bộ sách này đã từng công khai chứng thực rằng mình đã thấy những sự hiện hình như loại kể trên. Chúng tôi chắc chắn đã làm như vậy và sẵn sàng lặp lại lời chứng thực ấy nếu cần. Chúng tôi đã nhận ra những hình ảnh hiện lên đó như là những hình dáng tiêu biểu của những người quen, những bạn bè và chí đến những thân bằng quyến thuộc. Cùng với nhiều vị khán giả khác trong cử tọa hiện diện, chúng tôi đã nghe những vong linh hiện hình đó thốt ra những ngôn ngữ lạ lùng đối với đồng tử và đối với tất cả mọi người trong phòng. Những thứ ngôn ngữ đó không lạ đối với chúng tôi nhưng trong vài trường hợp, chúng rất lạ đối với hầu hết, nếu không là tất cả những đồng tử ở các xứ Âu Mỹ, vì đó là tiếng nói của những bộ lạc và chủng tộc Đông phương. Hồi đó, những trường hợp này được coi như những bằng chứng quyết định về tính chất đồng tử chân chính của người nông dân thất học tiểu bang Vermont 'ngồi đàn'.

Tuy nhiên, những hình bóng hiện lên đó không phải thật là những người mà chúng mô phỏng theo. Đó chỉ là những mô hình được cấu tạo, sinh động và vận chuyển bởi những vong linh. Nếu trước đây, chúng tôi không có làm sáng tỏ điểm này, đó là bởi vì hồi đó, công chúng hãy còn lơ đãng, lạ lùng và chưa biết phân biệt giữa những danh từ 'tinh linh ngũ hành' (elemental) và 'vong linh bất hảo' (elementary). Kể từ khi đó, vấn đề này đã được diễn giải và đem ra thảo luận trong các giới tìm hiểu. Đến nay thì không còn phải là vấn đề mạo hiểm mà phóng lên mặt biển giông tố ba đào của sự phê phán, chỉ trích con thuyền đạo lý thâm trầm của

đạo gia thánh triết thời cổ, vì quân chúng đã có ít nhiều chuẩn bị tinh thần để khảo sát vấn đề với một thái độ tự do, vô tư. Hai năm sóng gió sôi động trong giới Thần linh học đã đem đến một sự thay đổi rõ rệt theo chiều hướng tiến bộ khả quan.

SỰ PHÂN BIỆT CÁC VONG LINH

Mọi sự ở đời đều có thời điểm của nó và sự thật cũng như một mầm non sẽ không đâm chồi mọc rễ và trưởng thành trừ phi nó được gieo trồng vào đúng lúc, đúng mùa. Giáo sư Cooke nói: “Thế hệ phải được chuẩn bị trước khi gieo một tư tưởng mới “. Quyển sách khiêm tốn này, nếu ra đời vào khoảng 30 năm trước đây chắc là sẽ không được ai biết đến và sẽ đi đến chỗ tự diệt. Tuy vậy, những hiện tượng thần linh, mặc dù mọi sự châm biếm, chế nhạo của phái duy vật, và mặc dù chính những hiện tượng ấy có nhiều khuyết điểm, sai lầm, vắn tắt trưởng và thịnh hành trên khía cạnh sự kiện thực tế nếu không phải trên khía cạnh minh triết và tinh thần. Những gì có vẻ vô lý 20 năm trước đây, ngày nay có thể được chú ý khi mà các hiện tượng đã được chứng thực bởi các nhà bác học lỗi lạc. Rủi thay, tuy những hiện tượng càng tăng gia hằng ngày về cường độ mãnh liệt nhưng vẫn không tiến thêm được bước nào về phương diện tâm linh. Sự phân biệt các hạng vong linh vẫn thiếu sót như bao giờ.

Ông Epes Sargent, một tác giả Mỹ ưu tú về Thần linh học, mặc dù có quan niệm rộng rãi, thông cảm với các vấn đề hiện tượng và đồng tử, vẫn phải nói rằng: “Vấn đề vong linh hiện hình giống như những người đã từ trần, đặt ra câu hỏi: Làm sao chúng ta có thể nhận diện chắc chắn bất cứ một vong linh nào là ai ? Chúng ta chưa đạt tới mức sáng suốt để có thể giải đáp được câu hỏi đó... Có nhiều điều về ngôn ngữ và hành động của hạng vong linh hiện hình này hãy còn là những điều bí hiểm chưa giải thích được.”

Về trình độ trí thức của phần nhiều những vong linh ẩn khuất đằng sau các hiện tượng, Ông Sargent nói: “Phần nhiều những vong linh đó, cũng như trường hợp thông thường ngay ở thế gian này, đều thuộc hạng vô tri thức, thiếu trí khôn “. Nếu đây là một câu hỏi hợp lý, chúng tôi muốn hỏi rằng tại sao chúng lại thiếu trí khôn như vậy nếu chúng là những linh hồn con người ? Như vậy thì hoặc là vong linh của những người khôn ngoan sáng suốt không thể hiện hình, hoặc là những vong linh hiện hình không có trí khôn của loài người, và bởi đó, theo nhận xét của Ông Sargent, chúng cũng có thể là những ‘vong linh đọa lạc’, không còn được trở lại kiếp sống làm người nữa, hay là những thực thể vô hình mà Platon và các phương sĩ Ba tư cho rằng ở cấp đẳng trung gian giữa thần minh và nhân loại.

Có nhiều bằng chứng khác mà bằng chứng của Ông Crookes là một, chỉ rằng có nhiều vong linh hiện hình nói bằng một giọng rõ ràng có thể nghe được. Nhưng chúng tôi đã có dẫn chứng lời cổ nhân nói rằng vong linh người chết không thể thốt ra tiếng nói; giọng nói của họ, theo Swedenborg, chỉ là một thổn thức, một tiếng thở dài. Vậy trong hai hạng nhân chứng này thì có thể tin ai hơn ? Phải chăng nên tin cổ nhân, đã từng trải qua nhiều thế hệ kinh nghiệm về thuật thông thần, hay những nhà thần linh học hiện đại, không hề có kinh nghiệm nào, và cũng không có những sự kiện cụ thể để làm nền tảng cho một ý kiến, trừ ra những sự kiện thấu nhận được qua các ‘vong linh’ mà họ không thể xác định được tông tích và nhận diện được là ai ?

Có những đồng tử với những cơ năng thể chất đặc biệt, đôi khi đã phát xuất ra đến hàng trăm bóng ‘người’ hiện hình. Nhưng chúng tôi không nhớ đã thấy hay nghe một vong linh nào phát biểu được một điều gì ngoài ra những ý nghĩ quá đỗi tầm thường. Điều này hẳn phải kêu gọi sự chú ý của các nhà thần linh học. Nếu một vong linh có thể nói, và nếu con đường đã mở rộng cho tất cả những nhân vật khôn ngoan cũng như đốt nát thì tại sao họ

không thốt ra được những lời nào có ý nghĩa, có thể so sánh được phần nào trong muôn một với những thông điệp mà chúng ta nhận được bằng 'cơ bút' ?

Ông Sargent có đưa ra một tư tưởng rất gợi ý và quan trọng trong câu này: “Những vong linh đó bị giới hạn đến mức nào trong những hoạt động của trí khôn và trí nhớ, do bởi động tác hiện hình, hoặc bị giới hạn đến bao nhiêu bởi tầm trí thức của người đồng tử; đó hãy còn là một vấn đề phải giải đáp. Nếu cũng một hạng vong linh đã giáng bút hiện hình, và cả hai đều biểu lộ qua các đồng tử, mà một đàn thì nói chuyện ngu xuẩn, vô lý, còn một đàn thường đưa ra những giáo lý triết học sâu sắc, thâm trầm thì tại sao những hoạt động trí năng của họ lại bị giới hạn bởi tầm trí thức của người đồng tử trong trường hợp này nhiều hơn trường hợp kia ?”

Những đồng tử ngồi bàn - ít nhất theo tầm mức quan sát của chúng tôi - thật ra không dốt hơn nhiều nông dân, thợ thuyền thất học, những người này, dưới ảnh hưởng thông linh huyền diệu, đã nhiều lần đưa ra những tư tưởng cao xa và thâm thúy cho thế gian. Lịch sử của khoa học tâm linh chứa đựng đầy đủ những thí dụ điển hình về điểm này, trong số đó có trường hợp của Jacob Boehme, người thợ đóng giày dốt nát đã tiếp nhận được nguồn cảm hứng thiêng liêng. Còn về vấn đề thiếu trí khôn ngoan, chúng tôi thấy không có trường hợp nào đáng ngạc nhiên hơn trường hợp những đứa trẻ tiên tri ở Cévennes.

Một khi những vong linh đã tìm cách thốt ra được tiếng nói thì hẳn là chúng sẽ không khó gì mà nói như những nhân vật mà chúng mạo nhận, tức là những người có trí khôn, trình độ văn hóa và giai cấp tương xứng trong xã hội, thay vì lúc nào cũng nói bằng một giọng độc âm chán ngấy để phát biểu những điều quá đối tầm thường và thấp kém. Ông Sargent nói rằng: “Vì khoa Thần linh học hãy còn ấu trĩ, chúng ta có thể hy vọng vấn đề sẽ còn được rọi

thêm nhiều ánh sáng “. Về ý kiến này, chúng tôi phải trả lời rằng không phải từ những ‘nơi hâu đần âm u đen tối’ mà ánh sáng đó sẽ xuất hiện.

NHỮNG VỊ PHÁP SƯ TRUNG GIAN

Thomas Wright, tác giả quyển “Phù thủy và Phương thuật“, viết: “Tất cả mọi người, từ những kẻ đơn sơ chất phác đến những người có văn hóa kiến thức siêu việt nhất, trải qua mọi thời đại, đều tin tưởng nơi sự tác động của những quyền năng siêu nhiên. Sự tin tưởng đó căn cứ trên một đức tin cũng lớn lao không kém và phổ cập rộng rãi khắp mọi giới, cho rằng ngoài cuộc sống vật chất hữu hình, con người còn sống trong một cõi giới vô hình, nơi đó có những đấng thần linh thường diu dặt, hướng dẫn những hành động và **chỉ đến những tư tưởng của họ**. Những thần linh ấy cũng có ít nhiều quyền năng đối với những nguyên tố ngũ hành trong thiên nhiên và triều lưu sinh hoạt bình thường của các sinh vật “.

Ông đã giải thích sự tin tưởng cổ hữu từ lâu đời về ngành phương thuật và nêu ra sự khác biệt giữa khoa phù thủy và phương thuật như sau: **“Người phương sĩ khác với nhà phù thủy về điểm này: nhà phù thủy là một khí cụ mù quáng trong tay quỷ thần (hay âm binh), còn nhà thuật sĩ hay phương sĩ có quyền năng chế ngự và sai khiến quỷ thần nhờ nắm vững và thấu triệt các bí quyết của khoa Phương thuật “**. Còn **sự khác biệt giữa người đồng tử và nhà thuật sĩ**, một vị đạo sư ẩn danh, tác giả quyển “Bí quyết Phương thuật “ nói: “Người đồng tử là một người mà thể cảm dục của y có thể làm cái khí cụ trung gian để cho các vong linh khuất mặt có thể tác động và biểu lộ bằng nhiều loại hiện tượng khác nhau. Người đồng tử không thể bắt buộc các vong linh phải xuất hiện hay biến mất tùy ý muốn, cũng không thể bắt buộc chúng làm một tác động nào. Người phương sĩ, trái lại, có thể kêu gọi các vong linh xuất hiện và đuổi chúng đi khuất mặt tùy ý muốn; họ có thể thực

hiện nhiều sự việc nhiệm mầu bằng tinh thần và ý chí của mình và kêu gọi sự trợ giúp của những vong linh “.

Những bậc thánh hiền, danh sư đạo hạnh cao khiết như Apollonius, Jamblique, Plotin, Porphyre đều có một vầng hào quang rực rỡ sáng đẹp vô cùng. Đó là do bởi các Ngài đã phát triển đến cao độ khả năng tâm linh, sống cuộc đời thánh thiện của những bậc siêu nhân, và cũng nhờ các Ngài thường đắm mình trong những cơn thiền định thâm sâu. Các Ngài tỏa ra chung quanh mình một bầu không khí thánh thiện thiêng liêng, có tác dụng hấp dẫn những ảnh hưởng tâm linh thuần khiết, tốt lành và xua đuổi những vong linh bất hảo. Những loài yêu ma, tà mị không những không thể ẩn núp trong vòng hào quang của các Ngài mà cũng không thể nương náu trong hào quang của những người bị ám ảnh nếu vị pháp sư sử dụng quyền năng của ý chí để trừ tà, hoặc chỉ vừa bước đến gần là chúng phải bỏ chạy.

Trạng thái đó là trạng thái 'trung gian' tích cực, khác hẳn với trạng thái đồng tử tiêu cực. Những người như thế là những linh điện mà tinh thần của Thượng Đế ngự ở bên trong, nhưng nếu linh điện bị ô nhiễm bởi một sự đam mê, một tư tưởng hay dục vọng thấp hèn thì vị 'trung gian' ấy rơi vào lãnh vực phù thủy, hắc pháp. Cánh cửa đã mở, những thần linh tốt lành, thuần khiết rút lui và những vong linh bất hảo sẽ đột nhập vào. Đó vẫn là trạng thái 'trung gian', tuy tà đạo; nhà phù thủy hắc pháp cũng như nhà phương sĩ bạch pháp, tự tạo cái hào quang của mình và khuất phục những vong linh bằng quyền năng của ý chí.

Tục ngữ có câu: “Cứ xem quả mà biết được cây “. Trên lịch trình tiến hóa của nhân loại, cùng xuất hiện song đôi với những người đồng tử tiêu cực thụ động, có những vị pháp sư 'trung gian' (mediator) tích cực. Chúng tôi tạm dùng danh từ này để gọi những vị ấy vì không có một danh từ chính xác hơn. Những đồng tử thời xưa, và những người có một vị 'thần linh hỗ trợ' quen thuộc thường

dùng khả năng của họ làm phương tiện để kiếm ăn. Những nhà chiêm thuật ở Ấn Độ, những nhà phù thủy ở Á Châu và Phi Châu, tất cả đều hành nghề để kiếm tiền. Trái lại, những vị pháp sư, đạo trưởng thời xưa, gọi tạm là những vị 'trung gian' thì không thế. Đức Phật từ bỏ ngai vàng và sống cuộc đời của người hành khát. Đức Giê su 'không có một chỗ để gối đầu hay đặt lưng', những vị tông đồ chọn lọc không cất giữ vàng, bạc hay tiền trong túi. Apollonius chia một nửa gia tài cho những người thân quyến và một nửa cho kẻ nghèo, Jamblique và Plotin đều được rạng danh về đức bố thí và quên mình. Những nhà đạo sĩ, thuật sĩ, chân tu của Ấn Độ đã từng nổi tiếng về đức hạnh cao khiết và thoát tục. Những môn đồ phái Pythagore và tu sĩ môn phái Essènes không đụng đến tiền bạc vì sợ bàn tay bị ô nhiễm. Đó là những vị 'trung gian', họ chỉ hành động dưới sự điều dắt của tinh thần thiêng liêng hay linh hồn bất diệt của chính mình và chỉ nhờ đến sự trợ giúp của những người tốt lành, ngay chính.

Chúng tôi không có ý muốn chỉ trích một cách bất công những người đồng bóng thời nay. Luôn luôn bị ám ảnh bởi những vong linh đủ mọi loại mà vì thể chất yếu đuối và thần kinh suy nhược, họ không thể nào chống cự lại ảnh hưởng xâm nhập của chúng, lâu dần, họ bị đưa đến một trạng thái bệnh hoạn trầm trọng kinh niên. Bại hoại cả thể chất lẫn tinh thần, họ không thể nào theo đuổi một nghề nghiệp làm ăn nào khác. Như vậy, ai có thể trách họ nếu vì bị dồn vào bước đường cùng, họ bắt buộc phải hành nghề đồng cốt như một phương kế sinh nhai?

HIỆN TƯỢNG CHỦ THỂ VÀ KHÁCH THỂ

Trong các hiện tượng đồng cốt có sự khác biệt rõ rệt giữa hai loại. Hiện tượng khách thể vật chất hữu hình là kết quả của sự vận dụng năng lực bởi những trí lực vô hình thuộc bất cứ loại nào, xuyên qua cơ cấu thể chất của người đồng tử. Nói tóm lại, hiện tượng vật chất tùy nơi sự tổ chức dị thường trong cơ cấu thể chất

của người đồng tử; còn hiện tượng tâm linh, kèm theo với sự biểu lộ của hiện tượng trí thức, chủ thể, tùy nơi cách thức cấu tạo cũng dị thường về tính chất tâm linh của y. Cũng như người thợ làm đồ gốm dùng một cục đất sét nắn một cái chậu và một cục đất sét khác để nắn một bình bông, thì trong giới đồng tử cũng vậy, thể cảm dục của một người này có thể dùng cho một loại hiện tượng khách thể và thể cảm dục của một người khác có thể được chuẩn bị để tạo nên một loại hiện tượng khác. Theo lệ thường, những đồng tử đã được chuẩn bị cho một loại hiện tượng nhất định ít khi thay đổi qua một loại khác, mà vẫn luôn luôn tiếp tục biểu diễn loại của mình.

Sự giảng bút do các thần linh trực tiếp viết những thông điệp cho người trần gian gồm cả hai loại hiện tượng nói trên. Động tác viết ra những câu văn là một sự kiện khách thể thuộc về vật chất hữu hình, còn phần nội dung chủ thể có thể chứa đựng những ý tứ rất thanh cao siêu thoát. Phần sau này hoàn toàn tùy nơi trạng thái tâm linh của người đồng tử. Điều này không đòi hỏi y phải có học thức để có thể viết ra những luận đề triết học cao thâm vào hàng những triết gia lỗi lạc như Aristote, hay phải là một thi bá để xuống bút thành thơ xứng đáng với Byron hay Lamartine. Tuy nhiên, nó đòi hỏi người đồng tử phải có một tâm hồn khá tinh khiết để làm một vận hà cho những thần linh có thể phát biểu những giáo lý thanh cao siêu việt.

Trong quyển “Bí quyết Phương thuật “ (Art Magic), tác giả có diễn tả trường hợp lạ lùng của một em bé gái đồng tử. Trước sự hiện diện của em ấy, trong thời gian ba năm qua, bốn pho tài liệu bút tự bằng chữ cổ Phạn đã được viết ra do bởi những vị thần linh khuất mặt mà không sử dụng đến bút mực hay bút chì. Tác giả viết: “Chỉ cần để những tờ giấy trắng trên một cái giá ba chân, trong chỗ khuất ánh nắng nhưng còn đủ sáng để cho người ngoài có thể nhìn thấy rõ. Đứa bé ngồi dưới đất, ngả đầu trên cái giá gỗ và đưa hai cánh tay bé bỏng ôm lấy ba chân giá. Trong tư thế đó,

em bé thường ngủ mê trong một giờ, trong thời gian đó, trên những trang giấy đặt trên giá gỗ hiện lên những hàng chữ cổ Phạn viết bằng một bàn tay vô hình với những nét chữ rất đẹp “. Đây là một trường hợp rất lạ kỳ về hiện tượng giáng bút qua đồng tử, hoàn toàn thể hiện những nguyên tắc mà chúng tôi đã nêu ra ở trên. Những hàng chữ cổ Phạn ấy chứa đựng một phần giáo lý Huyền môn cổ xưa nói về quá trình của con người mà chúng tôi xin trích dẫn vài hàng như dưới đây:

“... Con người đã từng sống trên nhiều bầu thế giới trước khi tới bầu này. Hằng vô số bầu thế giới vận chuyển trong không gian, nơi đó, linh hồn trong trạng thái ấu trĩ thực hiện những cuộc hành hương của nó trước khi đạt tới quả địa cầu này, mà chức năng vinh diệu của nó là ban cho con người một **tâm thức cá biệt**. Chỉ đến giai đoạn này, nó mới thật là một người; còn ở những giai đoạn trước đây, trong cuộc hành hương trường kỳ, xa xôi diệu vợi của nó, nó chỉ là một sinh vật phôi thai với một hình thể vật chất mỏng manh, phù du, tạm bợ, một sinh vật trong đó chỉ có một phần của linh hồn là chói rạng. Trong trạng thái đó, nó là một hình thể sơ khai với những chức năng thô thiển, lẫn lẩn trong vòng sinh tử và bảo tồn một sự sống tâm linh cũng bấp bênh, tạm bợ như cái hình thể vật chất từ đó nó sinh ra. Cũng ví như một con bướm chui ra từ cái kén, nhưng con người vẫn luôn luôn ngóng tới trước, trải qua những cuộc đầu thai mới, những lần bỏ xác mới, những kiếp luân hồi mới nữa, để rồi lại chết, rồi lại sống, nhưng vẫn luôn luôn tiến lên, cố gắng vượt lên mãi. vẫn tiếp tục xông pha trên con đường gian lao, hiểm trở, vất vả, nhọc nhằn cho đến khi nó lại thức tỉnh một lần nữa - một lần nữa để sống và trở thành một hình thể vật chất, một vật làm bằng cát bụi, một sinh vật mang xác phàm bằng xương thịt, nhưng nay thì nó đã là... một người “. (Bí quyết Phương thuật, trang 28)

Những gì chúng tôi đã trình bày trên đây về trạng thái đồng tử và các hiện tượng thần linh không phải căn cứ trên việc chiêm luận mơ hồ mà trên sự quan sát và kinh nghiệm cá nhân. Không có một hiện tượng đồng tử thuộc bất cứ loại nào mà chúng tôi không thấy xảy ra trong khoảng 25 năm qua ở nhiều xứ khác nhau: Ấn Độ, Tây Tạng, Thái Lan, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ Châu (Bắc và Nam) và ở những xứ khác trên thế giới. Mỗi xứ đều có trình bày trước mắt chúng tôi những hiện tượng đồng tử và khả năng huyền thuật của họ. Những kinh nghiệm đã cho chúng tôi thấy rõ hai sự kiện quan trọng sau đây:

♥ Để biểu diễn những phép thuật thần thông, hành giả phải hội đủ những điều kiện tất yếu là sự tinh khiết bản thân và có một sức mạnh tinh thần và ý chí vững mạnh đã được tập luyện thuần thực.

♥ Các nhà thần linh học không bao giờ có thể tự đảm bảo tính cách chân thật của những hiện tượng đồng tử, trừ phi chúng diễn ra dưới ánh sáng và dưới những điều kiện thử thách khả chấp để loại trừ mọi điều giả trá, phỉnh lừa.

Để khỏi bị hiểu lầm, chúng tôi muốn nói thêm rằng theo lệ thường, những hiện tượng biểu lộ trên địa hạt vật chất hữu hình đều do những tinh linh gây nên do chúng tự ý tác động và tùy theo sở thích riêng của chúng. Một mặt khác, những vong linh người chết có một đời sống tốt lành dưới những trường hợp ngoại lệ đặc biệt, chẳng hạn như do nguyện vọng của một tấm lòng trong sạch hay do một hoàn cảnh khẩn cấp nào đó, có thể biểu lộ sự có mặt của họ bằng bất cứ một hiện tượng nào, ngoại trừ sự hiện hình cá nhân. Tuy nhiên, đó phải là một động lực hấp dẫn rất mãnh liệt mới có thể thu hút một linh hồn tinh khiết tốt lành từ cõi giới thanh cao để bước vào bầu không khí nặng nề, ô trược của cõi hồng trần mà nó đã thoát ly từ khi bỏ xác.

Những nhà phương sĩ, thuật sĩ thông thần cổ xưa đã từng chống đối rất nghiêm khắc việc kêu gọi linh hồn người chết. Psellus nói: “Đừng kêu gọi vong hồn người chết trở về vì e rằng khi nó thăng, nó sẽ giữ lại một cái gì” (Sấm ngôn Chaldée). Cổ nhân chống đối việc ấy vì nhiều lý do chính đáng:

| ‘Rất khó phân biệt được một vong linh tốt lành với một vong linh bất hảo’ theo lời dạy của đạo sư Jamblique.

| Nếu một vong linh người chết lọt vào được bầu không khí nặng nề, ô trọc của trái đất, nó không thể tránh khỏi nguy cơ này là ‘khi nó thăng, nó sẽ còn giữ lại một cái gì’; điều đó có nghĩa là tính chất tinh khiết của nó sẽ bị ô nhiễm bụi trần, mà nó sẽ bị ảnh hưởng tai hại ít nhiều sau khi nó thăng. Bởi vậy, nhà thông thần chân chính sẽ tránh gây đau khổ cho những linh hồn tinh khiết ấy nhiều hơn là tuyệt đối cần thiết cho sự lợi ích của nhân loại. Chỉ có nhà phù thủy bên hắc phái mới dùng những phù chú mãnh liệt của thuật chiêu hồn để kêu gọi những vong hồn tội lỗi sa đọa, sẵn sàng trợ giúp cho những mục đích ích kỷ của họ.

Nói về những hiện tượng đồng tử chủ thể và khách thể, hai loại ấy rất khác biệt nhau, cả hai đều gồm có những loại tốt và những loại xấu. Một đồng tử ô trọc sẽ hấp dẫn đến gần y những ảnh hưởng tội lỗi, sa đọa, bất hảo một cách chắc chắn cũng như một đồng tử khiết bạch, tốt lành chỉ thu hút những ảnh hưởng trong sạch và tốt lành. Một thí dụ điển hình về hạng đồng tử tốt lành này là nữ Bá tước Adelma Von Vay, người nước Áo. Bà đã sử dụng khả năng đồng tử của mình để cứu chữa người bệnh và an ủi những kẻ đau khổ. Đối với người giàu, bà là một hiện tượng lạ lùng; nhưng kẻ nghèo coi bà như một vị thiên thần cứu giúp. Trong nhiều năm, bà đã nhìn thấy những tinh linh ngũ hành và luôn luôn nhận thấy chúng rất hiền lành và thân thiện. Đó là bởi vì bà là một phụ nữ tinh khiết và tốt lành.

HÓA THÂN CỦA PHẬT SỐNG TÂY TẠNG

Những du khách đến viếng xứ Tây Tạng và Ấn Độ đã chứng kiến nhiều hiện tượng lạ lùng mà người bốn xứ lấy làm tự hào và quý trọng, coi như những bằng chứng cụ thể về sự thật của khoa triết học huyền môn của ông cha họ truyền lại từ muôn đời...

Trước hết, chúng ta có thể xem xét hiện tượng kỳ bí nhất đã xảy ra trong những ngôi đền chùa cổ kính thâm nghiêm của xứ Tây Tạng mà những lời tường thuật của những nhân chứng đáng tin cậy đã được gửi về Âu Châu. Hồi đầu thế kỷ này, một nhà bác học Ý ở Florence, nhân viên của viện Cao học Pháp, nổi tiếng là một người hoài nghi, bằng cách ngụy trang đã được phép đột nhập vào nội điện của một ngôi chùa Phật giáo Tây Tạng. Ông đã chứng kiến một cuộc lễ long trọng nhất đã diễn ra trong dịp đó và tường thuật lại như sau:

“Một thánh điện đã được chuẩn bị sẵn sàng để cung nghinh hóa thân của Phật mà các vị cao tăng đặc pháp thần thông đã tìm thấy và do những ấn chứng bí nhiệm, các vị ấy đã nhìn nhận rằng đức Phật đã chuyển kiếp đầu thai dưới hình thức một hài nhi vừa mới sinh. Hài nhi này chỉ mới sinh ra có vài ngày, được cung thỉnh vào chùa và được kính cẩn, long trọng đặt nằm trên thánh điện. Thành linh, hài nhi cất mình ngồi dậy trong tư thế tọa thiền và bắt đầu cất tiếng đồng dục như tiếng người lớn, thốt ra lời này: *Ta là hóa thân của Phật Tổ Như Lai, tức là vị Đạt Lai Lạt Ma của các người. Ta đã bỏ xác già nua của ta ở tại ngôi chùa X. Và chọn thể xác của hài nhi này làm hóa thân của ta trong kiếp sống hiện tại ở thế gian.*”

Sau cùng, nhà bác học nọ được chư tăng cho phép, với đủ mọi lễ nghi trịnh trọng cần thiết, ẵm hài nhi trong tay và đi ra một chỗ khác cách xa nội điện và tặng chúng để bảo đảm chắc chắn rằng không có một sự phát âm khả nghi có thể diễn ra chung quanh. Khi đó, hài nhi nhìn thẳng vào nhà bác học với một cặp

mắt có điểm quang rất mạnh mà y nói rằng nó 'làm cho y rón ốc rùng mình' và lặp lại câu nói lúc này. Một bản tường thuật đầy đủ chi tiết về việc này do nhà bác học chứng thực và ký tên đã được gửi về Paris, nhưng những nhân viên của viện Cao Học thay vì chấp nhận lời chứng minh của một nhà bác học đáng tin cậy, đã kết luận rằng nhà bác học Ý có lẽ đã bị một óc vì một cơn trúng nắng của Mặt trời Phương Đông, hoặc là bị đánh lừa bởi một xảo thuật phát âm khôn khéo ẩn dấu trong chùa !

Theo Ông Stanislas Julien, nhà phiên dịch những kinh điển và thánh thư Trung Hoa, trong kinh Diệu pháp Liên hoa có câu nói rằng: 'Một vị Phật rất khó tìm thấy cũng như các thứ hoa Udumbara và hoa Palâca'. Tuy nhiên, nếu phải tin nơi lời tường thuật của nhiều nhân chứng thì một hiện tượng như thế vẫn có thể xảy ra. Lẽ tất nhiên, việc ấy rất hiếm vì nó chỉ xảy ra vào lúc mỗi vị Đạt Lai Lạt Ma, tức Phật sống Tây Tạng qua đời, và những vị này thường là sống rất lâu.

Linh mục Huc, trong những chuyến du hành sang Tây Tạng và Trung Hoa, cũng có tường thuật sự kiện tương tự về việc chuyển kiếp hóa thân của Phật sống Tây Tạng. Ông còn cho biết thêm điều lạ lùng này, là hài nhi ấy còn xác nhận lời tuyên bố của mình bằng cách đưa ra cho những người biết rõ đời sống của vị Đạt Lai Lạt Ma hồi thuở sinh tiền, những chi tiết tỉ mỉ rõ ràng, đúng đắn trong kiếp sống vừa qua của Ngài trên thế gian.

MỘT HIỆN TƯỢNG TIÊN TRI

Nếu trường hợp trẻ thần đồng kể trên chỉ là một thí dụ đơn độc lẻ loi thì người ta có thể do dự mà chấp nhận. Nhưng ngoài ra trường hợp của những trẻ tiên tri Camisard năm 1707, trong số đó có một hài nhi mới 15 tháng tuổi nói tiếng Pháp trôi chảy 'đường như Thượng Đế nói qua cửa miệng của nó'; và những trẻ tiên tri ở Cévennes, người còn thấy những trường hợp ở thời buổi hiện đại

cũng có tính chất độc đáo lạ kỳ như vậy. Tờ tuần báo Lloyd, tháng 3 năm 1875, có đăng bài tường thuật về hiện tượng sau đây:

“Ở Saar-Louis (Pháp), một hài nhi vừa mới sinh. Người mẹ còn đang nằm một chỗ, bà mẹ còn ẵm đứa bé trên tay và bạn hữu của gia đình đang chúc mừng người cha hữu phúc, thì trong đám bạn bè thân thuộc, có người hỏi lúc ấy là mấy giờ. Hãy thử tưởng tượng sự ngạc nhiên của tất cả mọi người khi họ nghe đứa bé sơ sinh đáp bằng một giọng nói rõ ràng: 'Hai giờ !' Nhưng bấy nhiêu còn chưa thấm vào đâu so với những gì tiếp theo đó. Trong khi mọi người đều nhìn đứa bé một cách vô cùng sửng sốt đến nỗi không ai thốt ra một lời nào thì nó mở hai mắt ra và nói: 'Tôi được gởi xuống thế gian để nói cho mọi người biết rằng 1875 là năm sung mãn, nhưng còn 1876 sẽ là một năm lưu huyết!' Sau khi thốt ra lời tiên tri đó, đứa bé trở mình qua một bên và trút hơi thở cuối cùng, nó chỉ sống có nửa giờ“.

Không biết rằng câu chuyện này có được chánh quyền địa phương chúng thực hay không nhưng kết quả sau đó đã làm cho nó được đặc biệt chú trọng. Năm 1876 vừa qua (chúng tôi viết từ tháng 2, 1877), so với năm 1875, hiển nhiên là một năm máu lửa. Trong những tiểu quốc ở vùng sông Danube đã được viết ra một trong những trang sử đẫm máu nhất của lịch sử chiến tranh và cướp bóc. Đó là năm diễn ra những hành động bạo tàn của người Hồi giáo đối với người Gia Tô chưa từng có trong lịch sử loài người kể từ thời kỳ quân xâm lược Y pha Nho tàn sát hàng muôn ngàn thổ dân bốn xứ ở hai miền Bắc và nam Mỹ châu. Đó cũng là năm mà quân đội Anh xâm chiếm Ấn Độ, đã tiến quân vào thủ đô Delhi từng bước một, xuyên qua những vùng chiến địa tàn khốc, xương chất thành núi, máu chảy thành sông. Lời tiên tri của đứa trẻ sơ sinh ở tại Saar-Louis, theo sự biến chuyển của thời cuộc, đã được đưa lên hàng một lời tiên tri được thực hiện. Quả thật năm 1875 là một năm được mùa, no đủ, phè phỡn, còn năm 1876, trước sự ngạc nhiên của mọi người, lại là một năm sắt máu.

NHỮNG TRẺ TIÊN TRI Ở CÉVENNES

Bác sĩ Figuiet, tác giả quyển 'Những việc nhiệm mầu của thời cận đại' (Histoire du Merveilleux dans les Temps Modernes) có tường thuật những trường hợp lạ lùng nhất về các hiện tượng thần linh trong hai thế kỷ vừa qua. Trong số những trường hợp đó, có hiện tượng các trẻ em tiên tri ở tỉnh Cévennes (Pháp), một cơn dịch hiện tượng truyền nhiễm trên một quy mô rộng lớn đã xảy ra tại Pháp vào cuối năm 1700. Những biện pháp tàn bạo của Giáo hội Gia tô Pháp đã áp dụng để diệt trừ tận gốc hiện tượng tiên tri trong toàn thể dân tộc, là một sự kiện lịch sử. Chỉ một việc đơn thuần là một nhóm nhỏ không quá 2.000 người gồm cả đàn ông, đàn bà và trẻ em có thể kháng cự với 60.000 quân lính của nhà vua, cũng là một phép lạ. Tất cả những sự nhiệm mầu này đều được ghi chép và những biên bản còn được gìn giữ trong văn khố lưu trữ của nước Pháp cho đến ngày nay. Trong những bản tường trình, có một bản báo cáo chính thức của vị linh mục hung tàn Chayla gửi về Tòa Thánh La Mã than phiền rằng quyền năng của Ác quỷ thật vô cùng mạnh mẽ đến nỗi không một cực hình, tra tấn tàn khốc nào có thể đánh bật nó ra khỏi những kẻ bị ám ảnh ở Cévennes. Ông cho biết thêm rằng Ông đã khép bàn tay họ với những cục than hồng cháy rực mà họ vẫn không bị phỏng; bao phủ thân mình họ với những lớp bông gòn tẩm dầu và phóng hỏa đốt, nhưng trong nhiều trường hợp không hề thấy có vết phỏng nhỏ nào trên da thịt họ; bắn súng vào mình họ nhưng họ vẫn không bị thương và các viên đạn thì dẹp lép giữa làn da và y phục của họ, vv...

Bác sĩ Figuiet thuật lại như sau: "Vào cuối thế kỷ 17, một cơn dịch tiên tri tự nhiên lan tràn trong giới thiếu nhi Pháp ở tỉnh Cévennes. Đàn bà và trẻ em là những thành phần dễ bị truyền nhiễm nhất. Họ phát ngôn dưới nguồn cảm hứng thiêng liêng và

không phải nói tiếng thổ ngữ địa phương mà nói tiếng Pháp thuần túy, một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ trong vùng này hồi thời đó. Những trẻ sơ sinh mới có 12 tháng hay ít hơn, trước đó chưa nói được tiếng nào, bỗng nhiên nói tiên tri bằng tiếng Pháp rất trôi chảy. Không bao lâu, có đến độ tám nghìn nhà tiên tri tí hon rải rác trong khắp vùng. Các bác sĩ, y sĩ trứ danh trong nước được gọi đến tận nơi để quan sát đều tuyên bố rằng họ lấy làm vô cùng ngạc nhiên và thích thú mà nghe những trẻ em thiếu nhi. cả trai lẫn gái, một số lớn từ 3 đến 12 tuổi, kỳ dư đều là trẻ sơ sinh hầy còn bồng ẵm, giảng thuyết về những vấn đề mà chúng chưa từng học bao giờ, bằng một tiếng Pháp trôi chảy rõ ràng và đúng đắn. Những cuộc giảng thuyết này thường kéo dài suốt nhiều giờ liên tiếp là một điều mà trong trạng thái bình thường tự nhiên, chúng không thể nào làm được “.

Dưới đây là một bằng chứng lịch sử khác về những phép lạ đã xảy ra tại Pháp vào đầu thế kỷ 18. Linh mục Paris là một tu sĩ thuộc môn phái Janseniste, từ trần vào năm 1727. Ngay sau khi Ông qua đời thì những hiện tượng lạ lùng kỳ diệu nhất bắt đầu xảy ra tại ngôi mộ của Ông. Khu đất thánh luôn luôn chật ních những người hiếu kỳ từ sáng sớm cho đến tối. Những giáo phẩm của dòng tu Jésuites lấy làm bức tức mà thấy người của 'ngoại đạo' thực hiện những việc chữa bệnh nhiệm mầu, cùng những phép lạ khác, bèn vận động xin những viên chức chánh quyền ban hành một lệnh phong tỏa tất cả các lối vào ngôi mộ của vị linh mục hiển thánh. Tuy nhiên, mặc dù mọi sự chống đối, những hiện tượng diệu huyền đã kéo dài suốt một thời gian trên 20 năm. Khi tất cả mọi cố gắng ngăn chặn đã thất bại, giáo hội bị bắt buộc phải nhìn nhận sự thật của những việc xảy ra nhưng cũng như lệ thường, luôn luôn cho rằng đó là hành động của Ác quỷ. Triết gia Hume viết trong quyển 'Đề luận Triết học' của Ông: “Thật chưa bao giờ từng có một số nhiều phép lạ như vậy do ảnh hưởng tác động của một người gây ra như những sự việc nhiệm mầu đã xảy ra trên ngôi mộ của linh

mục Paris tại Pháp. Việc chữa khỏi các chứng bệnh nan y, làm cho người điếc nghe được và người mù thấy được là những điều mà mọi người đều nhắc đến như đã xảy ra cho những người đến viếng ngôi mộ linh thiêng. Nhưng lạ kỳ hơn nữa là nhiều phép lạ đã được chứng thực ngay tại chỗ, trước mặt những vị thẩm phán danh tiếng, lỗi lạc của một thời đại văn minh và ngay tại kinh đô ánh sáng ưu tú nhất của thế giới...”

Những hiện tượng nhiệm mầu kể trên đã được chứng thực bởi hàng nghìn nhân chứng trước mặt các vị thẩm phán và được coi như một trong những trường hợp lạ kỳ nhất trong lịch sử.

NHỮNG CƠN DỊCH THÁC LOẠN

Trong quyển sách trên, tác giả cũng có tường thuật vài hiện tượng khác trong cơn dịch xảy ra hồi thời ấy do Ông trích lục ở những biên bản của Tòa án:

“... Một cô Đồng tử uốn mình ngược ra đằng sau (xuống nái), thân mình uốn cong như một vòng cung, dựa lưng trên mũi nhọn của một cây cọc sắt. Cô ấy yêu cầu được người ta nện xuống bụng cô một tảng đá nặng 30 kí lô cột với một sợi dây tuột bằng khoen móc lên trần nhà. Tảng đá được kéo lên cao đến tột đỉnh và buông rơi xuống với tất cả sức nặng của nó đè lên bụng của người đồng tử, trong khi đó, eo lưng của cô vẫn dựa trên mũi nhọn của cây cọc sắt. Những nhân chứng có mặt, trong đó có Ông Montgeron, nghị sĩ hạ viện Pháp, đều chứng thực sự kiện rằng da thịt trên lưng cô không hề có một dấu vết gì khác thường, và để tỏ rằng cô không hề cảm thấy đau đớn chút nào, cô ấy bèn kêu to: 'hãy nện xuống mạnh hơn nữa !' ”

Một cô đồng tử khác, Jeanne Maulet, mới 20 tuổi, dựa lưng vào vách đá, chịu cho một lực sĩ khỏe mạnh nện vào bụng cô 100 cú búa lớn nặng 20 kí lô, những cú búa này dữ dội vô cùng đến nỗi làm rung chuyển vách tường. Để thử đo lường sức mạnh của những

cú búa này, Ông Montgeron bèn đích thân lấy búa nện vào vách đá chỗ cô ấy dựa lưng. Ông viết: 'Khi tôi nện đến cú thứ 25 thì tảng đá trong vách đã lung lay bởi những cú trước đó, thỉnh thoảng long ra và rơi xuống phía bên kia vách làm khuyết một lỗ trống độ 2 tấc vuông trên tường'. Ông Montgeron nói tiếp: 'Khi người lực sĩ nện những cú búa tàn bạo lên một cây dùi sắt chứa mủ nhọn vào bụng một bà đồng tử (bà này đôi khi chỉ là một phụ nữ yếu đuối), dường như nó sẽ đi xuyên qua xương sống và đâm cắt ruột đứt ra từng khúc. Nhưng bà đồng tử, gương mặt lộ vẻ khoái trá, lại kêu to: 'A ! Dễ chịu quá ! Thật sướng lắm đó! Hãy can đảm lên, ông bạn, hãy nện mạnh lên gấp đôi, nếu anh có thể ! '

Vào giữa thế kỷ 19, một trong những cơn dịch ám ảnh tương tự cũng đã xảy ra bên Đức, những đồng tử Nonnains đã làm tất cả những hiện tượng lạ lùng nhất như nhảy lộn nhào, trèo tường và nói tiếng ngoại ngữ, vv...

Bản tường trình chính thức về những hiện tượng này còn cho biết thêm những chi tiết như sau: "Những người bị ám ảnh đã chống ngược đầu dưới đất trong nhiều giờ, đưa thẳng hai chân lên trời và trong tư thế đó, họ nói tiên tri những sự việc xảy ra ở cách xa, thậm chí, cả những sự việc xảy ra trong nhà của những nhân viên ủy ban điều tra, và sau đó đã được nhìn nhận là đúng. Trong thời gian đó, những nhân vật liên hệ trong cơn dịch ám ảnh gồm cả nam lẫn nữ, được nâng nhẹ thân mình và treo lơ lửng trong không khí do bởi một sức mạnh vô hình và những cố gắng của toàn thể ủy ban cũng không làm sao đem họ xuống đất trở lại được. Có những bà già đã trèo lên những vách tường dựng đứng cao trên mười thước tây, lanh lẹ như mèo rừng, vv..."

Rất tiếc là bác sĩ Figuier, sau khi đã tường thuật và diễn tả tỉ mỉ những hiện tượng đồng tử lạ thường trong quyển sách của ông lại không hình thể vụ việc với một thái độ vô tư và không thành kiến. Người ta nghĩ rằng một vị y sĩ ưu tú và nhà tâm lý học uyên

bác như bác sĩ Figuiet chắc hẳn là sẽ làm cho độc giả và công chúng ngạc nhiên với những lời giải thích độc đáo và những quan điểm khoa học của Ông sẽ khai mở một kỷ nguyên mới cho những lĩnh vực hầy còn bí hiểm chưa được khám phá của khoa học tâm linh. Nhưng Ông không giải thích được gì cả. Thật ra, Ông cũng đã làm cho chúng ta vô cùng ngạc nhiên vì đối với tất cả những hiện tượng kể trên, Ông chỉ thản nhiên bình phẩm: “Nên đem gả chồng quách các cô đồng tử ở Cévennes để chấm dứt tất cả những cơn dịch thác loạn đó ! “



CHƯƠNG CHÍN

VÀI TÁC DỤNG CỦA PHƯƠNG THUẬT



Trạng thái vô cảm xúc của thể xác con người đối với sự va chạm phũ phàng của những cú búa nặng nề và bất khả xâm phạm đối với những loại khí cụ nhọn bén và súng đạn, là một hiện tượng khá quen thuộc đã từng xảy ra ở khắp mọi nơi và dưới mọi thời đại. Trong khi khoa học hoàn toàn không thể đưa ra một sự giải thích hợp lý nào thì vấn đề này dường như không khó giải đáp đối với những nhà nhân điện học đã từng nghiên cứu kỹ những đặc tính của từ điển. Nhà truyền điện, khi đưa bàn tay khoát vài cái trên một bộ phận của thân thể người thụ cảm, có thể làm cho chỗ ấy bị tê liệt và không còn cảm giác đối với việc đốt, cắt và đâm bằng kim sắt không ngạc nhiên lắm đối với những cơn dịch hiện tượng nói trên ở Cévennes.

Còn đối với những nhà thuật sĩ, pháp sư lão luyện về phương thuật thì họ đã quá quen thuộc với những đặc tính của chất Akasha hay Tiên thiên khí để có thể coi thành tích của những nữ đồng tử ở Cévennes như một hiện tượng gì quá ư lạ lùng. Chất tinh quang có thể được cô đọng chung quanh một người như một lớp áo giáp, tuyệt đối bất khả xâm phạm đối với mọi loại vũ khí, tên đạn dù được phóng ra với một tốc lực nhanh chóng hay cường lực mạnh mẽ đến đâu. Nói tóm lại, cái khí lực đó có thể làm cho cơ thể có sức đề kháng, bảo vệ với một hiệu năng phi thường.

Khả năng cô đọng chất tinh quang để làm một thứ áo giáp kiên cố không thể chọc thủng ở chung quanh mình có thể được

dùng để điều khiển luồng khí lực vô hình đó, có thể nói, như một cú sét đánh vào một mục tiêu nhất định với một sức mạnh làm cho chết người. Nhiều trường hợp trả thù độc ác đã diễn ra bằng cách đó và trong những trường hợp đó, sự khám nghiệm tử thi không tìm thấy gì khác hơn là một cái chết thành linh đường như do chứng yếu tim, trúng phong hoặc do bởi một nguyên nhân tự nhiên nào khác chưa được biết rõ.

ÁC NHƠN (CON MẮT ĐỘC)

Nhiều người tin tưởng nơi truyền thuyết cho rằng vài hạng người có Con Mắt Độc gọi là Ác Nhơn (Jettatura). Đó là cái khả năng điều khiển luồng khí lực vô hình nói trên kèm theo với một ý chí độc ác và thù hận do một người phóng ra với ý đồ muốn làm hại một người khác. Người ta nói rằng Đức Giáo Hoàng Pie IX (1846 - 1878) cũng có cái khả năng chẳng lành đó tuy rằng nó chỉ tác động vô ý thức nghĩa là ngoài ý muốn của Ngài. Có những người có thể giết chết loài chim, chuột, cóc, nhái chỉ bằng cách nhìn chúng bằng tia mắt độc của mình, và thậm chí cũng có thể giết chết người. Ý đồ độc ác của họ là động cơ quy tụ những mãnh lực tác hại tập trung vào một điểm chính và cú sét giết người được phóng ra một cách hữu hiệu chẳng khác nào như lần tên mũi đạn.

Năm 1864, ở làng Brignoles, tỉnh Le Var bên Pháp có một người công dân tên Jacques Pelissier sống bằng nghề bắt chim chỉ bằng sức mạnh của ý chí biểu hiện qua cặp mắt thôi miên của y. Y chỉ dùng tia mắt độc của mình để làm cho mọi thứ chim bị tê liệt không còn cử động trên cành cây và để cho y đến bắt sống.

Cũng cái quyền năng đó được vài người sử dụng với một sức mạnh to lớn hơn để thuần hóa những loài thú rừng. Trên bờ sông Nil, những thổ dân Ai cập có thể làm cho loài cá sấu ngoi lên khỏi mặt nước bò lên bờ bằng cách thổi một thứ ống sáo nhỏ, tiếng trầm và du dương, và đùa giỡn với chúng một cách tự nhiên. Cũng bằng cách đó, những thổ dân khác có quyền năng thôi miên và bắt

sống những loài rắn độc thuộc loại nguy hiểm nhất. Các du khách đến viếng Ai cập thuật lại rằng họ thấy những người này đùa giỡn với rắn một cách tự nhiên, trong khi có vô số rắn đủ loại bao phủ quanh mình họ mà họ có thể kêu gọi xuất hiện và đuổi đi khuất mắt lúc nào tùy ý muốn.

Ở Ấn Độ, chúng tôi đã thấy một nhóm thuật sĩ định cư ở một vùng chung quanh một hồ nước, dưới đáy hồ có đầy những cá sấu loại to lớn. Những cá sấu này bò lên bờ và phơi mình dưới nắng mặt trời, chỉ cách những nhà thuật sĩ có vài thước trong khi họ đang ngồi im lặng và đắm chìm trong cơn thiền định. Bao lâu mà những thuật sĩ này còn ở trong tầm mắt có thể nhìn thấy thì những cá sấu ấy hiền lành như những con mèo. Nhưng người du khách không nên mạo hiểm đến gần chúng trong vòng vài thước vì có người đã từng bị chôn xác trong bụng những con vật quái ác đó.

CHÂN NGÔN, THẦN CHÚ

Đạo sư Origène viết rằng người Bà La Môn nổi tiếng về thuật chữa bệnh bằng cách niệm chân ngôn, thần chú. Trong thời đại này, một học giả ưu tú là Ông Oriole cũng đã xác nhận lời nói của Origène và của Leonard de Vair khi Ông này viết trong quyển 'Phương thuật trong thế kỷ 19': "Có những người nhờ niệm chân ngôn mà có thể đi chân không trên than hồng đỏ rực hoặc trên những ngọn dao bén cắm cán xuống đất chĩa mũi nhọn lên trên, và một khi đã đứng trên mũi dao, họ còn đưa tay giở hồng lên trên không một người hay một vật có trọng lượng rất nặng. Họ cũng làm cho thuần hóa loài ngựa rừng hay loài bò rừng hung dữ nhất chỉ bằng cách niệm thần chú ".

Vài người đồng tử Âu Mỹ thời nay cũng đã đùa với lửa trong trạng thái xuất thần nhưng ở Tây Tạng và Ấn Độ thì người ta không làm như vậy. Ở Phương Tây, một đồng tử cần phải xuất thần trước khi được các 'vong linh hộ trì' làm cho thể xác của y trở

thành bất khả xâm phạm; và chúng tôi thách thức bất cứ một đồng tử nào trong trạng thái bình thường có thể chôn hai tay trong lò than hồng cho ngập đến cùi chỏ. Nhưng ở phương Đông, dù hành giả là một nhà thuật sĩ chân tu thánh thiện hay một nhà phù thủy hành nghề kiếm tiền, y không cần chuẩn bị hay xuất thần để có thể đùa nghịch với lửa, sắt nung đỏ hay chì nấu lỏng.

Ở miền Nam Ấn Độ, chúng tôi đã thấy những thuật sĩ này đút hai tay vào một lò than cháy đỏ rực cho đến khi những cục than hồng nguội thành tro tàn. Họ làm những hiện tượng đùa với lửa chỉ bằng cách nhờ đến sự trợ giúp của một loại thổ tinh hay hỏa tinh (tinh linh của hành thổ hay hành hỏa) gọi là Kutti-Sattan.

Không phải lúc nào các nhà thuật sĩ, pháp sư của phương Đông cũng nhờ sự trợ giúp của thần linh. Phần nhiều những thần linh hay vong linh thuộc đủ mọi loại không có liên hệ gì đến những hiện tượng nhiệm mầu do các pháp sư hay thuật sĩ tạo nên. Họ để cho những nhà phù thủy hắc phái sử dụng những tinh linh ngũ hành và vong linh bất hảo để làm các hiện tượng. Vị Pháp sư bên Chánh đạo tuy có quyền năng vô giới hạn đối với cả hai loại này nhưng ít khi dùng đến. Để tạo nên các hiện tượng vật chất, vị ấy kêu gọi đến sự trợ giúp của các tinh linh ngũ hành như những sức mạnh mù quáng, sẵn sàng vâng lời sai khiến chứ không phải như những trí lực thông minh.

Trong những cuộc hành lễ tôn giáo nhằm mục đích giao tiếp với quỷ thần và để có những hiện tượng tâm linh, những pháp sư, thuật sĩ Ấn Độ kêu gọi đến vong hồn các đấng tổ tiên của họ và những thần linh tốt lành khác. Những Đấng này, họ chỉ có thể kêu gọi bằng sự cầu nguyện. Còn tất cả những hiện tượng khác, họ đều có thể tạo nên bằng quyền năng của ý chí. Mặc dù về bên ngoài, họ có vẻ sống trong một trạng thái nghèo khổ, cô đơn nhưng họ thường là những đạo đồ huyền môn của các đền thờ và tinh thông về phương thuật như những bạn đồng môn khác sống một cuộc đời đầy đủ, sung túc hơn.

LINH VẬT VÀ LINH PHÙ

Người Chaldée mà Cicéron liệt vào hàng những nhà phương sĩ cổ xưa nhất thế giới, đặt nền tảng của mọi tác động phương thuật trong những quyền năng ẩn tàng của linh hồn con người và sự phân biệt những đặc tính bí nhiệm trong loài cây cỏ, khoáng chất và cầm thú. Nhờ đó, họ có thể thực hiện những sự việc nhiệm mầu. Đối với họ, phương thuật vốn đồng nghĩa với tôn giáo và khoa học.

Nói về những linh vật hộ phù (talisman), có người sẽ không hiểu tại sao một đồ hình kỳ hà vẽ trên một mảnh giấy, một vật thể bằng chất kim loại hay bằng chất nào khác lại có thể chứa đựng một năng lực bí ẩn có công dụng nhiệm mầu. Hãy đặt một thỏi sắt vào một khối đá nam châm, nó sẽ trở nên thấm nhuần từ khí và đến lượt nó, lại có thể ban phát từ khí ấy cho những mảnh sắt vụn khác. Nó không nặng hơn, cũng không có hình dáng khác hơn trước. Tuy vậy, một trong những tiềm lực tế vi nhất của thiên nhiên đã thấm nhuần vào chất liệu của thỏi sắt ấy. Một linh vật hộ phù cũng thế. Nó có thể là một mảnh sắt vô giá trị, một mảnh giấy vụn hay một vật thể bằng một thứ chất liệu nào đó nhưng đã được thấm nhuần bởi ảnh hưởng của một mãnh lực to lớn hơn cả mọi thứ từ lực là **ý chí con người**. Mãnh lực này sẽ tác động hữu ích hay tai hại với một hiệu năng thật sự cũng giống như đặc tính bí nhiệm mà một thỏi sắt được thấm nhuần bởi sự va chạm với một khối nam châm.

Hãy cho một con chó săn ngửi một mảnh y phục của một tội phạm đang lẩn trốn đã từng mặc, và nó sẽ theo dõi y xuyên qua những vùng rừng bụi và đầm lầy để đến tận nơi sào huyệt của y. Hãy đưa cho một người có khả năng linh thị một bản thảo bút tự, bất luận cổ xưa đến đâu, rồi y sẽ diễn tả cho bạn nghe tính tình của người viết và có lẽ đến diện mạo và hình dáng bên ngoài của người này. Bạn hãy đưa cho một người có linh thị khác nữa một

nhúm tóc hay một món đồ vật dụng quen thuộc của một người mà bạn muốn truy tìm tung tích, rồi nhà linh thị sẽ thần giao cách cảm với người này một cách chặt chẽ đến mức có thể nhìn thấu suốt trọn cuộc đời của y.

Đạo gia Psellus nói: “Phương thuật gồm một thành phần kiến thức linh diệu nhất của các hàng giáo phẩm thời xưa. Nó là một khoa học sâu tầm những bí mật của thiên nhiên bao gồm tất cả những khả năng bí nhiệm và đặc tính của mọi loài, khoáng vật, cây cỏ và thú cầm. Nói tóm lại, nó thám hiểm, thăm dò cái tinh hoa và tiềm năng của mọi vật, rồi từ đó mới tạo nên các hiện tượng diệu huyền. Bởi đó, mới có việc truyền từ điển vào các pho tượng và các vật thể khác để làm những linh vật hộ phù (talisman). Những hình tượng và linh vật này đều có thể trở nên những khí cụ ban phát sức khỏe hay bệnh tật, hạnh phúc hay tai họa, tùy nơi ý đồ tốt hay xấu, chánh hay tà của người sử dụng.

Do những sự phát hiện gần đây về khoa điện học của Galvani, người ta có thể dùng một luồng điện khí để làm co duỗi, cử động những cái đùi của một con cóc chết và làm cho một người chết, bằng những nét co dãn, xiêu vẹo trên gương mặt, biểu lộ những hình thái xúc cảm rất khác biệt nhau, từ vui mừng đến giận dữ, thất vọng, kinh sợ, buồn rầu, vv... Cũng trên nguyên tắc đó, theo truyền thuyết của những bậc đạo gia thời cổ đáng tin cậy nhất, các nhà thuật sĩ, phương sĩ thời xưa đã thực hiện những điều còn nhiệm mầu hơn nữa là làm cho những pho tượng đồng hoặc tượng bằng gỗ đá cử động, cười nói và toát mồ hôi. Trong hiện tượng này, họ có bí quyết sử dụng lửa tiên thiên, tức là điện khí rút từ chất tinh quang của vũ trụ. Do đó, nói mà không sợ mang tiếng mê tín dị đoan, nếu những hình tượng được chuẩn bị theo một phương pháp đúng đắn, chúng sẽ tiếp nhận khả năng ban phát sức khỏe hay truyền nhiễm bệnh tật bằng sự sờ mó đụng chạm, và có tác dụng giống như một bình chứa điện.

Với những thí dụ quen thuộc như trên về khả năng chuyển tiếp một luồng khí lực tế vi từ một người này sang một người khác hay sang qua những vật thể mà y sờ mó đụng chạm thì ắt sẽ không khó mà hiểu rằng, do một sự tập trung ý chí nhất định, một vật thể vô tri bất động sẽ có thể trở nên thấm nhuần một quyền năng phù trì hay tác hại tùy theo ý đồ của người sử dụng.

Ở Ấn Độ và vài xứ ở vùng Trung Phi, các nhà phù thủy để cho những du khách bắn súng trường hay súng lục vào mình họ. Một du khách Anh đến viếng bộ lạc Soulimas ở châu Phi có diễn tả một trường hợp dị kỳ. Một toán lính canh dùng súng trường bắn vào mình một người tù trưởng bốn xứ, người này không có gì để tự vệ khác hơn là những linh vật hộ phù. Một người tù binh Y pha Nho bị đem ra xử bắn ở Juliers nhưng không chết. Sau cùng, toán quân xử giảo lột hết áo quần của y xem có mặc giáp không thì chỉ thấy một lá bùa. Khi lá bùa đã bị tịch thu, người tù binh liền ngã xuống chết sau loạt súng đầu tiên.

Tính chất bất khả xâm phạm đó có thể được truyền đạt cho một số người do các đạo sư còn sống và những vị thần linh. Mọi người đều biết câu chuyện người tù trưởng bộ lạc quân Da Đỏ ở Mỹ Châu đã thú nhận với tướng Washington rằng trong trận Braddock, y đã bắn 17 phát súng trường mà tầm bắn rất ngắn, nhắm vào Ông tướng này mà Ông này vẫn bình yên, không sao cả. Thật vậy, nhiều vị tướng soái tài ba đã được quân sĩ của họ tin là có thần hộ mạng che chở phù trì khỏi mọi tai nạn bất trắc ở ngoài trận địa.

BÙA ẾM CÁ MẬP

Trong quyển du ký của ông, Marco Polo có diễn tả công tác mò ngọc trai ở Tích Lan. Ông nói rằng: “Hồi thời đó, những người buôn ngọc trai phải muốn những nhà phù thủy khoán bùa ếm cá mập để cho chúng đừng làm hại những người thợ lặn mò ngọc trai sâu dưới đáy biển với một số thù lao bằng một phần hai mươi (1/20)

tổng số lợi tức thâu hoạch được. Những nhà phù thủy này chỉ ếm bùa có tác dụng trong ngày mà thôi vì đến giờ ban đêm, bùa phép được giải hết hiệu lực, chừng đó, cá mập có thể tự do vẫy vùng tác hại tùy sở thích. Những nhà phù thủy này cũng biết cách thuần hóa các loài thú dữ và mọi sinh vật khác “.

Dịch giả bộ truyện Du Ký là đại tá Yule có giải thích như sau: “Truyện ký của Marco Polo về ngành mò ngọc trai vẫn còn đúng... Trong những hầm mỏ kim cương ở Ấn Độ, những vị pháp sư Bà la Môn được giao phó công việc sử dụng phù phép để vồ về, mua chuộc những thần linh trong vùng. Cách đây không lâu, người ếm cá mập được trả tiền thù lao do chính phủ Anh đài thọ, và ngoài ra, còn được trả thêm mười con sò tính trên mỗi chiếc thuyền vớt ngọc trai mỗi ngày trong thời gian công tác. Học giả Tennant trong chuyến du hành sang Tích Lan nhận thấy rằng người trưởng ban phù chú ếm đối này lại là một tín đồ Gia Tô, nhưng điều này dường như không ảnh hưởng gì đến việc thừa hành chức vụ của y. Điều đáng kể là không có nhiều hơn một tai nạn vì cá mập đã xảy ra trong suốt thời gian chiếm đóng của người Anh trên đảo “.

Đoạn trên đây có ghi nhận hai điều:

♦ Chính phủ Anh trả một số tiền thù lao cho những nhà phù thủy hành nghề ếm cá mập; và

♦ Chỉ có một người thiệt mạng do bị cá mập ăn trong thời gian ký hợp đồng. (Còn phải xét lại xem việc xảy ra tai nạn này có phải là trách nhiệm của nhà phù thủy có đạo Gia Tô hay không ?) Những kẻ hoài nghi có thể nói rằng việc trả tiền thù lao đó chỉ là một sự nhân nhượng đối với lòng mê tín của dân bốn xứ, nhưng còn cá mập thì sao ? Hay là chúng cũng được trả lương do quỹ công tác đặc nhiệm của chính phủ ? Những người đã từng viếng Tích Lan đều biết rằng vùng bờ biển mò ngọc trai có đầy những cá mập thuộc loại hung dữ nhất và đi tắm ở tại đây cũng rất nguy hiểm, đừng nói chi lặn sâu xuống đáy biển để vớt sò.

BÍ MẬT CỦA SỰ SỐNG

Chúng tôi nghĩ rằng hiểu theo một khía cạnh, nhà hóa học hiện đại cũng không kém thần thông biến hóa hơn nhà thuật sĩ hay phương sĩ cổ xưa, trừ ra điều này là nhà phương sĩ biết rõ tính chất lưỡng cực song đôi của thiên nhiên nên y có một lĩnh vực sâu tầm và thực nghiệm rộng lớn hơn gấp đôi của nhà hóa học. Nhà thuật sĩ cổ xưa có thể làm cho những pho tượng cử động và các đạo gia cổ Ai cập có thể làm cho xuất hiện từ những nguyên tố ngũ hành, những hình thể các hỏa tinh, thổ tinh, thủy tinh và không tinh vv... Những loại tinh linh này, họ không tự hào là có quyền năng sáng tạo mà chỉ làm cho ta nhìn thấy bằng cách mở rộng cửa thiên nhiên để cho, dưới những điều kiện thuận lợi, chúng có thể xuất hiện.

Nhà hóa học kết hợp hai nguyên chất chứa đựng trong không khí và bằng cách phát khởi một tiềm lực thu hút giữa khinh khí và dưỡng khí, bèn tạo nên một vật thể mới là nước. Trong những giọt nước sinh ra bởi sự phối hợp của hai chất hơi, có những mầm giống của sự sống hữu cơ, và giữa những nguyên tử kết hợp, có tiềm ẩn nhiệt lực, điện khí và ánh sáng, cũng như trong thân thể con người. Vậy sự sống đó từ đâu đến để xuất hiện trong giọt nước vừa mới sinh ra do sự phối hợp của hai chất hơi ? Khoa học chỉ trả lời rằng 'đó là một vấn đề mà người ta chỉ có thể suy luận nhưng không biết gì cả'.

Các nhà khoa học xưa nay đã từng suy gẫm, biện luận và tự hỏi: vậy chớ cái sinh lực hay sự sống đó là gì ? Chúng tôi nghĩ rằng chỉ có 'giáo lý bí truyền' của huyền môn mới có thể đưa ra sự giải đáp. Giáo sư Joseph Le Conte nói: "Tính chất khác biệt giữa một cơ thể sống và một cơ thể chết là như thế nào ? Chúng ta không thể phát hiện được điều gì cả dù trên phương diện vật lý hay hóa học. Tất cả những năng lực vật chất và hóa chất rút ra từ kho dự trữ chung của thiên nhiên và thể hiện trong một cơ thể sinh vật sống dường như vẫn còn thể hiện trong cơ thể sinh vật chết cho đến khi

nó từ từ rút lui và qui hồi trở về kho năng lực của thiên nhiên do sự hư hoại của cơ thể. Tuy nhiên, vẫn có một sự khác biệt vô cùng lớn lao không thể tưởng tượng nổi. Tính chất của sự khác biệt đó ra sao ? **Cái** đã đi mất đó là gì, và nó đi đâu ? Đó là một điều mà khoa học chưa có thể hiểu. Tuy vậy, sự mất mát đó chính là điều xảy ra trong sự chết và trước khi có sự hư hoại, tan rã của thể xác, trên ý nghĩa cao nhất, nó là sinh lực !

Khoa học nhận thấy khó mà hiểu được sự sống là gì, không thể giải thích tính chất của nó, thậm chí cũng không thể đưa ra một giả thuyết hợp lý, nhưng điều bí hiểm này không phải là khó giải thích, không những đối với những bậc đạo gia chân chính, những nhà huyền học và những nhà linh thị mà cũng đối với những người tin tưởng thật sự và chắc chắn nơi một thế giới tâm linh. Đối với những người này, tuy họ không được diễm phúc có một cơ thể đặc biệt với một thần kinh tinh vi, bén nhạy như của nhà linh thị để có thể nhận thức vũ trụ hữu hình phản chiếu trong vũ trụ vô hình như trong tấm kiếng, nhưng họ cũng còn có được **đức tin** nơi thiêng liêng. Đức tin này vốn ăn sâu trong những giác quan thần bí, nội tạng của họ; với linh năng trực giác bén nhạy, họ cảm giác được rằng họ không thể bị nó phỉnh lừa. Cứ để cho những điều lầm lạc do người đời đặt ra và những chủ thuyết thần học tương phản đối nghịch nhau; hãy để cho những lý thuyết, những tín ngưỡng nọ kia tranh giành thế lực và sát phạt lẫn nhau; chân lý bao giờ cũng vẫn là một và không có một tôn giáo nào, dù Gia Tô hay ngoại đạo mà không được xây dựng chắc chắn trên cái nền tảng kiên cố của muôn đời là Thượng Đế và tinh thần thiêng liêng bất diệt.

THUYẾT VẬN ĐỘNG TRƯỜNG KỲ

Khoa học phủ nhận thuyết vận động trường kỳ như một điều giả tưởng. Truyền thuyết của cổ nhân về thuốc Kim Đơn và việc có những người nhờ thuốc ấy mà trở nên trường sinh và kéo dài sự

sống trong một thời gian rất lâu bị khoa học cho là một điều vô lý, dị đoan. Và truyền thuyết về việc nấu thép luyện kim, biến chất kim loại thành vàng cũng chỉ gây nên sự chế diễu, khinh thường trong thế kỷ hiện tại.

Điều thứ nhất, về sự vận chuyển trường kỳ, khoa học tuyên bố đó là việc không thể có trên địa hạt vật lý, chẳng khác nào như việc 'dở hổng một vật lên khỏi mặt đất mà không có sự động chạm', theo lời của nhà thiên văn học Babinet. Điều thứ hai, thuốc kim đơn trường sinh bị coi như sản phẩm của một bộ óc điên loạn. Và điều thứ ba, phép luyện kim là một điều vô lý trên phương diện hóa học.

Chính vũ trụ là một thí dụ chứng minh sự tác động của định luật vận chuyển trường kỳ và thuyết nguyên tử cũng căn cứ trên đó. Ống kính thiên văn quan sát không gian và kính hiển vi thăm dò những bí mật của thế giới thu nhỏ trong một giọt nước đều cho thấy tác động của định luật ấy. Khi một người đã hiểu rõ định luật vận chuyển trường kỳ, y sẽ có thể hiểu tất cả những bí mật của thiên nhiên.

KIM ĐƠN THẦN DƯỢC

Điều này cũng áp dụng đối với thuốc trường sinh. Đó là nói về sự kéo dài sự sống của thể xác, còn linh hồn đương nhiên là bất tử do sự phối hợp với tinh thần thiêng liêng bất diệt. Nhưng trường sinh hay trường kỳ không có nghĩa là vô tận. Các nhà huyền học không hề cho rằng sự vận chuyển trường kỳ bất tận hay một đời sống trường sinh bất tử là những điều có thể thực hiện được. Đạo lý cổ truyền dạy rằng chỉ có Đệ Nhất Nguyên Nhân và những phóng phát trực tiếp của nó, những điểm Chơn Thần của chúng ta là bất diệt và trường tồn mà thôi. (Những điểm Chơn Thần này là những Tiểu Ngã, xuất phát từ khối Đại Ngã trường tồn bất diệt và sẽ nhập vào Đại Ngã vào lúc tận cùng của thời gian). Nhưng, nhờ có sự hiểu biết về những mãnh lực ẩn tàng huyền bí của thiên

nhiên chưa được khoa học duy vật biết rõ, họ quả quyết rằng đời sống con người và sự vận chuyển cơ khí có thể kéo dài trong một thời gian vô hạn định. Ông De La Loubère, trong tập ký sự viết về phong tục tín ngưỡng của người Xiêm La nói rằng:

“Người Trung hoa có tiếng là khôn ngoan, minh triết. Từ trên ba bốn nghìn năm nay, họ đã từng tin tưởng và tìm kiếm thuốc tiên đơn mà họ tin rằng uống vào sẽ được trường sinh bất tử. Họ căn cứ trên những truyền thuyết về một số ít những bậc dị nhân có bí thuật luyện kim đơn và đã sống lâu trải qua nhiều thế hệ. Có vài bằng chứng được xác nhận rõ rệt trong giới người Trung Hoa, người Xiêm và vài dân tộc Đông phương về những nhân vật đặc biệt đã từng sở đắc được cái bí quyết trở nên trường sinh bất tử. Truyền thuyết có nêu ra danh tánh của những người đặc biệt ấy đã thoát ly ra khỏi thế tục để sống cuộc đời ẩn dật thanh nhàn và cũng có tường thuật những sự việc nhiệm mầu huyền diệu mà họ đã làm.

Descartes, nhà bác học và triết gia Pháp, ở giữa thế hệ văn minh hiện đại, cũng tin tưởng chắc chắn rằng thuốc kim đơn đã được tìm thấy và nếu ông ta sở hữu được loại thần dược ấy thì ông ta có thể sống ít nữa là năm trăm năm. Nếu Descartes có thể nói như vậy thì tại sao người Đông phương lại không thể có sự tin tưởng giống như thế ? Những vấn đề trọng đại về sự sống và sự chết vẫn chưa được các nhà sinh vật học Âu Tây giải đáp thỏa đáng. Dẫu cho sự ngủ cũng là một hiện tượng mà các nhà bác học vẫn còn chưa giải thích được nguyên nhân và có rất nhiều ý kiến chia rẽ, cách biệt nhau rất xa. Như vậy, làm sao họ dám tự tiện đặt giới hạn cho những gì có thể làm được và những gì không thể có ?

KHOA LUYỆN KIM

Giáo sư Wilder nói: “Sự khảo cứu khoa luyện kim được phổ biến rộng rãi hơn là nhiều tác giả viết về khoa ấy được biết, và

luôn luôn phụ thuộc, nếu không là đồng nghĩa, với những khoa học huyền bí như phương thuật, thông thần và chiêm tinh... “

Khoa Luyện Kim có một truyền thống rất cổ xưa. W. Godwin nói rằng: “Sử liệu chính thức đầu tiên về vấn đề này là một bản cáo văn của Hoàng Đế La Mã Dioclétien, độ 300 năm trước CN, truyền lệnh sưu tầm, lục soát khắp xứ Ai cập để tịch thu và thiêu hủy tất cả những cổ thư viết về bí thuật vàng và bạc. Bản cáo văn này đương nhiên cho thấy rằng người Ai cập đã từng thực hành khoa luyện kim trong một thời kỳ rất cổ xưa. Dĩ sử cũng đã ghi chép danh sách Salomon, Pythagore và Hermès trong số những bậc đạo gia ưu tú đã thực hành khoa ấy.”

Thuật biến chất kim khí thành vàng phải chăng là một điều quá ư vô lý để có thể được chú trọng trong thế hệ khoa học của chúng ta hiện nay ? Như vậy, người ta sẽ nghĩ sao về những giai thoại lịch sử nói về những người đã từng thật sự chế tạo ra vàng và những người chứng minh rằng họ đã nhìn thấy việc ấy tận mắt ? Nhiều nhà phương sĩ, thuật sĩ, đạo gia trong giới huyền học, thông thần, nhiều nhà luyện kim thời trung cổ và triết gia của phái Hermès đều chứng minh sự kiện ấy. Phải chăng tất cả những vị ấy, vốn nổi tiếng là những bậc đạo sư cao khiết và những nhà học giả uyên thâm, đều là những kẻ hàm hồ, vu khống và loạn trí ? Francesco Picus, trong tác phẩm *De Auro*, có nêu ra 18 trường hợp Ông đã chứng kiến tận mắt việc biến chế vàng bằng phương pháp nhân tạo. Nhà phương sĩ Thomas Vaughan đem bán cho một người thợ bạc một số vàng trị giá 1.200 đồng Đức kim (Mark), nhưng khi người thợ bạc tỏ vẻ nghi ngờ và nói rằng vàng ấy quá tinh khiết thì Ông bỏ chạy, quên luôn cả số vàng.

Tiến sĩ Peisse ở Paris, hồi năm 1865 có viết như sau:

“Nói về khoa luyện kim, chúng ta nên nghĩ sao về bí thuật này của huyền môn Ai cập ? Có phải chăng là một điều hợp pháp mà tin rằng chúng ta có thể biến chế kim loại để tạo ra vàng ?...

Vài nhà khoa học đã cho rằng những chất kim khí không phải là những vật thể đơn thuần và bởi đó, có thể chế tạo bằng phương pháp phân tích... Điều này khích lệ tôi tiến thêm một bước nữa và thành thật mà thú nhận rằng tôi sẽ không ngạc nhiên lắm nếu có người chế ra vàng. Tôi chỉ có thể đưa ra một lý do thôi, như thế có lẽ cũng đủ, đó là, vàng không phải luôn luôn vẫn có sẵn mà nó được cấu tạo nên bởi một phương thức bí nhiệm nào đó từ trong lòng đất; có lẽ một số vàng cũng đang được hình thành ngay trong lúc này. Cái gọi là những nguyên tố đơn thuần trong hóa học của chúng ta có lẽ chỉ là những sản phẩm chế biến ở đợt nhì, trong diễn trình cấu tạo lớp vỏ của Trái Đất. Điều đó đã được chứng minh với chất nước là một trong những nguyên tố quan trọng nhất của khoa vật lý cổ xưa. Ngày nay, chúng ta làm được chất nước. Vậy tại sao chúng ta không thể làm được vàng ?

“Một nhà thí nghiệm khoa học ưu tú là ông Desprez đã chế tạo ra kim cương. Thật ra, đó chỉ là kim cương nhân tạo, làm bằng phương pháp bào chế, nó không có giá trị gì cả, nhưng không sao, lập trường của tôi vẫn đứng vững. Ngoài ra, chúng ta không phải chỉ có phỏng đoán mơ hồ. Hóa học gia Tiffereau, trong một văn kiện gởi cho các cơ quan khoa học năm 1853 có nhấn mạnh hàng chữ này: 'Tôi đã tìm ra phương pháp chế biến vàng nhân tạo, tôi đã làm ra được vàng'“. (Y học và Y sĩ, q. I, trang 59, 283)

Giám mục De Rohan, nạn nhân vụ âm mưu lấy trộm vòng kiềng nạm kim cương của Hoàng Hậu nước Pháp cũng có khai rằng Ông đã chứng kiến việc bá tước Cagliostro chế tạo vàng và kim cương. Sử gia Lucian nói rằng triết gia Démocrite không tin nơi phép lạ... Ông ta tìm cách phát hiện những phương pháp mà những nhà thuật sĩ thông thần cổ xưa đã dùng để tạo ra những hiện tượng. Nói tóm lại, triết học của ông đã đưa ông đến kết luận rằng phương thuật chỉ gồm có việc áp dụng và thi hành những định luật và tác động của thiên nhiên.

Thời xưa, khi mà các nhà tiên tri và các bậc đạo gia, pháp sư, phương sĩ không bị coi như những kẻ giả mạo, bịp đời, vẫn có những môn phái hay trường học được sáng lập để truyền dạy các môn tiên tri, chiêm tinh và khoa học huyền bí nói chung. Sự học hỏi khoa Luyện Kim được phổ biến đại đồng vì đó là một khoa học gồm cả hai phương diện thể chất và tâm linh. Không lạ gì cổ nhân, vốn khảo cứu thiên nhiên dưới hai khía cạnh song đôi nên đã thực hiện được những thành tích lạ lùng mà các nhà vật lý học hiện đại vẫn còn ngỡ ngàng xa lạ và không biết gì cả.

NHỮNG BÍ MẬT CỦA SA MẠC

Truyền thống cổ xưa cho biết rằng có những kho tàng khổng lồ của chủng tộc Incas thời tiền sử hãy còn chôn dấu dưới những đường hầm bí mật đục trong các hang núi của xứ Pérou kể từ thời đại châu Atlantide bị chôn vùi dưới đáy biển. Những kho tàng do tiến sĩ Schliemann đào xới ở Mycene đã khêu gợi lòng tham lam của dân chúng và những kẻ phiêu lưu mạo hiểm đã quay mặt nhìn về những địa điểm mà người ta cho là có chôn dấu kho tàng của cải của các dân tộc cổ xưa.

Ngoài ra xứ Pérou, không có nơi nào mà có nhiều truyền thuyết về kho tàng báu vật như chung quanh vùng sa mạc Gobi. Ở Trung bộ Á châu (Tartarie), gần địa phận xứ Mông Cổ, đồng cát hoang vu rộng lớn đó ngày xưa đã từng là một trong những đế quốc giàu sang văn minh nhất thế giới. Truyền thuyết cho rằng chôn sâu dưới lớp cát chuyển động trước cơn gió bão gầm thét quanh năm là những kho tàng báu vật như vàng, ngọc, trân châu và những đồ khí dụng, mỹ nghệ vô cùng quý giá, cùng tất cả những gì tiêu biểu cho nền văn minh cao cả, huy hoàng mà không một kinh đô nào của thế giới hiện kim có thể so sánh.

Đồng cát Gobi luôn luôn chuyển động từ đông sang tây trước những cơn gió lớn thổi thường xuyên không dứt. Thỉnh thoảng, có vài kho tàng bị gió bão làm bật lên nhưng không một người

thổ dân nào dám động chạm đến vì toàn thể vùng này chịu ảnh hưởng của một phù phép ếm đối có tác dụng mạnh mẽ phi thường. Kẻ nào động lòng tham lấy trộm báu vật sẽ bị chết ngay tức khắc. Một loại thổ tinh hình thù gớm ghiếc nhưng rất trung thành có nhiệm vụ canh gác, giữ gìn những kho tàng báu vật của dân tộc tiền sử cổ xưa này, đợi đến khi một chu kỳ mới sẽ bắt đầu và thời giờ đã điểm để cho lịch sử của họ lại được tiết lộ cho nhân loại.

Vùng sa mạc Gobi, trọn vùng Trung Á và Tây Tạng đều được phòng vệ cẩn mật chống sự đột nhập của người nước ngoài. Những người được phép đi qua vùng này được sự bảo trợ đặc biệt của những viên chức thừa hành lệnh trên và tuyệt đối không được chuyển giao tin tức gì về người và địa vật, địa hình trong xứ cho thế giới bên ngoài. Trong tương lai, không sớm thì muộn sẽ có ngày đồng cát của sa mạc sẽ phơi bày những bí mật của nó đã bị chôn dấu từ bao nhiêu thế hệ, và chừng đó, nó sẽ dành cho chúng ta nhiều chuyện lý thú bất ngờ.

Marco Polo, nhà du lịch mạo hiểm của thế kỷ 13 nói rằng: “Dân tộc Pashai gồm có những nhà phù thủy rất cao tay ấ”. Đại tá Yule, dịch giả quyển Du Ký của Marco Polo nói thêm: “Vùng Pashai hay Udyana là quê hương của Padma Sambhava, một trong những vị tổ sư của Phật Giáo Tây Tạng và là một bậc đại pháp sư lão luyện về khoa phù chú, phương thuật. Người Tây Tạng coi vùng này như một địa hạt cổ điển của khoa phù thủy và bùa môn tả đạo”.

Thời xưa cũng giống như thời nay, không có gì thay đổi trên lãnh vực thực hành khoa phương thuật, trừ ra việc này là với thời gian, nó càng trở nên ẩn dấu bí mật và thâm sâu hơn, và sự dè dặt của các pháp sư, thuật sĩ càng tăng tùy theo tỷ lệ sự tò mò của du khách.

KÝ SỰ CỦA HUYỀN TRANG

Pháp sư Huyền Trang có nói về dân vùng này như sau: “Dân chúng vùng này hiểu học nhưng không chuyên cần. **Khoa Phương thuật đối với họ đã trở nên một nghề nghiệp sinh nhai thông thường** “. Chúng tôi không phản đối vị pháp sư Trung Hoa khả kính về điểm này và sẵn sàng chấp nhận rằng hồi thế kỷ thứ 7, có một số người hành nghề phương thuật để kiếm ăn, cũng như thời bây giờ, có một hạng người cũng làm như vậy, nhưng chắc chắn rằng đó không phải là những bậc đạo gia chân chính. Một bậc thánh tăng đầy đức hạnh và can đảm như pháp sư Huyền Trang, đã từng mạo hiểm, suýt chết cả trăm lần trong chuyến hành hương đầy gian lao khổ nhọc sang Tây Trúc (Ấn Độ) thỉnh kinh chắc hẳn không bao giờ có dịp tố cáo những sư sãi chân tu biểu diễn pháp thuật thần thông cho du khách xem để kiếm tiền. Hẳn Ông cũng nhớ lời Phật dạy khi Ngài trả lời vua Prasenjit yêu cầu Ngài trở phép thần thông. Ngài nói: “Này Đại vương, Như Lai không có truyền pháp cho đệ tử, nói rằng: Hỡi các Tỳ Kheo, các người hãy đi, và trước mắt những người Bà La Môn và các người gia trưởng, với những quyền năng siêu nhiên của mình, các người hãy trở những phép mầu huyền diệu hơn tất cả những gì mà người khác có thể làm. Như Lai chỉ nói khi thuyết pháp với họ: Hỡi các Tỳ Kheo, các người hãy dấu kín những công nghiệp tốt và hãy phô trương những tội lỗi của mình.”

Những du khách của mọi thế hệ đã từng đến viếng các vùng Trung Á và Tây Tạng đều có ghi chép trong những truyện ký sự những cuộc biểu diễn phép thuật thần thông mà họ đã từng chứng kiến ở tại xứ này. Duhalde có kể lại, trong số những phép thuật phù thủy của họ, việc niệm chú hô thần để làm cho hình bóng của Đức Lão Tử và những vị Thánh thần khác xuất hiện trên không trung và làm cho một cây bút viết tự động để trả lời những câu hỏi mà không ai đụng chạm tới.

Việc niệm chú hô thần nói trên là thuộc về những nghi thức tế lễ huyền bí trong các đền thờ, nếu đem thực hành vì những mục đích khác, hay vì mục tiêu làm tiền thì việc ấy bị coi như thuật chiêu hồn, thuộc khoa phù thủy, hắc thuật và bị tuyệt đối ngăn cấm. Còn phép thuật làm cho một cây bút tự động viết mà không có bàn tay người cầm đến đã từng được biết và thực hành ở Trung Hoa và ở các nước khác từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên. Đó là những điều sơ đẳng của ngành phương thuật ở các nước ấy.

Trong cuộc hành trình sang Tây Trúc, pháp sư Huyền Trang đã trải qua một kinh nghiệm huyền diệu phi thường là được cái điểm phúc nhìn thấy hình ảnh Đức Phật hiện trong động đá ở Peshawar (thuộc vùng tây bắc Ấn Độ). Khi Ông muốn chiêm ngưỡng hình ảnh Phật hiện, Ông không có nhờ đến những tay 'pháp sư chuyên nghiệp' mà chỉ vận dụng cái quyền năng tâm linh của chính mình, tức sức mạnh của đức tin, sự cầu nguyện và nhập thiền. Tục truyền rằng động đá này là nơi mà phép lạ ấy đã từng xảy ra trước đây. Bên trong động tối om khi Huyền Trang bước vào và bắt đầu cầu nguyện. Ông đánh lễ một trăm lần nhưng vẫn không nghe thấy gì. Khi đó, nghĩ rằng mình quá tội lỗi, Ông bèn khóc nức nở và lấy làm thất vọng. Khi ông đã sắp sửa tuyệt vọng, ông nhìn thấy trên vách phía Đông có một ánh sáng yếu ớt nhưng liên biến mất. Ông bèn tiếp tục cầu nguyện, lần này tràn đầy hy vọng, và Ông lại nhìn thấy ánh sáng xuất hiện như chớp rồi lại biến mất. Sau đó, Ông bèn thốt lên một lời nguyện nghiêm trọng: Ông sẽ không rời khỏi động đá cho đến khi nào Ông đã có được cái ân sủng nhìn thấy và chiêm ngưỡng hình bóng của Đức Thế Tôn. Lần này, Ông phải đợi lâu hơn vì Ông phải cầu nguyện đến 200 lần, kể đó, động đá thành linh tràn ngập ánh sáng và hình ảnh Đức Phật sáng chói hiện ra một cách hùng vĩ trên vách đá, cũng ví như trên nền trời đầy mây đen bao phủ thỉnh thoảng vệt ra để lộ vầng Thái dương lộng lẫy huy hoàng. Một vầng hào quang rực rỡ chói lòa chung quanh kim thân Đức Phật. Pháp sư Huyền Trang đã

đắm chìm trong sự chiêm ngưỡng và trong niềm hoan lạc vô biên và đôi mắt ông không lúc nào rời khỏi hình ảnh của đối tượng thiêng liêng ở trước mặt. Trong bộ Tây Du Ký của ông, pháp sư Huyền Trang nói thêm rằng chỉ khi nào hành giả cầu nguyện với một đức tin chân thành, và nếu y nhận được một ấn tượng tiềm ẩn từ cõi trên ban xuống, y mới nhìn thấy cái hình bóng Phật hiện một cách rõ ràng, nhưng y sẽ không thể thưởng thức cái linh cảm đó được lâu.

KÝ SỰ CỦA MARCO POLO

Vùng Trung bộ Á châu gồm cả Trung Hoa, Mông Cổ, Tây Tạng và các xứ Phiên quốc, xưa nay vẫn gồm có nhiều bậc triết gia, đạo gia lỗi lạc và nhiều đạo sĩ, pháp sư tinh thông khoa phương thuật. Học giả J. Schmidt nói rằng các dân tộc vùng Trung Á tin tưởng rằng quả địa cầu và bầu không khí chung quanh đều có đầy những chủng loại vô hình, gây ảnh hưởng tốt cũng như xấu đối với sự sống của muôn loài trong thiên nhiên... Nhất là những vùng sa mạc và những nơi hoang vu hẻo lánh không người ở hay những vùng mà nơi đó, những ảnh hưởng của thiên nhiên tác động trên một quy mô vĩ đại và kinh khiếp, đều được coi như những sào huyệt cư trú hay những nơi tụ họp của những loại ma quái và vong linh bất hảo đủ mọi loại. Bởi vậy, những vùng đồng cỏ hoang vu ở Trung Á và nhất là vùng sa mạc Gobi rộng lớn bao la xưa nay vẫn được coi như sào huyệt trú ẩn của các loài yêu tinh ma quỷ.

Trong quyển du ký của Ông, Marco Polo có nhiều lần đề cập đến những tinh linh bất hảo của sa mạc. Những truyện ký lạ lùng của Ông đã bị hoàn toàn bác bỏ trong nhiều thế kỷ, nhất là thế kỷ vừa qua. Không ai có thể tin khi Ông nói rằng Ông đã nhiều lần chứng kiến tận mắt những sự việc nhiệm mầu của phương thuật được biểu diễn bởi những đạo sĩ Trung Hoa dưới thời Hốt Tất Liệt và những pháp sư, thuật sĩ của những nước khác. Trong những giờ hấp hối trên giường bệnh, Marco Polo bị Giáo Hội bắt buộc phải

rút lại những gì mà họ cho là những điều bịa đặt 'láo khoét' của Ông nhưng Ông long trọng thề nguyện chứng minh sự thật của những điều Ông đã viết và còn nói thêm rằng Ông nói chưa tới một nửa những gì mà thật sự Ông đã nhìn thấy. Ngày nay, không còn ai nghi ngờ về việc Ông đã nói sự thật, kể từ khi xuất hiện bản dịch của đại tá Yule. Công chúng đặc biệt tri ân Ông này đã đưa ra nhiều bằng chứng của những tác giả có uy tín xác nhận truyện ký của Marco Polo. Ông đã giải thích vài hiện tượng theo lối thông thường và chứng minh rằng nhà phiêu lưu nổi tiếng của thành Venise không những là một tác giả viết rất chính xác mà còn quan sát các sự việc một cách vô cùng rành rọt và tỉ mỉ.

Diễn tả cuộc hành trình xuyên qua vùng sa mạc Lop-Nor, Marco Polo nói: "Khi người lữ hành di chuyển ban đêm, họ sẽ nghe tiếng ma nói chuyện. Đôi khi, những giọng ma này gọi ngay tên của họ... dẫu lúc ban ngày, người ta cũng nghe tiếng ma nói chuyện. Và đôi khi, người ta cũng nghe có tiếng đàn nhạc của nhiều loại nhạc khí khác nhau, và thông thường nhất là tiếng trống ". Dịch giả quyển Du Ký của Marco Polo có chú thích những lời của sử gia Trung Hoa Matwan Lin cũng xác nhận những sự việc ấy. Sử gia này nói: "Trong những chuyến du hành qua vùng sa mạc hoang vu đó, người ta nghe những âm thanh lạ lùng, khi thì nghe tiếng ca hát, khi thì nghe có tiếng khóc than nào nùng ai oán. Có những trường hợp thường xảy ra khi người lữ hành tò mò đi về phía những âm thanh đó để xem cho biết hư thực ra sao đã bị lạc hướng và mất tích, không còn tìm ra được nữa vì đó là những âm thanh và giọng nói của ma quỷ và yêu tinh ". (Visdelon, tr. 130)

Những loại yêu ma đó không phải chỉ đặc biệt xuất hiện ở vùng sa mạc Gobi, tuy rằng vùng ấy dường như là nơi mà chúng thích bén mảng đến nhiều nhất. Chúng cũng thường xuất hiện ở những nơi khác có tính chất ghê rợn, hoang vu hẻo lánh tương tự như đồng cát Gobi. Sử gia Plinie nói về những bóng ma xuất hiện và biến mất trong những vùng sa mạc châu Phi. Aethicus có thuật

những chuyện kể lại về những giọng ca hát và vui đùa trong sa mạc. Masudi cũng có thuật chuyện ma hiện hình trước những du khách đi trong sa mạc vào những giờ ban đêm và chuyện Apollonius đi cùng với những bạn đồng hành trong một vùng sa mạc gần sông Indus dưới một đêm trăng, đã thấy một bóng ma xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau... Họ lên tiếng xua đuổi, nguyên rửa và bóng ma ấy bèn bỏ đi sau khi đã thốt lên những tiếng kêu ghê rợn chát chúa. Ibn Batuta có thuật một chuyện tương tự xảy ra trong sa mạc Sahara: “Nếu người lữ hành đi cô đơn một mình, những loài yêu ma sẽ xuất hiện dưới những hình thức hấp dẫn để đùa giỡn với y và cám dỗ y, để rồi sau cùng y bị lạc hướng và mất tích “.

Người ta sẽ nghĩ sao về những câu chuyện đàm thoại giữa vài người du khách với những thực thể tâm linh hay chủng loại vô hình trong sa mạc với những câu hỏi và trả lời bằng những âm thanh và giọng nói rõ ràng ? Những vong linh đó đôi khi cũng xuất hiện dưới những hình thức cụ thể trước mặt toàn thể những đoàn người di chuyển bằng lạc đà. Nếu có hàng triệu người đã tin nơi sự hiện hình của các vong linh trong những thể vật chất có thể nhìn thấy được, đằng sau một 'đồng tử' trong một buổi hầu đàn thì tại sao người ta không thể tin nơi sự xuất hiện của những tinh linh trong sa mạc ?

NHỮNG HÌNH TƯỢNG SỐNG ĐỘNG

Các đạo gia Proclus và Porphyre cho biết rằng những vật thể bất động vô tri, chẳng hạn như những hình tượng các vị thần trong các tôn giáo có thể được làm cho cử động và tạm thời biểu lộ một sự sống giả tạo trong một vài lúc. Cái phương tiện duy nhất mà các đạo gia minh triết thời cổ dùng để giảng dạy quần chúng là cho họ thấy những kết quả cụ thể, trực tiếp của những giáo lý huyền môn đã được tiết lộ. Đó là để khắc ghi một ấn tượng sâu xa trên những giác quan hãy còn thô thiển, non kém của họ về sự Toàn Năng của

Ý chí Sáng Tạo hay Đệ Nhất Nguyên Nhân (được quan niệm như Đấng Tối Cao hay Thượng Đế). Nói cách khác, đó là sự chứng minh cho thấy tác động của quyền năng thiêng liêng có thể làm vận chuyển vật chất vô tri, sự truyền đạt cho nó một linh hồn do tiềm năng ý chí của con người, vốn là một tiểu vũ trụ, một hình ảnh thu hẹp của Đấng Tạo Hóa toàn năng.

Đạo sư Hermès dạy đệ tử Asclepius: “Hỡi đệ tử, con hãy biết rằng cũng như Thượng Đế là đấng sáng tạo ra các thần minh trên trời thì con người là thợ khéo sáng tạo nên những vị thần cư ngụ trong các đền thờ, họ lấy làm thích thú mà gần gũi với người trần gian. Trung thành với nguồn gốc và bản chất của mình, nhân loại kiên nhẫn cố gắng bắt chước những quyền năng thiêng liêng, và nếu đấng Tạo Hóa toàn năng tạo nên những thần minh trường cửu theo hình ảnh của Ngài thì con người cũng tạo nên các vị thần theo hình ảnh của họ “.

- Bạch Tôn Sư, phải chăng Ngài nói về những hình tượng các vị thần ?

- Đúng vậy, hỡi Asclepius, và mặc dù con nghi hoặc, lòng không tin tưởng, con há chẳng nhận thấy rằng những hình tượng đó được phú cho một lý trí, được sinh động bởi một linh hồn và có thể thực hiện được những sự việc tối nhiệm mầu. Làm sao chúng ta có thể phủ nhận những bằng chứng khi thấy rằng những tượng thần đó có khả năng nói trước việc tương lai khi họ bắt buộc phải nói tiên tri dưới mãnh lực phù phép của phương thuật, chẳng khác như những nhà linh thị ?... Thật là một phép mầu linh diệu hơn tất cả những phép mầu mà con người có thể phát minh và sáng tạo ra các vị thần linh... Thật ra, đức tin của tổ tiên chúng ta đã bị sai lạc, và trong sự tự kiêu, họ đã hiểu sai lầm về tinh hoa thật sự của các vị thần... nhưng dù sao, họ cũng đã tự mình tìm ra cái bí thuật đó. Không có quyền năng sáng tạo nên linh hồn và tinh thần, họ kêu gọi linh hồn của chư thiên, thánh thần để truyền vào những hình

tượng đã được thánh hóa; như thế, họ mời chư vị chủ tọa và chứng kiến những cuộc lễ Điểm đạo Huyền môn bằng cách chuyển đạt cho các hình tượng cái khả năng làm điều lành cũng như điều ác...

“

Không phải chỉ hồi thời cổ xưa mới có đầy dẫy những bằng chứng về việc những hình tượng các vị thần thánh thoảng đã biểu lộ trí khôn và khả năng cử động, di chuyển. Ngay trong thế kỷ 19, chúng ta đã thấy báo chí tường thuật những chuyến đi hoang của pho tượng Đức Thánh mẫu ở Lourdes. Tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đã nhiều lần rời khỏi Thánh đường của giáo khu Lộ Đức để đi dạo chơi trong khu rừng gần bên. Người giữ Nhà thờ đã nhiều lần phải chạy đi tìm để rước tượng Đức Mẹ về (Hãy đọc báo chí phát hành trong mùa hạ và mùa thu năm 1876). Sau đó, mới bắt đầu xảy ra một loạt những 'phép lạ' chữa bệnh, nói tiên tri, thơ từ trên không trung rơi xuống và nhiều nữa, vv... Những phép lạ này được hàng triệu tín đồ Gia Tô đương nhiên chấp nhận, trong số đó có nhiều người ở trong thành phần các giới thông minh và trí thức.

Như vậy, tại sao người ta không thể tin nơi những sự việc tương tự đã xảy ra trong lịch sử do một sử gia có uy tín và rất được mến chuộng nhất thuật lại như Tite Live chẳng hạn ? Một người lính trong đạo quân La Mã, sau khi chinh phục thành phố Veii, đến chiêm bái đền thờ nữ thần Junon và hỏi:

'Hỡi nữ thần, Ngài có bằng lòng rời khỏi thành này để đổi qua ngôi đền khác ở La Mã làm nơi cư trú chăng ? '

Pho tượng Nữ Thần Junon gật đầu tỏ vẻ bằng lòng và đáp: 'Được, ta chịu'. Sử gia ấy còn cho biết thêm rằng khi pho tượng khổng lồ được khiêng đi, dường như nó tức khắc 'mất cả sức nặng vô biên' của nó và có vẻ như trợ lực cho họ di chuyển một cách dễ dàng (Tite Live, số I, cap VII)

Học giả Des Mousseaux có nêu ra một số trường hợp về những phép lạ tương tự trong giới Gia Tô cũng như ngoại giáo. Ông

đưa ra một bản kê khai những pho tượng di chuyển của các vị Thánh Gia Tô và Đức Mẹ đã mất trọng lượng và đi đứng như mọi người; cùng với những bằng chứng hiển nhiên không thể chối cãi của những trường hợp tương tự trong các tôn giáo khác do những tác giả cổ điển ghi chép lại.

Chúng ta biết rằng từ những thời đại cổ xưa nhất, đã từng có một khoa học bí nhiệm và rất lợi hại, dạy phương pháp truyền vào những hình tượng các thần minh một sinh khí và trí lực tạm thời. Những pho tượng vật chất vô tri trở nên sống động dưới sức mạnh ý chí của vị đạo trưởng hay pháp sư. Lửa Tiên Thiên mà huyền thoại Hy Lạp nói rằng do Prométhée đánh cắp ở trên trời rơi xuống đất, đã từng lan tràn khắp nơi ở các cõi hạ giới và cô đọng trong những luồng sóng dĩ thái vũ trụ thành chất tiên thiên khí hay Akasha của huyền học Ấn Độ. Con người hấp thụ chất sinh khí ấy và thẩm nhuận tất cả cơ thể với mỗi hơi thở hít vào. Cơ thể chúng ta chứa đầy sinh khí ấy ngay từ lúc mới sinh ra. Nhưng nó chỉ trở nên một tiềm lực hữu hiệu dưới tác động của Ý chí và Tinh thần.

Nếu để tự nhiên, luồng sinh khí đó sẽ tác động mù quáng theo định luật thiên nhiên, và tùy theo trường hợp, hoặc nó sẽ đem lại sức khỏe và sinh lực dồi dào hay chỉ gây ra sự chết chóc và tan rã. Nhưng, đặt dưới sự điều khiển bằng ý chí của vị pháp sư, thuật sĩ, nó sẽ tuân theo mệnh lệnh của y; những triều lưu khí lực ấy sẽ lập lại sự thăng bằng trong những cơ thể, bồi dưỡng chất sinh khí bị tiêu hao và tạo nên những hiện tượng nhiệm mầu về thể chất và tâm linh mà các nhà truyền nhân điện đều biết rõ. Nếu được truyền vào những vật thể vô cơ, những luồng sinh khí đó sẽ tạo nên sự sống tạm thời và do đó làm cử động, vận chuyển.

Nếu sự sống đó còn thiếu một trí khôn, một cá thể riêng biệt thì vị pháp sư hay hành giả phải phóng xuất thể cảm dục của mình đến để làm cho nó sinh động; hoặc là sử dụng quyền năng đối với giới tinh linh ngũ hành để bắt buộc một tinh linh truyền sự sống

của nó vào pho tượng bằng đá, gỗ hay bằng kim loại; hoặc nữa là nhờ đến sự trợ giúp của những vong linh người chết. Tuy nhiên, loại sau cùng này, (trừ ra loại vong linh sa đọa, bất hảo) sẽ không chịu truyền sinh khí, tinh hoa của họ vào những vật thể vô tri bất động đó. Họ để cho những loại vong linh sa đọa, thấp kém làm cái công việc đó và chỉ phóng ảnh hưởng của họ đến, xuyên qua những cõi giới trung gian, cũng giống như một tia ánh sáng thiêng liêng khi hiện tượng ấy tỏ ra là cần thiết để dùng vào một mục đích tốt lành. Điều kiện tất yếu (và điều này là một định luật trong cõi giới tâm linh) là một ý đồ trong sạch, sự tinh khiết của bầu không khí từ điển chung quanh và sự tinh khiết bản thân của người hành giả.

Những 'phép lạ' về pho tượng Thánh Mẫu ở Lourdes (nếu quả thật đúng như đã kể lại) chứng tỏ rằng bí thuật ấy không phải đã hoàn toàn mất. Nếu không phải là có một nhà phương sĩ nào ẩn dấu và ngụy trang dưới lớp áo tu sĩ nhà dòng thì pho tượng Đức Mẹ hần là được di chuyển bởi chính những mãnh lực làm xoay bàn trong những buổi đàn cơ. Tính chất của những 'trí lực thông minh' đó như thế nào, chúng thuộc về những chủng loại vô hình như vong linh người chết, vong linh bất hảo hay tinh linh ngũ hành, điều đó tùy thuộc nơi nhiều điều kiện khác nhau. Chính những chủng loại vô hình này đã làm những trò đùa, diễu cợt với pho tượng của Đức Nữ Vương Thánh Mẫu.

Tóm lược tất cả những gì đã trình bày trên đây, chúng ta thấy rằng trải qua thời gian, vẫn có một niềm tin tưởng đại đồng khắp cả mọi nơi trên thế giới về phương thuật, kể từ những thời đại cổ xưa nhất cho đến ngày nay. Chúng tôi đã trình bày những tư tưởng của Hermès trong cuộc đối thoại với Asclepius và không kể đến một nghìn lẻ một bằng chứng về quy mô rộng lớn tràn ngập của niềm tin tưởng đó trong những thế kỷ đầu của kỷ nguyên Tây lịch. Để thực hiện mục đích của mình,

chúng tôi chỉ cần trích dẫn những lời của một đạo gia cổ xưa và một tác giả cận đại.

Nhiều ngàn năm sau thời đại của giáo chủ Hermès, đạo sư Porphyre đã nói về thái độ hoài nghi của thế hệ ông như sau: “Chúng ta không ngạc nhiên nếu đám quần chúng dốt nát chỉ nhìn thấy có đá và gỗ trong các hình tượng. Chẳng khác nào như người dốt chữ đọc trên bia đá có khắc mặt tự cũng chỉ nhìn thấy có đá mà thôi, hoặc lật sách ra cũng không nhìn thấy gì khác hơn là một mớ lá buông và giấy chỉ thảo “.

Và 1.500 năm sau, nhà bác học Sargeant Cox đứng ra bênh vực một đồng tử trong một vụ kiện bởi một nhà duy vật, nói như sau: “Dù người đồng tử có tội hay vô tội... chắc chắn vụ kiện này đã có cái hậu quả bất ngờ là làm cho toàn thể công chúng chú ý đến sự kiện rằng những hiện tượng **được coi như đã có xảy ra** và được một số lớn những giới điều tra hữu trách **tuyên bố là có thật**. Về điều này, mỗi người đều có thể tự mình đứng ra kiểm chứng lại để biết rõ sự thật nếu họ muốn, và bằng cách đó, để vĩnh viễn quét sạch những chủ thuyết hắc ám và phi nhân cách của những nhà duy vật “.

Ngoài ra, cũng đồng quan niệm với Porphyre và các nhà thông thái cổ xưa, khi họ xác nhận những tính chất khác nhau của những 'vong linh' biểu lộ và tinh thần hay ý chí của con người, ông Sargeant Cox nói thêm: “Thật vậy, vẫn có những sự bất đồng quan niệm, bây giờ cũng như bao giờ, về nguồn gốc xuất xứ của những năng lực biểu diễn trong những hiện tượng thần linh. Tuy nhiên, dù rằng đó là do bởi sức mạnh tâm linh của vòng cử tọa, hay là những vong linh người chết, theo quan niệm của một số người; hoặc là do những tinh linh ngũ hành, theo dư luận của một số người khác nữa; ít nhất sự kiện này đã được xác định, đó là: con người không phải hoàn toàn là thể chất; cơ cấu thể chất của y được vận động và điều khiển bởi một thực thể tinh anh, không những có trí khôn mà còn có thể tác động như một sức mạnh trên cõi vật

chất. Cái đó, vì thiếu một danh từ chính xác hơn, chúng tôi gọi là 'linh hồn'.

Những tin tức khả quan đó, do bởi vụ kiện này, đã được chuyển đến hàng nghìn hàng muôn người, những người mà hạnh phúc trong hiện tại và hy vọng về một cuộc đời sau, đã bị những chủ thuyết duy vật làm cho cần cỗi, khô héo. Những nhà duy vật này vẫn luôn luôn chủ trương rằng linh hồn chỉ là một mê tín dị đoan, con người chỉ là một cái máy tự động vô ý thức, trí não chỉ là một sự tiết hạch, sự sống hiện tại chỉ là một sinh hoạt động vật, và tương lai... là một cái trống không, hư vô."

Đạo gia Pimander nói: "Chỉ có chân lý là trường cửu, bất biến. Chân lý ở vào hàng đầu tất cả mọi ân huệ, nhưng nó không có và không thể có trên mặt đất. Đôi khi Thượng Đế có thể ban cho một vài người có khả năng thấu hiểu những sự việc thiêng liêng cùng với khả năng hiểu biết chân lý, nhưng không có gì là thật ở trên mặt đất, bởi vì ở đó, tất cả đều là vật chất, khoắc bên ngoài một hình thể nặng trĩu luôn luôn biến dịch, dời đổi, hư hoại và tự tán vô thường. Con người không phải là thật, vì chỉ có vật gì không dời đổi, biến dịch, không hề hư hoại mà luôn luôn vẫn giữ nguyên vẹn cái tinh hoa, chân tướng của nó mới là thật mà thôi.

Một vật luôn luôn biến đổi đến mức không còn ai nhận ra làm sao có thể là thật được ? Như vậy, sự thật chỉ là một cái gì vô thể chất và không bị giam hãm trong một lớp vỏ xác thể, một cái gì không màu sắc và không hình dáng, không dời đổi biến dịch, một cái gì thường cửu, hằng thường. Tất cả những gì hữu hoại, hữu diệt đều là hư giả; những sự vật trần gian chỉ là những ảo ảnh, ảo giác, những hình bóng của sự thật.

Sự chết, đối với vài người, là một tai họa khủng khiếp. Điều đó là vô minh... Chết chỉ là sự tiêu diệt của thể xác, còn thực thể ở bên trong cái xác đó **không chết mất đi đâu...** Cái thể xác vật chất mất đi cái hình hài của nó và sẽ tan rã theo thời gian; những khí

lực làm sinh động cái thể xác ấy trở về nguyên bản, còn **tinh thần** thăng lên cõi trời để trở nên một yếu tố **ĐIỀU HÒA**.

Cái tinh thần con người thanh lọc bằng cách đó do bởi những ảnh hưởng điều hòa của cõi Thượng giới, một lần nữa lại trở về trạng thái nguyên thủy sơ khai của y, dũng mãnh, tinh tấn, tự lực tự cường do bởi một quyền năng mà y đã tự hoạch đắc được, và từ nay là quyền sở hữu của y. Chỉ khi đó, y mới bắt đầu hòa hợp với những đấng hát khúc thánh ca thường xuyên chúc tụng Đấng Từ Phụ. Từ nay, y được liệt vào hàng những quyền năng và trên cương vị đó, y đã đạt tới cái điểm phúc tối cao của sự hiểu biết, giác ngộ, thông suốt. Y đã trở thành một Đấng Thần Tiên bất tử.”



CHƯƠNG MƯỜI

DI SẢN CỦA TIỀN NHÂN



Các nhà huyền học của mọi thời đại đều có sự tin tưởng chắc chắn căn cứ trên 70 nghìn năm kinh nghiệm rằng, trải qua thời gian, và do tội lỗi của loài người mà vật chất đã trở nên trọng trược hơn so với lúc con người vừa được hình thành vào thuở ban sơ. Họ tin rằng hồi thuở sơ khai, thể xác con người vốn có tính chất thanh nhẹ như dĩ thái, và trước khi bị đọa lạc, loài người đã từng tự do giao cảm trực tiếp với các thế giới vô hình. Nhưng kể từ khi đó, vật chất đã trở nên bức rào ngăn cách kiên cố giữa loài người và thế giới thần linh.

Những truyền thống cổ xưa nhất của hầu hết mọi dân tộc đều tin tưởng rằng thuở xưa kia đã từng có một giống người tiến bộ tâm linh hơn rất xa nhân loại chúng ta ngày nay. Trong pho sách Popol Vuh, một tài liệu bút tự rất cổ của vùng Trung Mỹ, giống người đầu tiên được diễn tả như một giống người biết lý luận, biện thuyết, có tầm nhãn quan vô giới hạn và có linh năng thấu rõ mọi sự. Theo Philo Judaeus, bầu không khí tràn đầy những thần linh thuộc các cấp đẳng, trong số đó có hạng thần tiên bất tử, cũng có hạng bất hảo và hữu diệt. Từ những thời đại xa xưa nhất, những triết hệ tôn giáo đều dạy rằng toàn thể vũ trụ tràn đầy những cấp đẳng thần tiên và nhân vật tâm linh thuộc đủ mọi chủng loại. Từ

một trong những chủng loại này, trải qua thời gian, mới xuất hiện ra Adam, con người sơ khai.

Huyền thoại của thổ dân Kalmuck và vài bộ lạc của Tây Bá Lợi Á cũng có diễn tả những chu kỳ sáng tạo cổ xưa hơn là của nhân loại chúng ta ngày nay. Họ nói rằng con người thời ấy sở đắc những kiến thức hầu như vô giới hạn, khôn ngoan, sáng suốt vô cùng. Về sau, họ đâm ra tự tôn, ngã mạn và thậm chí dám hăm dọa nổi loạn chống lại vị Chuông giáo của họ. Để trừng phạt sự xấc láo và phạm thượng đó, vị này mới giam hãm họ trong những xác phàm và khép kín những giác quan của họ. Họ chỉ có thể thoát ly ra khỏi những xác phàm này bằng sự ăn năn sám hối, tinh luyện và phát triển tâm linh. Những thổ dân ấy cho rằng những đạo sĩ Shamans của họ đôi khi cũng có những quyền năng thiêng liêng mà nhân loại sơ khai vẫn từng có từ thời nguyên thủy.

QUÁ TRÌNH CỦA NHÂN LOẠI

Những khám phá của khoa học cận đại không tương phản với những truyền thống cổ xưa nhất nói rằng nhân loại đã từng có một dĩ vãng xa xôi không thể tưởng tượng được. Khoa địa chất học trước đây vẫn cho rằng quá khứ của con người chỉ có thể truy nguyên đến thời đệ tam kỳ (période tertiaire), gần đây đã tìm thấy những bằng chứng không thể phủ nhận rằng loài người đã từng sống trước thời kỳ băng giá cuối cùng của Âu Châu, tức là trên 250.000 năm nay ! Đó là một thách thức mới cho khoa thần học nhưng lại là một sự kiện đã được chấp nhận đối với các đạo gia thời cổ.

Hơn nữa, những đồ khí cụ bị chôn vùi được đào lên cùng một lượt với những bộ xương người chỉ rằng vào những thời đại xa xưa đó, con người đã từng biết săn thú và biết cách nhóm lửa. Nhưng người ta chưa tiến thêm được bước nào trong việc tìm kiếm nguồn gốc của loài người; khoa học đành ngừng bước tại đây và đợi chờ tìm thêm những bằng chứng khác. Bất hạnh thay, khoa nhân

chủng học và tâm lý học không có được một nhân tài lỗi lạc như Cuvier; các nhà địa chất và khảo cổ cũng không thể dùng những dữ kiện rời rạc đã khám phá được để kết hợp lại thành bộ xương toàn vẹn của con người với ba thành phần: thể chất, trí tuệ và tâm linh.

Khoa địa chất càng đào sâu vào lòng đất, những đồ khí cụ tìm thấy lại càng có vẻ thô kệch, cổ lỗ hơn, làm cho khoa học thấy đó dường như là một bằng chứng chỉ rằng khi người ta càng truy nguyên đến tận nguồn gốc của loài người thì loài người lại càng man rợ và gần giống hơn với loài thú. Đó là một lý luận dị kỳ ! Những di tích tìm được trong các hang động xứ Devon há lại không chứng minh rằng hồi đó có những chủng tộc văn minh sao? Khi nhân loại thời nay đã biến mất khỏi mặt quả địa cầu, và nhà khảo cổ của một giống người hậu sinh trong những thế hệ tương lai đào xới lên những đồ khí dụng hằng ngày của một bộ lạc dã man ở Ấn Độ hay ở quần đảo Andaman chẳng hạn, y sẽ có lý chẳng nếu y kết luận rằng nhân loại của thế kỷ 20 chỉ vừa mới thoát ra khỏi thời đại Khoáng Thạch ?

Cũng như nhà bác học Tyndall, lúc nào cũng sẵn sàng chê bai các triết gia thời cổ, những nhà địa chất học dường như càng ngày càng có khuynh hướng chấp nhận rằng tất cả những giống người cổ xưa đều cùng ở trong tình trạng dã man. Nhưng không phải tất cả những nhà bác học lỗi lạc nhất đều đồng ý với quan điểm ấy. Max Muller chẳng hạn, nói rằng: “Có nhiều điều vẫn còn là bí hiểm đối với chúng ta, và những loại ngôn ngữ bí mật của thời cổ xưa chỉ ghi lại có một nửa những ý nghĩ vô thức của trí lực con người. Tuy thế, hình ảnh con người, dù ta gặp họ ở địa phương nào và dưới khí hậu nào, mỗi lúc càng hiện rõ trước mắt chúng ta, cao quý và tinh khiết ngay từ thuở ban sơ. Chỉ đến những lỗi lầm của họ, chúng ta còn phải tìm hiểu, những ước mơ của họ, chúng ta mới bắt đầu phân tích, diễn đạt. Truy nguyên về dĩ vãng con người, chỉ đến những giai tầng thấp kém nhất của lịch sử, chúng ta thấy

con người đã từng sở hữu một khả năng trí tuệ lành mạnh thiên phú ngay từ thuở ban đầu. Cái quan niệm cho rằng nhân loại xuất xứ từ một dĩ vãng thô kệch, bạo tàn của loài thú để tiến hóa trở lên lần lần ngày nay không còn đứng vững được nữa.”

Vì có quan niệm cho rằng sưu tầm về những đệ nhất nguyên nhân là một việc làm phản triết học nên các nhà bác học mới chuyên chú vào việc nghiệm xét những hậu quả vật chất của những nguyên nhân đó. Bởi vậy, lĩnh vực sưu tầm khoa học chỉ giới hạn trong cõi thiên nhiên vật chất hữu hình. Một khi đã đạt tới những giới hạn đó thì mọi cuộc nghiên cứu phải ngưng và công việc sưu tầm bắt đầu trở lại. Với tất cả tấm lòng kính mến những nhà thông thái, họ giống như những con chuột bạch bò lên trên những bánh xe xoay vòng vì họ bị bắt buộc phải làm mãi một việc tái diễn không ngừng.

Khoa học là một tiềm năng vĩ đại mà những người nhỏ bé như chúng ta không có tư cách để phê phán. Nhưng các nhà bác học không phải là khoa học biểu hiện, cũng như những người sống trên bầu hành tinh này không phải chính họ là Trái Đất. Chúng ta không có quyền đòi hỏi hay bắt buộc một 'triết gia cận đại' phải đương nhiên chấp nhận sự mô tả địa hình địa vật trên Mặt Trăng mà không đặt nghi vấn hay thử thách. Nhưng nếu do một cơn biến động thiên tai nào đó mà một nhân vật từ trên cung trăng bị hất xuống bầu không khí quả địa cầu và đổ bộ an toàn trước ngưỡng cửa của một nhà bác học thì nhà bác học này sẽ bị kết tội là thiếu sót bốn phần và thiếu lương tâm nghề nghiệp nếu y không nghiên cứu tìm tòi để giải quyết vấn đề một cách thỏa đáng.

Đối với một khoa học gia, bỏ qua một cơ hội nghiên cứu sưu tầm về một hiện tượng mới, dù hiện tượng đó đến với y dưới hình thức một người từ cung trăng rơi xuống hay một hồn ma hiện hình nơi trang trại Eddy, cũng đều là đáng chê trách.

Dù là áp dụng phương pháp của Aristote hay của Platon, công việc sưu tầm nghiên cứu đó phải được xúc tiến, nhưng có một sự kiện hiển nhiên là cả hai loại tính chất nội tâm và ngoại thể của con người đều đã được các triết gia thời cổ biết rõ tường tận. Mặc dù những giả thuyết phiếm diện của các nhà địa chất học, chúng ta đã bắt đầu có được những bằng chứng xuất hiện hầu như mỗi ngày để chứng minh cho lời nói của những triết gia cổ xưa.

Họ chia những khoảng thời gian vô tận của đời sống con người trên địa cầu ra từng chu kỳ, trong mỗi chu kỳ, nhân loại lần lần đạt tới một nền văn minh cao tột và lại lần lần thoái hóa trở về trạng thái dã man.

Trên lịch trình tiến hóa, nhân loại đã nhiều lần đạt tới tột điểm văn minh như thế nào, điều đó có thể nhận thấy qua những di tích kiến trúc huyền diệu cổ xưa mà cổ nhân hãy còn để lại cho đến ngày nay, và qua những tài liệu diễn tả của sử gia Hérodote về những kỳ quan vĩ đại khác nữa mà ngày nay không còn để lại dấu vết. Thậm chí hồi thời đại của Hérodote, những kiến trúc khổng lồ của nhiều Kim Tự Tháp và đền thờ nổi tiếng khắp thế giới cũng chỉ còn là những cảnh hoang tàn. Sụp đổ dưới bàn tay tàn phá của thời gian, những ngôi kiến trúc cổ xưa đó được người 'Cha của Lịch sử' diễn tả như là 'những chứng tích cổ kính của thời đại huy hoàng đã qua của tổ tiên nhân loại'.

Hơn nữa, chúng ta có thể xét đoán nền văn minh cao cả mà nhân loại đã đạt tới trong vài thời kỳ tiền sử xa xăm do những bản ghi chép lịch sử của thời đại các vị vua Ptolémée của xứ cổ Ai Cập, dấu rằng vào thời kỳ đó, những nền mỹ nghệ và khoa học được coi như đã suy tàn và bí quyết của một số mỹ nghệ cổ xưa đã bị mất. Trong những cuộc đào xới khảo cổ gần đây ở dưới chân các Kim Tự Tháp, người ta đã đào lên được những pho tượng và những di tích bảo vật khác, chỉ rằng từ lâu trước thời kỳ những triều đại đầu tiên, người Ai Cập đã đạt tới một nghệ thuật tinh xảo và hoàn bị

khả dĩ làm cho những người mến chuộng nghệ thuật Hy Lạp cũng phải ngạc nhiên và thán phục. Người ta đã tìm thấy, chôn sâu dưới lớp cát phủ của bãi sa mạc những bằng chứng cụ thể về định thuyết chu kỳ của huyền môn Ai Cập như đã giải thích ở trên.

Tiến sĩ Schliemann, nhà học giả ưu tú về nền văn minh Hy Lạp, trong những cuộc khảo cổ của ông gần đây ở vùng Troad, đã tìm thấy những bằng chứng dồi dào phong phú về sự tuần tự biến chuyển tương tự của loài người từ trạng thái dã man đến trình độ văn minh, rồi lại trở lại từ trình độ văn minh đến trạng thái dã man. Vậy tại sao chúng ta lại không nhìn nhận rằng nếu cổ nhân thời tiền sử đã tinh thông lỗi lạc hơn chúng ta rất xa về vài ngành khoa học đến mức trở nên thành thục hoàn toàn về những ngành kỹ thuật quan trọng, ngày nay đã mất đi không còn nữa thì họ cũng có thể vượt trội hơn chúng ta rất xa về những kiến thức trên địa hạt tâm linh ? Một giả thuyết như vậy phải được coi như hợp lý cũng như bất cứ giả thuyết nào khác cho đến khi nào có những bằng chứng trái ngược lại.

Mọi nhà bác học chân chính đều nhìn nhận rằng trên nhiều phương diện, sự hiểu biết của con người ngày nay hãy còn ở trong trạng thái ấu trĩ. Có thể nào chu kỳ của chúng ta chỉ mới bắt đầu trong những thời đại tương đối mới đây chăng ? Theo triết học Chaldée, **những chu kỳ đó không bao gồm tất cả nhân loại đồng thời và cùng một lúc**. Giáo sư Draper xác nhận một phần nào quan điểm này khi ông nói rằng những thời kỳ địa chất mà khoa học áp dụng để phân chia trình độ tiến hóa văn minh của con người không phải là áp dụng đồng đều cùng một lúc cho toàn thể nhân loại nói chung; và ông có đưa ra một thí dụ về trường hợp của những thổ dân du mục ở Mỹ Châu mà trình độ tiến hóa ngày nay chỉ mới vừa thoát ra khỏi thời đại khoáng thạch. Như vậy, các nhà khoa học đã hơn một lần vô tình xác nhận quan niệm của người xưa.

ĐỊNH LUẬT CHU KỲ

Quan niệm của cổ nhân chia lịch sử nhân loại thành từng chu kỳ không phải là không có một căn bản triết học. Dưới đây là một trong những truyền thống cổ xưa nhất về sự tiến hóa của Trái Đất.

Vào lúc cuối cùng của mỗi '**đại niên**', bầu hành tinh của chúng ta phải trải qua một cơn biến cố lớn làm đảo lộn vỏ địa cầu. Những vùng có khí hậu băng giá và nhiệt đới lần lần thay đổi vị trí, những vùng băng giá ở lưỡng cực từ từ di chuyển về đường xích đạo, còn vùng nhiệt đới với những rừng rậm cỏ cây sầm uất và đầy đầy mọi loại sinh vật, thú cầm sẽ thay thế vào những vùng lưỡng cực giá lạnh hoang vu. Sự thay đổi khí hậu này đương nhiên sẽ đi kèm với những biến động, thiên tai, địa chấn và những biến cố khác trong vũ trụ. Vì những vùng đáy biển của các đại dương bị dời đổi, chuyển động nên vào lúc cuối cùng của mỗi chu kỳ một đại niên sẽ diễn ra một cơn ngập lụt vĩ đại trên nửa phần thế giới giống như cơn đại hồng thủy của huyền thoại cổ xưa.

Người Hy Lạp gọi đại niên ấy là Holiacal, nhưng không một người nào ngoài những bậc đạo đồ Huyền môn của những đền thờ cổ biết được một điều gì chắc chắn về thời gian hay những chi tiết khác của một đại niên. Truyền thống dân gian nói rằng vào những mùa hạ và mùa đông của một đại niên, thế giới phải trải qua những cơn thiên tai về nạn lửa và nạn lụt. Đó là điều mà chúng tôi ít nhất đã được biết do những tài liệu thiên văn của Censorinus và Sénèque. Các nhà bình giải đều không biết chắc chắn về thời gian của một đại niên đến nỗi không một ai đã phỏng đoán gần đúng sự thật trừ ra Hérodote nói là 10.800 năm và Linus cho là mỗi đại niên gồm 13.984 năm.

Theo sự tuyên bố của những giáo sĩ thành Ba Tỷ Luân (Babylon) đã được Eupolemus xác nhận, thành Ba Tỷ Luân được sáng lập là do công trình xây dựng của những người được cứu thoát

khỏi cơn tai biến Đại Hồng Thủy. Họ là những người khổng lồ, đã xây dựng nên đài Ba Tỷ Luân nổi tiếng trong lịch sử. Những người khổng lồ này vốn là những nhà chiêm tinh lỗi lạc và được ông cha họ mệnh danh là những 'con của Trời' truyền dạy các bí pháp, đã dạy lại các pháp môn huyền bí cho những vị giáo sĩ và để lại trong những đền thờ tất cả những văn kiện ghi chép cơn biến cố thiên tai định kỳ mà chính họ đã chứng kiến. Chính nhờ vậy mà các vị cao tăng, tư tế các đền thờ cổ được biết về những đại niên. Hơn nữa, khi chúng ta nhớ rằng trong quyển Timeus, Platon có thuật chuyện một vị lão tăng Ai cập phiên trách sử gia Solon không biết gì về sự kiện đã có nhiều cơn ngập lụt vĩ đại xảy ra trong quá khứ giống như cơn đại hồng thủy thời tiền sử, chúng ta có thể định chắc rằng sự tin tưởng đó là một chủ thuyết chung của những vị đại tư tế các tôn giáo trên khắp thế giới.

Cũng như bầu hành tinh của chúng ta xoay vòng mỗi năm chung quanh Mặt Trời và đồng thời cũng xoay một vòng nhỏ trên cái trục của nó mỗi ngày 24 giờ, và như vậy, nó trải qua những chu kỳ trong khuôn khổ một chu kỳ lớn hơn, thì cũng y như thế, công việc của những chu kỳ nhỏ hơn được thực hiện và tái diễn trong phạm vi những đại chu kỳ trên một quy mô rộng lớn hơn trong cơ tiến hóa của vũ trụ.

Theo cổ thuyết, sự biến thiên của thế giới vật chất cũng đi kèm với một sự đảo lộn tương tự trong thế giới tinh thần, sự tiến hóa tâm linh của thế giới cũng diễn ra từng chu kỳ giống như sự tiến hóa thể chất.

Chúng ta thấy trong lịch sử, trào lưu tiến bộ của nhân loại có những thời kỳ thăng trầm diễn ra đều đặn ví như nước lớn nước ròng. Những đại vương quốc và đế quốc của thế giới sau khi đã đạt tới tột đỉnh vinh quang lại bắt đầu xuống dốc trở lại theo sự tác động của cùng một định luật đã đưa chúng đi lên. Sự kiện ấy cứ diễn ra cho đến khi xuống đến điểm thấp nhất, nhân loại mới thức

tỉnh và lại tiến trở lên một lần nữa. Vẫn theo định luật tuần tự tiến hóa lên mãi theo từng chu kỳ, mỗi lần như vậy, điểm cao nhất đạt tới sẽ cao hơn một bậc so với lần trước, tức là cao hơn điểm tột đỉnh mà từ đó họ đã bắt đầu đi xuống.

Tất cả những bậc vĩ nhân trong lịch sử nhân loại như Phật Thích Ca và Chúa Giê Su trong giới tâm linh và A Lịch Sơn cùng Nã Phá Luân đại đế trong giới đế vương chinh phục thế giới chỉ là phản ảnh của những kiểu mẫu người đã từng sống độ 10 nghìn năm về trước trong chu kỳ đại niên trước đây, và đã tái xuất hiện trở lại do bởi những sức mạnh huyền bí điều khiển vận mạng của thế giới. Không có một nhân vật siêu đẳng nào trong lịch sử nhân loại, dù trong giới thiêng liêng hay phàm trần, mà chúng tôi không thể truy ra kiểu mẫu chân tướng trong những truyền thống nửa hư nửa thực của những tôn giáo và thần thoại cổ xưa. Cũng như ngôi sao chiếu lấp lánh cách một khoảng xa xôi tít mù trên đỉnh đầu chúng ta, trên nền trời bao la vô tận tự phản chiếu ánh sáng trên mặt hồ phẳng lặng, thì những kiểu người của những thế hệ tiền sử xa xăm trước cả thời kỳ cơn Đại Hồng Thủy cũng tự phản ảnh trong những thời đại ngày nay mà loài người có thể ghi vào lịch sử.

‘Thiên Địa, Thượng hạ đồng nhất lý’. ‘Cái gì đã có sẽ tái diễn trở lại’.

Thế gian vẫn luôn luôn bội bạc đối với những bậc vĩ nhân. Thành phố Florence xây một tượng đồng cho Galilée nhưng không nhắc nhở gì đến Pythagore. Galilée được nổi tiếng nhờ đã có sẵn một ngọn đuốc soi đường trong những công trình của Copernic, ông này đã bắt buộc phải tranh thủ chống lại chủ thuyết đã được thế giới công nhận của Ptolémée. Nhưng cả Galilée và khoa thiên văn học hiện đại đã không khám phá được vị trí của những hành tinh. Hàng bao nhiêu nghìn thế hệ về trước, điều này đã được truyền dạy bởi các bậc hiền triết ở Trung bộ Á châu và về sau đã được Pythagore thu thập từ Ấn Độ đem về, không phải như một giả

thuyết lý luận suông mà như một khoa học đã được chứng minh. Porphyre có nói: “Khoa Thần số của Pythagore gồm những biểu tượng bằng chữ ảnh tự bí mật mà ông dùng để giải thích **tất cả** những ý niệm liên quan đến tính chất của mọi vật “.

Như vậy, thật sự chỉ có bằng cách quay về thời cổ xưa, chúng ta mới tìm thấy nguồn gốc của mọi vật. Học giả Hargrave Jennings nói về những Kim Tự Tháp Ai cập đã thốt lên những lời lẽ xác đáng như sau: “Vào một thời kỳ mà kiến thức con người đã vọt lên tới tột đỉnh, thời kỳ mà những khả năng của cổ nhân, so với khả năng của chúng ta vào thời đại này, quả thật là siêu việt, phi thường, thì có ai dám cho rằng tất cả những kỳ công bất hủ đó của người cổ Ai cập đã được dựng lên vì một mục đích sai lầm ? Có ai dám cho rằng hàng muôn nghìn phu phen nỗ lực làm việc vất vả ngày đêm trên bờ sông Nil đều là những kẻ đại khờ phí công vô ích ? Rằng tất cả những khoa học, huyền thuật của cổ nhân đều là những trò giả mạo bịp đời, dị đoan mê tín và chỉ có chúng ta đây mới thật là sáng suốt, khôn ngoan ? Không ! Trong những nền tôn giáo cổ ấy, còn có rất nhiều điều mà người thời nay, với sự hiểu biết nông cạn và thành kiến sai lầm, không hề biết được mảy may. Chúng ta không hiểu thời đại cổ xưa...

... “Bởi đó, chúng ta thấy bằng cách nào những pháp môn cổ điển và ngoại giáo có thể được dung hòa, thậm chí cả những chủ thuyết Do Thái và ngoại đạo, thần thoại và Gia Tô có thể hòa hợp với nhau trong một tín ngưỡng chung căn cứ trên nền tảng Phương thuật. Nói lên trong Phương thuật quả thật là một sự kiện khả hữu, ấy là luân lý của bộ sách này “. (‘The Rosicrucians’).

KHÁT VỌNG TÂM LINH

Giữa thế kỷ 19, khi những hiện tượng thần linh đầu tiên xảy ra làm cho thiên hạ thức tỉnh để nhận định sự thật của thế giới vô hình, và khi những hiện tượng đó lần lần lan truyền khắp thế giới,

các nhà thần linh học phải đương đầu với hai thế lực đối tượng là thần học và khoa học.

Nhà truyền giáo Gia Tô đồng dặc tuyên bố rằng: “Có một Chúa Trời hữu ngã, cá biệt và có một Ác quỷ cá biệt. Ai dám nói không có thì đó là người báng bổ tôn giáo và phản đạo !” Nhà duy vật khinh bỉ đáp lại: “Không có Chúa Trời cá biệt mà chỉ có chất xám trong bộ óc con người. Và cũng không có Ác quỷ nào hết. Kẻ nào nói có là... xuẩn ngốc !” Trong khi đó, nhà Huyền học và đạo gia chân chính không ngã theo bên nào mà cứ kiên nhẫn làm việc. Không một người nào tin nơi một Thượng Đế vô lý, thịnh nộ và bất nhất của những kẻ mê tín dị đoan, mà tất cả đều tin có thiện và ác.

Lý trí con người, vốn thuộc về cái phàm ngã hữu hạn, chắc chắn không thể hiểu được cái trí thông tuệ thiêng liêng, một thực thể vô biên và vô cùng. Và theo sự lý luận chặt chẽ thì cái gì vượt khỏi tầm hiểu biết và hoàn toàn ngoài vòng nhận thức của giác quan, cái đó không thể có đối với chúng ta, bởi đó nó vốn không có. Cho đến nay, phàm trí hạn hẹp của con người biểu đồng tình với khoa học và nói: “Không có Thượng Đế”. Nhưng một mặt khác, cái Chơn Ngã của con người, vốn có sự sinh hoạt, suy tưởng và cảm xúc cá biệt, độc lập trong cái xác phàm hữu hoại này, còn làm một cái gì hơn là chỉ **tin** không mà thôi. Nó **biết** rằng có một Thượng Đế trong thiên nhiên vì Đấng Toàn Năng Duy nhất sáng tạo ra muôn loài vốn ngự trong chúng ta, cũng như chúng ta sống trong vòng sinh hóa, chở che của Ngài. Không một tín điều hay khoa học nào có thể hủy diệt sự linh cảm trực giác đó trong con người khi người ta đã hoàn toàn trực nhận được điều đó ngay trong bản thân mình.

Nhân tính cũng giống như Vũ trụ tính, là nó không dung nạp một khoảng trống. Con người vốn có linh cảm trực nhận được sự khát khao một Quyền năng tối thượng. Nếu không có Thượng Đế,

vũ trụ có vẻ như một cái xác không hồn. Vì bị cấm ngăn không được tìm kiếm Thượng Đế ở nơi chốn duy nhất mà những dấu vết của Ngài có thể tìm thấy, con người mới lấp bằng sự trống trải thiếu thốn đó với một Thượng Đế hữu ngã mà các giáo chủ tâm linh của quá khứ đã xây dựng cho họ từ những tàn tích sụp đổ của những huyền thoại và triết hệ cổ xưa. Làm sao giải thích khác hơn hiện tượng các chi phái mới mọc lên như nấm, trong số đó có vài chi phái thật là hoàn toàn vô lý ngoài sức tưởng tượng ? Con người vốn có một sự khát khao nội tại, mãnh liệt phải được thỏa mãn bằng bất cứ giá nào một tôn giáo có thể thay thế khoa thần học độc đoán, không được chứng minh và không thể chứng minh của thế hệ này. Đó là sự khát khao tìm thấy **những bằng chứng về tính cách bất tử của linh hồn**.

Tôn giáo nào có thể đưa ra những bằng chứng đó dưới hình thức những sự kiện khoa học, hãy đứng ra góp phần xây dựng và chùng đó, cái thế lực cố hữu sẽ bắt buộc phải tìm cách củng cố những tín điều của mình bằng những sự kiện tương đương, hay là bị mất đi sự kính nể và tin tưởng của quần chúng. Những nhà thần học đã bắt buộc phải nhìn nhận rằng không có một nguồn gốc xác thật nào do đó con người có thể truy ra một sự hiểu biết chắc chắn về tương lai của linh hồn và cuộc đời sau. Như vậy, làm sao một sự tin tưởng như thế đã có thể đứng vững trải qua hàng bao nhiêu thế hệ nếu trong tất cả những quốc gia, dù văn minh hay man rợ, con người đã không được cho thấy những bằng chứng cụ thể về điều đó ?

Phải chăng chính sự tin tưởng đó là một bằng chứng rằng cả bậc triết gia thông thái và người man rợ ngu dốt đều đã phải nhìn nhận sự chứng minh của những giác quan của họ ? Nếu trong những trường hợp lẻ loi, cái ảo giác về những hồn ma hiện hình có thể gây nên bởi những nguyên nhân thuộc về thể chất thì một mặt khác, trong hàng nghìn trường hợp khác nhau, có sự hiện hình của những vong hồn đã từng đồng loạt giao tiếp, trò chuyện với

nhiều người cùng một lúc, những người này đã đồng loạt nhìn thấy và nghe tiếng nói của các vong linh, người ta không thể nói rằng tất cả những người ấy đều loạn trí.

Những triết gia lớn nhất của Hy Lạp và La Mã đều coi những vấn đề đó như những sự thật đã được chứng minh. Họ phân biệt những vong linh hiện hình ấy bằng những danh từ: vía (mane), hồn (anima) và phách (umbra). Những cái vía (manes) bước qua cõi âm sau khi con người từ trần, hồn (anima) thăng lên cõi trời và phách (umbra) còn vất vưởng trên nấm mồ do bởi sự hấp dẫn của thể xác đối với chất khí trọng trược của nó, làm cho nó không thể vượt lên những cõi giới thanh cao hơn.

Tuy nhiên, tất cả những định nghĩa như trên phải được đặt dưới sự phân tích cẩn thận của triết học. Nhiều triết gia cận đại không nghĩ rằng những sự biến đổi ngôn từ, việc sử dụng những biểu tượng bóng bẩy, ẩn dụ của các đạo gia thời cổ, vốn thường bị bắt buộc giữ kín những điều bí mật của Huyền môn, có thể đã đánh lạc hướng những nhà phiên dịch và nhà bình giải một cách đáng buồn. Những thể văn bí hiểm của các đạo gia thời trung cổ thường bị diễn đạt sát nghĩa từng chữ từng câu và chỉ đến ngôn từ biểu tượng ẩn dấu của Platon cũng thường bị các nhà học giả cận đại hiểu lầm.

Một ngày kia, họ sẽ thức tỉnh hơn và nhận thấy rằng phương pháp lợi ích tối đa đã được áp dụng trong nền triết học cổ xưa cũng như cận đại; rằng tất cả những gì mà con người được phép hiểu biết trên mặt đất đều được gìn giữ an toàn bởi các bậc đạo trưởng tôn nghiêm của các đền thờ cổ.

Họ sẽ biết rằng sự khác biệt giữa các tôn giáo, tín ngưỡng đều chỉ thuộc về hình thức bên ngoài và những bậc thánh nhân nắm giữ kho tàng minh triết thiêng liêng nguyên thủy đã từng giải đáp mọi vấn đề bí hiểm trong phạm vi hiểu biết của tâm trí con người, đều liên kết với nhau bởi một truyền thống đại đồng trên mọi

ngành khoa học và triết học, hợp thành một hệ thống Huyền môn nối liền bằng một sợi dây liên đới chặt chẽ bao trùm thế giới. Khoa ngôn ngữ học và tâm linh học có nhiệm vụ tìm ra manh mối của sợi dây liên kết đó. Xong rồi người ta sẽ biết chắc rằng bằng cách giải tỏa một đầu mối duy nhất của những hệ thống tôn giáo cổ xưa, tất cả những khúc mắc khác của sợi dây bí hiểm đều sẽ bị phá vỡ.

Vì không tìm ra manh mối để giải tỏa mọi thắc mắc khó khăn nên có những trí óc siêu việt và vài nhà học giả ưu tú uyên thâm đã bị đẩy đưa vào con đường thần linh học hiện đại. Đồng thời, cũng vì lẽ đó mà một số những người khác thiếu hẳn trực giác tâm linh đã bị rơi vào con đường duy vật chủ nghĩa, xuất hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau.

Nhưng thiết tưởng không ích gì mà nói nhiều hơn về vấn đề này. Theo dư luận phần đông của những thức giả cận đại, họ cho rằng biến học vô cùng cũng ví như chỉ có một ngày học vấn, lúc bình minh có những triết gia cổ xưa và sự chói rạng lúc giữa trưa là thời buổi của chúng ta ngày nay. Tuy rằng những quan điểm của hàng bao nhiêu triết gia cổ xưa đã bị hiểu lầm và hạ thấp giá trị đối với những học giả cận đại, cơ hồ như thế giới chỉ mới bắt đầu vào năm I Công nguyên, và dường như tất cả mọi kiến thức của loài người chỉ vừa mới xuất hiện trong thời buổi ngày nay, nhưng chúng tôi vẫn không mất niềm hy vọng hay can đảm.

Nay là thời kỳ thuận tiện nhất hơn bất cứ lúc nào để duyệt xét lại những triết học cổ xưa. Các nhà khảo cổ, ngôn ngữ học, thiên văn học, hóa học và vật lý học càng ngày càng tiến gần hơn đến giai đoạn khi họ bắt buộc phải nghiên cứu những kiến thức cổ xưa ấy. Khoa học vật lý đã đạt tới cái giới hạn của mọi sự thám hiểm, khoa thần học độc đoán đã nhận thấy các nguồn cảm hứng của nó đều khô cạn.

Nếu chúng tôi xét không lầm những triệu chứng báo hiệu thì nay đã gần đến lúc mà thế giới sẽ có đủ bằng chứng rằng chỉ có

những nền tôn giáo cổ là phù hợp với thiên nhiên và nền khoa học cổ bao gồm tất cả những gì con người có thể biết được. Những điều bí mật giữ gìn từ lâu sẽ có thể được tiết lộ; những mỹ nghệ cổ xưa đã bị mất đi từ lâu có thể phục sinh trở lại; những tài liệu vô cùng quan trọng khắc trên vỏ cây và giấy chỉ thảo, cùng những bộ sách cổ quý giá đã bị lãng quên từ lâu đời nay có thể lại tái xuất hiện do những người sẽ tình cờ phát hiện được, hoặc gỡ ra từ những xác ướp, hoặc đào xới lên từ những hầm hố đã chôn lấp từ lâu. Những bia đá cổ và những cột trụ đồng khắc những hàng chữ bí mật tiết lộ nhiều điều độc đáo sẽ làm ngạc nhiên sống sót các nhà thần học và khoa học, có thể còn sẽ được đào lên cho hậu thế diễn đạt và sưu tầm.

Có ai biết được những triển vọng của tương lai sẽ ra sao ? Một kỷ nguyên thức tỉnh và tái thiết sắp sửa bắt đầu và có lẽ đã bắt đầu. Vòng chu kỳ hiện tại hầu như đã sắp chấm dứt; một chu kỳ mới đã sắp sửa mở màn và những trang sử tương lai sẽ có thể đưa ra cho hậu thế những bằng chứng toàn vẹn, đầy đủ khác nữa về tác động huyền bí của thiên nhiên trong diễn trình tiến hóa của nhân loại.



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
ĐỊNH NGHĨA DANH TỪ	8
CHƯƠNG MỘT: NHỮNG HIỆN TƯỢNG THẦN LINH	17
<i>Những khám phá của nhà bác học WILLIAM CROOKES</i>	22
<i>Các hiện tượng thật và giả</i>	26
<i>Quan niệm của SCHOPENHAUER</i>	28
<i>Một giả thuyết khoa học</i>	30
<i>Tác dụng của thể cảm dục</i>	35
<i>Trí lực điều khiển</i>	36
<i>Những bằng chứng cụ thể</i>	38
CHƯƠNG HAI: MỘT NĂNG LỰC ĐIỀU HUYỀN	43
<i>Dĩ thái - tinh quang - akasha</i>	46
<i>Luồng khí lực vô hình</i>	50
<i>Brahma và cơ sáng tạo</i>	52
<i>Mãnh lực từ điển</i>	54
CHƯƠNG BA: TỪ KHÍ VÀ NHÂN ĐIỆN	58
<i>Cuộc thí nghiệm của MESMER</i>	62
<i>Trí nhớ của THƯỢNG ĐẾ</i>	65
<i>Ký ức của linh hồn</i>	67
<i>Khả năng linh thị</i>	70
<i>Tương lai của khả năng linh thị</i>	75
CHƯƠNG BỐN: PHƯƠNG THUẬT (MAGIE).....	78
<i>Nền phương thuật AI CẬP</i>	80
<i>Nền phương thuật DO THÁI</i>	82
<i>Nền phương thuật ÁN ĐỘ</i>	84
<i>Ý chí: bí quyết của phương thuật</i>	86
<i>Tác dụng của ý chí</i>	89

Quyền năng của nhà thuật sĩ.....	90
Chủ thuyết của đạo sư PROCLUS.....	95
Phương thuật chỉ là phép áp dụng những định luật tự nhiên.....	97
CHUỖNG NĂM: VẠN VẬT TƯỜNG QUAN.....	102
Thuyết từ khí của KIRCHER.....	105
Sự khác biệt địa phương và chủng tộc.....	108
Vài thuật chữa bệnh nhiễm mầu.....	110
Những hậu quả tai hại.....	114
Thời kỳ cần cố tâm linh.....	116
CHUỖNG SÁU: KHÔNG GIAN HUYỀN BÍ.....	119
Nguyên nhân các chứng dịch truyền nhiễm.....	123
Đặc tính các loại ngọc quý.....	125
Tác động huyền nhiệm của từ lực.....	127
Các chứng loại vô hình.....	129
Tinh linh ngũ hành.....	132
Tác dụng của vài loại tinh linh.....	136
Những vong linh bất hảo.....	137
CHUỖNG BẢY: NHỮNG BÍ MẬT VỀ SỰ CHẾT	140
Hiện tượng ma cà rồng (vampire).....	143
Bao giờ người chết mới thật chết ?.....	149
Làm cho người chết sống lại.....	151
Sự chôn sống và phục sinh của các nhà thuật sĩ ẤN ĐỘ.....	155
CHUỖNG TÁM: HIỆN TƯỢNG ĐỒNG CỐT.....	159
Đồng cốt quàng xiên.....	160
Thử thách các vong linh.....	162
Những vong linh hiện hình.....	165
Sự phân biệt các vong linh.....	170
Những vị pháp sư trung gian.....	173
Hiện tượng chủ thể và khách thể.....	175
Hóa thân của Phật sống TÂY TẠNG.....	180
Một hiện tượng tiên tri.....	181
Những trẻ tiên tri ở CÉVENNES.....	183
Những cơn dịch thác loạn.....	185
CHUỖNG CHÍN: VÀI TÁC DỤNG CỦA PHƯƠNG THUẬT	188

Ác nhõn (con mắt độc).....	189
Chân ngôn, thần chú.....	190
Linh vật và linh phù.....	192
Bùa ếm cá mập.....	194
Bí mật của sự sống.....	196
Thuyết vận động trường kỳ.....	197
Kim đơn thần dược.....	198
Khoa luyện kim.....	199
Những bí mật của sa mạc.....	202
Ký sự của HUYỀN TRANG.....	204
Ký sự của MARCO POLO.....	206
Những hình tượng sống động.....	208
CHƯƠNG MƯỜI: DI SẢN CỦA TIỀN NHÂN.....	216
Quá trình của nhân loại.....	217
Định luật chu kỳ.....	222
Khát vọng tâm linh.....	225
Mục lục	231

